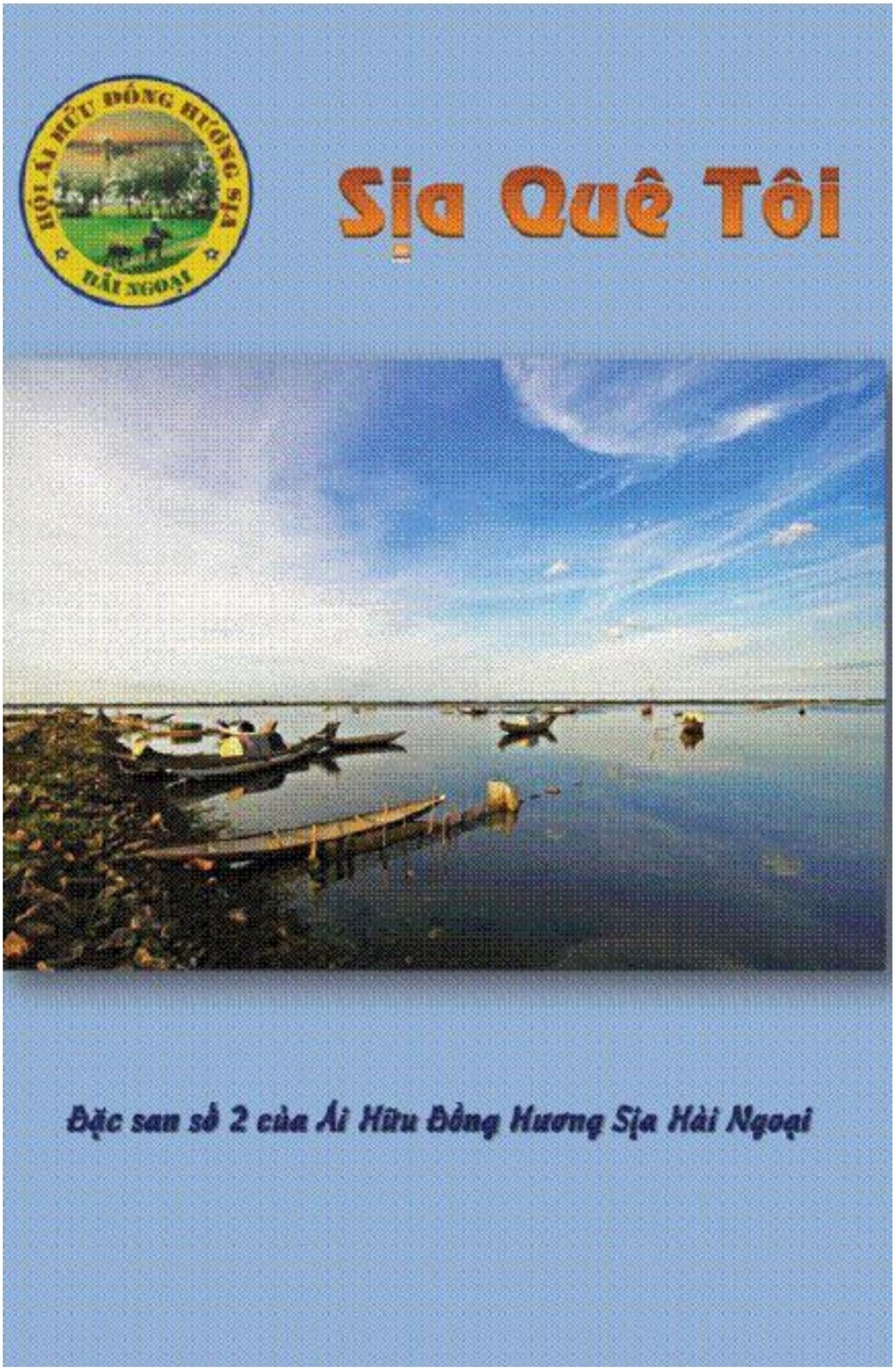

HỘI ÂI HỮU ĐỒNG HƯƠNG SỊA HẢI NGOẠI
Sịa Quê Tôi
Đặc san số 2 của Ái Hữu Đồng Hương Sịa Hải Ngoại

Đặc san *Sịa*, quê tôi 2

Chủ trương:
Bà con đồng hương
Sịadonghuongsia@yahoogroups.com

Chủ nhiệm:
Lê Trực
doanhdoanh220@yahoo.com

Chủ bút:
Lê văn Thẩm
minhquangthamle@yahoo.com

Thư ký:
Nguyễn văn Hội
Hoinguyen41@hotmail.com

Phụ tá thư ký: Ngô Chân
ngochanhue2@gmail.com

Tài chánh và phát hành
Phan Tô
tonyphan91@yahoo.com

Những bài vở đăng trong Đặc san Sịa, quê tôi, là những tâm tình, những kỷ niệm của cá nhân bà con đồng hương Sịa, không nhất thiết hoàn toàn là quan điểm của nhóm chủ trương và do người viết chịu trách nhiệm



Lá thư chủ nhiệm



Kính thưa bà con đồng hương Sịa hải ngoại

Trước hết thay mặt ban điều hành Ái hữu ĐHS hải ngoại tôi trân trọng gởi lời thăm hỏi đến quý bà con ở hải ngoại cũng như bà con ở quê Sịa mình.

Thấm thoát mà đúng 5 năm kể từ ngày thành lập hội Ái hữu ĐHS Hải ngoại 11 tháng 11 năm 2011.

Tôi xin kể sơ qua cái duyên nào đưa đến sự có mặt của hội Ái hữu ĐHS trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại:

Đầu tháng 9 năm 2011 tôi đi dự đại hội kỷ niệm 48 năm ngày tựu trường của khóa 20 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại nam California, hôm đó tôi gặp được người bạn cùng khóa Lê quốc Toản (hồi nhỏ tên Khương ở chợ Sịa), vợ chồng Khương, Gái nhã ý muốn mời một số bà con đồng hương Sịa ăn một bữa cơm thân mật tại nhà hàng Seafood restaurant ((nhà hàng của ông Bửu Lộc), hôm đó nhờ Thẩm và Lệ quy tụ được khoảng 25 người, bà con gặp nhau chào hỏi thật rộn rã, trò chuyện, tâm tình gần 3 tiếng đồng hồ mới chịu chia tay.

Khi về lại nhà ở North Carolina, tôi tự hỏi, ở California tập họp được hơn 20 người, thì cũng có thể tập họp 100 người hay hơn thế nữa, ý tưởng thành lập hội ái hữu ĐHS hải ngoại ra đời từ đó.

Ngày 11 tháng 11 năm 2011 tôi mở diễn đàn ĐHS (DHS Yahoo Group) và tuyên bố thành lập hội ái hữu ĐHS Hải ngoại, đến nay chúng ta đã quy tụ hơn 240 gia đình, sinh hoạt trong tình yêu thương và đoàn kết giúp đỡ nhau . Trong 5 năm qua

chúng tôi đã tổ chức được 2 lần hội ngộ vào tháng 3 năm 2012 và tháng 7 năm 2014, cả 2 lần đều thành công.

Chúng tôi cũng đã tổ chức "Cây mùa xuân "nhằm giúp đỡ một số các gia đình khó khăn ở quê Sịa vào dịp tết Quý Tỵ 2013 và cho xuất bản đặc san "Sịa quê tôi" vào đầu năm 2013.

Thời gian tới chúng tôi cũng đã đồng ý xuất bản đặc san "Sịa quê tôi" số 2 và đặc biệt sẽ tổ chức Hội ngộ ĐHS lần 3 tại thành phố Arlington, TX .

Kính thưa quý bà con, trong thời gian qua chúng tôi không sao tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm, chúng tôi luôn lắng nghe những lời phê bình góp ý của bà con và tâm nguyện rằng phục vụ bà con đồng hương Sịa là một niềm vui và cũng là vinh dự của chúng tôi.

Trân trọng kính chào quý bà con và không quên kính chúc bà con làm ăn phát đạt, sức khỏe dồi dào và mọi điều như ý.

Chủ nhiệm

Lê Trực

Với sự góp mặt của:

* Lê Trực * Con dân Sịa * Bùi Kim Chi *Các Kỳ Tâm*Lê văn Thận *Phan v Minh * Lữ Băng Tâm * Ngô thời Đôn * Nguyễn hữu Chí * Lê Hiến * Lê văn Thẩm * Võ kim Thoa * Lê Khương * Võ đình Tiên * Quang Hà * Châu Tráng lực *Hồ đăng Ấn * Võ Tam Anh * Mây lang Thang * Áo Tím * Nguyên Đạt * Ngô thị Hòe * Nguyễn đình Niên * Ngô thị Nhơn *Lê đình Loan * Võ thị Nhạn * Ngô Chân * Hoàng Khiêu * Lê quang Tế *Trần hà Thanh * Hạ Vy * Thái quang Tăng * Lê văn Thẩm * Nguyễn Đình Quế * Phan Tô * Nguyễn hy Vọng * Ngô Huỳnh * Nguyễn văn Hội * Nguyễn hữu Chí * Bốp * Phan Lữ * Trần Quỳ ***

Hội Ái Hữu Đồng Hương Sịa Hải Ngoại

Ban Điều hành (2014 – 2016)

Trưởng ban: Lê Trực

Phó ban nội vụ: Bành kim Lệ

Phó ban ngoại vụ: Nguyễn hữu Lợi

Thư ký: Ngô Chân

Thủ quỹ: Phan Tô (Tony Phan)

Trưởng ban văn nghệ: Phan mỹ Lệ &Hoàng Khiêu

Uỷ viên nghi lễ và xã hội: Ngô Huỳnh

Ủy viên điều hành Diễn đàn ĐHS :Lê Trực

Uỷ viên phụ trách đặc san: Nguyễn văn Hội

Đại diện ĐHS tại bắc CA: Bùi phước Ty

Đại diện ĐHS tại nam CA+Arizona: Bành kim Lệ

Đại diện ĐHS vùng Washington state và phụ cận: Trần Đờn

Đại diện ĐHS vùng Massachusetts: Nguyễn văn Hội

Đại diện ĐHS vùng Virginia và phụ cận:Thái như Khuê

Đại diện ĐHS vùng Florida và phụ cận: Phan Huề

Đại diện ĐHS vùng Texas: Nguyễn hữu Lợi

Ban Cố Vấn

Ông Lê Thuận (Michigan)

Ông Nguyễn hữu Linh (Texas)

Ông Lê văn Thẩm (California)

Ban Giám Sát

Ông Nguyễn đình Quế (California)

Ông Lê Hiến (California)

Ông Hoàng Vy (California)

Ban điều hành 2014-2016














Ban cố vấn





Ban giám sát






MỜI BẠN

Mời bạn đường xa nơi đất khách.
Ghé Sịa Ca-li một thoáng hè.
Trăng nước nghiêng nghiêng thơ luyến mộng.
Nhạc tình tấu khúc hát muôn phương.
Ngày nay gặp lại đồng hương.
Bà con làng xã vấn vương thân tình.
Ngày mai nắng gọi bình minh.
Trong tim có Sịa có mình có ta.
Cuộc đời dâu biển bao la.
Trong tim có Sịa có ta có mình!

Con dân Sịa

XIN MỜI

Ai ăn bèo, nậm, lọc không ?
Chè đậu xanh đậu ván,
Bánh tráng chè kê … ?
Ai thương nhớ Sịa xin mời về Ca-li !

Con dân Sịa

GÁI SỊA



Tôi đã khóc nức nở khi tình cờ nghe được ca khúc *"Ngày ấy đâu rồi"* trong VCD họp mặt Đồng Hương Sịa lần đầu tiên ở Little Sài Gòn Nam Cali mà tôi đã được xem…

Trời đất ! Làng Sịa - quê ngoại của tôi, nơi mạ tôi đã được sinh ra và lớn lên. Mạ tôi, một thiếu nữ Sịa dịu dàng, đằm thắm, con nhà gia giáo. Rồi sau này khi từ giã thời con gái mạ trở thành một phụ nữ hiền thục, đoan trang, đảm đang. Rất chịu thương chịu khó cùng chồng con vượt qua những giai đoạn khó khăn nhất của cuộc đời làm vợ, làm mẹ. Mạ ơi ! Con thương nhớ mạ - người con gái Sịa của làng Khuông Phò, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế với:

" Những câu chuyện cổ Mẹ kể năm nào…"

Chuyện mạ kể không phải là chuyện cổ tích mà là chuyện "cổ" của mạ ở Sịa… Thời con gái.

Mạ tôi con gái họ Phan, Khuông Phò. Đẹp người, đẹp nết. Người nhỏ nhắn, mắt đen, sâu mũi dọc dừa, da trắng, răng đen nên có duyên. Mạ hiền lành, có chữ nghĩa, con nhà gia giáo nên có nhiều trai Sịa để ý. "Họ để ý mạ rứa thôi chơ mạ không có chi hết". Rứa là, đi học, đi chợ rồi về nhà. Mạ kể. Ông cố tôi người quắc thước, làm quan Chỉ huy sứ dưới triều Nguyễn.

Ông ngoại tôi hiền, đạo đức và rất nghiêm là thầy giáo dạy học tại trường Khuông Phò. Năm 1936 ông ngoại về hưu và mở lớp dạy học tại làng. Ông chú tôi làm quan dưới triều Duy Tân, rồi Khải Định giữ chức Lãnh Binh. Có lẽ do gốc gác gia đình như thế nên mạ tôi được giáo dục kỹ lưỡng và trở thành gái Sịa ngoan hiền đúng nghĩa. Ôi, nàng Phan Thị … của tôi.

Mạ kể. Vườn nhà ngoại đẹp, rộng, cây cối sum suê, nhiều nhất là cau. Chung quanh vườn có tre bao bọc ôm ấp ngôi nhà cỗ

kính ba gian hai chái. Những đêm hè trăng xuống vườn rải đầy hoa. Trong gió đêm, hoa trăng xôn xao nhảy múa khắp vườn. Sân nhà có giếng nước. Nước rất trong. Người trong xóm đều uống nước của giếng nhà ngoại. Bên giếng nước, dưới trăng mạ hay lén bà ngoại để "soi gương". Lung linh, mờ mờ, ảo ảo mà đẹp. Mạ nói. Mạ hay gội đầu ban đêm. Mát mẻ, nhất là vào những đêm hè. Tóc đen, dày, mượt và dài phủ quá lưng thoang thoảng mùi hương bồ kết pha chanh.

Thuở con gái mạ có cô bạn thân. Mạ thương và quý bạn, thường hay tâm sự chuyện con gái vì cô này hiền lành chân chất như mạ. Mạ dặn, sau này có dịp về Sịa nhớ ghé thăm và mua tặng dì xấp vải may áo dài màu khói hương - đó là lúc mạ tôi đã vào tuổi bát tuần. Nhớ lời mạ, tôi về Sịa tìm thăm nhưng dì đã giã từ cõi tạm. Dì là Trần Thị Vân, em gái út của Bác Lý Vu. Gia đình Bác Lý khá nổi tiếng ở Sịa. Bác có mấy cô con gái hiền lành, dễ thương - gái Sịa mà. Tôi vẫn tự tin như thế. Chị Sào, chị Nhạn, chị Thước. Tôi biết các chị - một thời cũng có nhiều trai Sịa thương thầm, nhớ trộm như Mạ tôi.

Thời con gái của mạ êm đềm buồn vui theo tuổi dậy thì bên trong vòm tre yên ắng với tâm sự đầy vơi… Để rồi …

Thời "Thiếu nữ lớn tuổi".

Thời gian như gió thoảng. Mạ kể. Một ngày mùa thu. Cậu tôi dẫn về một người - không phải Sịa. "Người ấy" không đẹp nhưng gia đình nề nếp, môn đăng hộ đối. Thế là mạ tôi trở thành "Thiếu nữ lớn tuổi". Trai Sịa ngẩn ngơ… Có chồng, mạ vẫn trẻ, vẫn đẹp. Ngoan hiền. Đảm đang. Mạ vừa làm mẹ, vừa làm cha những lúc cha tôi xa nhà làm Phủ Trưởng phủ Hải Lăng - Quảng Trị. Thời của mạ, Sịa có nhiều con gái đẹp lại nết na, giỏi việc gia đình nên con gái Sịa "đắt" giá lắm. Nhiều trai làng bên cạnh ngắm nghé. Nhớ mạ. Tôi cười.

Mạ tôi giỏi lắm. Mạ làm nem, làm tré, mạ làm chả Tôm, chả Thủ, chả Bò, chả Heo được hết. Bánh mứt ngày Tết thì nhiều vô kể, mỗi loại một ít nhưng rất nhiều loại : Bánh Thuẫn, bánh Kẹp hình trái tim, bánh in bột nếp, bột đậu xanh, bánh Khảo, bánh Nếp khô nhân thơm, cà chua, đậu phụng… Mứt thì có mứt Quật, Me, Gừng, Thơm, Cà chua … Có lẽ bà ngoại tôi cũng giỏi việc nội trợ nên đã dạy cho mạ tôi trở thành một phụ nữ đảm đang trong gia đình nhỏ của mình với chồng và bảy đứa con. Bà ngoại tôi người Phú Yên về làm dâu Sịa. Sống với truyền thống, phong tục của Sịa lại thêm gia đình chồng nề nếp, gia phong nên bà ngoại tôi cũng là một nàng dâu Sịa giỏi giang được nhiều người trong làng quý mến. Sau này, nhà ngoại tôi lại đón một cô cháu dâu nữa cũng không phải Sịa.

Chị người làng Phước Tích. Gương sáng của bà ngoại tôi, của mạ tôi đã giúp cho cháu nội dâu trở thành một phụ nữ đảm đang biết lo lăng, vun đắp cho nhà chồng. Chị đẹp. Đẹp lắm. Gái đẹp của làng Phước Tích và là hoa khôi của trường Đồng Khánh - Chị Trần Thị Ngọc Anh. Một đời chăm lo chồng con chu đáo. Mạ kể. Mạ làm dâu bà nội tôi ở làng Triều Sơn Trung, được bà nội quý vì giỏi giang, gia đình nề nếp, đạo đức. Bà nội vẫn hay khoe với mọi người trong làng: “Con gái Sịa đó”. Khi nghe mạ kể, tôi cũng rưng rưng xúc động và hãnh diện vì mình là con của mạ, cháu ngoại của làng Sịa. Nhớ hồi nhỏ, khi biết tôi quê ngoại ở Sịa các bạn thường hay ghẹo: “Sịa há? Ui cha ! Sịa ! Láo thiên láo địa láo từ bên Sịa láo qua … Đồng Khánh”. Tôi trả đũa liền: “Ê ! Nhất Huế, Nhì Sịa đó à nghe. Làng của ấy có được “nhì” không?”

Thuở nhỏ tôi vẫn thường được mạ dẫn về Sịa thăm ông ngoại. Tôi chưa một lần được gặp bà ngoại. Khi tôi ra đời (1949) thì bà tôi đã không còn. Tội nghiệp. Đi làm dâu xa mà không còn mẹ

để "tâm sự chuyện nhà chồng". Tuổi thơ của tôi với nhà ngoại ở Sịa là một khu vườn xưa rất rộng có nhiều cây trái: Ổi, Mít, Nhãn, Trần Bì, Mía, Khoai, Sắn… Mùa nào cây nấy. Ăn thỏa thích. Rồi những đêm mưa lụt. Mưa như trút nước. Mưa phủ nhà vườn. Mưa dầm dề. Nước dầm dề. Sấm đất ì ầm suốt đêm. Nước ngập đầy sân để cho lũ nhỏ chúng tôi vỗ tay reo mừng mà người lớn trong nhà thì rầu "thúi ruột". Nhớ những lần theo mạ đi chợ Sịa. Chợ sầm uất. Rất nhiều mặt hàng dành cho con nít có, người lớn có. Buôn bán nhộn nhịp. Những con búp bê "nhắm mắt, mở mắt" Huế có mà Sịa cũng có. Mạ nói, hàng nào ở Huế có thì Sịa có. Có lẽ vì thế mà người xưa có câu: "Nhất Huế Nhì Sịa" dành để tặng riêng cho Sịa???

Thời gian lặng lẽ trôi, tôi lớn dần với tuổi đời mênh mông. Còn mạ, nếu còn ở cõi tạm mạ đã vào tuổi 100. Nhưng tên làng Sịa của mạ, của tôi, của mọi người ở trong nước hay hải ngoại vẫn còn đó. Sịa vẫn được những người con yêu, cháu yêu của nhiều thế hệ nhắc nhở trân quý vì "Con gái Sịa đẹp, hiền thục, đảm đang". Sịa vẫn còn đó với nét văn hóa truyền thống lâu đời, không làng quê nào sánh được. "Nhất Huế, Nhì Sịa" mà.

Ôi ! Chuyện mạ kể theo thời gian đã dìu nhau đi vào quá khứ - một quá khứ êm đềm, dịu ngọt làm cho tôi phải bật khóc khi nghĩ lại và nhớ về :

" … Ngày ấy đâu rồi mNgày ấy đâu rồi …
… Cho tôi tìm lại … Cho tôi tìm lại …
…Những câu chuyện cổ Mẹ kể năm nào …"

Bùi Kim Chi



Thành Phần Ban Tổ Chức Đại Hội
Đồng Hương Sịa Kỳ 2 năm 2014

Tham chiếu Biên Bản cuộc họp ngày 06 thang 10 năm 2013 tại nhà anh chị Hồng Khanh, thành phần Ban Tổ chức gồm có

-Trưởng Ban Điều Hành: Ô. Lê Trực.
-Trưởng Ban Tổ chức: Ô. Nguyễn đình Quế.
-Ban Cố Vấn: Quý Ông: Lê văn Hiến, Hoàng Vy, Trần Luy.
-Phó Ban Tổ chức phụ trách Nội Vụ: Ô. Bành Kim Lệ.
-Phó Ban Tổ Chức phụ trách Ngoại Vụ: Ô. Lê văn Thẩm.
-Thủ quỹ: Ô. Phan Tô.
-Phụ tá kiểm ngân: Quý Bà: Nguyễn thị Cẩm Trang, Lê thị Hồng.
-Trưởng Ban Văn Nghệ :ÔB. Hoàng Khiêu và. Phan thị Mỹ Lệ.
-Ban Khánh Tiết và Nghi Lễ: Quý Ô. Trần Vệ, Ngô Huỳnh, Văn tiến Khanh.
-Ban Tiếp Tân: Quý Bà: Lê thị Tường Vy, Hoàng thị Tánh, Lê thị Phương.
-Thư Ký: Bà Nguyễn Kim Chiến.

Ái Phương Từ tình nguyện gia nhập vào ban Văn Nghệ và đặc biệt là anh chị Hải&Duyên Tấn tình nguyện trang hoàng nhà hàng hôm tổ chức buổi lễ từ sân khấu, bàn tiếp tân, nơi chụp ảnh cho đến cửa ra vào. Sau đó anh chị còn bỏ công làm dĩa Sliceshow để gửi đến bà con

.

Trang hoàng rất tốn kém công sức và tiền của mà anh chị hoàn toàn ủng hộ không tính một chi phí nào cả.

TM.Ban Tổ Chức
Trưởng Ban,
Nguyễn đình Quế

DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐH SỊA KỲ 2/2014

Kính thưa quý vị Trưởng thượng
Kính thưa quý vị Quan khách
Kính thưa quý bà con đồng hương Sịa



Lời nói đầu tiên của chúng tôi là trân trọng chào mừng quý vị đã bỏ chút thì giờ quý báu, bỏ nhiều công sức và tiền của để về đây dự Đại Hội ĐH Sịa Hải Ngoại kỳ 2/2014.

Sự hiện diện của quý vị là một vinh hạnh cho Hội Ái Hữu ĐH Sịa non trẻ của chúng ta, đồng thời là một khích lệ lớn lao cho ban Điều Hành và ban Tổ Chức chúng tôi. Chúng tôi vô cùng cảm kích khi quý vị đáp lời mời gọi của ban Tổ Chức đã hăng hái tham gia, đã nhiệt tình ủng hộ để chúng tôi có phương tiện tổ chúc Đại Hội. Chúng tôi không biết nói gì hơn là chân thành cảm tạ lòng ưu ái, tấm thịnh tình của quý vị đã dành cho chúng tôi .

Nhân đây xin phép quý vị cho chúng tôi được trình bày đôi nét đặc thù của xứ Sịa thân yêu: Sịa tuy nhỏ bé nhưng có rất nhiều nét đặc thù, tuy nhiên chúng tôi chỉ xin trình bày 2 nét đặc trưng đó là Rú Bạch Sa và Phá Tam Giang. Trong phần trình bày chúng tôi xin thưa quý vị rỏ là tài liệu dẫn chứng là tài liệu có từ trước. Qúy vị có thể đọc thêm hai bài viết về đề tài này trong Đặc San “Trung Học Quảng Phước, Quảng Điền một thời để nhớ”. Một bài do anh Văn Bích, học sinh CLQP niên khóa 1963-1969 và một bài do anh Nguyễn hữu Yên học sinh CLQP niên khóa 1962-1965. Hai bài này 2 tác giả nêu lên nhiều giữ liệu mới, tuy nhiên cả hai không xác định mức độ chính xác cũng như mức độ khả tín của các tài liệu trưng dẫn. Ngoài ra quý vị có thể tham khảo thêm trong trang mạng Google bằng cách gõ “Truông nhà Hồ”. Giờ chúng tôi xin vào đề :

Rú Bạch Sa: Đó là một giải cát trắng chạy từ Đông sang Tây khởi đầu từ ấp Tráng Lực, Thạch Bình, An Gia. Nam giáp với các Ấp thuộc xã Quảng Vinh, Quảng Phú. Bắc giáp với các ấp thuộc xã Quảng Lợi và Tây giáp với ranh giới Quận Phong Điền.

Rú Bạch Sa là một Nghĩa Trang lý tưởng cho cư dân Sịa qua nhiều thế hệ. Khác với Nguyễn Du Trong truyện Kiều :

"Thanh Minh trong tiết tháng Ba
Lễ là tảo mộ, Hội là Đạp Thanh"

Thì cư dân Sịa thường tảo mộ vào cuối năm tức là vào tháng Chạp Âm lịch. Trong tiết trời se lạnh, lắm mưa phùn và nhiều gió bấc của mùa Đông khắc nghiệt xứ Huế, chúng ta cảm thấy ấm cúng khi dâng nhang đèn và lễ vật lên tổ tiên lúc vừa chạp mộ xong. Chúng ta có cảm nhận dường như tổ tiên đang về sum họp cùng chúng ta, không những ở nghĩa trang mà còn về đoàn tụ với gia đình vào ngày đầu năm để mừng Xuân đón Tết, đồng thời phù hộ độ trì cho con cháu có một cuộc sống an bình hạnh phúc .

Ngoài nghĩa trang lý tưởng, rú Bạch Sa còn là 1 vườn cây ăn trái thiên nhiên, hoang dã. Các loại cây này rất quen thuộc với cư dân Sịa, nhưng xa lạ với dân các vùng miền khác, đặc biệt là không có trong Tự Điển Bách Thảo. Đó là Tầm bù, Mù tu, Mù tu bà, lòm tóm, dàng xay, lồng đèn, sim, ổi sẻ, mật én, én than v.v... Thanh thiếu niên Sịa trải qua những ngày hè đầy thú vị ở vườn cây ăn trái này vào các thập niên 30, 40 của thế kỹ trước. Sau đó các giống cây này dần dần mai một theo thời gian và năm tháng. Cuối thập niên 50 các giống cây này hoàn toàn tuyệt chủng. Bây giờ thế hệ lớn chỉ còn biết các loại cây này trong tâm tưởng và thế hệ hậu duệ chỉ còn biết trên sách vở mà thôi. Quả thiệt đáng tiếc .

Phá Tam Giang: Đó là nơi hội tụ của 3 con sông: Hương giang, Bồ giang và sông Ô Lâu. Nước Phá Tam Giang là nước lợ, vì nước lợ này nên thủy sản ở Phá Tam Giang ngon hơn các thủy sản cùng loại ở các

ao, hồ, sông, lạch khác. Phá Tam Giang có một huyền thoại thể hiện qua 2 câu thơ :

" Nhớ em anh cũng muốn vô,
Sợ Truông nhà Hồ sợ Phá Tam Giang" .

Từ rất xưa, dân chúng xuôi ngược Bắc Nam bằng 2 cách: Đường bộ và đường thủy . Đường bộ thì phải qua truông nhà Hồ, đó là một hẻm núi hiểm trở vùng Nghệ An, Quảng Bình bây giờ, nơi trú đóng của quân nhà Hồ, chuyên sinh sống bằng nghề thảo khấu. Dân chúng qua đây thường bị cướp bóc, giết chóc, hãm hiếp. Đường thủy thì phải ngang qua phá Tam Giang. Nơi đây thường sóng to gió lớn và luôn nhận chìm nhiều thuyền bè qua lại. Tuy nhiên, sau đó "nàng" đã báo cho "chàng" biết :

" Phá Tam Giang ngày rày đã cạn
Truông nhà Hồ Nội Tán cấm nghiêm"

Truông nhà Hồ do quan Nội Tán nhà Nguyễn dẹp yên vào năm 1722 . Quan Nội Tán húy danh là Nguyễn Khoa Đăng. Bài vị ngài hiện còn thờ tại nhà thờ họ Nguyễn Khoa vùng Vỹ Dạ, ấp Tây Thượng, gần chùa Ba La, quận Phú Vang Thừa Thiên .

Riêng phá Tam Giang không cạn và chẳng bao giờ cạn. Sử sách ghi chép rằng Chúa Nguyễn Hoàng vì sợ Chúa Trịnh Kiểm giết như đã sát hại Nguyễn Mông nên xin Chúa Trịnh Kiểm được xuôi Nam để khai khẩn đất hoang. Chúa Trịnh Kiểm đồng ý. Một điều ngẫu nhiên là khi Chúa Nguyễn Hoàng đến vùng An Lỗ, Thượng An, Bồ Điền thuộc quận Phong Điền bây giờ, Chúa thấy phong cảnh mỹ miều, hữu tình và tự nhiên cảm nhận vùng đất này có thể hổ trợ cho việc dựng cơ nghiệp nên Chúa cho 1 cánh quân từ An Lỗ rẽ hướng Đông tức là về vùng Sịa. Còn Chúa Nguyễn Hoàng và đoàn tùy tùng thẳng tiến vào Thuận Hóa. Khi toán quân của Chúa Nguyễn đến Sịa thì tự nhiên Phá Tam Giang không còn hung giữ nữa mà trở nên hiền hòa. Thuyền bè có thể xuôi ngược một cách bình yên, dễ dàng nên tạo cho cư dân một cuộc sống thanh bình hạnh phúc. Phá Tam Giang là

một kho thủy sản vô tận nuôi sống cư dân ven Phá thuộc quận Quảng Điền, Hương Điền và Phú Vang .

Từ trước Phá Tam Giang đã có trong lịch sử địa lý nước ta. Nay Phá Tam Giang lại đi vào văn học sử qua bản nhạc khá nổi tiếng và khá phổ biến của ca nhạc sĩ Nhật Trường Trần Thiện Thanh "Chiều trên Phá Tam Giang". Nhờ vậy mà cả thế giới biết đến xứ Sịa nhỏ bé của chúng ta .

Bây giờ chúng tôi xin trình bày đôi nét về cư dân Sịa. Người dân Sịa chất phác thật thà luôn sống hài hòa với nhau trong một xã hội đầy tình người, đặc tính nổi bật là lòng nhân ái, đôn hậu và độ lượng. Quả vậy, các đức tính trên đã thể hiện qua vụ đói khủng khiếp năm Ất Dậu 1945. Các nhà giàu có đã mở kho lúa nấu cơm, nấu cháo phát, giúp bà con trong vùng sống qua ngày chờ mùa gặt mới. Nhờ vậy Sịa không có người chết đói như các nơi khác trên toàn cõi Việt Nam.

Người dân Sịa thông minh, cần mẫn, thêm vào đó mạch đất tốt nên đã sản sanh ra bao nhiêu nhân tài về văn cũng như võ. Tuy vậy Sịa không ngoại lệ vẫn thăng trầm theo vận nước nổi trôi. Có thể nói thời kỳ đen tối nhất của Sịa là vào các thập niên 40, 50 của thế kỹ trước. Ở giai đoạn này ban đêm người dân Sịa nơm nớp lo âu Việt Minh về bắt bớ, ám sát. Ban ngày thì dân chúng chịu cảnh Tây đi lùng, bố ráp, đốt nhà, bắn giết, hãm hiếp dân lành. Quả là một cổ hai tròng mà người dân Sịa phải gánh chịu hơn hai thập niên .

Qua cơn bỉ cực đến hồi thái lai, dân Sịa được hưởng thanh bình an lạc từ giữa thập niên 50 cho đến đầu thập niên 70. Và sau 1975 dân Sịa lại tản mạn khắp mọi phương trời để sống cuộc đời lưu vong xa quê hương, tổ quốc. Đau buồn thay, trong chiều hướng duy tư, lắm lúc cố quốc chỉ còn là một ý niệm!

Kính thưa quý vị .

Các văn, thi, nhạc sĩ thường hay ví von: "Chúng ta đi mang theo cả quê hương". Điều đó đúng hoàn toàn nhưng quê hương chúng ta

mang theo không phải là quê hương địa lý, không phải quê hương của chùm khế ngọt cũng không phải quê hương của con diều biếc mà quê hương là ánh mắt, nụ cười trên những khuôn mặt rạng rỡ của những người thân quen xứ Sịa. Đây cũng là điều cốt lõi để Hội Ái Hữu Đồng Hương Sịa Hải Ngoại hình thành .

Bởi vậy chúng tôi thiết nghĩ những buổi hội ngộ như thế này chúng ta nên trao đổi với nhau thật nhiều, thổ lộ với nhau hết những buồn vui kết chuỗi của những tháng ngày xa cách cho thỏa lòng mong nhớ . Những buổi họp mặt này chắc chắn ghi những ấn tượng sâu sắc trong tâm khảm mọi người nhất là cho thế hệ hậu duệ biết thế nào là tình quê hương, thế nào là nghĩa đồng bào trong cuộc sống tha hương trên đất khách quê người. Cũng nhờ những cuộc họp mặt này mà thế hệ hậu duệ của chúng ta khỏi mất công trở về cố quốc để tìm lại quê hương, nguồn gốc của mình như nhà văn da đen Mỹ Alice Heli đã mất 20 năm về ăn dầm ở dề ở Châu Phi để tìm lại cội nguồn, văn hóa, phong tục tập quán của mình và khi trở về Mỹ viết nên 2 tập Cội Rễ (The Root) mà nhân vật chính có thật trong truyện KANTA KUNTÉ là người nô lệ da đen đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ và tác giả Alice Heli chính là cháu BẢY đời của nhân vật đó .

Kính thưa quí vị, chúng tôi kỳ vọng rằng hằng năm hay hằng 2 năm Ái Hữu ĐH Sịa lại tổ chức họp mặt một lần để ngàn sau sẽ nối tiếp ngàn xưa và Sịa luôn luôn ở trong trái tim của mọi người.

Trong tinh thần đó chúng tôi xin thay mặt Ban Tổ Chức LONG TRỌNG tuyên bố KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐH SỊA Kỳ 2 năm 2014 . Kính xin cảm ơn và Trân trọng kính chào qúy vị .

Nguyễn đình Quế

Trưởng Ban tổ chức Đại hội năm 2014

Hội Ái Hữu ĐH Sịa Hải Ngoại

HẸN GẶP LẠI Ở TEXAS



Dư âm ĐẠI HỘI vẫn ngân vang,

Lần một, lần hai quá rộn ràng.

Mười sáu, kỳ ba tuy cách trở,

Đường về ĐẠI HỘI cũng thênh thang.

Texas dù xa cách mấy trùng,

Xin đừng "ngại núi với e sông"

Nào anh, nào chị ĐỒNG HƯƠNG SỊA,

Tài, lực dư thừa, thật phải không?

CÁC KỲ TÂM



Làng Thạch Bình – Làng Tráng Lực Đông.

Vua Lê Thái Tông (tiền Lê: 1433-1442) vào Nam đánh dẹp Chiêm la, khu vực Sịa Thanh Thương được vua giao phó lại cho một số quan quân Lê ở để khai canh. Sĩ số dân và địa bàn 3 làng gốc là Thủ Lễ, Khuông phò, Tráng lực bằng nhau. Nhưng làng Thủ Lễ và làng Khuông Phò ít biến động, không thay đổi gì nên dân số và cảnh vật không bao giờ khiếm khuyết. Riêng làng Tráng Lực xã thường gặp huynh đệ, vua chúa tương tàn, tranh ngôi tranh vị, chia cắt làng thành 3 làng nên dân số bị thu hẹp lại, gồm làng thứ nhất là Tráng Lực xã, làng thứ hai là làng Thạch Bình xã, làng thứ ba là làng Tráng Lực Đông.



Làng Thạch bình sinh ra, vì lẽ xưa kia ngài họ Lê tiền khai canh dính líu với ngài tướng Bùi Trọng Liên sao đó? Ngài họ Lê cắt đứt nửa làng, để đặt tên là làng Thạch Bình cho ngài họ Bùi làm khai canh. Bởi thế sau này ngài Bùi chết đi, dân làng Thạch Bình bèn lập miếu thờ vọng ngài tiền khai canh của họ Lê gần mộ ngài khai canh của làng Thạch Bình để nhớ ơn công lao ngài Lê đã sáng tạo cho. Miếu mộ hai ngài ở xóm Két, miếu ngó mặt ra đường cái rất linh, dân hai làng đi ngang qua phải cúi đầu chào và cầu khẩn chi đều có kết quả mong muốn, như sự nghe thấy của Võ Tam Anh và tôi cũng vậy, vì lúc bây giờ tô tiên khu vực Sịa đều có nhắc nhở cho con em hậu bối biết.

Ngôi mộ ngài Lê tiền khai canh 2 làng có uynh rất to, nằm gần cô đàn làng Thạch bình và ngôi mộ 3 tần Người, Cọp, Ngựa có lịch sử nỗi tiếng nên khỏi di dời. Cả 3 di tích ấy vẫn trơ gan

cùng tuế nguyệt. Lớp lớn tuổi như tôi, Võ Tam Anh và Trần Vĩnh Lộc chắc còn nhớ mộ 2 làng mình gần trụ sở thị trấn Sịa, mọi năm đến ngày tảo mộ, dân 2 làng đều tệ tựu để chạp mã. Nhưng than ôi! vì biến cố kể từ năm 1946 đến nay, sau khi chợ Phiên trên rú cát bị đại họa thảm khốc , thì tôi không thấy chuyện họp chợ trời và tảo mộ cho ngài Lê tiền khai canh của 2 làng Tráng và Thạch nữa.

(A) Nơi xuất xứ làng Thạch Bình xã :

*Niên hiệu Cảnh trị năm thứ 7 đời vua Lê Huyền Tôn (1670) là năm làng Thạch Bình xã tách khỏi sổ sách của các họ làng Tráng Lực xã.

Liên hệ tiếp nối phân chia ra 2 làng lâu dài như sau:

* Niên hiệu Vĩnh Trị năm thứ 3 (1684) đời Lê Hy Tông lập mốc giới giữa khe với làng Thạch Bình xã.

* Niên hiệu Cảnh hưng năm thứ 14 (1705) trình bày và báo cáo thành lập danh sách nhân địa bộ với Thạch Bình xã.

* Niên hiệu Cảnh Trị thứ 7 lập sổ sách dân số làng Thạch Bình và lục tộc Tráng lực (1776) lưu hoán tự nguyện, sơ khai Thạch Bình chưa có họ Lê.

* Niên hiệu Vĩnh Trị tam niên bài trương kê khê giới bạn dữ Thạch Bình.

* Niên hiệu Cảnh Hưng thập tứ hiện ngân Thạch Bình xã.

* Niên hiệu Gia long năm thứ 9 hoán dịch điền ứng. Điền thổ hai làng.

* Niên hiệu Gia long nguyên niên Thạch Bình xã lập cương giới (1881).

(B) Nguyên nhân khai sinh Tráng lực đông:

Làng Tráng Lực Đông (giáp), đơn xin thành lập làng từ đời vua Kiến-Phúc đến đời Thành-Thái, sau 19 năm mới chấp nhận ăn mừng lễ thượng thọ bà Hoàng Thái Hậu. Đến năm 1945 sát

nhập hai làng Xã-giáp lại một. Ngài Trần Vĩnh Duy của họ Trần thuộc lục tộc: Lê, Lê, Trần, Hồ, Hoàng, Trương. Nay đứng đầu họ Thập phái còn dân đình thì là chính dân làng Tráng Lực cựu xã. Chúc mừng đoàn kết một nhà.

Bô lão Lê Văn Thân
Những tấm lòng vàng

Hậu Lê dựng nghiệp, quan quân phải lui về bưng biền xứ Sịa năm 1434, đến năm 1442 Vua Lê thánh Tôn sánh duyên với bà NGUYỄN THỊ ....làng Tráng Lực, tổng Phò Lê, sắc đẹp bà mỹ miều nhân tâm cốt cách tuấn tú, sinh hạ được Thái tử Bàng Cơ cháu ngoại họ Nguyễn làng Tráng Lực tại Sịa mình ngày nay, vì vậy xứ Sịa càng ngày càng phồn thịnh, phú nông, phú thương rất nhiều sống có văn hóa nên có câu Nhất Huế nhì Sịa, hàng tỉnh, hàng tổng không nơi nào sánh bằng...

Nhưng than ôi ! Gặp thời không may ập đến Pháp suy, Nhật thịnh, đảm phụ quốc phòng quá nặng vơ vét hết lúa gạo, cạn kiệt cho giới bần nông đã kéo theo nạn đói năm 1944 đến 1945 lan tràn đến Sịa, chết chóc xác người chết các nơi kéo về hôi thối khắp làng cùng xóm, thiếu vệ sinh cho toàn cả tổng, cảnh an bình lạc nghiệp bị xâm phạm tổn thương vô cùng ...

Trước tình thế đó, thầy Lê Tuyên (còn gọi là thầy Bộ Tuyên) đã đến từng nhà bà con có lúa gạo tích lũy để xin cứu đói. Bà con sẵn lòng từ tâm nên toàn thể nam phụ lão ấu đồng lòng tự phát nguyện đứng lên CỨU ĐÓI và tổng vệ sinh không cần chờ đợi và nhờ ai tiếp tế. Sau lời kêu gọi của thầy Bộ Tuyên (cha của chú Lê Hiến và Lê Thẩm) viết những câu khẩu hiệu, ca dao, tục ngữ trên các tờ giấy lớn, vách nhà, đình làng

… như: "một miếng khi đói bằng gói khi no" hay "lá lành đùm lá rách" v v… để kêu gọi cứu đói .

Thầy Đốc Tiếu hiệu trưởng trường Tiểu học Khuông phò cho học trò đi khắp nơi vùng Sịa dán biểu ngữ, bích chương nơi các gốc cây, trụ biểu cổng làng, cổng nhà thờ họ v.v … biểu ngữ dương lên trước cổng chợ kêu gọi cứu đói và các cuộc phát chẩn diễn ra, mọi người đói khát khắp nơi kể cả các vùng lân cận ùn ùn kéo nhau đến như Bao La, Lai Hà, Hà Lạc, Sơn Tùng, Đông Lâm, Nghĩa Lộ, Niêm Phò, Phò Nam, Phú lương, Mỹ Xá, kể cả những người bên biển nhịn đói bơi xuồng đến, tội nhất là các người đói lâu ngày chưa kịp đến địa điểm đã phải ngã gục .

Bà con Sịa hậu duệ đang còn sống hãy cùng nhau TRI ÂN đến các bậc tiền bối đã có công lao góp lúa gạo, góp công nấu cháo, nấu cơm đứng ra phân phát cho các người đối khát như chú Lý Vu (cha chú In),chú Bác Dư, chú Di, ôn Khán Phê, (cha chú Hoàng, chú Chương), dượng Khách Xin, o So dượng Châm, dượng Hưu, o Thảo, chú Khán Aí (cha chú Lộc, chú Hy) bác Khán Thuyên (cha Thuận, Thể) dượng Cửu Tuệ (cha anh Văn, anh Lan) anh Cần, bác Phó Miễn (ông ngoại Hùng, Trâm) chú Hồi, chú Sâm, nhất là nhóm đá banh của chú Lê Kha (cha chú Thuận , chú Trực) dẫn đầu, bác Xoài (cha chú Sum) dượng Lằn, o Yến, chú Khán Khuê, o Diêu, Thầy Ngâm, ở Khuông phò có Thầy Tự (cha chú Tăng), dượng Ấm Trấp, Thủ lễ có mệ Lê thị Diệm hay gọi mệ Thơ (mệ ngoại của chị Tôn nữ Mộng Hà), còn nhiều mà nay già cả rồi tôi quên có ai nhớ cho biết thêm.

Ở trên chợ địa điểm trước cổng chợ còn dưới làng nơi sân nhà tôi (cửu Đinh ba tôi) và sau lưng nhà Thầy bộ Tuyên đặt gần 15 cái bếp rút hết hai đụn rơm mười mẫu ruộng

của ôn tôi, lúa do ôn nội tôi là Lê Truật còn gọi là Ôn Lý Mót lấy hết trên chạn xuống mấy o xay, giã còn bạn thanh thiếu niên chúng tôi rút rơm nấu cháo, cơm, bưng cháo phân phát o Thảo (mẹ chú Đô), o Múm điều khiển tổng quát chân chạy không bén đất lăn xăn suốt ngày mới đủ cung ứng cho người đang đói, ngoài ra các mạnh thượng quân như bác Lý Thụy (nội và ngoại cúa chú Lệ, chú Thắng, o Chiến) chú Lý Dẫn, chú bộ Thiệp (cha của chú Chung và chú Diệp) và còn một số người đóng góp tiền tài vật lực, ai ai cũng vui vẻ, tận tụy lo toàn chu đáo cho đến ngày dân Sịa được no, có lúa gạo thực phẩm gầy dựng lại đời sống.

Phải nói công lớn nhất trong làng Tráng Lực là ôn nội tôi và có người cháu là Phan Huân người làng Thủ Lễ, ngoài ra giới thanh niên chúng tôi đi treo biểu ngữ các cổng làng ai ai cũng tuân thủ làm hết sức mình ,không nài nỉ lánh nặng tìm nhẹ, lúc đó tôi là người khoái leo trèo vân dây buột biểu ngữ lên các cây cao, tên tuổi mấy người thanh thiếu niên lúc đó hăng hái là chú Thương, chú Vọng anh Cần, anh Cẩn, chú Sâm, chú Hồi, chú Lượng, chú Phan Hoàng, Chú Chương, anh Trữ, dượng Cổn, dượng Lượng v.v.. làm việc thiện không chùng bước, không gớm tay khi bưng các xác chết thay cho trai bạn lao động thuộc giới nghèo cực bữa đói, bữa no, ảnh hưởng đến tính mạng do nạn đói.

Tôi nghĩ nếu không có lớp người thiện nguyện như chúng tôi ra tay gánh vác thì còn mặt mũi nào là người có học, thật là bỉ ổi làm ngơ trốn tránh bổn phận của mình, số người mà tôi nhớ có thể còn thiếu sót tên các anh các chú nhiều, nhưng vì lâu ngày và tuổi già, tôi quên, xin quý vi nhắc giùm .

Đúng ra chương trình chỉ tổ chức nấu cháo cứu đói vừa đủ, ngờ đâu kẻ khốn khổ đói khát dồn về quá đông thì

làm sao có thể quay mặt trước cảnh thảm thương, số cầu quá đông nên phải kêu gọi thêm những người hảo tâm nhủ lòng ban phát thêm gạo cơm một lần nữa lúc đó mới xong

Thời gian cứu đói kéo dài một tháng mới chấm dứt, bà con lăng xã vào làm việc thiện không mong gì ai tuyên dương và chẳng cần ai khen ngợi mà chỉ bà con xứ Sịa biết và quý trọng nhau. Nên Sịa có đói mà không một ai chết đói, đây là cái cao đẹp và hãnh diện nhất cũng như vẻ vang cho tình thương yêu đùm bọc của người dân xứ SỊA .

Xin thành kính tri ân và đa tạ ơn các bậc Thành hoàng, các vị khai canh, Tổ tiên, ông bà đã cho xứ Sịa có những bậc hào sảng ra tay cứu người qua cơn hoạn nạn !

LÊ THẬN con dân xứ SỊA

Ôn CốTri Tân
Ảnh hưởng đặc biệt Sịa Quê hương ta
của Lê Văn Thận
*bà con cần thấu hiểu:

Xưa kia, Vua Lê Thái Tông (tiền Lê: 1433-1442) vào Nam dẹp giặc Chiêm thành, từ Thuận Hóa và Quảng Nam (Huế và Đà nẵng) Khi hồi Loan ra Bắc, giao phó lại cho số quan quân Họ Lê, tình nguyện ở lại khai canh Căn cứ Sịa. Giữ vững được 3 làng là: Làng Tráng lực, Làng Khuông Phò, Thủ Lê đê bành trướng thêm các làng khác, mà các lăng Ngài khai canh lưu truyền nối nghiệp từ đời này qua đời khác. Tuy nhiên mãi đến lúc Chúa Nguyễn Hoàng vào mới thay đổi các ngài khai canh tiền Lê lại cho các ngài hậu Lê, truyền kiếp đến bây giờ. Mà làng Tráng Lực là chủ chốt cốt lõi vùng Sịa mến yêu!

Nói đến Sịa, thì làng Thủ Lễ và làng Khuông phò không hề có biến đổi gì, nên dân số và địa dư vẫn giữ nguyên trạng.
Còn làng Tráng Lực thường bị thay đổi hình thái vì lấp sông, lấp bể cạn để chấn lụt, lấp vịnh, lấp bàu để làm chợ có ngạch chợ phồn thịnh và chia thành 3 làng nhỏ gồm có làng chính cựu và làng mới Thạch Bình có phân ranh giới và làng Tráng Lực Đông cùng chung vô giới hạn. Cận đại và tương lai gần đã phân tách, rồi sát nhập lại với nhau, theo thời gian và không gian của thời cuộc đổi thay của đất nước, phủ phàng hoặc ưu đãi cho dân Sịa thân thương.

A: Về nhân văn thì có địa vị cao nhất nước về nữ giới như có bà Hoàng thái Hậu Nguyễn thị Anh, đệ nhất phu nhân, nhất phẩm triều đình đảm đương việc nước, là nơi sinh thành của thái tử Bang Cơ tức vua Lê nhân Tông đời Lê trung hưng.

B: Về thời cuộc thì Sịa cổ xưa, bị thảm họa giết chốc vì Huynh đệ vua chúa tương tàn, họ Nguyên bị tiêu diệt, Phái Bảo hoàng tử tôn họ Lê đa số bị giết, số ít tẩu thoát thì mai danh ẩn tánh đời này qua đời khác, chờ khi nước nhà yên ổn mới trở về làng sinh sản lại hậu duệ họ Lê chúng tôi. Ngày nay (1946) thì giặc chợ Phiên rú cát, nó thảm sát hàng chục hàng trăm dân đủ mọi giới chết oan chết ức, người thì bị chặt tay, chặt chân và đầu lìa khỏi cổ, thật là đau khổ vô vàn, kêu trời không thấu, mà chẳng làm gì được ai?

Ôi thôi! thời cuộc tan thương biết bao giờ? nhà nhà dân Huế, nhà nhà dân Sịa tràn ngập uất hận ." Nhất Huế nhì Sịa " gắn chặc tay nhau, đắng cay muôn phần, đời đời không quên.

LÊ VĂN THẬN (bô Lão)

Mỹ từ Sịa


Phan Kha-Lữ Băng Tâm

Xin được một lần về thăm thôn Thủ
Ngắm lũy tre làng ruộng lúa nương dâu
Mồ mã mẹ lâu ngày chưa dẫy cỏ
Bát trầm nhang tắt lịm khói hương sầu
Lòng đất lạnh giá băng như đất Mỹ?
Mỗi Đông về tuyết phủ kín đời con
Hai mươi năm lưu đày trong cõi mộng
Mơ ngày về ấm lại thuở vàng son

Vòng quanh Sịa quen chân ta ngoạn cảnh
Cảnh còn chăng những kỷ niệm xa mù
Bởi hồi đó trải qua nhiều chuyển biến
Ắt bây chừ khác hẳn thuở ban sơ
Thầm thương Sịa giữa mùa Đông lạnh giá
Cơn mưa dầm phố xá vắng khách thương
Buổi chợ chiều ai ngồi hong nổi nhớ
Mắt rưng buồn như đổ lệ sầu vương

Chợ "Ngũ Xã" tên nghe hay quá
Và ngọt ngào như điệu hát quê hương
Như lời mẹ ru con chiều tháng hạ
Vẳng bên tai rơi rụng giữa đêm trường
Đổ về Sịa giao lưu bằng thủy bộ
Mang về đây đặt sản mỗi một vùng
Ớt Phò Nam thơm ngon đầy hương vị
Ngọt đầu môi Mỹ Xá cá lóc đồng

Mưa nước ngư chài săn cá đỗ
Ngược nguồn Tằm tranh thủ suốt ngày đêm
Kịp phiên chợ ban mai trời rựng sáng

Chẳng bao lâu đông nghẹt giới thương thuyền
Rổ bóng thệ thơm tho mùi duyên hải
Khóm Nam Phù đẹp ý bát canh chua
Trên đầu lưỡi thấm tê mùi gia vị
Thì làm sao quên bẳng ngụm chè Cùa
Mỹ từ Sịa ngàn năm vẫn đẹp
Vẫn dịu dàng như điệu hát lời ca
Vẫn du dương như đàn trong đêm vắng
Rót vào tai chạnh nhớ mảnh quê nhà
Giòng sông Thủ cho ta làn nước mát
Bờ tre xanh rợp bóng mỗi chiều về
Manh chiếu rách soài mình lên thảm cỏ
Gẫm tình người ôn lại mảnh tình quê



.

Shoreline Oct 5.2007
Lữ Băng Tâm Phan Lữ

Tình Già

Anh tuy già nhưng tình vẫn không già.
Vẫn e ấp lung linh như những ngày đầu gặp mặt.
Dẫu anh biết quỹ thời gian sắp tắt.
Nhưng anh tin rằng tình vẫn thiên thu.

Phan Văn Minh



QUẢNG ĐIỀN – HOÀI NIỆM VÀ ƯỚC MƠ

1. Ngày xưa ấy...

Cách Huế chừng 15 km đường chim bay về hướng Đông Bắc, là Sịa. Sịa là vùng trung tâm, trái tim của huyện Quảng Điền ngày nay. Lịch sử hàng trăm năm của vùng này mới sinh được một thị tứ, đúng hơn là một dãy phố chợ, đầy triển vọng trở thành một thị trấn, nhưng lại bị ức chế bởi một lịch sử huy hoàng thời lấn biển. Sịa là nỗi niềm lịch sử của một thị tứ- có thời được nằm trên câu nói cửa miệng của người dân đầy nỗi tự hào "Nhất Huế, nhì Sịa". Có lẽ, khi các xe hàng xuất hiện (tên gọi các xe khách chạy từ huyện lên Huế) thì cái tên Sịa đã nằm trên biển xe mà ra quốc lộ, vãng du và làm quen rộng rãi với Huế và lại quay về, tự hào làm cái tên chung cho một vùng ruộng đồng rộng lớn của huyện Quảng Điền.

Sịa không phải là vùng đất bí hiểm, song vì cái tên khó hiểu của mình mà Sịa bị lãng quên- như lịch sử của nó. Hình như chưa có ai bằng lòng với cách giải thích nào đối với cái tên Sịa. Đã có người ngờ Sịa là tên Chàm, hoặc tên đọc tắt một tiếng Tây nào đó. Tôi nhớ một lần, khi xe chạy qua An Lỗ, bạn tôi hồi ấy đã nói vui "xe mình từ Anlosia đi Huế!" (An-lô-xi-a; nghe cứ như tiếng Tây!). Ấy vậy mà Sịa là tên Nôm, nghĩa là tên tiếng Việt. Trước năm 1811, khi vua Gia Long truyền đo đạc và lập địa bạ cả nước Việt Nam thì lịch sử các xã vùng Sịa đã có ghi vào các văn bản chữ Hán của mình một cái tên "Vịnh Sịa". Lúc người Pháp chưa đặt chân đến, Vịnh Sịa đã là tên gọi nôm na, quen thuộc của một cái đầm nước lợ ở phá Tam Giang mạn Đông Bắc, giáp chân ruộng các xã An Gia, Mạc Da, Thạch Bình, Tráng Lực, Phò Lê và Thủ Lễ. Đầm này đã khô cạn nhiều lần, nhưng đến năm 1814 thì nông dân 6 xã nói trên đã xin nhà

vua cho đắp đập ngăn mặn, khẩn trị trong ba năm làm thành ruộng mùa thu. Thế là từ năm 1817, cách nay tròn 190 năm, một cánh đồng rộng trên vài trăm mẫu được chia thành 6 tấm lớn, ngoài là đê, trong là các đường thủy đạo chằng chịt, dùng làm giới hạn và đường vận chuyển lúa má; các bờ giường, bờ cháng được đắp, các loại cây trầm thủy thích bùn như năn, lát, pháo được vén làm bờ. Cát pha bùn, năn lát pháo thối rữa làm cho các thửa ruộng có màu đen xám. Ruộng đầm Vịnh Sịa được gọi tên là Ruộng Ô. (Ruộng được chia thành ô? Hay đó là cái dót sát đầm của dải cát Ô Sa? (Cát pha bùn đen?). Người dân Sịa cũng thường nói ruộng đó là "Ngoài Ô, ngoài Ôống" chỉ ruộng mới khẩn xong, có nhiều cỏ ống, nước đen và nằm ngoài làng mình. Các văn bản chữ Hán xưa đều viết chữ Ô với nghĩa là "con quạ", "màu đen". Nay ở vùng Đông Bắc của Hợp tác xã Đông Phước vẫn còn có Vũng Miệu, Vũng Quạ- nước thông ra tới ruộng Ô. Ruộng Ô là ruộng có màu đen, được chia Ô theo các bờ giường, bờ cháng bằng đất cát bùn và năn, lát pháo, hay là ruộng có nhiều cá mà các loài diều quạ hay về kiếm ăn?
Nhưng chắc chắn nhất thì Sịa là cái tên được ghi bằng chữ Nôm. Trong di sản Hán Nôm làng Thủ Lễ còn nhiều văn bản cho thấy chữ Sịa được ghi hai cách: Hoặc viết bộ "Thủy" (chỉ nghĩa) với chữ "Sĩ" (chỉ âm) và đọc là "Sịa" hoặc "Sỉa" (như "sàng sỉa", "sàng sảy", "sỉa chân", "sảy chân"); hoặc viết chữ "Sĩ" (chỉ âm) với chữ "Điểu" (chỉ nghĩa) và đọc Nôm là "Sẻ". Qua chữ nghĩa, có thể nói "Sịa" là vùng trũng, vùng sỉa, lầy; "Sịa" là vùng có nhiều lúa, chim sẻ thường về.
Vịnh Sịa có tên từ thời các chúa Nguyễn (1690), Quảng Điền cũng là tên gọi có từ năm 1690 trở đi, hoặc sớm hơn nữa. Điều này góp phần chứng minh cái tên Quảng Điền không phải mới ra đời từ thời Nguyễn, đặc biệt là sau năm 1835 (thời vua Minh

Mệnh) như các sách sử thường ghi! Cái tên Quảng Điền sau năm 1817 sẽ có ý nghĩa hơn khi có thêm ruộng Ô, ruộng đầm Vịnh Sịa, rồi sau này lại có thêm ruộng đầm An Gia, diện tích rộng thêm hàng trăm mẫu.

Sịa là vùng trũng, vùng sông nước đầm phá cho nên từ rất xưa, ngay việc kén lính thì chính quyền phong kiến vẫn không tuyển lính vũ tượng vì ở đây đã sẵn các thuyền lính. “Tráng Lực” là tên gọi chung các đội thủy quân, thuyền lính thời các chúa Nguyễn được lập ra với danh nghĩa “phò Lê”. ("Tráng Lực" ra đời để "Phò Lê" là có ý nghĩa thật sự sâu xa!) Tuy là đất chúa Nguyễn, nhưng Đàng Trong hồi ấy vẫn coi vua Lê là niên hiệu chính thống. Tổng Phò Lê (tên gọi chung các xã vùng Sịa) ra đời vì ý nghĩa ấy. Theo một văn bản do ông Tham Thạc ở làng Thủ Lễ sao chép từ Tổng Phò Lê vào năm 1704, thì từ năm 1690 (niên hiệu Chính Hòa năm thứ 14 đời vua Lê Hi Tông (1676-1705), Tiết chế các xứ Thủy Bộ chư doanh đã tuyển lính thủy ở sáu xã vùng Sịa. Nhân dân vùng Sịa đã có tập quán đi lính thuyền Tráng Lực từ đó. Và xã “Tráng Lực” là tên gọi chỉ địa danh tuyển mộ cũng như điểm xuất phát của binh thuyền thời ấy. Chính điều này đã giúp ta hiểu thêm vì sao nhân dân vùng Sịa, Quảng Điền có truyền thống ham thích đua ghe, bơi thuyền, vật võ...

Từ xa xưa, Sịa, Quảng Điền đã có nhiều truyền thống đẹp: khai hoang lấn biển, xin vua mở đất tạo ruộng; quen nghề sông nước, đua bơi, thích đi lính thủy, đánh cá giỏi, tinh thần đoàn kết làm ăn vì quê hương làng xóm...

Tôi biết tên một vài làng của quê tôi từ năm lên sáu. Chợ Sịa, An Gia, Thạch Bình, Tráng Lực, Khuông Phò, Thủ Lễ, Uất Mậu, Vân Căn, Đồng Bào, Đức Trọng... Xa chút nữa, tôi chỉ nghe đến rú Bạch Sa (Ô Sa (?), vịnh Sịa, Bàu Ô, Trằm... Những

cái tên ấy, những năm 1960, nghe im lìm, êm ả, có khi rất mơ hồ, xa xôi.

Trong cuộc sống lao động của mình, hầu như người dân quê tôi xưa ở chỗ có nhiều kênh, hói có thật nhiều kinh nghiệm trong việc sản xuất và sinh sống trong mùa mưa bão. Kinh nghiệm đó qua các đời đã giúp họ sống yên tâm khi mùa mưa lũ đến. Từ vốn sống thường nhật và kinh nghiệm bao đời qua ca dao tục ngữ, người dân quê tôi biết cách sản xuất và sinh sống an toàn trong lũ lụt.

Tháng bảy nước nhảy lên bờ. Từ tháng bảy âm lịch, thời tiết ở Việt Nam cho thấy ở khu vực đồng bằng Miền Trung mùa hè đã qua và mùa mưa lụt đã đến. Khi còn làm hai vụ thì vụ hè thu cũng đã gặt xong trong tháng 7 âm lịch. Đồng trơ gốc rạ, có nơi cũng đã cày xáo qua, dân quê tôi lợi dụng cái nắng đầu thu phơi qua, chờ mưa thu và lụt ngâm hầu như gần suốt mùa thu làm cho đất thêm tôt. Cuối tháng 10 âm lịch, ở khu vực miên Trung đã hết lụt. Nếu còn thì chỉ là lụt bấc (do gió bấc mang mưa phùn đến), mưa rây rây làm ngập một số chân ruộng thấp. Mưa bấc ở quê tôi vào tháng 11 hạt nhỏ, se lạnh nhưng khá dầm dề. Có người bảo Tháng mười một làm mưa không ướt mặt người. Mưa nhỏ, nước lụt trong, sông hói vùng quê, nếu chưa có nước ruộng cầy bừa xả xuống thì vẫn còn trong. Các chân ruộng cạn về đêm cá đi ăn nhiều. Người dân quê tôi quen soi đèn bắt cá. Mùa lụt đối với nông dân tuy là vất vả, khổ sở vì chỗ ở, chỗ cất nông sản phẩm và chuồng trại gia súc, nhưng lại được thêm phù sa, bùn non phủ tẩm cho các chân ruộng nghèo và nhất là mang cá các nơi đến ruộng, ao, đầm, đìa của họ. Năm nào lụt sơ sài, nước kém cỏi, phù sa ít thì cá cũng ít. Trong tháng 7, có nơi lụt sớm, mưa vài ngày nước nguồn sông đổ về tràn ngập dần các chân ruộng mới gặt xong. Nước tràn, cá nhảy lên bờ. Dân quê

tôi được mấy ngày liền bắt cá và soi cá. Những năm từ thập niên 1950- đến thập niên 1960, đồng bằng miền Trung lắm cá sông, lụt đến là tràn lên các chân ruộng. Người viết cũng từng thấy nước từ các kênh tràn vào chân ruộng là tràn theo cơ man nào các loại cá giếc, cá trôi, cá lúi, cá rô, cá mại, cá cấn, cá mươn tràn vào ruộng. Một quang cảnh sung túc chưa từng có đã xuất hiện ở nông thôn. Đêm về, khi nước đã láng lênh các chân ruộng, nước lụt trong veo, cá đêm đi từng đàn, người dân dùng đèn và chơm, cần đọc là có thể đánh bắt dễ dàng...

2.Nhìn về... tương lai

Hồi bé, nhiều lần mưa ngập, nước cạn, tôi đi trên những lối lầy, bùn ngập mắt cá hoặc ống chân. Nghe mát rượi và thật êm ái. Có những trưa hè nắng không nóng lắm và nghe ngan ngát mùi thơm rơm rạ và mùi bùn non kênh hói người dân phơi bên vệ đường đợi khô đê đắp nên nhà và sân phơi lúa. Tôi nhìn con hói quê tôi, nước chảy lững lờ. Nỗi buồn như giăng mắc, chẳng biết vì đâu. Bốn mùa mưa nắng cứ theo nhau. Tuổi thơ tôi lớn lên như vạt lát dưới kênh, êm đềm và lặng lẽ. Sịa cũng êm đềm và lặng lẽ

Tôi nhớ những cơn mưa đầu tháng bảy kèm theo chớp sét, nước nguồn Bồ cộng với nước nguồn Hương như thách thức một cơn lũ lớn. Lúa ngoài đồng đã chín, bà con đang vội vã gặt chạy lụt. Ghe xuồng bơi theo con nước mong chở về cho nhanh.

Lớn lên, đọc chữ trong đình chùa miếu vũ, trong di sản chữ Hán quê tôi, tôi biết rằng, hình như trong vòng quay của thời gian và mưa nắng, vào cái thuở rất xa xưa nào đấy, độ bốn trăm năm, cỏ cây lấn trùm cả ruộng đồng làng mạc. Sóng nước phá Tam giang và kênh hói quê tôi đã dậy lên mùi hăng đậm của đất đai, cây cỏ, cá tôm. Tôi tưởng tượng như thuở ấy những vị tướng

thần xã trưởng đã cùng người dân quê tôi đắp đê lấn phá, làm nên ruộng ô phía đông của huyện lỵ bây giờ. Những loài cây thân mềm quen sống dưới nước như năng, lát, pháo, cỏ lùng... có đầy trên các thửa ruộng, nuôi độ đậm cho đất và làm chỗ rủ cá về ẩn núp nhiều thêm. Hồi ấy, nghe nói có Tướng công họ Nguyễn đi ngang vùng đất quê tôi, thương quê tôi, Ngài ở lại quê tôi, chiến đấu chống thú dữ và trộm cướp để giữ yên cho vùng đất và nuôi lớn mơ ước về sự trù phú cho vùng quê này... Nhớ chuyện xưa, gẫm chuyện xưa, tìm trong khát vọng vươn lên của huyện nhà, tôi đã chứng kiến bao nhiêu là chuyện lạ. Ai hỏi bây giờ quê tôi thế nào và sau này vài chục năm nữa sẽ ra sao, tôi nghĩ người ấy đã có cách trả lời nếu biết lịch sử Sịa và thấy gương mặt Sịa ngày nay. Tôi nghĩ đến một thị trấn Sịa phát triển to lớn mang dáng dấp của một thị xã. Nhìn về một tiền thị xã tương lai, Sịa chắc sẽ có thêm một hệ thống giao thông mới rộng rãi và thuận tiện, chạy bao các làng xã trọng điêm làm nên các mạch nối Sịa với quốc lộ và các vùng sát biển làm cho Sịa chạy ngả nào lên Huế cũng rất gần! Hệ thống các xí nghiệp, trại sản xuất, các trung tâm phục vụ, các xã trọng điểm kinh tế nông nghiệp và chăn nuôi, các làng nghề thủ công truyền thống rộn ràng sản phẩm ra huyện lộ để tỏa đi khắp tỉnh và lan tới các tỉnh bạn. Những trung tâm nghiên cứu sản phẩm vùng trũng, các trường nghề cũng ra đời tăng độ nhộn nhịp của sự phát triển Chừng hơn nửa thế kỷ nữa thôi là quê tôi đã phát triển không kém bất kỳ thị trấn nào trên cả nước. Có mơ mộng lắm không?

Ngô Thời Đôn

Gánh Gạo Nuôi Con



Năm 1947, sau những ngày tháng tản cư chạy trốn Tây đổ bộ, gia đình tôi trở về với hai bàn tay trắng. Ngôi nhà do ba tôi tạo dựng sau bao nhiêu năm khó nhọc bị Tây đốt cháy rụi. Trường học đóng cửa, ba tôi nghỉ dạy, không lương. Chúng tôi đi ở đậu hết nhà bà con này sang nhà bà con khác. Cuộc sống thời giặc giả của gia đình tôi hồi đó quá eo hẹp. Một mình mẹ tôi tần tảo nuôi bảy miệng ăn. Thế mà một hôm ba tôi kêu tôi lại và cho hay: "Trường Khải Định mở cửa lại, con sửa soạn qua Huế học tiếp". Hồi đó tôi học Đệ Nhất Niên trung học Ban A. Nhật đảo chánh rồi Cách Mạng. Tôi phải nghỉ học về quê . " Chuyện học là chuyện quan trọng, con không thể bỏ học dở dang".

Tuy còn nhỏ tôi cũng biết rằng việc qua Huế học là một gánh nặng lớn cho gia đình, nhất là cho mẹ tôi. Phước may tôi được một bạn đồng liêu của ba tôi mà cũng là thầy cũ của tôi thương cho tôi qua ở trọ mà chỉ phải " góp gạo nấu chung". Thế cho nên hằng tháng, vào một buổi chiều Chủ Nhật đúng ngày hẹn tôi ra bến đò Vỹ Dạ đón mẹ tôi.

Mẹ tôi đi đò chuyến từ Sịa lên Huế. Đò đậu ở bến Gia Hội, mẹ tôi gánh gạo qua đò ngang Vỹ Dạ giao gạo cho tôi chở về nhà Thầy tôi bằng xe xích lô, mẹ con gặp nhau không nói nhiều lời mà tâm tư trĩu nặng nhớ thương. Mẹ tôi thường dặn : "Đi ngủ nhớ mặc áo ấm kẻo gió nghe con". Tôi chỉ im lặng, không

biết nói chi. Cứ mỗi lần gặp mẹ là tôi cảm thấy hình như mẹ ốm đi thêm một chút.

Có những chiều Chủ Nhật trời mưa, đứng trên bờ đê Đập Đá nhìn xuống đò cập bến, thấy mẹ lom khom trong chiếc "tơi đọt" nước mưa nhỏ giọt mà lòng tôi thắt lại. Trên xe xích lô chở gạo về nhà có lần nước mắt tôi hòa lẫn nước mưa. Cho đến ngày hôm nay, sau gần 70 năm, tôi vẫn không thể nào quên được hình ảnh mẹ tôi những chiều năm xưa trên bến đò Vỹ Dạ…

Chính tại nơi này mà mẹ con tôi đã thực sự gần nhau trong tình thương không nói nên lời. Dòng sông Hương bắt nhánh tự quê nhà xa xăm, chiếc đò mỏng manh chòng chành, những hạt mưa dầm trên chiếc tơi đọt và hai bao gạo nhỏ đã in đậm tình mẹ bao la vào tâm hồn non dại của thời niên thiếu .

Có những địa danh tìm không ra trên bản đồ, có những thời điểm không bao giờ được ghi vào lịch sử, có những bến nước đò ngang trầm lặng tháng ngày, nhưng tất cả là những ký ức không thể nào quên đi của một đời người, những giây phút tỉnh thức hiếm hoi để cho con được gần mẹ và mẹ được gần con…

Mẹ tôi thường nói: "Tao chờ cho thằng Chí học xong ra đi làm là tao theo nó giữ cháu là tao khỏe" Mẹ qua đời chỉ có 6 tháng trước khi tôi mãn khóa ra trường!

Nguyễn Hữu Chí

Cờ Vàng Tổ-quốc


Lê văn Hiến

Nhìn cờ Tổ quốc, hận cảnh lưu vong!
Tôi bỗng thấy như: Hồn thiêng sông núi.
Nhắc nhở đàn con: Cuốn chiến sử thuở nào...
Sử Việt ngàn xưa: Oanh oanh liệt liệt.
Mà hôm nay…Thấy thẹn với người xưa !
Nước Việt ngày xưa :
Đất Mê-linh: cờ Nhị Trưng phất phới,
Phất cờ lau, ai dấy nghiệp Hoa-lư ?
Đinh, Lê, Lý, Trần giữ vững nền tự chủ
"Nam quốc sơn-hà Nam đế cư"
Tổ quốc ta tự muôn đời:“Địa linh nhân kiệt"
Bạch Đằng giang, Như-nguyệt, Đông-đô
Hàm-tử, Chương-dương ngàn năm bất diệt
Kháng Nguyên, Phạt Tống, Bình Chiêm vạn thuở vẫn lưu truyền !
Toàn dân một lòng cùng giữ Nước.
Ngoại xâm khiếp vía bởi tiếng thét Diên-Hồng
Nước Việt ngàn xưa, ôi đâu ngày vinh hiển
Dân Nam ơi! Còn xứng giống Tiên Rồng
Hãy nổi bão lớn: quét tan loài xâm lược
Hy sinh hôm nay, để ngày mai được sống
Bắc, Trung, Nam vàng rực một mầu cờ
Ở chốn quê người, tôi lấy máu thay mực làm thơ
Gởi đồng tâm, hỡi ai người thương Nước !!!

LÊ-HIẾN

Những đứa con của SỊA

(Chuyện kể) Lê văn Thẩm



Kính thưa bà con quê Sịa mình, hôm nay tôi xin gởi đến quý bà con hai câu chuyện mà ít bà con biết hoặc có nghe nhưng không đầy đủ, cũng có người nghe, biết mà lại còn SỢ …

Vì là câu chuyện kể bằng lời, mà khi viết thành văn để thưa với bà con, chắc khô khan và khó đọc, nên không tránh khỏi cũng có lúc phải tạo thêm một chút HƯ CẤU hay CƯỜNG ĐIỆU HÓA, như thêm chút mắm, chút bột nêm để dễ đọc và dễ nghe, nhưng câu chuyên là sự THẬT người THẬT không lệch lạc. Câu chuyện tôi đã nghe kê và gặp những người bạn chứng kiên, tôi xin vào chuyện :

Chuyện thư nhất : BÙI LANG

Vào tháng sáu năm 2013 , bạn bè cùng lớp rủ nhau đi ăn sáng uống cà phê, ngồi hàn huyên tâm sự chuyện cũ với nhau, cũng nhân dịp có bạn Đào Bạch Thạch từ Texas qua Cali chơi, anh em kể những câu chuyện các vị tướng lãnh, các sĩ quan tuẫn tiết trong biến cố 30 tháng 4 năm1975.

Thạch ngồi gần với tôi đã lên tiếng " Đơn vị mình có một sĩ quan còn độc thân quê ở SịA tỉnh Thừa thiên đã tự bắn vào thái dương trên bãi biển Mỹ Khê Đà Nẵng, một sĩ quan quá dễ thương mà mình trực tiếp chỉ huy …"Sau khi giải tán ra về tôi tình nguyện đưa Thạch về nhà con trai của anh và tôi bắt đầu vào câu chuyện để hỏi Thạch cặn kẽ về chuyện BÙI LANG tự sát.

Kính thưa bà con trước khi vào câu chuyên tôi xin nói về BÙI LANG, người mà tôi biết từ thuở thiếu thời tại SỊA.
Bùi Lang con chị Lê thị Chua cháu ngoại bác Sung, có cậu ruột là Lê Khương (Lê quốc Toản) chồng Phan thị Gái cùng thế hệ với chúng tôi và bạn bè thâm giao, chị Chua kết hôn với ông Bùi Quế, sau đó bỏ nhà bỏ vợ con đi theo Việt Minh và tập kết ra Bắc, Lang lớn lên không biết mặt cha, được sự nâng niu của mẹ và đỡ đần của ông bà ngoại
Thuở thiếu thời Lang ít sinh hoạt với bạn bè, chia phe, ù mọi, đánh nhau bằng hột sầu đông hay chơi cướp lá, chụp đầu, Lang ở nhà cặm cụi giúp ông bà ngọai phơi bánh tráng làm kẹo đậu phụng, một đứa con, cháu ngoan và hiếu thảo, có sinh hoạt một thời gian ngắn ở GĐPT đoàn Oanh Vũ. Lang không bao giờ hớt tóc dưỡng rẽ mà luôn húi tóc gần như cà rê .
Lang thi đậu vào Đệ thất lớp đầu tiên trường Công lập Quảng phước, thuở nhỏ biết ông ngoại thích có một chiếc Radio, đến khi Lang lảnh lương tháng đầu tiên mua một chiếc radio về tặng ngoại, Lang trưởng thành và vào trường Sĩ quan bộ binh Thủ Đức tôi không rõ vì năm 1959 tôi xa Sịa. Sau khi bác Sung và bác gái mất, Lang vào quân ngũ, chị Chua giao nhà cho người em gái của mình là chị Thạnh vào ở với người em trai độc nhất còn lại trong gia đình là anh chị Toản Gái từ năm 1972.

Thạch kể: " Lang là một sĩ quan gương mẫu, tân tụy với nhiệm vụ, sống hài hòa với bạn bè trên thương dưới nể, mình xem Lang như một đứa em và đầy tin tưởng “,Thạch là đơn vị phó nên kiêm sĩ quan an ninh đơn vị, biết lý lịch của Lang có người bố theo Việt minh nay là Việt cộng tập kết ra Bắc, nhưng không hề biểu hiện gì đáng nghi ngờ.... Rồi đầu năm 1975, Thạch nhận được một công điện tối mật và tối khẩn yêu cầu đơn vị thay sĩ quan mật mã báo cáo thi hành, lúc đó Lang là sĩ quan

mật mã. Thạch đang bâng khuâng, vì tìm một sĩ quan nghiêm minh, tháo vác và chuyên nghiệp như Lang không phải dễ, thì tháng 3 ập đến, đơn vị có lệnh di chuyển qua bãi biển Mỹ khê để chuyển vào nam, Thẩm biết không giờ phút đó mà Lang vẫn cắm cúi thiêu hủy các công điện và giấy tờ bảo mật thật hiếm có một sĩ quan cẩn mật và trách nhiệm như thế !

Đến bãi biển Mỹ khê thì cảnh tượng rối loạn ô hợp, không biết làm sao hơn, Thạch tập họp các sĩ quan và ra lệnh đi quanh tìm mọi phương tiện, nhưng tất cả sĩ quan trong đơn vị trở về và lắc đầu không có một phương cách nào để tìm ra phương tiện. Khuôn mặt Lang tự nhiên xúc động nhìn từng anh em trong đơn vị một cách trìu mến, và Lang nghiêm trang đứng chào Thạch, nói nhỏ với Thạch:" Đại úy cố gắng thoát thân, vì anh còn chị và tương lai của các cháu". Ban đầu Thạch nghĩ chắc Lang chào mình để tìm người bố phía bên kia, Lang bước lui cởi dây ba chạt và rút khâu colt 45, nhìn quanh từng khuôn mặt của các sĩ quan trong đơn vị rồi đưa súng lên thái dương bóp cò tiếng súng nổ, sĩ quan đồng đội chạy đến ôm chầm lấy Lang và kêu lên Lang, Lang ..nhưng không kịp phát súng thứ hai nổ tiếp Lang ngã gục trên tay của các sĩ quan đồng đội, máu Lang tuôn trào trên bãi biển Mỹ khê, trong lúc đó pháo địch lại cường tập và đã nghe tiếng hô xung phong từ đằng xa ....
Thạch cùng anh em trong đơn vị dùng tay đào một hố nông vội vàng trên bãi cát và đặt Lang nằm xuống, sau khi đắp lại chiếc poncho lên thân xác Lang, anh em đứng chung quanh chào vĩnh biệt BÙI LANG .....Lúc đó mình nghẹn ngào thương tiếc Lang ...và đơn vị tan hàng từ đó" .

Sau 30 tháng 4, chị Chua bùi ngùi cảm động nhìn Khương, đứa em trai mình vào tù, chị rán ở lại với người em dâu qua cơn ngặt nghèo, rồi lên xe đò về Sịa thăm con, suốt

chăn đường dài chị Chua cũng tự an ủi chắc Lang con mình có cha đi theo " cách mạng" đỡ đần cho nó cũng không đến nỗi gì.. Về phần ông Bùi Quế có tìm về Sịa để mong gặp lại người vợ lâu năm xa cách và thằng con trai, giọt máu để lại miền Nam. Về đến nơi thì được biết chị Chua đã vào ở với người em trai là Lê Khương mang quân hàm Thiếu tá và người con trai lại mang quân hàm Trung úy của chế độ miên nam, lai được tin con trai của mình là Bùi Lang đã tự tử tại Đà Nẵng khi quân Giải phóng đến Đà Nẵng, chắc ông đã biết được lý do mà con ông tự tử, ông cảm thấy nguy hiểm cho ông vì sự liên hệ quá nặng nề với chế độ cũ, nên ông vội vàng ra đi và cũng từ ngày đó không ai hay biết tin tức gì về ông...

Riêng chị Chua về đến Sịa nghe tin con mình tự tử ở bãi biển Mỹ Khê, bù lu bù loa khóc lóc thảm thiết, thắp nén nhang lên hai bác rồi vội vàng vào Đà Nẵng hy vọng tìm được xác con....

Đến bãi biên Mỹ khê, chiều săp tăt năng, bãi biên Mỹ khê vắng vẻ và du khách đến hưởng gió biển ngày nào không còn nữa, bãi biển không một bóng người, tiếng sóng biển muôn đời vẫn ào ạt vỗ vào bờ, những cây phi lao xơ xác, cằn cỗi đang cố gượng sống sau mấy tháng đổi chủ, một mình chị Chua đứng giữa bãi biển gào thét gọi
tên con :" Lang ơi con nằm chỗ mô, con linh thiêng con thương mạ chỉ cho mạ đem con về Sịa để nằm bên canh ôn mệ ngoại !" …Không một tiếng trả lời mà chỉ vọng lại tiếng kêu than của ngươi mẹ tìm xác con một cách vô vọng !

Lang chết ..Thân xác Lang rã rời theo cát, theo biển, theo gió, theo mây, theo trăng....nhưng thần khí, ý chí bất khuất, kiên cường, anh dũng của Lang vẫn sống mãi với bà con xứ Sịa với bạn bè cùng lớp cùng trường của Lang.

Kính thưa bà con, cuộc chiến đã tròn 40 năm qua, nhưng những thương đau tức tưởi của ngày đó chắc hẳn không phai mờ trong chúng ta, xin một nén tâm hương của bà con đối với những cái chết của người con xứ Sịa trong cơn đại hồng thủy năm 1975....

California, Tháng 4 sau 40 năm

CHUYỆN THỨ HAI : LÊ ĐÌNH TÂN và LÊ ĐÌNH SÔ

Vào năm 2008, nhân dịp về thăm quê hương, trên đường vào Sài Gòn để qua Mỹ, tôi muốn đi đường bộ bằng xe để xem lại những nơi mà mình đã từng đi qua.

Chuyến xe đò tương đối thoải mái sạch sẽ, trên xe có gắn loa từ đài phát thanh, nghe tin tức lẫn ca nhạc, xe chạy đến Cầu Hai, tôi bỗng nghe một tin :" Hôm nay là ngày kỷ niệm thành lập ngành không quân quân đội nhân dân VN, (trong đó có một đoạn thành tích) năm 1976 các anh hùng không quân đã mưu lược và trí tuệ khống chế hai tên không tặc ngụy, điều khiển phi cơ hạ cánh an toàn và bắt hai tên không tặc, điều tra và xử lý ". Bỗng phía sau ghế tôi ngồi một người phụ nữ trạc tuổi 50, nói với người bên cạnh, tôi nghe được "Hai anh nớ người làng Thủ lễ Sịa mình đó sau đó bị xử bắn tại Buôn Mê Thuột.... ", tôi định quay lui hỏi tiếp nhưng nghĩ, trong túi áo của mình cái passe port, nên làm thinh luôn, câu chuyện đó it người biết, ngay cả người trong họ hàng, thậm chí có người ngạc nhiên : có chuyện đó răng tui không hay biết chi cả , hoặc có biết nhưng họ vân còn sợ không nói .....mãi đến năm 2014 một người bạn kể lại một cách chi tiết, tôi cũng phải dấu tên tránh những điều không hay cho bạn.

Sau khi toàn miền nam quân đội Bắc Việt chiếm đóng, hai anh em Lê đình Tân và Lê đình Sô bỏ quê nhà vào Sài Gòn để kiếm sống, được biết anh Lê đình Tân là SQ/QLVNCH ngành Quân

cụ cấp Chuẩn úy, thời điểm 1976 là thời gian dân chúng miền nam đang sống trong trong bầu không khí ngột ngạt, mọi chuyện đều bị kiểm soát và bị khống chế, phần đông đã vào tù, hoặc bị lùa đi kinh tế mới, về an ninh kiểm tra chặc chẽ. Những chuyến vượt biên, vượt biển bắt đầu và tốn kém rất nhiều tiền bạc, hai anh em Tân Sô cũng muốn rời khỏi quê hương, nhưng không có điều kiện tài chánh, sau nhiều tháng ngày suy nghĩ, hai anh đã chọn và lên kế hoạch chỉ có cướp máy bay làm không tặc bắt máy bay đáp xuống phi trường Bangkok Thái lan là nhanh nhất và không tốn kém nhiều, nhưng là cả vấn đề mạo hiểm và mưu lược .....

Kế hoạch từng bước, hai anh đã mua được hai bộ quân phục miền Bắc, nón cối, dép râu và cái khó nhất là mua được vũ khí cũng như làm Công vụ lệnh giả, người kể nói lại là cái công vụ lệnh, giả chữ ký thì chuyện dễ nhưng khuôn dấu là cả vấn đề, hai anh đã dùng khoai lang cắt xén và khắc giông như khuôn dấu của một công vụ lệnh mà hai anh đã lấy được .

Sau khi chuẩn bị đầy đủ mọi thứ cần thiết, hai anh đã ngang nhiên đi vào cổng phi trường Tân sơn nhất, qua được vòng kiểm soát an ninh đó là cả một vấn đề, xong hai anh lại lên phi cơ trong chuyến bay từ Sài gòn đi Hà nội với vũ khí, điều nầy mới thấy lạ vì không bao giờ cho hành khách mang vũ khí lên may bay dân sự, an ninh sẽ kiểm soát rất chặc chẽ, có lẽ trong công vụ lệnh ghi " dành mọi sự dễ dàng cho hai đồng chí công tác, họp khẩn cấp tại bộ quốc phòng Hà nội "chăng...?

Máy bay cất cánh trong khoảng 7 đến 10 phút thì hai anh ra tay khống chế phi hành đoàn với yêu cầu máy bay đổi hướng bay về Thái lan và đáp xuống phi trường Bangkok, dĩ nhiên luật quốc tế là phi hành đoàn phải thỏa mãn theo yêu cầu của không tặc, nhưng có lẽ hai anh chưa kinh nghiệm và không để ý, nên

phi hành đoàn đã liên lạc được về Tân Sơn Nhất, ở đây đã cho hai chiếc phi cơ chiến đấu Mig bay lên và cặp sát phi cơ dân sự nầy, áp đảo ra lệnh buộc phi cơ phải hạ cánh, chuyện đến ngang đây thì hoàn toàn không có lời kết vì hai nhân vật đã bị xử bắn không ai biết tâm trạng và xử trí của hai anh lúc đó ra sao vài dòng suy nghĩ, cũng có thể sai lạc.

_ Nếu là xe hơi thì bắn xẹp lốp, xe phải ngừng, còn máy bay khống chế cách sao, và lúc đó hai anh có vũ khí, phi hành đoàn không tuân lệnh thì hai anh xử trí ra sao, trên chuyến may bay đó thời gian 1976 mà đi được máy bay từ Sài gòn ra Hà nội là những nhân vật quan trọng trong chính quyền Cộng sản, nếu có phụ nữ, trẻ em hay người lớn tuổi thì chắc chắn có liên hệ thân thuộc cấp lớn của chế độ, tại sao không bắt buộc phi hành đoàn phải theo lệnh của mình, hai chiếc Mig không lẽ bắn vào máy bay , ?.?

_ Hoặc giả phi hành đoàn đã áp đảo tướt vũ khí và bắt được cả hai anh trên máy bay hay là hai anh nghe lời hứa hẹn tha thứ, hoặc là lòng nhân đạo của hai anh khi nhìn hàng trăm hành khách trong đó có phụ nữ trẻ em và người lớn tuổi, tất cả chỉ là một chấm ? Máy bay hạ cánh an toàn tại phi trường Buôn Mê Thuộc .....Và được biết hai anh bị bắt và một thời gian điều tra, kể cả về làng Thủ lễ để điều tra các thân nhân bạn bè của hai anh sau đó hai anh bị xử bắn tai Buôn Mê Thuộc .

Câu chuyện nầy đoạn sau không biết được rõ ràng để kết luận, nhưng dầu sao đi nữa cũng là một hành động can đảm với một ý chí vượt thoát không muốn sống chung với Cộng sản như hàng triệu người Việt Nam.

Xin bà con chúng ta đốt một nén hương lòng thương tiếc đến hai người con của xứ Sịa....

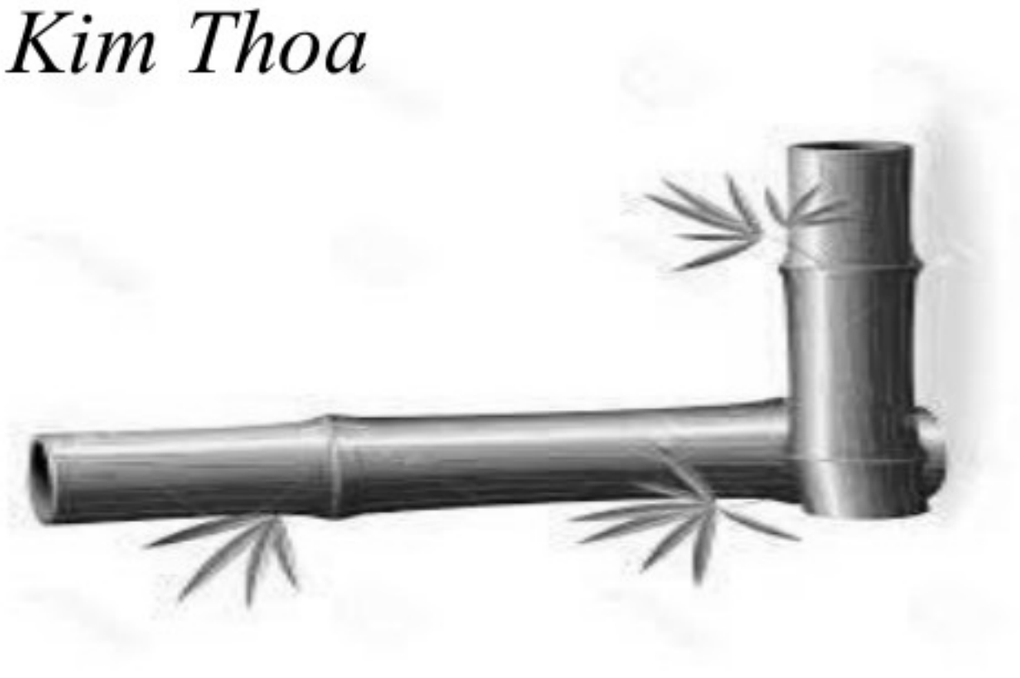
LÊ VĂN THẨM

Nhớ Sịa



Quê tôi có phá Tam Giang,
Có dòng sông Sịa xóm làng bao quanh,
Biết bao kỷ niệm ngày xanh,
Nói sao cho hết điều lành nhớ trông.
Tuổi đời cũng đã chất chồng,
Lòng luôn vẫn mãi ước mong cuối đời .
Trở về với Sịa quê tôi,
Kê bên Tiên Tô trên đồi Bạch Sa.
Nơi đó có nắng chan hòa,
Có chim ríu rít hót ca nhẹ nhàng.
Lửng lơ mây bạc, gió ngàn,
Tình quê, thôn nhỏ, xóm làng yên vui

Võ Kim Thoa



Gia đình Phật Tử SỊA

Viết để tưởng nhớ các bậc tiền bối, huynh trưởng
NHIÊU đã có công xây dựng Phật sự ở SỊA



Chẳng biết từ cái "duyên "nào mà chúng tôi đến với nhau để xây dựng nên gia đình Phật tử SỊA, gia đình thành lập khoảng năm 1954, nơi thành lập là sân trước nhà quan Lãnh (ông là người Sịa làm đến chức lãnh binh của triều đình Huế) ở làng Tráng Lực Sịa , người đứng ra sáng lập là chị Bành Ngọc Diêu (hình như bà con với quan Lãnh và thầy Lý Thụy, ông nội của anh B. Kim Lệ ?) .

Thời đó nay đã xa lắm rồi đã hơn 50 năm rồi, biết bao vật đổi sao dời, các " mầm non" ngày đó nay đã trên 70 mươi bó rồi còn chi, chưa kể ai còn ai mất ? nằm gác tay lên trán ôn lại "mầm non" ngày đó có những ai ? À ra rồi :

Bên nam có :

_ Châu phước Độ ,cháu chị Nhiêu
_Trần văn Hiệp, con bác Ngô, làm bánh tráng chợ Sịa
_Nguyễn Hội ,con thầy Thức, trụ trì chùa Thạch Bình
_ (?) Dưỡng, bạn của Hội, làng Thạch Bình
_ Lê văn Thẩm, con thầy Bộ Tuyên, làng Tráng Lực
_Lê quốc Khương, con bác Sung, nâu kẹo đậu phụng, làng Tráng Lực.

Bên nữ có :

_Ngô thị Nhơn, con o So, ở chợ Sịa
_ (?) Điễm, con bác Thước bán thuốc bắc, làng Khuông Phò
_ Thái thị Bốn, chị của anh Thái Quang Ty, làng Khuông Phò.

Còn nhiều, nhiều nữa, lâu ngày nhớ không hết, ”mầm non” nào còn nhớ xin bổ túc thêm.

Sự ra đời của gia đình Phật tử mầm non của chúng tôi là nét son tô điểm cho sự thăng hoa của Phật giáo ở Sịa, được nâng niu và nuôi dưỡng của các bậc trưởng thượng chăm lo Phật sự lúc bấy giờ như O Mộng, 0 Hý, bác Hòe, bác Thước bên Khuông Phò, bác Ngô, bác Sung, bác bộ Tuyên, bác Lý Vu ở Tráng Lực , thầy Thức ở Thạch bình…….

Thời bấy giờ là thời êm ấm, hưng thịnh nhất của toàn miền Nam dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô đình Diệm, xứ Sịa của mình cũng được hưởng chung , cũng phát triển về mọi phương diện, kinh tế, văn hóa, kể cả phục hưng Phật giáo, niệm Phật đường Sịa (Khuông phò bây giờ) được xây dựng, xây dựng từ công sức của Phật tử, người có tiền góp tiền, người có lúa góp lúa , người có sức góp sức, ngôi Phật đường thay da đổi thịt hàng ngày, toàn thể Phật tử vui biết bao !

Gia đình mầm non của chúng tôi thực sự là niềm tự hào của các vị trưởng thượng chăm lo Phật sự hồi đó, vì chúng tôi như những cánh chim hát ca trang điểm cho các lễ hội ở các chùa, từ chùa thầy Lăng ở Thủ Lễ, cho đến chùa thầy Lữ ở Khuông Phò, xa chút nữa là chùa thầy Thức ở Thạch Bình . Ở đâu có lể hội là ở đó có gia đình Phật tử chúng tôi đến cầu kinh sinh hoạt, thấy chúng tôi tung tăng ca hát ắt hẳn các Bác cũng vui lây , tự hào Sịa cũng có Gia đình mầm non thua gì Huế phải không nào ?

Lũ chúng tôi hôi đó, gia đình mâm non ngày đó được dạy dỗ bởi chị NHIÊU, huynh trưởng của chúng tôi, chị dạy chúng tôi Phật pháp Bi Trí Dũng là gì, chị dạy chúng tôi vì sao không được sát sanh , chị dạy chúng tôi những bài hát về đoàn kết sức mạnh của hợp đoàn, tất cả những gì chị dạy vẫn theo đuổi

chúng tôi sau nầy khi khôn lớn, thật quý hóa thay tuổi thơ của chúng tôi được chị giáo huấn, không có chị thì làm sao hình thành được gia đình Phật tử mầm non Sịa của chúng tôi thời đó, nay Chị đã vĩnh viển ra đi nhưng trong lòng chúng tôi mỗi lần nhớ về Chị là mỗi lần xúc động dạt dào, dẫu biết rằng ai rồi cũng về với cát bụi .

Thuở đó chúng tôi cũng được đi dã ngoại, hai địa điểm đặc trưng của Sịa, đó là rú cát Bạch Sa và phá Tam Giang . Rú Bạch sa trông giống như một tiểu sa mạc cát trắng , hình thành chắc hẳn từ ngàn năm trước, rú đẹp cát trắng bạc ngàn, nhưng nơi đây cũng ghi bao dấu tích đau thương , khi bọn đao phủ du kích cộng sản, sử dụng rú cát nầy làm nơi xử trảm một số con dân Sịa tài ba lương thiện do tư thù . Chúng giết hại ông Âm Trấp, thầy Ngâm ở làng Khuông Phò, bác Lê Kha ở làng Tráng Lực…..biết bao đau buồn oan khiên nói sao cho hết !

Phá Tam giang của Sịa cũng đã đi vào huyền thoại và thi ca :

“Thương em anh cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang “

Thuở đó tôi có dịp đi qua phá, đi từ bờ tây qua bờ đông (để đi qua biển), chiều rộng ước chừng mười cây số, sống nước mênh mông nhưng trông thật hiền lành, chỉ đến đoạn giữa phá rộng khoảng một trăm mét, khi đò qua đây đàn ông đàn bà chấp tay khấn vái lia lịa, các cây phiếu và miếu thờ được người dân thiết lập và thờ phượng tại đoạn phá nầy, thuở đó tôi còn nhỏ lắm, nhưng tôi cũng có suy nghĩ riêng : Phải chăng vì đoạn phá nầy mà dù thương em anh cũng chẳng dám vô chăng ? Hỏi người dân chuyên đi qua khúc nầy, họ bảo khúc phá nầy có con thuồng luồng khi nó giận lên, nó vẫy vùng sóng nỗi ba đào bao nhiêu đò đi ngang phải bị nhân chìm, cũng chỉ là huyên thoại thôi ! Cứ thế, tuổi thơ của chúng tôi thêu dệt biết bao huyền thoại từ phá Tam Giang.

Nhưng nay phá Tam giang đã cạn dần vì phá đối diện với rú Bạch sa mênh mông ,nên khi gió thổi cát từ trên rú lấp dần phá từ tháng nầy qua tháng nọ ,thiên kỹ nầy qua thiên kỹ nọ ,vậy nên :

"Phá Tam Giang ngày nay đã cạn
Truông nhà Hồ nội tán cấm nghiêm"

Lớp mầm non chúng tôi trong gia đình Phật tử Sịa trải qua biết bao êm đềm bên người huynh trưởng dịu hiền, ngoài dạy pháp Phật từ bi, chị Nhiêu còn dạy cho chúng tôi những bài hát sinh hoạt để đời, khắc ghi cả khi lớn khôn và cả những khi thăng trâm trong cuộc đời, ví như :

_Bài hát khi thái tử Tất Đạt Đa giả từ cung vàng điện ngọc ra đi cứu đời :

"Đêm đến đã lâu rồi đã lâu rồi, Ngài hãy chọn đường đi đường từ bi.

Đêm nay trong hoàng cung Thích Ca ngài lòng đã quyết"

.....

-Những bài hát trong sinh hoạt gặp gỡ gia đình mầm non :

"Đoàn em là những mầm non rất xinh, đang lớn đang tươi nhưng mềm...."

"Tung lên trên trời xanh tiếng hát, êm như ru chiều hôm gió mát..."

Hoặc giả : " Kìa đàn vịt ngồi dưới ao hồ, thằng bờm xờm vác que đuổi đánh....."

Tuổi nhỏ của chúng tôi trong gia đình Phật tử Sịa thời đó cách nay sáu chục năm hơn, hể gặp nhau cứ thế mà tưng bừng ca hát, ôn lại Phật pháp, trao đổi tâm tình, xem nhau như huynh đệ tương thân .

Ôi kỷ niệm ấu thơ, kỷ niệm về Sịa thật mấy ai quên được cho đến răng long đầu bạc, những Hội ơi, Nhơn ơi , Độ ơi, Điễm ơi.....ngày đó đâu rồi ?

Lê Khương
Portland 2015

Nhớ Trung Thu



Tháng tám Trung Thu ở xứ này,
Mình không còn nhỏ để vui say.
Vần trăng chú Cuội xa xa chiếu,
Ngọc thỏ Hằng Nga lơ lững bay.
Ánh bạc lầu cao rực rỡ sáng,
Tua vàng xa lộ lung linh mây.
Lồng đèn lũ trẻ vườn hoa vắng,
Rải chút tâm tư nhớ tháng ngày…

Võ Đình Tiên

San Francisco, September 7, 2014

(14, tháng 8, năm Giáp Ngọ)

Kính họa

Nhớ Trung Thu



Trung Thu đón Tết ở nơi này!
Không bạn làm sao dễ uống say.
Nguyệt vẫn cài song hờ hững chiếu,
Lòng còn chấp cánh thẩn thơ bay …
Hạc xưa ngoài nội, sương lồng tuyết’
Trăng cũ đầu non gió ruổi mây…
Tập quán bên này thay đổi khác,
Tâm tư khắc khoải nhớ bao ngày

Quanghà

San Francisco, 14tháng tám năm Giáp Ngọ

Chiếc Xe Rè



Không biết bà con mình ở Sịa có còn nhớ chiếc Xe Rè không? Tôi còn nhớ vào khoảng năm 1945-1950, sau khi hồi cư về, nhà Ba tôi đã bị Tây chiếm làm đồn nên Ba Mạ tôi về ở ngôi nhà bên ngoại, gần kề bên nhà cậu TH. tôi, là tiệm thuốc Bắc gần cầu Sịa. Trường tiểu học Sịa lại mở cửa. Ba tôi tiếp tục đi dạy lại, học trò trở lại trường. Chiếc Xe Rè xuất hiện vào khoảng thời gian đó .

Tôi không biết từ đâu mà nó có tên là Xe Rè. Theo tôi phỏng đoán có lẽ là tại vì khi xe chạy bánh xe cọ vào mặt đường gây tiếng kêu rè rè nên các nhà sản xuất tí hon mình đặt tên là Xe Rè chăng? Gọi là xe nhưng thưa các vị hậu bối vì các vị tiền bối thì chắc biết nó cả rồi . Nó chẳng có 2 hoặc 4 bánh, chẳng có chỗ ngồi, mui trần, chẳng có máy móc gì cả. Nó chỉ là một vòng tròn làm bằng tre, mây, hoặc là bằng những vành thúng, vành nia cũ ở nhà mạ bỏ không dùng nữa, xé bỏ phần dưới đáy chỉ giữ lại cái vành. Lớn nhỏ tùy tầm vóc nhà sáng chế. Sắm thêm một cái que lớn bằng ngón tay trỏ, dài chừng 2-3 gang tay, đầu que làm một cái móc nữa vòng tròn bằng giây thép để làm tay lái. Thế là các trẻ em chợ Sịa chúng ta đã có một món đồ chơi thích thú. Muốn sử dụng xe, nói nôm na là muốn chạy xe mình chỉ việc để bánh xe đứng thẳng phía trước, đẩy nhẹ cho bánh xe lăn vài vòng, rồi người lái chạy theo dùng cái vòng đẩy vào phía sau nan xe cho xe tiếp tục chạy trên đường. Điều quan trọng là giữ cho xe không ngã, xe chạy được càng xa càng giỏi. Thời đó,

ở Sịa ban ngày trời im mát hay nắng chang chang, trên các con đường làng không thiếu các cậu bé chạy Xe Rè mồ hôi nhễ nhại thích thú. Và sau đó có những cuộc đua Xe Rè giữa các tay chơi Xe Rè trong làng .

Về sau có người có sáng kiến dùng vành xe đạp cũ, gỡ bỏ tăm để làm Xe Rè, vừa chắc vừa đẹp. Thật đáng khen cho đầu óc thông minh đầy sáng tạo của con em mình. Nhưng cũng chính chiếc Xe Rè vành sắc này mà một lần đã làm tôi hoảng vía và còn nhớ đến bây giờ.

Hồi đó tôi còn nhỏ lắm, khoảng 7-8 tuổi, một buổi trưa, tôi từ nhà chú Cửu tôi ở Tráng Lực đi về nhà mình ở Khuôn Phò, gần cầu Sịa, bằng con đường hẻm bên hông nhà Bác Khán Thuyên. Con đường này thẳng góc với con đường chính chạy từ Cầu Sịa ngang qua chợ. Nó bắt đầu từ cổng chợ Sịa cũ xuống làng Tráng Lực đến Đồng Bến. Nhà chú tôi ở khoảng giữa đoạn đường đó. Vừa đi về được một đoạn đường thì từ trên đầu đường một chiếc Xe Rè bằng vành xe đạp lao xuống. Vành xe đạp đối với tôi bây giờ thì không sao, nhưng so với tấm thân nhỏ xíu của tôi hồi đó thì nó thật là lớn, và nó lăn nhanh quá, đường hẹp tôi chỉ sợ nó tông vào mình, người lái là một cậu con trai bạn của em tôi. Vì phía đầu đường hơi cao, xe đổ dốc lăn nhanh, nên cậu ta không theo kịp để giữ xe lại. Thấy cái Xe Rè muốn tấp vào phía tôi . Tôi sợ quá nép vội vào lề cỏ gần bức tường, co tay ôm đầu , rúm người lại tưởng như sắp lãnh đủ. Chợt nghe tiếng xe trúc mà không đụng vào mình, chắc là an toàn rồi. Tôi bỏ tay ra thì thấy cậu ta cúi xuống gần đó lượm chiếc xe lên, gõ vào cạnh bánh xe và tiếp tục chạy. Từ đó cứ mỗi lần có việc đi xuống chơi nhà chú tôi, là nhà Cậu T. bây giờ, tôi cứ nơm nớp lo sợ gặp phải những chiếc Xe Rè đó, cứ nhìn sau nhìn trước hoài để chuẩn bị tránh .

Sau một thời gian tôi được chuyển qua Huế học và hình ảnh những chiếc Xe Rè đã chìm vào quên lãng. Cũng như không biết chúng đã biến mất trên những con đường làng vào thời điểm nào.?

Sau này người ta đã sản xuất nhiều đồ chơi cho trẻ con và các bậc cha mẹ làm ăn khá giả đã mua sắm đồ chơi cho con cái, nên những chiếc Xe Rè, cũng như các đồ chơi tự chế khác như : Những con quay hột xoài, những giàng ná giây thun, những hột Mù u để đánh bi đánh đáo, những trái bưởi xanh để làm banh đá, những thanh tre để đánh căn đánh thẻ, những nhúm hột me, hột sỏi để con gái chơi ô làng v. v ... không còn xuất hiện nữa . Hôm Đại Hội ĐH Sịa kỳ 2 tôi tình cờ gặp lại người tài xế Xe Rè năm xưa, hình như hồi đó tôi đã nghe các bạn gọi đùa anh là "….. Xe Rè" ? Bây giờ anh đã là một người đàn ông đạo mạo, trầm tĩnh. Và hình ảnh chiếc Xe Rè của xứ Sịa trở lại trong tâm trí tôi tưởng như mới vừa xảy ra hôm qua. Một kỷ niệm của tuổi thơ, xin ghi lại để gởi đến quý đồng hương và xin chào người tài xế Xe Rè .



Châu Tráng Lực
Aug. 2014



Bình phong Giáp làng Tráng lực

Nhớ Quê

Hồ đăng Ẩn CHS trường BC&CL Quảng Phước

Xa Sịa lâu rồi vẫn nhớ thương
Hôm nay cuộc sống vẫn bình thường
Đợi đến hai năm vui hội ngộ
Tâm sự vơi đầy với đồng hương

Xa Sịa lâu rồi nhớ miên man
Lễ hội tưng bừng mỗi Xuân sang
Về đình Thủ Lễ xem đô vật
Cùng dạo chợ Phiên, hàng nối hàng

Xa Sịa lâu rồi tôi chẳng quên
Ve kêu mùa Hạ, nhạc vang rền
Phượng hồng rực thắm trường Quảng Phước
Thầy Cô, bè bạn tản muôn miền

Xa Sịa lâu rồi, Sịa tôi ơi
Nghỉ hè ba tháng mãi rong chơi
Đá bóng, thả diều cùng bạn lớp
Bao nhiêu kỷ niệm thuở thiếu thời

Xa sịa lâu rồi vẫn nhớ thương
Nhớ quá mùa Thu, buổi tựu trường
Tay mang cặp mới đầy sách vở
Heo may lá rụng ngập sân trường

Xa Sịa lâu rồi tôi vẫn thương
Nhớ đồi cát trắng sát bên trường
Bến nước, con mương dài thẳng tấp
Tam Giang đầy cá Thệ, Trích, Chuồn…

Xa Sịa lâu rồi tôi vẫn nghe
Đông về Quảng Phước lại đua ghe
Ghe mực, ghe ngang cùng bằng mũi
Trống dục, phèn la, hẹ la hè…

Xa Sịa lâu rồi vẫn nhớ thương
Quê hương réo gọi ở sa trường
Khoát áo chinh nhân, trai thời chiến
Xa bạn, xa trường, mãi nhớ thương !

Hồ đăng Ấn

Thần tượng của một chú bé ở Sịa



Khi tôi vừa bước vào tuổi mười hai, học xong tiểu học thì đúng vào năm 1945, những sự kiện dồn dập vào lúc đó làm cho cái đầu óc non nớt của tôi bỗng nhiên ngỡ ngàng. Thế giới vui mừng bước ra khỏi sự tàn phá kinh hoàng của Đại Chiến thứ II, để từ đống gạch vụn xây dựng lại tương lai rực rỡ cho nhiều nước, thua trận cũng như thắng trận. Ở khắp nơi trên thế giới, những đứa bé ở tuổi tôi đang nhìn tương lai bằng những con mắt sáng rực hồn nhiên, thì mắt tôi lại vướng phải những cảnh tượng xấu xa bất hạnh, tôi bắt đầu thấy và nếm được mùi chiến tranh mà người ta đã vứt bỏ.

Tiếng súng mà tôi nghe được lần đầu tiên là vào đêm 9/3/1945 khi quân Nhật đánh chiếm thành phố Huế trong tay người Pháp. Tôi hình dung ra cái cảnh bắn giết chết chóc, gần như xa lạ trong trí tôi. Thế nhưng một luồng gió mới được thổi lên, phong trào yêu nước bùng dậy làm say mê lòng người, lần đầu tiên tôi nghe nói đến hai tiếng độc lập, tôi cũng lờ mờ hiểu rằng đó là hai tiếng vui mừng sung sướng. Mỗi đứa con nít chúng tôi hè nhau kiếm một thanh sắt, có khi là phá một cái song cửa sổ, để nhờ bác thợ rèn đầu xóm gõ thành con dao găm rồi lấy mo cau may thành một cái bao mang bên hông, trông oai vệ với khí thế đằng đằng.

Trong cái mà tôi cho là oai vệ đó, tôi còn không may lại phải chứng kiến những hình ảnh không vui, gần như bất hạnh, ghi lại

như những dấu vết khó xóa tẩy trong cái đầu óc non nớt của tôi lúc bấy giờ.

Trong nạn đói năm 1945, có những buổi sáng tôi theo chú tôi đi đút cháo cho những người sắp chết đói nằm rải rác trên các lề đường trên cánh đồng An Cựu, trong khi người lớn thì lo lượm xác chết vô danh bỏ lên xe bò, tôi sợ quá, phải tránh xa.

Khi được vào học ở trường Khải Định, tôi ngỡ ngàng choá mắt từ cái khung cảnh cổ kính uy nghi với những hàng cây rậm rạp cho đến các vị giáo sư đạo mạo và các vị giám thị nghiêm khắc. Bỗng một hôm, đang giữa buổi học thì một đoàn quân Tàu Phù kéo vào trường, chiếm đóng ở préau. Họ đến để giải giới quân Nhật đã thua trận. Đến giờ ra chơi chúng tôi kéo xuống xem để được chứng kiến cảnh các sĩ quan dùng roi quất vào binh sĩ như quất một con vật và một số lính đã rửa mặt súc miệng nơi các máng đi tiêu dành cho nam sinh. Hình ảnh đó làm cho chú bé thấy được cái mặt khác của cuộc đời.

Rồi từ đó, hết Tàu rồi đến Tây chiếm cứ ngôi trường thân yêu đó để rồi không bao giờ tôi được trở lại nữa.

Có lúc trường học của chúng tôi là cung điện điêu tàn trong Thành Nội, sau khi bị bom đạn tàn phá một phần, được ngăn chia bằng những tấm phên tre, để học sinh ngồi ở lớp này lại được nghe giảng bài ở lớp bên cạnh.

Từ An Cựu cuốc bộ qua tới Thành Nội, lại phải qua đò sông Hương vì cầu Trường Tiền đã bị phá sập để ngăn quân Pháp khỏi tràn qua tả ngạn. Cuộc hành trình công phu đó phải mất gần nửa ngày trời mới đến được trường nên chúng tôi được nhắc nhở là phải trân quý tùng chữ một những gì đã học được.

Thế rồi toàn quốc kháng chiến, công sở cũng như trường học phải dời ra Đồng Hới để nhường Huế thân yêu lại cho người Pháp. Tôi tham dự buổi học cuối cùng, từ biệt thầy và bạn mà lòng buồn dười dượi, thấm thía tâm trạng bài "*La Dernière Classe*" của Alphonse Daudet khi Pháp phải nhường vùng Alsace cho người Đức. Tôi được theo Ba tôi ra Đồng Hới tiếp tục học, mà tôi gọi là một cuộc "đi săn chữ" vất vả cam go. Trên đường đi giữa đêm khuya, tôi gặp những toán lính lặng lẽ áp tải những con người thiểu não nặng nề bước theo như những bóng ma. Ba tôi nói đó là tù, những người không theo Việt Minh, họ cũng được di tản tránh giặc như công chức và học sinh chúng tôi, biết đâu trong đó lại chẳng có những thần tượng của tôi.

Khi Đồng Hới cũng phải di tản ra Nghệ An thì Ba tôi quyết định bỏ cuộc, kéo tôi trở lại Huế lấy cớ là về ăn Tết năm đó. Lúc đó đường sá giao thông bị cắt đứt nên phải bám vào bất cứ phương tiện gì di chuyển về hướng Nam, xe, tàu, đò, kể cả lội bộ, đồng thời phải cố tránh máy bay Pháp đang oanh kích các trục giao thông.

Đến Quảng Trị, vừa nấp máy bay dưới mé sông, tôi vừa được chứng kiến rõ mồn một hai trái bom dội xuống làm sập chiếc cầu Quảng Trị trên quốc lộ số1, như đang xem một phim chiến tranh ngoạn mục trên màn ảnh ba chiều.

Về đến Sịa thì chỉ còn lại một chút dư âm của Tết, nhưng nhà vẫn đông vì bà con ở Huế về tản cư. Chẳng được bao lâu sau thì thảm cảnh gia đình lại đến với chúng tôi, Ông Nội và Chú tôi bị ám hại trong đêm 20 Tết, để rồi tôi phải tham gia vào toán người đi tìm kiếm trên rú, một kỷ niệm mà tôi thấy như mới ngày hôm qua.

Vào thời đó, thông tin hạn hẹp, tầm nhìn của tôi cũng quanh quẩn trong gia đình và qua một ít sách vở báo chí hiếm hoi, nên tôi cho mình thuộc loại cóc ngồi đáy giếng. Trong cái hạn hẹp đó, bên cạnh những hình ảnh rùng rợn mà ở cái tuổi non nớt của tôi lẽ ra không được chứng kiến, tôi còn thấy được nơi một số đàn anh những cái gì sáng chói làm cho tôi say mê, ao ước, lúc đó tôi chưa biết đến chữ "thần tượng".

Một hình ảnh làm choáng mắt tôi là các anh Thanh Niên Tiền Tuyến trong phong trào Việt Minh, oai phong lẫm liệt trong bộ quân phục sĩ quan trên lưng ngựa. Họ đã thực sự dấn thân và hào hùng ca bản "*Xếp bút nghiên theo việc binh đao*", để dành nhau xung phong đi đánh giặc Pháp ở Lào và ở Nam Bộ trong sự lo âu tột cùng của các bà mẹ. Thế nhưng tôi càng ngạc nhiên hơn khi gặp lại bốn mươi năm sau, một trong những chàng trai đó, sau nhiều chiến công hiển hách trong một đời quân ngủ, đã mỉa mai than thở:

"Thời son trẻ xả thân cứu nước,

Lúc về già bán nước nuôi thân"

anh đã thất vọng cho quá khứ, thất vọng cho hiện tại và cho cả tương lai. Anh đang mưu sinh bằng cái sạp bán mấy chai nước ngọt trước cửa nhà ở phố Ngõ Trạm, Hà Nội để độ nhật qua ngày.

Một thanh niên giòng dõi quý phái, vừa mới đậu xong Tú Tài, đang chuẩn bị đi du học, trong một đêm dưới trời mưa lạnh, đã cùng với dăm ba du kích với cây súng Mousqueton cổ lổ đã tấn công quân Pháp đóng ở khách sạn Morin và đã bị tử thương ngay trong đợt đầu. Anh được phong làm liệt sĩ. Trong khi đó một giới chức Việt Minh thân với gia đình cho hay là

anh cũng có tên trong danh sách những người trí thức bị thanh toán ở làng Sịa sau đó mấy tháng.

Cũng một nhân vật, cũng một tài năng, cũng một phẩm giá và nhất là cũng một lòng yêu nước nhiệt thành, mà nếu chết bởi viên đạn của quân Pháp khi thì được tôn vinh bằng hai chữ "liệt sĩ", nêu bởi thanh mã tâu của Việt Minh thì lại là "Việt gian" bởi cái nhìn hẹp hòi của một số người tự vỗ ngực là yêu nước !

Một giáo sư vừa mới lấy xong bằng cử nhân toán, vui vẻ, hoạt bát, đã làm tôi thích thú say mê trong những giờ học toán mà tôi tưởng là khô khan khi tôi vào trường Khải Định, thì cũng bỗng nhiên mất tích, chỉ vì anh là Quốc Dân Đảng.

Một học giả nổi tiếng đã vun đúc hai người con trai thành tài. Một anh đậu cử nhân luật xong với một tương lai rực rỡ mà cứ ở nhà cuốc đất trồng khoai, âm thầm hoạt động chính trị, để rồi một hôm công an ập vào nhà bắt mang đi biệt tích.

Năm năm sau, anh bị xử tử công khai tại Hà Tịnh, trước khi bị bắn ngã gục anh đã hô to "Việt Nam Muôn Năm". Người anh là một bác sĩ y khoa, làm chính trị nhiều hơn là làm thầy thuốc. Anh là đảng trưởng một đảng chính trị không đội trời chung với cộng sản nên đã bị công an theo dõi sát nút, anh thoát được là nhờ giả dạng làm kẻ chài sống trên phá Tam Giang. Về sau anh vẫn bị bắn gục ngay trong bửa ăn, trước mặt vợ và năm con.

Thần tượng của tôi cứ rơi rụng dần làm cho cái đầu óc non nớt của tôi lúc đó càng ngày càng hoang man. Chú bé Sịa ngỡ ngàng trước ngưỡng cửa của cuộc đời. Thế rồi thời gian trôi qua, những ước vọng của chú bé vẫn còn là giấc mơ.

Ở vào thế hệ các cháu tôi, khó mà tin được những gì tôi kể ra là những điều tôi đã thật sự sống qua. Chúng đã được sinh ra

trên đất Pháp, hưởng thụ một nền giáo dục nhân bản, được đào tạo vừa tri thức vừa nhân cách, của một nền văn minh xa cách với Việt Nam hiện tại hơn nhiều thế kỷ về phẩm giá con người cũng như đạo đức. Đó cũng là những điều mà chú bé Sịa ngày xưa đã từng được hấp thụ tuy trong những hoàn cảnh muôn phần khó khăn hơn.

Tuổi trẻ nào cũng thắc mắc về tương lai. Chúng sẽ tự hỏi tương lai quê hương mình sẽ đi về đâu, trong khi chúng thấy những gì đang xảy ra ở Việt Nam lại không giống những mẫu mực mà chúng đang sống, trong khi chúng thấy những người Việt Nam rời bỏ quê hương đang trốn tránh chui rúc trong rừng Téteghem chỉ cách nhà tôi chưa đầy hai cây số.

Tôi chỉ biết giải thích bằng một nhận định đơn giản là khi còn nhỏ thì chú bé Sịa được cắt nghĩa rằng cộng sản là lấy tài sản của người giàu chia cho người nghèo, nhưng qua những gì đã chứng kiến trong suốt cuộc đời thì lại thấy rằng cộng sản có nghĩa là lấy của người nghèo chia cho người giàu.(…chia nhau làm giàu ?)

Phương Vũ Võ Tam-Anh


Đình làng Thạch Bình

Ngậm ngùi



Đi thêm bước nữa ngại ngùng
Mai ngày cỏ úa hương tàn bình vơi
Dạt dào gió chướng hoa trôi
Quê hương một gánh đầy vơi chuyện tình
Em về tìm ánh sao đêm
Nghe ca dao cũ tiếng đêm thở dài
Mịt mù tăm cá ngàn khơi
Cây vô ưu ấy u hoài tiếng thơ
Ta tiễn nhau một đoạn đường
Hỏi em chốn cũ nay còn nơi đâu
Thôi về ôm cội trúc đào
Ngàn năm mây trắng thoáng thành hư vô
Cây xa bóng ngã vê chiêu
Sông xưa vẳng tiếng à ơ gọi đò
Biết rằng rồi cũng phù du
Nửa đêm nghe tiếng đò đưa ngậm ngùi .

May lang thang 2014 *



Tháng Ngày Qua . . .



Ngồi buồn nhìn bầu trời đầy mây xám đang lang thang mà nhớ lại những tháng ngày qua. Đã mấy chục năm trời bạn bè cách biệt nhau mỗi đứa mỗi nơi kể từ ngày thôi học rồi theo chồng đi đây đó và thật không ngờ chúng tôi lại có dịp gặp nhau nơi đất lạ xứ người .

Thời gian đi qua có làm phôi pha đôi chút sự trẻ trung của thời con gái nhưng vẫn còn nét đăm chiêu đầy lo âu của những phu nhân thời loạn ly sống xa quê hương, dù chúng tôi có thay đổi chi đi nữa cũng không làm sao mà quên nhau được.

Một hôm tình cờ tôi gặp lại Yến vào một ngày đẹp trời với niềm vui rộn ràng của ngày hội Huế, còn Châu không ngờ hai đứa lại nhận ra nhau trong ngày lễ Phật Đản tại chùa với đông người qua lại, niềm vui xôn xao đón mừng ngày Phật Đản và niềm vui gặp lại bạn cũ cứ rộn ràng mãi trong tôi. Khi gặp lại nhìn đứa nào cũng vậy chỉ hơi già một chút thôi nhưng tính tình chẳng có chi khác vẫn dễ thương như ngày nào.

Hồi đó cũng đã lâu lắm rồi nhưng khi nhớ lại mà cứ tưởng như mới đâu đây. Châu, Yến và tôi là ba đứa bạn thân thời thơ âu khi còn học tiểu học cùng trường cùng lớp lại ngồi chung bàn. Những ngày đầu thật ngớ ngẩn dưới mái trường tiểu học lớp ba, lớp bốn với mái tóc cắt búp bê trông thật ngộ nghĩnh ngơ ngáo làm sao.

Mỗi lần đi học trên con đường cùng đi đến trường chúng tôi thường chia cho nhau từng củ khoai lang luộc, cắn chung nhau

trái ổi còn sống đôi lúc cùng cắn chung trái me chua chấm chút muối ớt cay cay rồi hít hà khen ngon qúa, những kỷ niệm nho nhỏ ấy khó mà phai nhạt trong lòng chúng tôi.

Ngày tháng trôi qua chúng tôi đã lớn dần theo năm tháng, tuổi khờ khạo qua đi tuổi dậy thì lại đến, ba đứa ngập ngừng trước ngưởng cửa của lớp đệ ngũ trở lên lòng xôn xao vì thấy mình đã lớn.

Châu là cô bạn hiền lành với làn da trắng lúc nào cũng vô tư với nụ cười hồn nhiên nên cuộc đời không mấy sóng gió, còn Yến thì điệu nhất vì nàng là "Tôn Nữ" nên bước chân lúc nào cũng nhẹ nhàng khoan thai, giọng nói thì trầm ấm thật dễ thu hút lòng người. Yến có "bồ" sớm lắm, sáng đưa chiều đón nên đôi mắt của Yến càng ngày càng long lanh. Bởi vậy cứ giờ ra chơi tôi và Châu thường cặp kè bên Yến để nghe Yến kể chuyện tình mới chớm với những tờ thư xanh. Còn tôi thì có cái tật hay măc cỡ và thường dâu môi măt mình sau mái tóc buông lơi.

Mỗi khi nghĩ đến tôi thương Yến và ngậm ngùi cho chuyện tình của Yến vì một chút hiểu lầm mà cuộc tình đã trở thành mây khói, mưa gió bão bùng đã làm ngập lụt trái tim ngây thơ vô tội. Thời gian trôi qua theo năm tháng khi ấy chàng mới hiểu được thì đã muộn màng . . . nàng đã lên xe hoa về bến khác mang theo nhiều tơ vương và chàng trở thành người si tình " Người đi một nửa hồn tôi mất, một nửa hồn tôi bỗng dại khờ . . ." Với Châu tôi càng thương hơn, Châu thật thà chất phác lại giản dị và ngây thơ đến độ mất người yêu lúc nào không hay. Một thời vì hăng say tranh đấu để bảo vệ Phật Giáo, Châu miệt mài ngày đêm ở mãi trong chùa, không về thăm nhà, không thèm để ý người mình thương bây giờ ra sao. Chàng đợi hoài không thấy "Châu về hiệp phố" nên buồn lòng bỏ xứ ra đi biền biệt. Khi hay tin Châu đã cố giữ nét mặt bình thản, cố níu lại cái

ngây thơ vô tội nhưng không làm sao che dấu được nỗi buồn xa xăm hằn lên trong đôi mắt.

Nghĩ đến bạn bè với những chuyện tình xa vắng tôi cũng chạnh lòng về một thuở "mây đầy trời phủ kín sơn khê". Chúng tôi cũng xây lâu đài trên cát cũng vẽ vời những giấc mộng bình yên nhưng sóng gió cuộc đời đã làm sụp đổ và chôn vùi bao ước mộng.

Tuổi mộng mơ của một thời con gái của áo trắng mây bay với mái tóc thề nghiêng che vành nón. . . tất cả đã lùi về qúa khứ nhưng khi hồi tưởng lại mấy ai mà không nhớ "Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy, ngàn năm hồ dễ đã ai quên . . ." Tình yêu nào mà không có những trời thơ lãng mạn, tình đẹp nào mà chẳng có những ngấn lệ long lanh. Tôi cũng e-ấp ép vào trang sách những tờ thư xanh diễm tuyệt, tôi cũng thẹn thùng khi người ấy nói yêu tôi và đỏ mặt khi chàng đọc những câu thơ tình tứ nhìn tôi cười chọc ghẹo "Ai bảo em là giai nhân cho đời anh đau khổ, ai bảo em ngồi bên cửa sổ cho vương vấn nợ thi nhân " và chàng cũng nói đến chuyện tương lai mà chàng đã dự định.

Cái thuở mà "Hiếu lễ vi tiên", phận làm con biết nói sao đây!

Nước mắt mặn hòa trong tim dòng máu đỏ
Tôi lắc đầu mà nước mắt cứ vây quanh…

còn chàng thì chao đảo:

Ước gì trộn được hiếu tình trong ly rượu cổ
Uống một hơi cho quên hết thương đau . . .

Rồi một ngày giao mùa thu đông trời trở gió, cơn mưa phùn đầu đông và ngọn gió cuối thu còn sót lại đã làm lạnh buốt chúng tôi thêm. Đi bên nhau tay trong tay mà cứ ngỡ mình đang

đi trong sương tuyết. Những năm tháng mịt mờ sương khói chàng ra đi mà không bao giờ trở lại.

Thời gian trôi qua, tôi gói kỷ niệm để trong tầng sâu tâm thức và lên xe hoa theo chồng như những cô gái khác. Tôi may mắn có cái hạnh phúc tuyệt vời bên người chồng có trái tim thương yêu và rộng lượng, người có niềm tin và đôi tay vững chắc để bảo bọc gia đình.

Cứ mỗi buổi chiều sau giờ tan sở, khi về đến nhà chàng dang hai tay ra ôm tôi và các con vào lòng thương yêu trân qúy. Chàng xiết chặt bằng mười ngón tay đan nhau càng lúc càng chặt hơn, cho đến lúc tôi và các con la lên "ngột qúa ba ơi" khi ấy chồng tôi mới chịu buông tay ra cất tiếng cười vang vỡ sung sướng. Và sau những bữa cơm chiều chàng thường dắt tôi đi bách bộ bên lề đường rợp bóng vai sánh vai mà tính toán chuyện về già khi các con đã khôn lớn.

Niềm vui qua mau nỗi buồn lại đến, chuyện về già mình tính chưa xong và anh đã ra đi trong cơn bệnh ngặt nghèo để mình tôi ở lại với ngày tháng thoi đưa…

Thiên đàng địa ngục mới nghe qua tưởng như ở đâu xa lắm nhưng thực sự cứ quanh quẩn bên ta, khổ đau và hạnh phúc. Ba đứa bạn già chúng tôi bây giờ vẫn ở không cách xa nhau lắm thỉnh thoảng vẫn ghé thăm nhau và mỗi lần đi chơi đâu xa vắng một trong ba đứa là bớt đi một chút niềm vui vì thiếu người tâm sự.

Áo Tím

Giọt Trăng

Đêm nay tôi nhìn trăng lênh đênh
Giữa trời hiu quạnh sáng mông mênh
Ra đi mang nửa vâng trăng lạnh
Xứ lạ trời xa bóng gập ghềnh

Đôi khi tôi nhìn trăng mông lung
Trăng nhìn kẻ lạ giữa người dưng
Gió mùa thu trước như quay lại
Thổi buốt qua hồn bao nhớ nhung

Thuở ấy trăng vàng mơ mộng quá
Đoá tình ươm nụ những vần thơ
Dưới trăng hai mái đầu chung bóng
Thầm hẹn cùng nhau những bến bờ

Tôi muốn về nhìn trăng mới lên
Cùng em mắc võng ở hiên thềm
Để nhìn trăng chiếu qua khe lá
Sống lại thời xưa thuở êm đềm

Nhớ quãng tháng tư mùa gặt hái
Lúa về, trâu đạp giữa sân trăng
Lũ trẻ nô đùa bên đống rạ
Và nghe kể chuyện ở cung Hằng

Tháng tám đẹp mùa trăng ấu niên
Lòng reo theo nhịp trống vang rền
Tưng bừng ca múa ngoài hương lộ
Chân nối chân vui, đèn nối đèn

Về phá Tam Giang con nước lớn
Ngược dòng lên Cửa Lác, Phong Lai
Vớt lên trăng bạc trăm ngàn mảnh
Đem bỏ vào thơ, đẹp phiến cài



Giây phút này đây trăng vỡ tan
Cali, đâu hạc nội mây ngàn?
Là mơ, hay thực? Tôi không biết
Chỉ biết mắt mình vương giọt trăng

Quang Hà

Con Về

Con về thăm lại Mẹ hiền
Bao năm chất chứa nỗi niềm nhớ thương
Lưng còng tóc bạc như sương
Đón con trước ngõ bên đường cái quan
Mừng vui giây phút hân hoan
Vẫn nghe nhịp thở thời gian ngậm ngùi...

Con về Mẹ đã đi rồi

Nắp quan đậy kín, tìm Người nơi đâu!
Âm dương cách một biển sầu
Lòng con với một niềm đau tận cùng!
Nhìn lên cuồn cuộn hương trầm
Lung linh ảnh Mẹ, bềnh bồng khói nhang
Con về lần cuối đưa tang
Nắng chiều rơi, cát nghĩa trang lạnh lùng.

Nov 15 Quang Hà

Dòng Sông Thơ Trẻ

Truyện ngắn-Nguyên Đạt

Quãng đời ấu thơ và tuổi lớn của tôi đã trải qua ở một làng chài nằm dọc theo bờ phá Tam Giang. Đó là một ngôi làng nhỏ, rất nhỏ, nếu đi bộ từ đầu làng tới cuối làng cũng chưa đầy mươi phút. Nguyên thủy nó gồm có hai ấp: An Cư và An Lạc, sau gộp chung lại thành một cái lên làng: Cư Lạc.



"An cư, lạc nghiệp" là ước muốn muôn đời của tất thảy mọi người nói chung, riêng đối với làng tôi thì đó lại là một ước muốn thiết thân, bởi lẽ hầu hết nơi đây toàn là dân ngụ cư từ nhiều phương rất xa tụ đến. Ngay như dòng họ nhà tôi gốc gác cũng đâu tận vùng Đất Đỏ xa xôi ngoài Quảng Trị du cư vào khoảng mấy chục năm nay.

Cũng vì sinh sau đẻ muộn, lại gặp thời buổi loạn ly nên làng tôi là làng duy nhất trong toàn xã chưa được nhà Vua công nhận sắc phong.

Cha mẹ tôi phần lớn thời gian theo nước sông hồ đi khắp nơi bán buôn ở những phiên chợ định kỳ nên tôi được ông bà nội lãnh phần nuôi dạy. Cứ thế, tôi lớn dần lên với năm tháng bên cạnh bàn tay chăm sóc từ ái của hai ông bà. Thông qua nội, những tên đất, tên người, tên làng, tên nước, tôi đã thuộc nằm lòng trước khi làm quen với bài học đầu tiên để biết đọc, biết viết những cái tên đó trong các tập Sử ký, Địa lý... Cho tới bây

giờ, trong ký ức tôi vẫn còn đọng lại đậm nét những câu ca dao thấm hoài nỗi nhớ:

Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ
Yêu em anh cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang...

Khi đọc tới đây, bỗng nhiên nội bảo tôi dừng lại, rồi hỏi:
-Này! Cháu của ông có biết *phá Tam Giang* nằm ở mô không?
-Dạ... Thưa ông. Chắc là xa lắm nội hí?
-Không xa mô cháu ạ. Đó là cái *Rào* mà cháu và bạn bè thường hay tắm táp, nô đùa trửng giỡn hằng ngày ấy mà.



-"Ô! Té ra"... Tôi reo lên ngạc nhiên, bấy giờ mới biết cái *Rào* còn có một tên gọi khác. Nhưng rồi thắc mắc:
-Ông à! Cháu thấy cái *Rào* cạn xợt, có nguy hiểm chi mô mà người ta sợ dữ rứa?
-Ngày trước nó khác lắm cháu à. Ông nội nói: -Hồi đó thường có những con thuồng luồng quậy phá, đánh chìm ghe thuyền cướp đi sinh mạng, tài sản của rất nhiều người và...

Vậy là tôi được ông kể cho nghe câu chuyện cổ tích về cuộc chiến đấu gian khổ của ông bà tổ tiên để diệt trừ cái mầm họa chung; nhờ thế, con cháu sau này mới được an tâm đánh bắt cá tôm, không còn e ngại gió to sóng cả nữa.

Kho tàng cổ tích của nội nhiều vô kể, cứ như ông để sẵn đâu đó trong túi, gặp lúc cần là lấy ra ngay. Từ những câu chuyện cổ tích đó, ông thường liên hệ với thực tại, dạy cho tôi biết cần phải ăn ở sao cho phải đạo làm người. Đó là con người sống ở đời phải *có nghĩa, có nhân, có lễ, có tín…v v…*và*…vv…*

Một lần, gặp lúc thấy ông đang vui, tôi thủ thỉ hỏi:

-Nội ơi! Nội kiếm mô ra lắm chuyện cổ tích rứa?

Ông chăm chú nhìn tôi một đỗi, hiền từ mỉm cười có phần đắc ý rồi lập tức kéo tôi trèo lên căn gác lửng mà lâu nay chỉ mình ông độc chiếm, lui cui lấy ở tủ ra những tập sách dày cộm, lật từng trang, chỉ vào đó và bảo:

-Ở cả trong ni nì. Cháu muốn biết không?

-Nhưng... Cháu đâu biết được như Tôi phụng nói, và nội từ thích:



-Muốn biết đọc phải học chữ. Khi biết chữ rồi thì cháu đọc tha hồ mà tìm hiểu, sẽ biết vô khối chuyện cho mà coi. Nào. Bây giờ ông cháu mình cùng học nhé!

Tôi bắt đầu làm quen với mẫu tự A, B, C như thế đấy.

Hồi đó, trường Huyện quá xa, nội được tiếng có chút chữ nghĩa trong làng nên bà con nhân đó gởi con cháu tới nhờ ông dạy bảo luôn. Tôi nhớ, vốn liếng của nội độc chỉ có quyển Quốc Văn Giáo Khoa Thư để dạy lũ trẻ tập đọc-tập chép, còn làm toán và tập viết thì ông cứ tùy nghi phóng bút vào vở học trò; vậy mà

khi đủ tuổi nhập vào lớp Ba trường huyện, cả bọn học hành cũng giỏi dang chẳng kém cạnh chi ai.

Nội vốn rất mê truyện Tàu, ông thường kè kè một quyển sách bên mình, hể có dịp rỗi rãi là căm cúi mở ra đọc, nhăm đên hôi cao hứng, ông vuốt râu, dửng mày đi một đường *"Hành Vân Tẩu Mã"* gọn bân, mặc cho lũ đệ tử đang chúi mũi chúi lái ê a học bài ngưng cả lại, há hốc mồm nhìn ông kinh ngạc.



Vào một buổi trưa hè, nội đang nằm lơ mơ trên tấm phản gỗ, bỗng như chợt nhớ ra chuyện gì liền nhỏm dậy, bước tới chỗ chiếc tráp kê ở đầu giường phía sau buồng ngủ lục lọi hồi lâu rồi lôi ra một chiếc kèn loe bóng loáng; sau đó, từ tốn quay trở lại, leo lên phản, hai chân xấp bàn, sửa soạn lệ bộ, khi tư thế đã hoàn toàn thăng thớm mới trịnh trọng đưa chiêc kèn lên miệng thổi; tức thì một tràng âm thanh tha thiết trổi lên, khi thì dịu dàng uyển chuyển, có lúc lại bi tráng trầm hùng như có một đạo quân đang rầm rập phi mình trên lưng ngựa ầm ào chiến đấu khiến tôi sửng người, đứng như trời trồng, mê mẩn lắng nghe chẳng rời nửa bước. Hỗng biết tự bao giờ, bà con chòm xóm kéo tới lớp trong lớp ngoài say mê theo dõi. Cao hứng, ông thổi luôn một mạch bốn năm bài mới nghỉ.

Sự phát hiện này làm tôi nổi lên một đam mê bức thiết; vậy là suốt ngày hôm sau cứ lẽo đẽo theo sát đít nội, nằn nì ông dạy cho mình thổi kèn. Sau một lúc trầm ngâm suy nghĩ, ông thủng thỉnh đứng dậy bước ra vườn cắt một ống đu đủ, múc tô nước thật đầy để ngay trước mặt tôi, bảo:

-Muốn sử dụng chiếc kèn loe này để thổi cho tròn một bài nhạc thì cháu phải biết lấy hơi vòng từ mũi xuống miệng suốt từ

đầu tới cuối không được ngắt khúc giữa chừng. Bây giờ cháu hãy quan sát ông làm nhé!
Nói xong, ông từ từ đút ống đu đủ vào tô nước rồi phùng mang thổi. Lạ thay, hơn phút rưỡi trôi qua mà bọt nước trong tô vẫn liên tục sủi lên đều đặn không ngưng nghỉ.

Đưa ống đu đủ cho tôi, ông nghiêm nghị nhìn và bảo:
-Cháu hãy bắt đầu đi, khi nào được như ông thì mới thực hành trên chiếc kèn loe này được.
Suốt một tuần khổ nhọc vật lộn với ống đu đủ cùng tô nước vẫn không sao làm được như nội, tôi thất vọng quá chừng.
Thấy cháu buồn, ông dịu dàng an ủi:
-Không phải bất cứ điều gì mình muốn làm là được ngay đâu. *"Có công mài sắt, có ngày nên kim"* cháu ạ. Thôi, để đó rồi hạ hồi phân giải, bây giờ ông cháu mình chơi món khác đi.

Chiều hôm sau, ông cho tôi thay đồ mới rồi cả hai dẫn nhau lội bộ cả chục cây số lên tận xã trên, tìm nhà người quen, kiếm cho được cây trúc già vàng ngàu rỗng ruột, đem về, phơi nắng mấy ngày vừa đủ khô. Thêm một buổi lấy que sắt nung nóng dùi lỗ và chuốt gọt, đánh bóng nữa là hai ông cháu có trên tay mỗi người một ống sáo bóng rạnh.

Dưới ánh trăng thượng tuần còn mờ nhạt chưa đủ soi rõ mặt người vào tối mùa hè oi ả đêm ấy… Nội và tôi trải chiếu giữa chiếc sân đất trước nhà say mê luyện tập bài sáo đầu tiên: "*U liêu xề cống liêu*". Ông xướng lên và tôi đọc theo: *U xang u, liêu cống liêu xề. Cống liêu cống, xê xàng xự xàng xê...*
Quá nửa đêm một chút thì tôi đã hoàn thành bài sáo nhập môn "Kim tiền-Lưu thủy".
Từ đấy, tôi quên phéng luôn chiếc kèn loe với tô nước đầy, sôi tràn bọt sóng.

… Năm tháng đi qua, dòng đời đẩy đưa làm cho tôi mỗi lúc càng xa ngái làng quê có người ông yêu dấu. Tôi đã trải qua không biết bao thăng trầm chìm nổi, nếm đủ cả đắng cay lẫn cả ngọt bùi; nhưng những năm tháng đáng nhớ nhất trong đời tôi vẫn là những tháng ngày êm ả bên người ông yêu dấu.

Tôi đã từng làm người thổi sáo rong, đi bán sáo dạo, nay ở đầu đường, mai ở cuối chợ, chủ nhật thì với một túi sáo đầy lưng, đem tiếng sáo mua vui kiếm tiền độ nhật. Rồi một ngày, tôi chợt nhớ ra cái nguyên tắc mà nội đã truyền thụ hồi xưa khi làm ống sáo ban đầu. Tôi mày mò nghiên cứu, chế ra đủ các loại sáo ngang, sáo dọc, ống địch, ống thiều… Bây giờ tôi đã có một cơ ngơi nho nhỏ bán đầy đủ các loại nhạc cụ dân tộc do công xưởng tại gia làm ra.

"Cháu ơi! Đừng bao giờ nản lòng. Cháu phải biết ước mơ, và điều quan trọng là cháu phải có quyết tâm thực hiện ước mơ đó".

Tôi đã làm theo lời khuyên của nội và đã có chút thành đạt trong cuộc sống. Đó cũng là nhờ may mắn được bảo bọc trong chiếc nôi đầu đời có vòng tay bao dung chăm chút của nội, quyện hòa với những huyền thoại ngọt ngào bên

Xuân Lưu Xứ

Mẹ ơi xuân lại đến rồi
Mà con thì vẫn phương trời ngái xa
Đáu đau ánh mắt quê nhà
Đường chiều rủ lá-cánh hoa lịm buồn

Chơi vơi nỗi nhớ niềm thương
Gọi miền ký ức để vương vấn lòng
Quê người chừ đã tàn đông
Bốn bề tuyết phủ núi rừng thê lương

Cảnh đời lưu xứ tha phương
Tết về càng thấy cô đơn muộn phiền
Đêm hằng mơ chuyện đoàn viên
Gom vào giấc ngủ cô miên hao gầy

Dẫu trong cuộc sống no đầy
Làm sao quên được tháng ngày hàn vi
Xác thân dầu đã ra đi
Lòng con vẫn mãi khắc ghi ơn đời

Mẹ ơi xuân lại đến rồi
Mà con thì vẫn phương trời ngái xa
Đáu đau ánh mắt quê nhà
Chiều nghiêng rủ lá-cánh hoa niệm buồn

Nguyên Đạt

Mẹ tôi, trường tôi và chợ Sia.

Những lúc ngồi một mình tôi thường tìm về những kỷ niệm của những ngày thơ dại sống bên mẹ cha,được đi học chơi vui cùng bạn bè ở hai trường Bán công và Công lập Quảng Phược

Kỷ niệm nhớ nhất là những lúc trốn học chạy bay về chợ Sịa,dựa vào lưng mẹ mà cứ tưởng chừng hai mắt thầy còn theo dỏi đâu đây?

Lúc nớ mẹ bán thuốc lá Phong lai nơi chợ Sịa,gia tài chỉ hai tấm nylon, một trãi ngồi, một quấn vào người khi trời mưa, nhưng mẹ vui lắm thành ra tôi đoán mẹ buôn may bán đắt vô cùng. Hai túi đầy tiền với kim găm lên tới ngực. Chợ Sia đông vui, người mua kẻ bán tấp nập, mẹ luôn tay và mẹ luôn cười, hai mắt bồ câu to, khuôn mặt trái xoan,chỉ tội hai hàm răng sún, khi cười đưa cả nướu nhưng đẹp vô cùng.Mẹ say mê buôn bán,dù trời mưa bão mẹ vẩn gồng gánh lên chợ,trú mưa bên cạnh tiệm thuốc tây chị Mại chờ trời tạnh ra bán.

Nhiều lúc mưa to, gió lớn mà chua thấy mẹ về, cha nổi cơn lên phán :"mạ bây đi mô với ai, nhà lầu không ở, lồng ấp không hơ hay là có một lảo bán thuôc lá với mạ bây.." Cha ghen mà thôi, còn tôi biết chắc có một ôn trồng thuốc Phong lai bỏ mối cho mẹ hằng ngày. Ôn ni gánh thuốc quẹo vô hẻm nhà chị Mại đến trể nên mẹ cứ chờ nên về tối, ôn ni bằng tuổi mẹ còn cha lớn hơn mẹ mười hai tuổi. Hai người kẻ mua nguòi bán cùng thử thuốc, hai môi lập lòe hai diếu thuốc rồi nhìn nhau gật gù cười tủm tỉm mí nhau.Còn tôi sau lưng mẹ đọc truyện, dòm chừng thử ra răng,rồi tự biên tự diễn đủ thứ chuyện mà tủm tỉm cười,hồi đó tôi 12 đến 15 tuổi học Bán Công Quảng Phước,thật

ra mẹ với ôn nớ chỉ buôn bán mà thôi. Thành ra lúc đó ôn có khèo tay mẹ, tôi cũng im nín, không mách cha,khi đói bụng mẹ mua thức ăn nơi chợ Sia. Chừ con ăn bán ram bánh ít,chút nữa ăn cơm với măng xào tóp mỡ, mắm thính,mắm dưa,canh môn nấu với tôm bạc,cá dìa kho khô,cá hanh nhỏ kho mặn,cá thệ kho tiêu,tôi thich cá nhỏ kho rim nên các móm nầy tôi mê lắm,rồi mít trộn đậu phụng ,mắm cá cơm, tôm cá đều tươi nên món ăn chợ Sịa là ngon nhất trong đòi tôi,nhát là mắm thính có mấy lát dưa gan,tối vơ hai ba chén một lần trong tích tắc mà không biết dòm chừng bụng mẹ đói hay no....nhớ quá.

Chừ đứng đây nơi chợ Sịa nhìn không ra chổ mô chổ tê, nhớ mẹ vô cùng, lang thang kỷ niệm xưa,đêm đêm trong vòng tay mẹ, ngơ ngác nhìn lên trường thân yêu mọi nơi mọi chổ đều lạ, khói bụi mịt mù bay.....

" Khi trở lại tìm thời gian đã mât ,

Bổng xót xa bên lớp học không người

Áo trắng bay một thời thân thiết nhất ,

Cũng mịt mù không một dáng tăm hơi ".

(Trích thơ Trần Hoan Trinh)

Chừ hết,hết rồi mẹ cha mất rồi,chợ Sịa cũng tan hoang,nhìn lên hai trường cũng mịt mù không biết mô mà tìm được.

Tìm đâu,tìm đâu, trường tôi, mẹ tôi và kỷ niệm vàng son của một thời con gái,văng vẳng từ tiềm thức xa xăm một bài hát bắt chước của ai đây..."Có lúc ta quên nhìn mắt mẹ,còn chờ ta mãi ngóng đêm sâu.

Có lúc ta quên nhìn trán mẹ, còn bao suy nghỉ dù ta đã lớn khôn rồi.

Có lúc ta quên thời gian qua,đường càng xa vòng tay mẹ ngắn lại....."

Nhớ me,nhớ trường,nhớ chợ Sịa vô cùng.

Xin kính gởi đến quý thầy cô, anh chị tôi cùng tất cả bạn bè, cụu học sinh cùng tất cả bạn bè ,bà con đồng hương Sịa lời kính cầu chúc bình an và hạnh phúc.

Ngô thị Hòe



Tản mạn về món ăn ngon ở quê tôi

Đang giờ nghỉ trưa bỗng có tiếng chuông điện thoại reo, tôi bắt máy chưa kịp Alô thì đã nghe một giọng nói hết sức thô lỗ:



- Ê Nhơn, mi biết tau đang ở mô khôn?

Tôi đoán biết là ai rồi nhưng vẫn trả lời rất là bất lịch sự:

- Biết chết liền.

Đầu dây bên kia có tiếng cười và giọng nói cũng bắt đầu dịu xuống:

- Đừng có giận, tau đang ở tại Sịa thân yêu của mi đây. Tụi tau đang ngồi ở phá Tam Giang ăn bánh khoái cá kình và cháo cá nâu. Ngon thì có ngon nhưng mắc quá. Một cặp cá nâu bằng bàn tay mà tính 500 ngàn.

Tôi có một chút cảm động vì bạn về thăm quê tôi và ăn những món đặc sản của Sịa, dẫu vậy tôi vẫn giữ giọng làm đày:

- " Tiền nào của nấy thôi". Muốn ăn ngon thì phải tốn tiền, mà chỉ có đại gia như Lan mới dám ăn một cặp cá 500 ngàn. Chừng nớ tiền Nhơn và ông Quý đi chợ ăn một tuần lận đó.

- Đồ keo kiệt, chết có đem theo được đồng mô mà bày đặt hà tiện.

- Không phải hà tiện, già rồi không còn ham "cao lương mỹ vị" nữa. Nhơn về Sịa chỉ thích những món dân dã như canh chột nưa nấu với sân lốt, dưa nưa chấm với tôm kho đánh, môn tím nấu với thịt nạc quê, canh rau khoai nấu với tôm bạc, măng đọt kho với cá rô, thịt ba chỉ kẹp với tôm chua, cơn hến, cháo bột tựa v.v…

- Rứa khi mô về Sịa mi rủ cho tau đi với, nhưng cháo bột tựa là cháo chi mà bổn cô nương chưa một lần nếm thử.
- Dân thành phố như Lan thì làm chi mà biết đến cháo bột tựa. Bột tựa là cặn của bột lọc, là thứ bỏ đi, nhưng đúng là "cái khó ló cái khôn", các bà mẹ quê với sự cần cù sáng tạo đã tận dụng và chế biến thành một món ăn vô cùng độc đáo.

Chợ Sịa vào khoảng 2 giờ chiều có một nồi cháo bột tựa thơm ngon của dì Lãm. Ngày trước mỗi lần về Sịa chiều nào tôi cũng ngồi chờ ăn một tô cháo bột tựa của dì Lãm, tay dì nách một rỗ tô, tay kia dì xách một soong cháo, dì chỉ bán một giờ là hết, mỗi tô chỉ 1000đ thôi nhưng mà ngon không thể tưởng tượng và rẻ cũng không thể tưởng tượng; người giàu, người nghèo đều mê món cháo bột tựa của dì, nhưng nếu ai mà "long thể bất an" thì chớ có dại mà ăn vào vì tuy ngon là vậy nhưng rất khó tiêu, người không khỏe ăn vào có thể bị bội thực.

Tháng trước có việc về Huê, tôi được mấy người bạn mới đên đường Trương Định ăn cơm hến, cảm giác buồn và thất vọng, nước lõng bõng có thả mấy cọng mì chiên. Thật hết sức lạc điệu, ăn cơm hến hôm nay giống như nghe mấy ca sĩ trẻ hát nhạc trẻ, nghe không hiểu chi và cũng chẳng thấy hương vị gì. Mạ tôi nấu ăn rất ngon, đặc biệt là món cơm hến, bà thường nói: "Cơm hến tuy là món ăn dân dã nhưng đòi hỏi sự tỉ mỉ và công phu. Tỉ mỉ khâu lựa chọn và công phu khâu chế biến". Muốn có tô cơm hến ngon thì hến phải là hến đò Cồn hoặc hến nước lợ Tam Giang ngọt và béo. Cơm phải là cơm nguội nấu từ hôm trước. Ớt phải là ớt bột Hà Lạc, Phong Lai. Ruốc phải là ruốc Kỳ Môn, Đại Lược. mè phải là mè vàng có vỏ giả nhuyễn. Mỡ phải là mỡ gáy cắt hạt lựu ráng vàng. Chuối trộn rau sống phải là chuối non (heo ăn) xắc mỏng trộn với bạc hà, rau thơm, đặc

biệt phải có khế. Chua, cay, mặn, ngọt trong tô cơm hến là những gia vị mà cuộc đời ai cũng phải trải qua.

"Đã nghe ớt đỏ cay nồng
Tìm trong vị hến một dòng sông xanh
Ruốc thơm cơm nguội rau lành
Mời em buổi sáng chân thành tình quê"

Khuyết danh

Chợ Sịa còn có bánh ít tôm thịt rất ngon, 4 cái bánh ít trắng xinh đặt trên một tấm lá chuối xanh khoanh tròn rất chi là mỹ thuật. Ai đi chợ Sịa mà không ghé hàng mụ Khiêu ăn bánh ít và chè đậu xanh đánh. Mụ Khiêu nấu chè đậu xanh ngon và khéo, chén chè úp lại vẫn không đổ ra ngoài. Thuở nhỏ tôi và Lài ở gần chợ nên thuộc loại ăn hàng có quai. Nhưng từ khi nghe hai câu thơ diễu mấy bà đi chợ ăn hàng thì hai đứa không dám xin tiền mạ ra chợ ăn hàng nữa:

"Ai ăn bánh ít thịt tôm
Hai tay lột lá cái mồm hả ra"

Ngon và khoái khẩu nhất là món thịt phay tôm chua. Heo được nuôi bằng cám và chuối cây nên thịt ngon và ngọt, heo ngon nhất là heo ở làng Phù Lễ.

Tôi nhớ mỗi lần có khách ở Huế về chơi, mạ tôi thường làm món bánh tráng thịt phay tôm chua. Bánh tráng nướng xong để nguội nhúng nước cuốn thật chặt với rau muống, rau thơm, khoai lang và bún; sau đó cắt thành khoanh tròn rồi đặt lên trên một lát thịt phay và một nhúm tôm chua, chấm với nước ruốc kho, ngon nhức răng luôn. Ở miền Nam, tôm chua có vị ngọt, con tôm to, trộn với đu đủ; miền Trung làm tôm chua thanh nhưng rất đậm đà, con tôm nhỏ trộn với xôi, măng vòi, riềng,

tỏi, ớt … khi ăn kẹp với thịt phay, vả, chuối chát, khế, rau thơm rất ngon:

" Nguyên là đặc sản miền Nam
Theo bà Từ Dủ ra cùng Hương giang
Tôm hồng, ớt đỏ, riềng vàng
Vị chua thấm lưỡi nhớ hàng thịt phay"

Bích Lan là bạn thân của tôi năm học đệ nhị Bán công Huế. Tôi vốn học hành dốt nát nên thi kiểu chi cũng hai lần mới đậu, vì vậy tôi rất có duyên với trường Bán Công. Hết Bán Công - Sịa đến Bán Công - Huế. Tôi nói với Lan: Tụi mình năm nay hơn 70 tuổi cả rồi, tuổi có thông gia, cháu nội cháu ngoại, đừng có mi tau nữa nhưng mà nó không chịu. Nó nói rằng: Tau xuất thân từ dòng họ Công Tằng Tôn Nữ. Khi đi lấy chồng trúng ngay một gia đình cũng Tôn Nữ Công Tằng, lúc nào cũng phải lễ nghi khuôn phép đi thưa về trình mỏi mệt lắm, cho nên mỗi lần gặp lại bạn bè cũ được mi tau với tụi bay, được cười đùa thoải mái là tau sung sướng hạnh phúc vô cùng. Đừng có cấm đoán tau. Tôi thấy nó nói cũng có lý nên sau này có dịp họp lớp, chúng tôi cũng cùng với nó mi tau xả láng. Thấy bạn vui là mình vui rồi.

"Còn gặp nhau thì hãy cứ vui
Cuộc đời như nước chảy hoa trôi
Lợi danh như bóng mây chìm nổi
Chỉ có tình thương để lại đời"

Tôn Nữ Hỷ Khương

Tôi rời khỏi trường Bán công Quảng Phước, qua Huế học, rồi vô Đà Nẵng lập nghiệp kể từ năm 1966.

Bốn mươi tám năm xa nhà, xa quê tôi đã trưởng thành trong gian khó. Đời sống mới tất nhiên phải có những quan hệ xã hội mới. Tôi may mắn gặp được những người bạn tốt và vô cùng dễ

thương, họ đã cùng tôi gắn bó, chia sẻ cay đắng ngọt bùi. Phải nói rằng cộng đồng xã hội ấm áp tình người đó đã thương yêu bao bọc giúp gia đình tôi vượt qua những thăng trầm khó khăn trong cuộc sống, tôi rất biết ơn và coi Đà Nẵng như quê hương thứ hai của mình.

Tôi viết điều này như một lời chia sẻ với những người bạn cùng quê, cùng trường cùng lớp hiện đang sống xa tôi hơn nửa vòng trái đất. Vì hoàn cảnh họ phải rời xa đất nước và cũng phải nhận xứ sở khác làm quê hương thứ hai của mình, nhưng trong lòng vẫn luôn nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn:

"Nửa nơi cắt rốn, nửa đời tạm dung"

Võ Đình Tiên

Nghĩ cho cùng Quá Khứ cũng chỉ để mà hoài niệm, Tương Lai cũng chỉ để mà hy vọng. Hiện Tại mới là khoảnh khắc đáng sống nhất. Có câu nói: "Ở đâu mà hạnh phúc thì ở đó là quê hương của mình"; nghe thì có vẻ bội bạc nhưng trong hoàn cảnh hôm nay thì nó thực hơn cái mà chúng ta gọi là thực tế nữa. Vì vậy chúng ta hãy quên đi nổi buồn xa quê mà hãy sống thật hạnh phúc với những gì mình đang có, và hãy cùng tôi thưởng thức những món ăn ngon của quê Sịa thân yêu…

Dù ở đâu, làm gì thì cái tình của chúng ta đối với Sịa vẫn không hề thay đổi.

Đà Nẵng, mùa đông năm 2014

NGÔ THỊ NHƠN

Khi Ta Đi



Khi người ở lại và ta ra đi
Cô ca sĩ mới chào đời cất tiếng
Khúc hát buồn đất trời xao xuyến
Tình rất buồn sao áo em xanh

Như những lá cây gọi nhớ tên mình
Đường cổ thụ ngóng chờ tin tức
Góc trái tim ta bỗng thành vuông vức
Không hỏi chiều cao không hỏi chiều dài

Con ngựa đá còn xa phong hỏa đài
Ai sẽ đến mà ai rồi phải chết
Tiếng tù và sa mạc gắn kết
Lá rừng quên xanh hoa núi quên hồng

Ta tự đặt ta ra ngoài vòng
Những con số bình thường sống thác
Ta một kiếp cái cò cái vạc
Ruột trần gian còn hạt thóc nào đâu

Ta cúi mặt như chùm trái chín
Thơ đã cạn mà lòng thì câm nín
Vườn nho xanh đã xa quá vườn hồng
Có bao giờ mộng thấy ta không

Đứng một mình gầy gò và xơ xác
Em đâu rõ xa nhau là cái ác
Tím màu rêu thập tự giá điêu tàn
Bóng đi xa xiêu vẹo chẳng thành hàng

Trong cái cõi thời gian không tính toán
Bệnh và sầu nối nhau như bản án
Chẳng có bị can chẳng có quan tòa
Giấu giếm trong ta một chút lụa là

Kỷ niệm ấu thơ đèn chờ mỗi tối
Ngọc nguyên tảng - và vàng nguyên khôi
Mười ngón tay nhẹ vuốt gót ngà
Khuất lấp rừng cây trắng đục mờ xa

Mùa màng qua - người ta hái gặt
Ruộng rơm khô lòng đau như cắt
Biết tìm mô một chút hoàng hôn …



Tường Phong Nguyễn Đình Niên

Những Bước Ngoặt Khó Quên Trong Đời

Lê Đình Loan

Sinh nam 1938 tại Thừa Thiên, dạy học (GSTHĐII cấp) ở VN trước 75, vượt biên năm 1988 đến đảo Pulau Bidong, đinh cư ở Mỹ năm 90, giảng viên ESL và Hướng Dẫn Đời Sống Văn Hóa (ESL & Cultural Oriental Instructor) cho người tỵ nạn định cư ở Mỹ dưới 5 năm tại Houston,TX, về hưu năm 2007.

14739 Belterraza Drive
Houston, TX 77083
Tel 281 - 804 - 6786



Ai có ngờ rằng một chú bé nhà quê như tôi mà đã trải qua biết bao sóng gió trong cuộc đời. Mồ côi cha từ lúc 9 tuổi, tôi đã vật lộn với biết bao nhiêu là nghịch cảnh để tồn tại và vươn lên. Sớm ý thức tinh

thần trách nhiệm của người con trai độc nhất trong một gia đình có năm chị em, tôi đã lìa xa mái ấm gia đình năm lên 11.

Ngơ ngác, ngỡ ngàng trong năm đầu, dần dà tôi đã hội nhập và thích ứng với đời sống mới ở chốn thị thành. Đã hơn 60 năm rồi, thế mà tôi vẫn nhớ mồn một những chuyện xảy ra vào năm 1949. Năm ấy, tôi được người bác ruột cho vào học trường Pellerin. Súng sính trong bộ đồ mới và đôi xăng-đan còn thơm mùi da, tôi khép nép đứng xếp hàng bên cạnh những bạn đồng lớp (lớp Ba) Tôn Thất, Vĩnh, Bửu, Nguyễn Phước, Hồ Đắc, Hoàng Trọng, Nguyễn Khoa. Vì là một thằng nhóc quê mùa thứ thiệt, tôi đã bị những bạn đồng lớp trêu ghẹo, búng tai, thốn vào lưng, cú vào đầu, đá vào chân..., tôi khiếp sợ và thụt thùi trong nước mắt.



Hình chụp năm 1962 tại trường TH Quảng Phước – Các Gs từ trái sang: Lê Đình Loan, Hoàng Công Lưu, Nguyễn Khoa Diệu Thảo, Võ Hanh, Bửu Thuần, Hoàng Tá Thích, Thái Ngọc Hòa

Vào lớp, nghe thầy trò xi-lô, xi -la, tôi chẳng hiểu gì hết. Đúng là "vịt nghe sấm". Chán nản, tôi định ngày mai nằm lì ở nhà hay trốn học. Vâng lời ông bác, tôi lại lê bước đến trường. Một tuần trôi qua, tôi chẳng có chữ nào trong đầu. Tôi khóc lóc, năn nỉ bác cho đổi trường. Thương tình đứa cháu côi cút, bác cho tôi vào học trường Sainte Marie

Phú Xuân, Kim Long. Sau 3 niên học, tôi lại được cho vào trường Pellerin lần nữa.

Đã quen với nếp sống thành phố, tôi quyết chí học hành. Cuối niên học 52-53, tôi là 1 trong 5 học sinh của lớp 6me C (lớp Đệ Thất C dành cho những học sinh không biết tiếng Pháp) được lên lớp 5me B (Đệ Lục B dành cho những học sinh có trình độ Pháp văn trung bình). Tất cả những học sinh còn lại được chuyển qua lớp 6me A, lớp của những học sinh giỏi PV để lên 5me A, học sinh các lớp A là những học sinh giỏi Pháp văn). Hết lớp Troisième (lớp Đệ Tứ), học sinh Huế vào Đà Nẵng để dự thi lấy bằng Brevet d'Etudes du Premier Cycle) (B.E.P.C) (bằng Trung Học Đệ I cấp).

Cũng nhờ mấy năm học ở các trường La-san - Huế và Saigon, khi vào các lớp đệ nhị cấp ban C ở Quốc Học, tôi rất thoải mái và đã may mắn thi đỗ bằng Tú Tài I & II C trong hai năm liền.

Thế rồi niên học 60-61, vì hoàn cảnh gia đình, tôi vừa theo học lớp Dự Bị Văn Khoa, vừa dạy thêm ở trường trung học tư thục Bình Minh, Huế. Cuối năm ấy, tôi có chứng chỉ Dự Bị Văn Khoa, và được bổ nhiệm làm giáo sư dạy giờ tại trường trung học Phan Chu Trinh, Đà Nẵng.

Vì khát khao gần gũi mẹ già sau bao năm chia lìa, và chăm sóc cô em út vừa thi đô vào Đệ Thất trường Đông Khánh, tôi không vào Đà Nẵng để nhận nhiệm sở, mà quyết định thi vào các lớp Sư Phạm - Huế. Đây là một sự chọn lựa không dễ dàng. Để hão danh qua một bên, tôi quyết tâm vừa học sư phạm, vừa theo học thêm 2 chứng chỉ ở Đại Học Văn Khoa Huế. Ngày 2/4/62, tôi thi ra trường Sư Phạm. Tháng 5 tôi lấy

chứng chỉ thứ 2, và tháng 8 lấy chứng chỉ thứ 3, rồi ngày 2/9 nhận nhiệm sở ở trường Trung Học Quảng Phước, Quảng Điền, Thừa Thiên. Sau 2 niên khóa, tôi được bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường Trung Học Công Lập và Bán Công Vinh Lộc, năm 64-65 dạy trường trung học Nguyễn Hoàng Quảng trị. Sau nhiều năm làm hiệu trưởng các trường trung học đệ nhất và đệ nhị cấp, tôi được bổ nhiệm điều hành Trung Tâm Tu Nghiệp và Huấn Luyện Giáo Chức Huế vào giữa năm 1973.

Khi chế độ miền Nam hoàn toàn sụp đổ vào tháng 4/75, tôi vừa hoảng sợ, vừa có chút hãnh diện, vì từ đây mình là công dân của một nước Việt Nam độc lập, thống nhất. Tin tưởng vào vận hội mới của đất nước, tôi không theo gia đình các cô em bay ra nước ngoài, quyết định sống chết trên đất nước mình; dù phải đi: "học tập, cải tạo" để thông suốt đường lối của chính quyền cách mạng. Chỉ sau một thời gian ngắn trong trại cải tạo Ba Lạch, tôi đã "sáng mắt, sáng lòng". Ròng rã 40 tháng "lao động vinh quang" trong các trại cải tạo Ba Lạch và Bình Điền, tôi được phóng thích vào tháng 11/78. Khi tên tôi được xướng lên cùng với những trại viên khác được phóng thích, tôi tưởng chừng như khả năng thính giác của tôi không còn chính xác. Tôi thật ngạc nhiên vì tôi là người lao động kém nhất trong số 50 anh em đồng đội. Phát rẫy, cuốc đất, trồng trọt, lặn rong dưới suối, bứt bổi ngoài rừng, trộn phân xanh, lợp nhà, bắt heo trong mưa lũ, gánh phân..., tôi là người lọng cọng nhất. Tôi cứ tưởng là mộng mà té ra là thực.

Sau một thời gian dài làm bạn với núi rừng, được lệnh phóng thích, tôi phóng như phi lao ra tỉnh lộ Bình Điền - Huế để đón xe về thành phố. Thật hồi hộp và sung sướng biết bao, khi về tới nhà. Gia đình tôi tạm trú tại một căn phòng nhỏ, tồi tàn

bên cạnh trường Việt Hương, các con thơ dại của tôi vội chạy về nhà, mừng rỡ, ôm choàng lấy ba. Cả gia đình mừng mừng tủi tủi trong ngày đoàn tụ. Nhưng ngày vui qua mau khi phải đối diện với cảnh sống nheo nhóc, thiếu thốn của mẹ già và đàn con thơ dại. Lúc tôi còn ở trong trại cải tạo, hai đứa con trai của tôi mới 14 và 11 tuổi phải vừa đi học vừa bán cà-rem để có tiền đi thăm nuôi ba hàng tháng, bé gái 12 tuổi phải ngày đêm, chằm nón, chăm sóc mấy em. Vợ tôi thì làm việc ở hợp tác xã, ốm tong teo vì quá lao nhọc và suy dinh dưỡng.

Vững tâm, không nản chí, ban ngày tôi cật lực lao động: lấy cuốc chim mổ vào nền đất cằn cỗi của sân sau trường Việt Hương, biến đất sỏi đá thành những luống sắn, khoai, môn xanh tươi. Nhiều lần tôi kéo xe ba-gác ra đến tận làng Đốc Sơ, An Hòa để xin tre đem về làm giàn cho bầu, bí, mướp leo lên. Tôi đã không từ nan làm bất cứ một công việc gì để có thêm chút cơm, cháo cho một gia đình đông con. Lòng tôi quặn thắt khi nghĩ đến tương lai mờ mịt của các con. Để giáo dục và trau dồi thêm kiến thức cho các con, tôi đã tổ chức dạy kèm cho từng nhóm, vừa kiếm thêm được ít tiền, vừa dạy dỗ được con cái. Tôi còn nhớ có lần tôi đã nấu một nồi cháo bột mì trộn với cọng môn đã được vằm nhỏ. Tan giờ học, các con tôi chạy về, chúng mừng rỡ, xơi một bụng no nê. Bữa ăn hôm ấy là bữa no và ngon nhất trong tháng! Các con tôi sáng mắt lên và nói: Ba nấu cháo bột mì ngon quá. Tôi cảm động và ứa trào nước mắt...

Sau 18 tháng bị quản chế tại địa phương, tôi được trả quyền công dân, và nghĩ ngay đến chuyện phải di chuyển gia đình vào Nam để sinh sống. Ở trong ấy, tương lai của các con tôi mới khá lên được. Có hộ khẩu ở miền Tây, gia đình tôi tạm trú ở thành phố Saigon, các con tôi được nhận vào học ở các

trường gần nơi tạm trú. Ngày ngày tôi ì ạch đạp chiếc xe nội hóa đến các tư gia và các trung tâm để dạy Anh ngữ. Nhờ vậy cuộc sống gia đình tôi có đỡ hơn một chút. Sau 8 năm, dù đã cố gắng hết sức, vợ chồng tôi rất đau xót khi nhìn thấy đàn con thèm ăn, thiếu mặc. Gia đình túng quẫn, nợ nần chồng chất. Lại một lần nữa tôi phải có một quyết định sinh tử: vượt trùng dương để mưu cầu tương lai và hạnh phúc cho đàn con. Âm thầm ra đi, vợ con không biết, tôi đã đến được đảo Pulau Bidong sau một tuần lễ trôi nổi trên đại dương. Sau một ngày một đêm vượt sóng, chiếc tàu chở 127 người chết máy, giông tố, bão bùng nổi lên, chớp xé bầu trời xám xịt, sấm gầm vang, những đợt sóng dữ liên tục ồ ạt tấn công con tàu đang như chiếc lá bồng bềnh trôi giạt giữa lòng đại dương mênh mông. Lương thực và nước uống cạn dần, mọi người thì thầm cầu nguyện xin Ơn Trên và tổ tiên, ông bà phù hộ cho tai qua nạn khỏi. Những cơn gió hú, những đợt sóng lớn tràn qua thành tàu, mặt biển đen sì như loài quỷ sa-tăng đang sẵn sàng nuốt chửng 127 sinh linh đang cơn đói khát, khiếp đảm, vô vọng...Tôi âm thầm cầu nguyện, bình tĩnh chờ chết, ăn năn sám hối những tội lỗi đã phạm trong 50 năm sống trên dương trần...



Trong suốt mấy ngày bồng bềnh trên biển cả, gặp nhiều tàu buôn, chúng tôi kêu cứu bằng cách treo cờ trắng, S.O.S., đốt lửa nhưng họ đều làm ngơ. Cuối cùng, cầu vồng xuất hiện, trời trong xanh trở lại, biển êm, gió lặng, mặt trời hoàng hôn sáng rực ở đằng xa, đột nhiên một chiếc

thuyền đánh cá nhỏ, trên đó có ba cha con người Mã-Lai, chạy lại gần tàu của chúng tôi. Tôi được thuyền trưởng chọn tiếp xúc với họ. Họ đồng ý cho tôi vào đảo Pulau Bidong; nơi đó đang có hàng ngàn người chờ đi định cư ở nước thứ ba. Tôi được ủy thác vào đất liền, yêu cầu văn phòng Cao ủy Tị Nạn can thiệp với các tàu buôn cứu vớt 126 người còn lại trên tàu.

Đứng lặng yên trên mũi tàu, tôi cầu nguyện trước khi nhảy xuống chiếc thuyền bé bỏng đang lắc lư theo sóng. Thật nguy hiểm; có thể lọt xuống biển, và cũng có thể đập đầu vào cái neo bằng sắt nhọn đặt trước mũi thuyền. Nhờ Ơn Trên và tổ tiên phù hộ, tôi đã nhảy rất chính xác vào phía trước của con thuyền. Hú ba hồn chín vía! Tôi vẫy tay chào tạm biệt mọi người trên tàu, lòng tràn ngập sung sướng và hy vọng...

Mấy cha con mời tôi trái cây và một đĩa cơm trắng trộn với xà lách và thịt bò. Nhưng quá vui sướng, tôi chẳng thèm ăn uống gì hết. Đêm hôm ấy, từ 7 giờ tối đến sáng hôm sau, là đêm đẹp nhất trong đời tôi. Nhìn trời biển, trăng sao, lặng người để tận hưởng làn gió mát dịu dàng thấm vào từng thớ thịt của tôi, lòng tôi dâng lên một niềm hạnh phúc bất tận. Thả hồn theo những suy nghĩ miên man, hồi tưởng lại những éo le, vui buồn, vinh nhục trong quá khứ, liên tưởng đến mẹ già, vợ con, bạn bè và những người kém may mắn cùng dòng máu, màu da, nước tóc đang ở quê nhà, tôi thấy gần gũi và thương họ hơn bao giờ hết. Cuộn phim cả cuộc đời năm mươi năm của tôi tuần tự hiện ra trước mắt.

Nghĩ đến trong tương lai không xa, vợ tôi không còn xoay xở trăm bề để có miếng cơm, manh áo cho con cái, không

còn thức trắng đêm vì nợ nần ngày càng chồng chất, các con của tôi không còn sống nheo nhóc, đói cơm, thiếu áo, lòng tôi cảm thấy hạnh phúc khôn tả. Tôi sẽ là tay lái có đủ khả năng và nghị lực để đưa con thuyền gia đình bé nhỏ của tôi đến bến bờ bình an.

Nhờ sự can thiệp của văn phòng Cao Ủy Tị Nạn trên đảo Pulau Bidong, ba ngày sau, một tàu buôn Anh đã cứu vớt 126 người còn lại trên tàu vào đến bến bờ bình an.

Chỉ sau một tuần ở trại Pulau Bidong, tôi hăng say tham gia các công tác cộng đồng, tình nguyện dạy Anh văn cho 3 lớp; mỗi lớp từ 50 đến 100 người. Ngoài ra, tôi còn tổ chức các lớp riêng để có tiền gởi về cho vợ con ở quê nhà. Mỗi tháng kiếm được 300 đô để vừa trả nợ vượt trùng dương, vừa để cho vợ con cầm cự trong khi chờ đợi định cư ở nước thứ 3 là một ân sủng mà Trời đã ban cho tôi trong một năm ở trại tị nạn.

Giữa năm 1990, tôi được định cư ở San Jose, Mỹ quốc. Sau hai tháng, được biết đại học Stanford tuyển nhân viên làm ở phòng Văn Thư, tôi nạp đơn xin việc, đi phỏng vấn, tôi được tuyển dụng, và được trả lương $9/hr. Mừng quá, công việc nhẹ nhàng, đồng nghiệp vui vẻ, lịch sự, tôi mong ước cả đời sẽ được làm việc ở đây. Mỗi tháng lãnh lương 2 lần. Điều tôi cảm thấy vui sướng nhất là mỗi lần đi gởi tiền về cho vợ con. Giấc mộng đã thành!!!

Thế rồi một dịp may khác lại đến bất ngờ, Garden City Casino and Club tuyển manager và supervisor, tôi nạp đơn xin việc, đi interview, tôi được tuyển làm Floor Supervisor. Sau 2 tuần huấn luyện (training), tôi bắt đầu làm việc. Lương và tiền boa (tip) gấp bội công việc cũ, ai cũng nghĩ là tôi quá may mắn.

Đi làm việc phải bận veston, thắt cà vạt, xe an ninh đưa đón vào chỗ làm, đủ mọi quyền lợi (benefits). Không sướng sao được. Nhưng nỗi niềm riêng ai có biết. Trong suốt hơn 3 năm làm việc ở casino là thời gian căng thẳng và đau khổ nhất trong đời tôi. Công việc và môi trường hoàn toàn không thích hợp với khả năng và tâm tính của tôi. Mỗi lần đến sở làm là tôi thấy căng thẳng, ngột ngạt, khó chịu. Đúng là một cực hình. Vì cần có tiền đề gởi về Việt Nam, nên tôi đã tự ví mình như Kiều vào chốn lầu xanh. Không thích công việc, nên tôi làm việc rất dở; tệ nữa mới đúng. Lẽ ra họ đuổi tôi sau vài tuần làm việc, nhưng vì họ hiểu con người và hoàn cảnh của tôi, nên họ để cho tôi làm đến hơn 3 năm. Nhờ vậy, tôi đã thực hiện được những điều mà tôi mong ước khi cất bước lên đường, tìm sự sống trong cái chết.

Việc gì sẽ đến, đã đến. Tôi "được" cho nghỉ việc vào một buổi sáng đẹp trời. Tôi vui mừng nhận quyết định và cám ơn họ. Đã từ lâu tôi không thích công việc, nhưng không có can đảm tự xin nghỉ việc, vì lương tháng và tiền tip quá lớn so với những việc làm khác. Nghe tin bị cho nghỉ việc, các bạn đồng nghiệp đến chia buồn. Họ rất ngạc nhiên thấy tôi bình thản, vui vẻ. Nghe tôi giải thích họ mới hiểu.

Đã mang nghiệp dĩ vào thân, tôi lại có dịp trở lại nghề dạy học. Được biết Bilingual Education Institute ở Houston, Texas tuyển ESL và Cultural Oriental Instructor (giảng viên dạy Anh Văn sinh ngữ 2 và hướng dẫn đời sống văn hóa cho người mới nhập cư trong vòng 5 năm), tôi nạp đơn xin việc. Đi phỏng vấn, nạp giáo án dạy Level 3, dự buổi dạy diễn tập với năm dự tuyển viên khác, tôi là người duy nhất được hội đồng giám khảo gồm có ba vị tuyển chọn làm giảng viên chính thức.

Giờ đầu vào lớp, quá sung suớng và cảm động, tôi đã không cầm được nước mắt. Không thể nói thêm sau lời chào hỏi các học viên, tôi đứng lặng yên, nước mắt chảy dài vì quá vui. Như cá gặp nước, tôi đã chu toàn trách nhiệm với lòng nhiệt thành, tận tụy và thích thú. Liên tiếp tôi được giấy khen và tăng lương đều đều. Gần mười lăm năm dạy học ở Mỹ là thời gian hạnh phúc nhất trong quãng đời ly hương của tôi.



Gặp lại học trò năm xưa trên đất Mỹ - Vợ chồng Trần Bang hs Hương Điền, Ngô Chương hs Quảng Phước, vợ chồng Trung - Net hs Hương Thuỷ. Cô bạn của vợ chồng anh Bang.

Về hưu đã gần 6 năm, nay đã 74 "xuân xanh", tôi chỉ mong ước là có được cuộc sống bình an, mạnh khỏe, và nếu có về cõi hư vô thì chỉ cầu xin một điều là "thăng" cho nhanh./

Lê Đình Loan

Houston Oct 1/2013

Thương Về Chú

Võ Đình Lâm



Tin chú mất, con sững sờ chết lặng,
Cả đất trời như chao đảo ngả nghiêng
Người ra đi, mang theo nỗi niềm riêng
Để thương tiếc cho bao người ở lại

Con nhớ chú, từng giọt buồn con khóc,
Nước mắt nào, vơi được nỗi thương đau,
Tiếng nói, giọng cười, còn vẳng đâu đây,
Cầu sinh tử, giờ đã chia hai lối.

Chú cứ đi đi, đừng quay nhìn lại,
Dù nợ, dù duyên, cũng trả xong rồi.
Một kiếp nhân sinh, trả nợ cho đời,
Giờ an ổn, ra đi không nuối tiếc.

Gánh nặng của đời, chú đà để xuống
Hồn an nhiên, thanh thản cõi trời không,
Bước thênh thang, theo mây gió phiêu bồng,
Về thăm lại những nơi xưa yêu dấu.

Thăm lại làng quê, nhà xưa, trường cũ,
Một thuở thiếu thời, sách vở trên tay,
Những dấu chân xưa, trên đường làng nhỏ,
Bụi thời gian...che lấp với tháng ngày.

Về thăm lại núi rừng xưa, ngày trước
Đã bao nơi, ghi dấu bước quân hành
Về thăm lại những địa danh, chứng tích,
Đã một thời ngang dọc, chí hùng anh.

Rồi nhìn lại, thấy đời cõi tạm,
Đến, rồi đi, theo với lẽ vô thường,
Nhìn đời lần đầu và nhìn lần cuối,
Ghi lại được gì, khi mắt khép, tay buông?

Thắp nén tâm hương, nguyện cầu chư Phật,
Cho chú con tìm thấy chốn bình an,
Nghe lời Kinh, hiểu được pháp nhiệm mầu,
Về Bờ giác, chú lên thuyền Bát Nhã !

Cháu: Nhạn Võ

ĐỐJ

Vế đối 1:
Con ngựa đá con ngựa đá, con ngựa đá không đá con ngựa
Đối:
Chú lợn thịt chú lợn thịt, chú lợn thịt cũng thịt chú lợn

Vế đối 2: Vào Thủ Đức năm canh thức đủ
Đối: Ra Nông Cống sáu khắc nóng cong

Vế đối 3 : Trơ trẽn, mặt dày, quân ăn cướp
Đối : Dương oai, tự đắc, lũ đầu trâu

Ngô Chân

Chú thích : Lợn thịt là loại lợn nhiều thịt nạc , ít mỡ
Thịt còn có nghĩa là ăn thịt, làm thịt

Khám chữa bệnh bất hợp pháp và hợp pháp



Chuyện về bác sĩ khám bệnh "chui" là một đề tài nói không bao giờ hết, mà khám bệnh hợp pháp cũng có nhiều vấn đề phức tạp. Không biết các bác sĩ ở các nơi khác thì sao còn tôi ở trong vùng Bình Trị Thiên nên bị ảnh hưởng miền Bắc XHCN nhiều hơn.

Tôi là một nạn nhân của việc khám chữa bệnh chui. Mỗi lần có "họp hành" trong trường Y khoa, hiệu trưởng, công đoàn đều nhắc nhở, trong bộ môn cũng thường để ý đến những bác sĩ trong diện làm ăn không hợp pháp nây.

Lý do để khám bệnh chui có thể là nghèo, tiền lương và tiêu chuẩn tem phiếu không đủ tiêu dùng cho một gia đình có cha mẹ già, con nhỏ, trường hợp những bác sĩ có uy tín, nổi tiếng, quen thuộc dù không muốn cũng không thể từ chối bệnh nhân quen, bà con, người trong làng xóm...những người nghèo cần giúp đỡ.

Tôi nằm trong nhóm bác sĩ nghèo, vừa mới ra trường sau năm 1975, không một đồng dính túi.

Khu vực tôi ở là khu vạn đò thuộc phường Phú Bình, nơi dân nghèo nhất thành phố Huê chuyên nghề bốc vác, xe thồ, xích lô ...không khám bệnh giúp họ cũng không được! Ban đầu tôi chuẩn bị một số thuốc thông thường gọi là thuốc cấp cứu cho dân địa phương, thuốc nầy tôi phải tìm mua ở các quầy thuốc chui ở chợ Đông Ba, đôi lúc tôi cũng được mời đi khám chữa bệnh cách cả hàng chục cây số, bất kể ngày đêm, thời tiết,

đã mời là phải đi! Càng ngày càng được nhiều người tin tưởng, bệnh nhân ngày càng đông.

Chúng tôi vào trường Y Khoa năm 1968, đến hè 1975 là đủ 7 năm. Nhưng sau 30/4/75 chúng tôi phải học thêm các môn đặc sản của miền Bắc như Triết học Mác Lê, kinh tế chính trị Mác Lê, lịch sử đảng CSVN…thêm một năm rưỡi nữa mới được thi tôt nghiệp, trong thời gian đó chúng tôi tiếp tục làm công việc của nội trú nên cũng học được thêm một số kinh nghiệm lâm sàng của các Thầy truyền lại.

Thường thì những bác sĩ khám chui thì họ phải dấu thuốc rất kỹ và đưa cho bệnh nhân một cách kín đáo, nếu bị kiểm tra thì sẽ bị lập biên bản phạt hành chính và tịch thu thuốc và dụng cụ khám chữa bệnh, còn tôi thì để tất cả thuốc ngay trên bàn vì thuốc của tôi dùng rất thông thường, rẻ, có tịch thu thì cũng thôi! Nhưng có lẽ do cán bộ địa phương thông cảm, không báo cáo lên trên cho nên tôi chưa bị kiểm tra lần nào. Nhờ thế mà gia đình tôi, hai vợ chồng một đứa con và một mẹ già cũng sống qua ngày với đồng lương khởi điêm của bác sĩ !

Có thể nói, tôi là một trong những bác sĩ làm chui rất sớm, đói thì đầu gối phải bò, cho nên thường bị phê bình nhiều nhất. Thường những người miền Bắc họ cho rằng khám bệnh tư chỉ phục vụ cho một số người giàu có, họ quên rằng khám bệnh tư cũng có thể giúp cho người nghèo khổ. Tôi nói với ông chủ nhiệm bộ môn: nếu tôi không khám bệnh ngoài giờ thì tôi trồng chuối có được không thì ông nói là được! Nhưng, tôi nói, chuối của tôi cũng chỉ bán cho người có tiền !

Có lúc bị phê bình căng quá tôi nói với ông chủ nhiệm bộ môn : tôi chỉ sợ ông tổ trưởng xe thồ chợ Đông Ba thôi. Ông hỏi tại sao, tôi nói rằng nêu tôi không làm việc ở đây thì tôi sẽ đạp xe thồ, mà đi xe thồ thì chỉ sợ ông tổ trưởng xe thồ thôi!

Chúng tôi cũng muốn làm lao động ngoài giờ để kiếm sống nhưng không ai thuê tôi làm trong những giờ lẻ tẻ (ngoài giờ hành chánh) như thế! Tôi hỏi ông chủ nhiệm của tôi: ngoài giờ làm việc tôi đạp xe thồ được không? Từ 5 giờ sáng tôi mặt bên trong một bộ áo quần công tác, bên ngoài tôi mặc bộ áo quần xe

đạp thồ, tôi đạp xe thồ đến 7 giờ có mặt ở cổng trường, cởi bỏ áo quần thồ ra bỏ vào giỏ xe, vào trường lên bục giảng, sau 11 giờ, ra khỏi trường tôi mặc lại áo quần xe thồ, đến1g30 vào trường tiếp tục làm việc, 5 giờ chiều lại đi thồ. như thế tôi sẽ không vi phạm luật lao động? Nhưng nếu học trò nhận ra thầy của nó đi xe đạp thồ thì xấu mặt ai? Tất nhiên là ông không thể trả lời.

Tôi đã không được làm việc đúng ngành nghề để trau dồi chuyên môn , không giúp được cho người bệnh khi họ chỉ bị những bệnh thông thường chưa cần phải bỏ công việc để đi xếp hàng để khám bệnh và mua thuốc ỏ những cơ sở y tế quốc doanh, đó là chưa nói đến quyền chọn lựa bác sĩ mà người bệnh tin tưởng.

Thật là khôi hài, có lần ông thứ trưởng hay bộ trưởng gì đó của bộ y tế Ph S. vào thăm trường, nói chuyện với cán bộ của trường Y khoa về việc khám chữa bệnh tư, suốt 2 giờ, kết luận cuối cùng là không chấp nhận bác sĩ khám bệnh tư!

Lúc ra về từ hội trường mọi người đều thấy buôn rười rượi, tôi nói với mấy người bạn: Tưởng là “mở “ra để thuận lợi cho dân, tạo điều kiện làm việc cho giới bác sĩ mới khó, còn nếu nói “cấm” thì quá dễ, đứa con nít 3 tuổi nó nói cũng được!

Thế mà 2 tháng sau thì có quyết định của bộ cho phép khám chữa bệnh tư để giảm quá tải cho các bệnh viện. Tôi thật sự không hiểu được tại sao ông Ph S. lại không biết cái quyết định nầy đang soạn thảo tại bộ y tế trong thời điểm ông tuyên bố như thế! Hay là ông không tin cái quyết định đó có thể được bộ chấp thuận .

Cuối cùng thì việc khám chữa bệnh tư nhân cũng được nhà nước yêu câu !Trở về cách làm như “ngụy” chỉ khác là không có Y sĩ đoàn

Các bác sĩ làm các thủ tục để xin giấy phép hành nghề gồm có: đơn xin phép, phiếu khám sức khỏe, tờ giải trình lãnh vực hành nghề, cơ sở...sau đó phải học các văn bản, quy định về hành nghề và qua một kỳ kiểm tra lý thuyết. Sau đó ban thanh

tra y tế đến kiểm tra cơ sở, nếu đạt yêu cầu thì được cấp giấy phép hành nghề và giấy chứng nhận đủ tư cách hành nghề.

Có điều khác nữa là, các phòng mạch được phép trang bị một "cơ số" thuốc cấp cứu và chỉ ghi toa để bệnh nhân đi mua ở các quầy thuốc quốc doanh hoặc tư nhân. Nhưng một số phòng mạch tự vẫn lén bán thuốc cho bệnh nhân để tránh tình trạng thay thê thuôc khác không đúng ý của bác sĩ, đôi lúc do yêu câu của bệnh nhân cho" nhanh và gọn" và để tăng thu nhập ngoài tiền khám bệnh, phần thu nầy có thể cao hơn nhiều so với tiền khám bệnh!

Cũng vì thế mà có tình trạng kiểm tra phòng khám đột xuất, một đội ngũ gồm nhân viên thuế vụ, quản lý thị trường, công an, thanh tra y tế, nếu có dự trữ thuốc quá quy định thì sẽ bị tịch thu và phạt hành chính.

Ngoài ra một số bác sĩ ghi toa thuốc cho bệnh nhân đến những quầy thuốc "quen biết" mới có được thuốc như toa bác sĩ, đương nhiên là giá cao hơn thị trường và bác sĩ cũng có "huê hông" cao hơn bình thường. Còn việc bác sĩ thuê " cò môi" thì cũng khá phổ biến, phần lớn là xe thồ đón khách vùng quê lên ở các bến xe, bến đò đưa thẳng đến phòng mạch rồi đợi cho đến lúc khám mua thuốc xong rồi đưa về luôn, nghe nói huê hồng có thể đến 20-30% tiền khám và tiền thuốc !

Có bác sĩ còn "dọa" bệnh nhân để làm tăng sự quan trọng của mình "may mà gặp tôi, nếu gặp bác sĩ khác là nguy rồi ", bệnh nhẹ thì hô lên là bệnh nặng để bán nhiều thuốc, đôi lúc làm cho bệnh nặng thêm vì bệnh nhân lo lắng ăn không ngon, ngủ không yên và vì phản ứng phụ của quá nhiều thứ thuốc !

Một số bác sĩ còn có nhiều thủ thuật làm "bùa phép" bệnh gì cũng chích sinh tô B1 hoặc B12, đau đâu chích đó như là châm cứu, kèm theo thuốc uống, thường là các bệnh về khớp xương, làm cho bệnh nhân tưởng là nhờ thuốc chích mà lành nên cứ mỗi lần đau là phải tìm tới để nhờ" bác sĩ chích "và giới thiệu cho nhiều người khác, bác sĩ cứ thế mà nổi tiếng và tính tiền thoải mái.

Cũng có trường hợp lạm dụng các loại corticoides tác dụng chậm chích vào khớp gây hư khớp, chích vào cơ nhiều lần gây teo cơ. Những bác sĩ còn bất lương đến độ biết bệnh nhân bị ung thư gan, mật.. đến thời kỳ cuối rồi mà vẫn đưa lên bàn mổ, mổ ra đóng lại để lấy tiền !

Về sau nầy, nhờ có nhiều phòng khám bệnh, châm cứu, đông y từ thiện của các tô chức tôn giáo và tư nhân, Việt kiều ... nên dân nghèo cũng đỡ khổ, bệnh nhân nghèo được an ủi phần nào nhờ những tấm lòng bác ái vị tha của những người có tâm trong một xã hội đầy những bất công... những trường hợp bệnh nặng phải vào "Nhà Thương"(Tên gọi của Bệnh viện miễn phí hoàn toàn trước 1975) thì vẫn phải chấp nhận trả viện phí và ...bì thư !

Mới đây, trên báo Thanh Niên có đề cập đến lời phát biểu của một bà Bộ trưởng Y tế TTKTiến rằng: " Bệnh nhân là khách hàng, đem đến thu nhập cho mình nên phải chăm sóc chu đáo." và :"Nhân viên y tế không được nhận phong bì trước và trong khi điều trị mà chỉ được nhận phong bì sau khi điều trị khỏi."

Đã là khách hàng thì phải:"tiền trao cháo mới múc", "tiền nào của đó" nên bệnh nhân phải trả viện phí trước khi điều trị dù là cấp cứu, bì thư càng dày thì phục vụ càng tốt. Ông cha ta đã dạy:"đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn" cho nên đã cho phép nhận tiền thì đàng nào cũng phải trả, chi bằng trả trước để bác sĩ và nhân viên y tế "yên tâm" chữa bệnh và dành nhiều "ưu tiên" cho người bệnh "biết điều"!

Chỉ khổ cho những bệnh nhân nghèo.

Bác sĩ thời XHCN VN có khác !

Ngô Chân

TẢN MẠN VỀ ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

KHÁI NIỆM VỀ VẬN ĐỘNG CỦA CƠ THỂ CON NGƯỜI



Con người là một Sinh-Động-Vật, có nghĩa là một vật thể sống, hoạt động .

Đã là một vật thể sống ,hoạt động thì con người muốn sống phải cần hoạt động, cần phải vận động.

Bởi thế xã hội loài người có những sinh hoạt với chiều hướng ĐỘNG (khác với TĨNH) - thể dục, thể thao là một sinh hoạt để con người bù đắp cho đời sống thiếu vận động hằng ngày, bởi vì thời nguyên thủy, con người muôn được sống thì phải tranh đấu, chống chọi với thiên nhiên, mưa, nắng, gió, ác thú muôn loài....

Đời sống ngày nay không đòi hỏi mỗi chúng ta hằng ngày phải chạy, nhảy, bò, mang vác, đánh đỡ, leo trèo...để kiếm sống, mà chúng ta được phân công mỗi người một việc, mà mỗi công việc chúng ta làm, vận động, thao tác theo đòi hỏi của nghề nghiệp, công việc chuyên môn ..... xét ra đều còn thiếu tính đầy đủ của vận động cho cơ thể con người.

Người thầy giáo, bác lái xe, anh thợ xây dựng, chú bác sĩ, cô làm nail, hay ông giám đốc trong văn phòng....Mọi người hằng ngày, khi làm việc đều có vận động cho cơ thể đấy, nhưng không đủ cho đòi hỏi của sự lưu thông máu ở trong cơ thể con người, bởi vì khi trái tim co bóp, đẩy máu đỏ vào các động mạch chính, máu chưa đủ sức vươn tới khắp các vi ti huyết

quản của các cơ quan, bộ phận, các mô và bắp thịt trong châu thân, muốn làm được công việc này, máu cần trợ giúp của sự vận động của cơ thể con người, tức là thể dục thể thao.

ẤY LÀ THỂ DỤC

Trong thực tế, vì công việc, vì thời gian của đời sống, mọi người khó thể thực hành thể dục cho đầy đủ được, nên chúng ta cần có một " khái niệm thoáng " về sự vận động và thể dục ....

Vừa thức dậy, trước khi ra khỏi giường, nên nằm ngữa, hai bàn tay để sau gáy, co hai chân lên, làm động tác như đạp xe đạp (trong không khí), chừng 50 giây, ấy là ta đã đưa máu tới vùng bụng, các bắp thịt trước bụng đã nóng lên, đã có tác dụng tan mỡ ; cơ quan tiêu hóa là bao tử, ruột non, ruột già cũng đã có tác động tốt cho các nhu động của chúng rồi. Đó là chưa nói, nếu hứng khởi hơn thì ngồi dậy (trên giường) xoạc rộng hai chân thẳng, rồi luân phiên đưa bàn tay nọ chạm bàn chân kia, cũng chừng 50 giây thôi . Động tác này là tích cực hơn "đạp xe đạp", lại còn có lợi cho vòng số hai nữa ! Khi làm động tác nầy, nhớ hít vào(bằng mũi) lúc thân người ngồi thẳng, và thở ra(bằng mồm) lúc gập người xuống thấp để với chạm bàn chân.

Thong thả rời khỏi giường, hít thở vài cái : hai cánh tay thẳng, ngang vai, đưa ra sau : hít vào bằng mũi ; hai cánh tay thẳng, khép chéo phía trước : thở ra bằng mồm . Động tác thở nầy là thể dục cho hai lá phổi; hít vào bằng mũi là không khí được sưởi ấm và lọc bụi tốt hơn đường miệng (to, rộng và không có lông như mũi).

Cho hai cánh tay(trong) và bắp thịt ngực được rắn chắc, thì động tác là "co, duỗi hai tay" : hai chân đứng thẳng, chống hai tay lên thành cửa sổ, (khoảng cách hai tay rộng bằng vai, khi khỏe hơn thì khoảng cách nầy càng rộng hơn)
với người khỏe hơn thì vật chống đỡ càng thấp hơn như chống

trên tường, trên bậu cửa sổ, trên thành giường, hay trên sàn nhà....Hoặc gác hai bàn chân cao hơn nơi chống hai bàn tay .....Co tay thì hít vào (bằng mũi), duỗi tay thì thở ra (bằng miệng) .Nếu động tác nầy được gọi là "hít đất" như chúng ta thường gọi thì các động tác nhẹ dần là : hít đất, hít thành giường, hít khung cửa sổ, ...hít tường.

Vận động cho tay khá phong phú, khi bưng bê một vật gì nếu đưa lên cao, hạ xuống thấp thêm vài lần, tự xoa bóp cho đôi chân, cho bụng, cho tay mình (tay nọ xoa bóp cho tay kia) hay xoa bóp cho người khác....Đều là những vận động cho tay.

Về chân, không cứ là phải đi bộ, chạy bộ ở đâu cho xa.Ngay tại phòng, trong nhà để khỏi phải thay áo, quần, giày vớ . Chạy nhẹ tại chỗ, chạy trên hai nửa bàn chân trước, hai tay buông thỏng. Đó là chạy khởi động, 20, 30 giây sau, tăng cường độ khi chạy nhanh dần lên, hay nặng dần lên bằng cách cũng chạy băng nửa bàn chân trước, có nhâc cao đâu gôi hoặc cho hai gót chạm mông . Chạy như thế là đã warm-up cho cơ thể để sẵn sàng bước vào một ngày cho công việc hay tiếp tục thể dục đầy đủ hơn.....

Vận động toàn bộ cơ thể cho đầy đủ là các bộ phận sau đây phải có vận động : đầu, mình, tay, chân , với các hình thức động tác : Đi, Chạy, Nhảy, Bò, Leo trèo, Mang vác, Đánh đỡ, Thăng bằng . Mỗi động tác đều được nghiên cứu công phu, khoa học, thích hợp với các bộ phận thân thể, đôi khi còn được bắt chước một số loài vật, một dạng "phỏng sinh học" gợi ý cho người tập dễ nhớ, dễ làm...(bò kiểu con cá sấu, đi kiểu kancourou - con chuột túi- nhảy con cóc.....)

Liệt kê một số động tác sau đây là để tham khảo, lựa chọn rồi luyện tập :

ĐI : Đi kiểu người khổng lồ (đi thẳng người, nhón gót chân

cao) - Đi kiểu người lùn (thân người thẳng, hai chân luôn bước đi trong tư thế khuỵu thấp xuống) - Đi kiểu con vịt bầu (hai tay lên hông, di chuyển người bằng hai bàn chân trong tư thế ngồi xổm) - Đi bước dài, vung tay rộng - Đi vặn người sang hai bên - Đi tay nọ chạm bàn chân kia...

THĂNG BẰNG : Động tác nầy nhằm luyên tập cho hệ thần kinh vận động, cho cơ thể có được balance tốt trong đi, đứng và mọi sinh hoạt, control bản thân...: Tư thế con chuồn chuồn (đứng thẳng trên một chân, gập người, thân và chân kia duỗi thẳng, song song với mặt đất, giữ tư thế thăng bằng trong 5, 7 giây, về sau càng lâu hơn , sau đó đổi chân -Tư thế trồng chuối bằng hai tay (chống hai tay gần vào tường, đưa hai chân lên cao, luôn ngước cổ, giữ thăng bằng trên hai tay càng lâu càng tốt) - Tư thế trồng chuối bằng đầu(chấm đầu xuống thảm, gần tường, chấm hai tay xuống thảm, sao cho ba điểm là đầu và hai bàn tay tạo thành một tam giác đêu, đưa chân lên cao đê trông chuôi bằng đầu...). Các tư thế thăng bằng để tập trong nhà, có trong Yoga, và chỉ tập được ba tư thế nầy là khá tốt rồi.

Cũng như các động tác Chạy, Nhảy, Mang vác, Đánh đỡ thiết nghĩ không cần viết ra đây vì chúng nặng, khó, đòi hỏi không gian rộng hơn...e khó áp dụng.

THÊM MỘT BƯỚC CHO THỂ DỤC

Về chiếc Đầu: Là trung tâm điều khiển cơ thể, chiếc đầu cần máu tới nuôi đầy đủ. Các động tác xoa bóp là thích hợp với chiếc đầu ....

Loại lược bàn chải (bằng nhựa hoặc cây kim loại bịt nụ nhựa) dùng chải tóc, chải đều nhiều lần khắp mọi chân tóc là để thể dục cho tóc, cho da đầu. Làm động tác mạnh hơn với mười ngón tay từ trán ra sau, đến tận gáy, rồi từ hai bên thái dương ra sau gáy....Động tác làm rối tóc bằng bàn tay, chà xoay tròn từng

đám cũng là cách thể dục cho sợi tóc tươi tốt (đừng sơ tóc gãy !). Dùng đầu ngón tay giữa và ngón trỏ để day hai thái dương để trị cơn nhức đầu hoặc dùng cạnh trong của hai ngón trỏ, chì chiết dọc cuối hai chân lông mày để cắt dứt cơn ngủ gục....

Quay cần cổ cũng cần thiết và là dễ làm : hai chân đứng dang ngang (rộng bằng vai) hai tay vịn vào thành cửa sổ, quay cổ vòng tròn theo chiều kim đồng hồ, hai vòng, ba vòng, rồi quay ngược lại cũng hai, ba vòng. Khi quay, lúc đầu ra phía trước, thì cằm phải chạm được với ngực, lúc quay qua trái hay phải, đầu phải được nghiêng tối đa, hết cỡ về bên trái hay bên phải và khi đầu ra phía sau, đầu cũng ngã ra sau hết mức ....Vận động nầy sẽ làm cho chiếc cổ bớt nếp nhăn và điều cần nhớ là phải đứng cho vững, hai tay phải bám vào một vật gì đấy ngang tầm để khỏi bị té.

XOA BÓP - THỂ DỤC

Phương pháp xoa bóp Cốc Đại Phong cũng đem lại lợi ích tích cực cho các bộ phận nằm trên đầu .

Để làm xẹp bớt hai túi "trích lệ" phía dưới hai con mắt (nó mà hiện diện quá lố thì ảnh hưởng sắc diện, thẫm mỹ lắm), người ta dùng phương pháp sau : ngồi trên ghế, lưng thẳng, đặt nhẹ lưng hai ngón tay cái lên trên hai con mắt nhắm, giữ yên hai ngón tay, xoay đầu qua trái rồi qua phải, xoay cổ làm thế nào mà vẫn giữ được hai ngón tay cái (lưng ngón tay) trong hai hốc mắt là được. Xoay cổ qua trái, rồi phải, kể là một lần, xoay khoảng 20 lần là được, đó là phần cho việc để mắt bớt kèm nhèm, mắt mở to hơn. Khi di chuyển hai ngón tay cái (lưng ngón tay) xuống trên hai cục "trích lệ" thì tác dụng là tan mỡ cho hai cục này. Để trị tích cực, làm ngày hai lần, sáng, tối (trước khi đi ngủ), một lần, ba chục cái xoay cổ. Nhớ không đè nặng ngón tay cái lên hai mắt,làm mắt đau, và vị nào đã mổ

cườm mắt rồi thì phải điểm thuốc (nước mắt nhân tạo) trước khi làm đẹp.

Bây giờ đưa hai lưng ngón tay cái về nằm dọc theo hai sóng mũi, rồi đưa lên, đưa xuống, dùng lưng ngón tay cái để xoa bóp cho hai bên sóng mũi, bớt được chứng nghẹt mũi, ngón tay lên, xuống, kể là một lần, làm 20, 25 lần.

Cũng trên khuôn mặt, dùng lòng bàn tay xoay tròn hai bên má rồi vuốt ra hai bên thái dương để tăng sự hồng hào cho má, giảm nếp nhăn.

Còn một vài bộ phận trên đầu nữa cần thể dục: Hai hàm răng. Miệng hơi mở ra, vừa để hai hàm răng không cắn nhau, thả lỏng xương hàm dưới (nghĩa là khi miệng há ra, có thể dùng tay đẩy cằm lên thì hàm răng dưới chạm hàm răng trên), dùng lưng bàn tay thuận, đánh hướng lên, vào chỗ dưới cằm, để cho hai hàm răng đánh nhẹ lên nhau. Động tác nầy giúp máu tới chân răng nhiều hơn, cũng như động tác "Súc Miệng"với nước miêng : Ngậm miệng lại, làm động tác súc miệng, dù không dùng nước, miệng vẫn súc mạnh, hơi và ít nước miếng đi qua kẻ răng, tiếp tục "chì chiết, mút" trong khung miệng, dần dần nước miếng nhiều lên, súc miệng cách nầy và đánh hai hàm răng như vừa rồi là rất tốt, cho răng bớt thối, bớt sâu răng.

TẮM KHÔ

Với bàn tay, mu và các ngón, ta có thể xoa bóp cho toàn thân, với các thao tác : Đấm, Xoa, Day, Bấm để tự" Tắm - Khô "cho cơ thể của mình .

Làm các động tác tập cho phần chiếc đầu xong, cũng cần nhớ hai "dái tai", nơi tập trung nhiều liên lạc các cơ quan nội tạng (gọi là kinh lạc). Vo ve, mơn trớn đôi "dái tai"trước khi tắm khô .

Bận đồ đơn giản, rộng. Làm các động tác kỳ cọ, xoa cho thân

thể như khi tắm bình thường, nhưng động tác khá mạnh hơn.

Chỗ nào bị đau, nhức, mỏi thì cần phải đặc biệt chịu đau để làm nhiều hơn. Có thể dùng đầu ngón tay cái, ngón trỏ để bấm, day mạnh hơn, hoặc mơn trớn vuốt, xoa...

Tùy theo cường độ của động tác kỳ cọ khi tắm ; mạnh, tích cực hoặc nhẹ nhàng vừa phải.....cho đến khi cơ thể dần nóng lên hoặc có mồ hôi là đã đạt được một lần tắm khô hiệu quả .

Xong việc tắm khô, nhớ phải thở để bù đắp oxy (dưỡng khí) cho cơ thể.

T H Ở

Trong thể dục, thể thao thở là công việc "tối cần thiết". Thiếu thở thì máu chạy đến nuôi các cơ (bắp thịt), các tế bào bị thiếu dưỡng khí, khi thiếu oxy, các cơ quan, bộ phận của cơ thể sẽ không khỏe, không đủ hồng hào cho da dẽ .

Bởi thế, ngay khi đang thực hành thể dục, mỗi động tác phải được kèm theo với hít thở
(nhớ là hít vào bằng mũi, thở ra bằng miệng) .

Một điều cần đươc xác định là cơ thể con người tồn tại được, sống được là nhờ có nguồn dinh dưỡng đưa vào từ Ăn Uống và Thở, trong đó Thở là việc quan trọng số một.

Phải không, nhịn ăn có thể dài ngày, nhịn uống có thể nhiều giờ, nhưng Nín Thở thì chỉ tính được bằng phút mà thôi !

Sau một chuỗi vận động, nhu cầu oxy của cơ thể rất cao, việc thở bình thường không đủ cung cấp dưỡng khí cho máu - lượng máu đang dồn dập từ tim đưa đi nhiều hơn đến khắp châu thân - máu nầy phải được "cho ăn" oxy trong quá trình trao đổi tại phổi.

Mỗi lần thở "tự nhiên bình thường" phổi chỉ đưa ra, đưa vào khoảng trên dưới một lít không khí mà thôi. Nhưng nếu động tác thở mà được điều khiển thì lượng không khí vào ra đạt tới

hai hoặc trên hai lít rưỡi...

Giai đoạn sau khi vận động TDTD gọi là Hồi Tĩnh, hít thở phải sâu, diễn ra trong tư thế đứng tại chỗ hay đi thong thả, vừa đi vừa thở. Nếu đứng tại chỗ, thì hai chân dang ngang (rộng bằng vai), gập cúi người nhẹ nhàng, thở ra, cố thở sao, đẩy cho thật hết hơi trong phổi, trong "bụng" ra ; rồi từ từ đưa hai tay, chếch lên cao, thẳng lưng, từ từ hít vào cho thật đầy phổi, đầy "bụng"; lúc nầy cần nín thở, giữ hơi lại trong hai giây, rồi vừa thở ra từ từ, vừa gập bụng lại, để hai tay lại buông thỏng xuống như trước, cố thở hắt đẩy thật hết hơi thán khí ra ngoài...Cứ mỗi cái cúi gập người và thẳng người, kể là một lần, làm cho đến lúc nào cảm thấy khỏe, trả đủ "nợ oxy" cho cơ thể rồi thì thôi (từ sáu tới chín lần).

Khi đi để thở, thì đi thong thả, hai tay dang ngang, đánh ra sau, ưởn ngực, là lúc hít vào cho đầy phổi, hai tay đánh ngang ra sau thêm liên một lần nữa đê hít găng thêm một lần nữa cho thật đầy phổi, rồi hai cánh tay đánh chéo, ngang về phía trước Ép hai lá phổi hai lần cho hai lần thở hắt ra.....Số lần cũng tương tự đứng mà thở.

Dong dài nói về Thở là vì nó rất quan trọng đối với sức khỏe. Chơi thể thao, tập thể dục mà không lưu tâm việc thở thì dần dà, nhìn "nước da", biết ngay là người "thiếu thở", người "thiếu máu".....

Ngay nhà ở của chúng ta, với những ngôi nhà không có central air, các phòng ngủ cũng cần mở cửa sổ (có điều kiện safety) để đủ không khí cho việc thở....

Tạm đủ cho một mãng sinh hoạt của con người. Nhưng có mấy điều e phải đặt ra ở đây.

Điều thứ nhất, là lợi ích của TDTT khó nhận biết được một khi việc tập luyện không được chuyên hóa, thường xuyên.

Nhưng nó vẫn có đấy. Có khi chúng ta vô tình phủ nhận hiệu quả của nó đã đem lại cho sức khỏe mà lại gán cho một nguyên nhân khác như thuốc men, may mắn vô hình nào đấy.....Chỉ cần nằm liệt giường mấy ngày, chúng ta sẽ cảm nhận ra sự cần thiết của vận động cơ thể.

Điều thứ hai, tinh thần, niềm tin trong tập luyện là khẳng định cho hiệu quả việc làm. Ý muốn thật tha thiết, niềm tin thật mạnh mẽ thì hãy tập, không có nó, thì thôi.

Điều thứ ba là trong sâu xa, mục đích của TDTT không phải để cho con người sống lâu, trăm tuổi mà là để con người sống khỏe mạnh, sống không đau yếu.

Điều thứ tư cần nói tới là tập TDTT không bao giờ là muộn cả, nó như việc học đại học tại nước Mỹ vậy. Không bao giờ là trễ cả. Học được bao nhiêu tín chỉ (credits) thì còn có đó, không mất đi đâu, nó luôn luôn bổ sung vào kho kiến thức của chúng ta, như môi một động tác thê dục mà ta làm nên, nó đêu có tác dụng vào bộ máy huyền diệu cơ thể con người. Tập TDTT không bao giờ bị trễ, bị muộn cả.

Điều cuối cần nói ở đây, hơi trừu tượng, có khi như có tính tôn giáo, nhưng không, chắc chắn không !

Là tạo hóa có luật bù trừ. Khi ta bỏ ra cái gì, ta sẽ có cái trả lại, như là luật bảo toàn năng lượng trong vũ trụ nầy, mất ở chỗ nầy, chỗ khác được bù đắp.

Bỏ công, bỏ sức dù nhiều hay ít để vận động cơ thể thì chắc chắn cơ thể sẽ được đền đáp .

HOÀNG KHIÊU

Tháng Bảy Vu Lan

(Rằm tháng Bảy năm Tân Mão)

Tháng bảy Vu Lan nhớ mẹ hiền
Trùng dương bát ngát mảnh trời riêng
Vườn xưa đổi chủ, không hương khói
Lối cũ thay tên, khác mọi miền
Giấc ngủ chập chờn mơ bóng cả
Quê người mong ước đón hồn thiêng
Nguyện cầu Tăng Chúng, ơn vô lượng
Để mẹ được về nơi cõi Tiên.

Để mẹ được về nơi cõi Tiên
Quên đi tất cả những ưu phiền
Đường đời con nhận nhiều gian khổ
Cuộc sống mẹ cho lắm diệu huyền
Cơn sóng dập dồn nơi bãi biển
Hải Âu bay lượn giữa thiên nhiên
Cài bông hồng trắng lên tim áo
Nén nước mắt rơi, nhớ mẹ hiền.
Võ Đình Tiên

Họa:

Tháng Sáu Thăm Mộ Mẹ

Tháng Sáu, chúng con viếng Mẹ Hiền,
Đồi Hồng* hoa lá sắc màu riêng,
Đá bia thầm lặng nằm ngay lối,
Cây cỏ buồn tênh nhuộm cả miền.
Mộ Mẹ vẫn yên sâu thước đất,
Lòng con còn khắc đậm tình thiêng.

Chắc nay Mẹ đã vui an lạc,
Hưởng mọi thanh nhàn nơi cảnh tiên.

Hưởng mọi thanh nhàn nơi cảnh tiên,
Quên đi thế tục lắm buồn phiền,
Luân hồi cắt đứt vòng sinh tử,
Phật pháp tìm ra lẽ diệu huyền.
Đại ngã hòa tan dòng tiểu ngã,
Chân như xuyên thấu lẽ an nhiên.
Vu Lan ân nghĩa con hằng nhớ,
Luôn ẩn trong con dáng Mẹ hiền.

Githéa, July 2011
(*)RoseHills Nghĩa Trang

Xa Quê Nhớ Mẹ

Con phải xa quê vắng Mẹ hiền
Bên lòng đau đáu nỗi chung riêng
Quê nhà bóng Mẹ nương đầu ngõ
Đất lạ chân con giạt cuối miền
Kia biển Thái Bình luôn bát ngát
Đây tình mẫu tử mãi thiêng liêng
Trong tim chất chứa trăm ngàn nhớ
Nhớ Mẹ rất nhiều, nhớ trước tiên

Nhớ Mẹ rất nhiều, nhớ trước tiên
Con mong cho Mẹ bớt ưu phiền
Thân cò lặn lội bao mưa nắng
Tuổi hạc long lanh chuổi hạt huyền
Yêu quý chị em, hòa lối xóm
Thương đàn con cháu, mến thiên nhiên
Ơn trên phò hộ người trăm tuổi
Con sẽ về thăm lại Mẹ hiền

Quang Hà, Aug 2011



Vu Lan Chúc Mẹ

Đảnh lễ Vu Lan chúc Mẹ hiền
Thân tâm an lạc, bỏ niềm riêng
Quên thời gian khổ buôn hàng gánh
Hưởng lúc an vui dạo khắp miền
Con thảo sum vầy khơi tích cũ
Cháu hiền quấn quýt gợi tình thiêng
Hàng năm tháng bảy con đều nhớ
Báo hiếu, đây mùa nhớ Tổ Tiên
Báo hiếu, đây mùa nhớ Tổ Tiên
Ơn trên độ Mẹ hết ưu phiền
Hết lòng dìu dắt đàn con cháu
Công đức tri ân đấng cửu huyền
Phước Thọ Tăng Long luôn khỏe mạnh
Cát Tường Như Ý mãi an nhiên
Cánh hoa hồng đỏ con cài áo
Hạnh phúc vô biên với Mẹ hiền

Hạ Vy
Mùa Vu Lan 2011

Phá Tam Giang - Thuở mây trắng.

Nói đến xứ Sịa quê hương tôi, mấy ai không nhớ đến Phá Tam Giang thân thuộc, gắn bó với người dân Sịa. Khách phương xa dù ai chưa một lần đến cũng biết con Phá huyền thoại đã đi vào văn học Sử Việt Nam qua ca dao:

Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ
Yêu em anh cũng muốn vô
Sợ Truông Nhà Hồ, sợ Phá Tam Giang
Phá Tam Giang ngày nay đã cạn
Truông Nhà Hồ, Nội Tán cấm nghiêm.

Sịa thuộc xã Quảng Phước, Huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế, chỉ cách Phá Tam Giang 3 km. Khoảng cách "tuy xa mà gần, tuy gần mà xa" ấy, đã kích thích bước chân thuở niên thiếu của tôi với tính thích gần gũi với biển trời, mây nước và những chuyến đò đón đưa, khi xốn xa, lúc lặng lờ buồn tẻ. Thuở ấy Phá Tam Giang với tôi thật quyến rũ. Những ngày nghỉ học, tôi cùng bạn bè ra phá hụp lặn, bắt hến mò cua, bơi lội vẫy vùng trong sóng nước, có khi nhìn những cánh buồm no gió, nghe vài mái chèo vẳng lại tiếng hò như nhắn nhủ ai duyên nợ trăm năm:

"Tay bưng dĩa muối chấm gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau" ...

Có những đêm hè trời nóng bức, được theo chân cha tôi ra Phá Tam Giang ngủ đò. Sinh hoạt trên đò là chuyện lạ lẫm với tôi. Dưới ánh trăng khi mờ khi tỏ, tôi thích thú bước lên chiếc

đò, chú Lợi chủ đò là người thân của cha tôi, chú chèo đò cách bờ khá xa rồi dừng lại cắm sào, neo đò xong chú lại mời cha con tôi ăn cháo cá. Thật hấp dẫn, chú múc cháo ra tô, những con cá ông nâu, cá kình nóng hổi bốc khói thơm lừng, mùi gia vị hành ngò lan tỏa khắp khoan đò, chú Lợi và cha tôi vừa ăn vừa buộc miệng khen "ngon quá", còn tôi như chưa từng được ăn bữa cháo ngon khó tả ấy bao giờ, cá béo, ngọt nước lại thịt thơm, những tô cháo trên đò Phá Tam Giang thật ấn tượng ấm áp khó quên. Tôi thầm nghĩ đêm trên Phá Tam Giang đầu tiên ấy là khoảnh khắc

tôi được sống và thưởng thức hương vị đặc sản tuyệt vời của Phá Tam Giang quê hương. Sau này lớn lên khi tôi đã đi đây đi đó khắp nơi mới ngộ ra rằng: Không nơi nào có tôm cá ngon hơn tôm cá Phá Tam Giang mình.

Tôi no nê và nằm nhìn trời sao nhấp nháy, thỉnh thoảng một vài ánh sao băng trông thật đẹp mắt. Gần đò chúng tôi, một vài chiếc xuồng nhỏ lướt qua lặng lẽ như mang theo điều gì bí ẩn. Tôi cảm thấy sinh hoạt trên Phá Tam Giang về đêm là sống với thế giới của trăng sao, của sóng nước, phản chiếu những ánh đèn dài lung linh, êm đềm và thần thoại:

"Phá Tam Giang gợn sóng khuynh thành
Đêm khuya một chiếc, thuyền mành ngã nghiêng"

Cha nằm cạnh tôi và chỉ cho tôi ánh Sao Hôm, Sao Bắc Đẩu, Dải Ngân Hà... Giọng nói của cha tôi trầm ấm hoà với tiếng sóng vỗ mạn thuyền, gió mát lạnh mơn man trên mặt, con đò chao nhẹ ru tôi vào giấc ngủ êm đềm tự lúc nào.

Sau những vụ mùa lúa, dân An Gia làng tôi thường đổ về Phá Tam Giang đánh bắt tôm cá. Nguồn cá ở đây lúc nào cũng đầy, nhờ thế dân làng thêm phần ổn định cuộc sống. Khi ruộng đồng, lúc ra Phá, cứ thế thôn xóm có một nếp sinh hoạt quanh năm no ấm, mang một tập quán văn hóa thuần túy, ít ai bỏ làng tìm chốn thị thành mà cứ quây quần bên nhau vui sống với những lễ hội hằng năm: Tống Cựu Nghênh Tân, Xuân Thu, Rằm Tháng Bảy, Thần Nông, Ngài Ngư ... Đặc biệt lễ hội Ngài Ngư luôn được tổ chức trên đê Phá Tam Giang. Cha tôi là tướng lễ nên thường đảm trách văn sớ và đọc văn tế trong các lễ hội.

Thế rồi năm 1965, đứng trên đê Phá Tam Giang ngày đêm tôi nghe tiếng bom đạn vọng về từ các làng Giang Đông, Bao La, Thuỷ Lập... "*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*". Phá Tam Giang cũng mang nặng nỗi buồn chiến tranh. Mỗi chiều về mây xám u uất rũ xuống, một cánh chim biển lẻ loi buông tiếng kêu tìm đàn rồi chìm dần trong tiếng súng màn đêm, còn lại âm vang sóng vỗ như tiếng thổn thức của quê hương tiếc nuối những ngày sống cồn, đêm lộng gió. Tam Giang ơi! còn đâu những đêm trăng sáng, những buổi hẹn hò trên bến Cồn Tộc (*) gió lộng có mây trắng bay về.

Thế là chiến tranh lan mạnh vào làng tôi. Hôm ấy chiều 30 Tết năm Mậu Thân 1968. Ngày áp Tết nhưng không khí trong làng im ỉm nặng nề. Cha tôi vội vàng cúng Lên Nêu. Linh cảm cha tôi như biết trước có chuyện không lành sắp xảy ra, vì thế hối thúc tôi ăn uống nhanh rồi di tản. Tôi ăn uống qua loa rồi vội vàng theo chân cha đi về phía Phá Tam Giang, lên một chiếc đò ngang tại bến đò Hà Đồ, đò nổ máy F10 chạy thẳng qua Vĩnh Tu. Tôi được tá túc nhà người bà con bên bờ Phá mà lòng thổn

thức trăn trở khi đêm về. Từ Vĩnh Tu ngày mồng 2 Tết, tôi đau buồn nghe tin anh Chuân trúng đạn chết tại làng. Anh Chuân là anh em chú bác thúc bá với tôi, tình cảm chúng tôi gắn bó, đi đâu cũng có nhau. Hồi đó anh Chuân học trường Kỹ Thuật Huế niên khóa 1967-1968. Hôm di tản cha tôi gọi anh Chuân đến nhà cùng ăn rồi đi, không biết thế nào đó mà anh lại không đến để rồi đã mãi mãi ra đi.

Tin anh Chuân chết, tôi bàng hoàng nhưng đó là sự thật, dù tôi không thấy anh lần cuối. Tôi trùm chăn kín cả mặt khóc nức nở, tức tưởi như cái chết tức tưởi của anh. Hết khóc tôi ra bến Vĩnh Tu nhìn về bên kia con Phá làng tôi, mắt nhạt nhòa, bầu trời xám xịt, tôi chỉ thấy bên kia màu đen lờ mờ trong sương khói xa xa như một lời vĩnh biệt chia tay.

Hơn một tháng sau quê tôi tạm yên, tôi trở về làng trong tâm trạng ái ngại lo âu. Việc đầu tên tôi cắt những đoá hoa nở vô tình trong vườn rồi tự kết một vòng hoa đơn sơ đem viếng mộ anh Chuân. Tôi cắm nén nhang lên mộ chôn vội vã bên hè nhà. Chị Luật (chị anh Chuân) thấy tôi mừng rỡ nhưng không ngăn được dòng nước mắt chảy òa trên má. Vĩnh biệt anh Chuân, tôi bùi ngùi về nhà chuẩn bị một cuộc hành trình mới, từ đó bắt đầu những bước ly hương, và tôi đã vượt qua đèo Hải Vân. Phá Tam Giang với thuở niên thiếu đời tôi là cả một vầng mây trắng. Trong thời chiến tranh là nơi tôi nương náu và được che chở thoát khỏi đạn bom.

Hiện nay từng bước lặng lẽ bên bờ Thái Bình Dương xa xăm, tôi mơ ngày "Hội Trùng Dương". Ngày ấy tôi sẽ gặp lại người xưa bến cũ, con đò với Phá Tam Giang huyền thoại, có gió lộng đưa mây trắng bay về thuở hoa niên ngày nào, chạnh lòng tôi lại đọc thầm những câu thơ:

"Bốn bề luân lạc tha phương

Trời Nam nghìn dặm thẳm
Non nước một màu sương
Chí chưa thành, danh chưa đạt
Trai trẻ bao lăm mà đầu bạc
Trăm năm thân thế bóng tà dương"

Bắc California 26/10/2014

Lê Quang Tế

(*) Cồn Tộc: là bến đò đưa đón trên địa phận làng An Gia.
- Những câu thơ trên trích trong bài hát " Hồ Trường" do Nguyễn Bá Trạc dịch từ bài hát bên Tàu (1881-1945) được đăng trên báo Nam Phong.



Sịa Tam Giang

Cũng hôm nay

Cũng hôm nay
Mười mấy năm về trước
Gió hương thơm cô đọng lại phải không em?
Em ra đời mà sao anh không biết
Để đến hôn em và xoa dịu giọt nước mắt đầu tiên
Dù anh còn là một em bé
Dù chân đi chưa vững và miệng còn chưa gọi được tên em
Nhưng vẫn biết cầm khăn lau nước mắt
Cho người thương mai sau
Những đêm buồn
Anh ngồi bên cửa sổ
Đếm lá vàng rơi
Vì anh sợ mùa thu này
Lá vàng không đủ để dệt áo cho em
Người con gái đầu thu
Qua bao nhiêu dãy núi trùng trùng điệp điệp
Qua những áng mây xa
Anh vẫn ngồi trong phòng vắng
Làm thơ ca tụng mình (ca tụng em)
Em biết không ?
Vàng son mấy lối
Hai đứa mình còn vân tưởng thương nhau.

Phan Văn Minh

Em tôi xinh



Bài thơ này là hư cấu một chuyện tình không có thật tôi đã gửi đăng báo Đời Mới do ông Trần văn Ân chủ nhiệm, một báo uy tín thời 1954-1955. (lúc này tôi vừa 20 tuổi và nay đã 82 rồi). Bài thơ này là những lời nhắn nhũ khuyên bảo người yêu bị mê hoặc bởi chủ nghĩa Cộng sản, tập kết ra Bắc hãy trở về Nam vui sống và xây dựng một chế độ mới hợp với dân tộc trong đó con người được tự do thực sự. (Chú thích của tác giả)

Em tôi xinh xinh
Cười vẻ thanh bình
Da trắng mịn
Ươm tơ lòng đang dậy
Hàng mi cong
Chưa rung động chiều thu
Vì em tôi không là người lãng mạn
Mái đầu xanh em dâng cả cho đời
Em mê Các Mác
Em phục Lê Nin
Mặc dầu em đẹp em xinh
Mặc dầu tóc hãy còn xanh trên đầu

Hôm nay
Non nước chia đôi
Nàng giã tôi về nơi cố quận
Mà bao thu náo nức mong chờ
Em về ngoài ấy
Không còn những chàng thi sĩ
Đứng bên hồ mơ những chuyện xa xăm
Mà dệt vần thơ trên nét bút
Nhưng mà thôi
Nói làm chi cho nhạc sầu chắn lối
Cho ngại ngùng theo dấu bước em đi
Để em trông thấy những gì
Mà em ao ước tôn vì rất lâu
Anh ở đây chung cuộc sống xô bồ
Đời không lý tưởng
Hôm nay
Nhẹ gió heo may
Anh chờ em ngày trở lại
Vì nơi kia đâu phải chốn thiên đường
Em ơi trở về đây
Trở về đây
Về đây xây một nhịp cầu
Nhịp cầu nho nhỏ
Nhịp cầu xinh xinh
Nhịp cầu hợp với dân mình
Chúng ta vui sống mặc tình tự do

Phan Văn Minh

CHIA XẺ CHUYỆN ĐỜI TÔI

Tự ký của người Sịa THÁI QUANG TĂNG


Thái quang Tăng

Mỗi người có một đời sống với những nỗi niềm đầy ắp buồn vui, truân chuyên, hạnh phúc, có những giọt nước mắt rơi trong tim chen lẫn những nụ cười vui nở hoa trong lòng .

Sống là chấp nhận, chẳng có đời sống nào là đủ, chẳng có đường đời nào là thiếu....Đã qua nửa đời người, trông về quê cũ xa vời, ngẩng nhìn tương lai thấy thời gian mất hút. Bây giờ sống với bao kỷ niệm từ thời thơ dại, hẹn hò, rồi trưởng thành và ngã dần về tuổi cao niên, vẫn trong căn nhà một thời hạnh phúc. Tôi thường trở về với ký ức nhớ lại chuyện xưa, chuyện cũ, cuối cùng tôi cũng mãn nguyện là người con có hiếu với cha mẹ, thương yêu anh chị em, đã làm tròn bôn phận với gia đình.

Năm 1945, tôi đã 17 tuổi chiến tranh bắt đầu giữa Pháp và Việt minh càng ngày càng khốc liệt, gia đình đông con, lại ở Sịa thôn quê, tôi người đầu tiên trốn lên thành phố Huế, sau đó ba người em 15,13,10 tuổi, việc đầu tiên là lo kinh tế, nơi ăn, chốn ở và học hành cho đến khi khôn lớn. Năm 1956 Mẹ tôi bị bệnh và qua đời tại Sịa ở tuổi 62, cha tôi vẫn ở lại Sịa cô đơn buồn bã với đứa cháu ngoại (Lê dĩ Hảo) đang đi học, con trai của anh chị tôi (Hiểu, Phụng). Ở Huế, nhớ thương Cha nhất là khi đêm về, tôi quyết định mời Cha qua Huế ở chung, mặc dầu nhà có đến 9 người (2 vợ chồng, 4 đứa con, hai người giúp việc và 1người dạy kèm cho các cháu) suốt 7 năm trời phụng dưỡng cha già, cho đến khi cha tôi qua đời vào tuổi 82 , tôi đã làm tròn bổn phận hiếu đạo trong gia đình.

Tôi học trường y tá tại bệnh viện Huế năm 1947,1948 , mãn khóa tôi được làm phòng quang tuyến và y điện, sau một thời gian tôi được vào Sài gòn học kỹ thuật viên quang tuyến ở bệnh viện Grall do 3 bác sĩ Pháp chuyên khoa quang tuyến dạy có 10 học viên mà có đến 8 người Pháp chỉ 2 người Việt, tốt nghiệp tôi về phục vụ tại BV Huế phòng quang tuyến từ 1956 đến 1968. Sau tết Mậu thân tôi xin thuyên chuyển vào Sài gòn, may mắn cho tôi được Bộ y tế chấp thuận với lý do trung tâm thực tập y khoa cần nhân viên quang tuyến mà tôi lại thâm niên trong ngành 15 năm nên được đề cử ngay trưởng phòng quang tuyến và cũng trong năm đó tôi đậu cán sự do bộ y tế tổ chức. Năm 1971 bộ y tế mở trường đào tạo kỹ thuật viên quang tuyến, qua chuyên môn và kinh nghiệm tôi được đề cử dạy môn nầy, mỗi chiều chỉ dạy 2 giờ còn bao nhiêu tôi vẫn phụ trách ở phòng quang tuyến, kéo dài được 4 khóa từ 1971 đến 1975. Sau 1975 tôi vẫn tiếp tục làm việc cho đến năm 1982 , tôi được con gái bảo lãnh sang Úc lúc đó tôi mới 58 tuổi, tôi vẫn xin làm việc may mắn cho tôi là bằng chuyên viên quang tuyến của tôi do Bác sĩ trung tướng quân y Pháp ký nên được công nhận và được phục vụ tại bệnh viện Hoàng gia Anh, làm thêm 3 năm rưỡi nữa, đến tháng 2 năm 1990 tôi được tái định cư tại Hoa kỳ tiểu bang Cali thành phố San jose, ở đây tôi cũng đi làm bán thời gian tại phòng mạch của Bác sĩ Thanh Lan thêm 2 năm nữa về hưu ở tuổi 65

Như vậy đời tôi cũng nhiều may mắn :

1/ Xuất thân từ trường y tá mà không một ngày làm y tá mà chỉ làm quang tuyến .

2/ Dù tạm đình chỉ thuyên chuyển mà tôi được chấp thuận vào Sài gòn vì nhu cầu cần chuyên viên.

3/ Khi vào làm việc, tôi được trọng dụng tối đa khả năng của mình đúng lúc bệnh viện đang cần.

4/ Khi mở trường đào tạo chuyên viên kỹ thuật quang tuyến tôi có đủ tài liệu và bằng chuyên viên kỹ thuật quang tuyến nên trở thành một huấn luyện viên giảng dạy chính thức và được trọng dụng.

5/ Vinh dự được học tại bệnh viện GRALL do 3 bác sĩ Pháp dạy, ra trường đậu thứ 3 trên 10 người.

6/ Đến Úc , tôi người duy nhất được nhận vào làm quang tuyến vì bằng tốt nghiệp của tôi do một bác sĩ trung tướng Pháp chứng nhận .

7/ Bản tánh tôi tận tụy, yêu nghề và giúp đỡ mọi người, không nề hà cực nhọc khó khăn, bất kỳ chỗ nào cần chụp hình vì y lý , tôi tiên phong lãnh trách nhiệm

8/ Năm 1971 tôi lại được một bác sĩ Mỹ chuyên khoa và một nhân viên kỹ thuật Mỹ giảng dạy huân luyện cho tôi các máy móc tân tiến, nên tôi đều xử dụng được, an toàn, nhanh nhẹn đúng nhu cầu để định bệnh cấp tốc .

Hiện nay tuổi đời đã cao sống trên đất Hoa kỳ hơn 20 năm, gia đình tôi đã được đoàn tụ, các con cháu được học hành thành đạt, được sống trên một nước văn minh, tự do, nhân bản và khai phóng, các con cháu có hiếu thảo, hàng ngày tôi đến vui chơi hội người già đầy thâm tình và bổ ích, nhưng trong lòng luôn hoài niệm về quê Sịa nơi tôi sinh ra và lớn lên, nhiều kỷ niệm tuổi thơ hạnh phúc và may mắn thay, quê người có hội Đồng hương Sịa làm tôi gặp lại các bà con họ THÁI QUANG và những bạn bè trên quê hương tôi tại xứ người đem cho tôi một làn gió ấm áp cho tuổi về chiều…

Thài quang Tăng

MÙA TẠ ƠN NĂM 2013



Đặc biệt năm nay 2013 sau hai ngày thứ năm Thanksgiving, thứ sáu Black Friday (29-11-2013, 30-11-2013), mùa Giáng sinh – năm mới 2014 rồi Tết Giáp Ngọ kế tiếp nhau trong thời gian hai tháng .

Thời gian như ngừng trôi cho tôi nhớ lại những ngày gia đình tôi mới đến Mỹ đúng ngày Thanhsgiving năm nào cách nay gần hai thập niên. Giờ đây tuổi đời chồng chất nhìn dòng thời gian trôi chảy như dòng nước Sông Dinh, tôi tìm được hạnh phúc trong phần đời còn lại như L.H…người nữ sinh đã quá cố nói cách nay 10 năm…Phần đời còn lại đó ví như chanh đường sau những cuộc rượu đắng mà ta hằng nếm trải….

Cuộc rượu đắng như trích đoạn trên tôi đã nếm trải từ tuổi thanh xuân 36. Tôi buộc phải giả từ phấn trắng bảng đen vào tuổi đó sau 16 năm dạy học. Trên dòng đời trôi chảy đó tôi chôn vùi những kỷ niệm thời cắp sách đến trường, thời đi dạy học, những kỷ niệm đó như bị chôn vùi nơi góc sâu thăm thẳm trong một ngăn tủ đầy ký ức. Quên đi để sống còn và mạo hiểm tìm nơi để sống còn .

Thế rồi khi thu tàn đông sang ba sự việc đến với tôi như hai cánh cửa mở rộng khung trời quá khứ: những lớp học dần dần tái hiện trong nắng hạ phượng thắm, đông tàn xuân sang …

Chuyện thứ nhất: một buổi sáng trước Thanksgiving mấy hôm tôi nghe phone reo nhìn mã số vùng (215) tôi ngờ ngợ

tưởng là quảng cáo định off nhưng lại thôi thì bên kia phone một giọng Huế : Thưa thầy em là Nguyễn thị H… đây em học lớp thất 2 (lớp 6/2) Bán công Quảng Phước 1962 đây, thầy dạy môn Pháp văn đó, em hiện ở Louisiana đây . Thế là tôi hình dung ra ngôi trường hơn 50 năm trước nằm bên đồi cát trắng tinh mênh mông bên đường đất chạy dài đến phá Tam Giang. Chiều chiều sau giờ tan học chúng tôi ra bờ phá đến quán ông Ba xe ngựa thưởng thức món cá sòng luộc. Đặc biệt món cá sòng luộc nầy khi nồi nước trên bếp dầu bắt đầu sủi bọt chủ quán mới vác cần đi câu cá, khi nước sôi thì đã có cá bỏ vào nháy mắt vớt cá ra thế là chúng tôi thưởng thức món cá tươi. Trong chiều xuống gió bắt đầu thổi mạnh, sóng trên phá Tam giang đập mạnh vào bờ, nếu không ra phá Tam Giang thì chúng tôi đạp xe trên con đường làng xuống Khuông Phò (thuộc xã Quảng Phước) thăm ngôi nhà xưa. Ngôi nhà nầy cho tôi hình ảnh ngôi nhà trong tiểu thuyết Bướm Trăng của nhà văn Nhất Linh. Ngôi nhà xưa nầy có nhiều bậc tầng cấp bước lên nên trông ngôi nhà vươn cao hẳn lên như thi đua với hàng cau sau nhà. Ngôi nhà đó là nơi cư trú của hai chị em Nguyễn thị Th… và Nguyễn thị H…,Th…học lớp Đệ Tứ (tôi dạy môn Công dân lớp đệ tứ) Cả hai đều học trường Trung Học Bán Công Quảng Phước bên bờ Phá Tam Giang như tôi vừa giới thiệu. Hai chị em nầy mồ côi cha mẹ từ tấm bé, hiện ở với bà nội là chủ nhân của ngôi nhà đó. Sau khi Cô Th…tốt nghiệp Trung Học Đệ nhất Cấp, tiếp đến theo học Trung Học Nông Lâm Súc Huế, tốt nghiệp làm việc tại Huế. Còn tôi thì trôi giạt về Nam, hình ảnh ngôi nhà xưa cây dừa đầu ngõ, hàng cau cao vút, sóng vỗ dạt dào vào bờ Tam Giang mờ dần trong ký ức, tôi đã quên cảnh cũ người xưa mà một thời sôi nỗi gắn bó. Hình ảnh đó có lúc

tỏa sáng khi trận chiến đang hồi ác liệt. khi âm thanh của ca khúc "*Chiều Trên Phá Tam Giang* "vọng về .

Khi tàn cuộc chiến thì người người lại bị ngăn cách do hoàn cảnh lịch sử hoặc hoàn cảnh địa lý. Năm 1992 trên đường ra Hà Nội lập hồ sơ đi Mỹ tôi ghé Huế tình cờ nghe ông bạn đồng nghiệp cùng dạy ở Quảng Phước năm xưa, nói về cô Th…sau 1975. Cuộc sống Th…và gia đình khá giả.Tôi định gặp cô nàng nhưng thời gian không cho phép và không biết cô ấy có chịu gặp tôi không vì năm xưa duyên không thành do lỗi tại tôi, thôi đành :

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ
Vô duyên đối diện bất tương phùng

Tôi dùng câu thứ hai để ngụy biện khi giải thích với cô H…em cô Th.. khi gặp nhau trên phone. Mấy hôm trước khi chúc mừng New Year 2014 cô H…có nhắc đến Chị Th…gởi lời thăm và chúc Tết đến tôi, thế là như trút được gánh nặng về trách nhiệm tinh thần: tuy duyên gắn bó không thành, song điều an ủi cho tôi là cuộc sống của gia đình cô Th… (gồm 1 anh trai và hai chị em gái) giờ trở nên khá giả:

Người anh trai có tên Nguyễn bá L... tôi gặp anh ấy lần chót tháng 6 / 1968 ở Trung Tâm 3 Nhập Ngũ Saigon. Về sau anh ấy trở thành Sĩ Quan Pháo binh. Sau 1975 anh mất sau khi ra tù. Anh hiện có hai con đã trưởng thành có nghề nghiệp ổn định.

Gia đình cô Th… khá giả hiện sống ở Saigon. Các con của cô Th…có thể nói gia nhập vào hàng ngũ trung lưu .

Cô Hiệp và chồng cùng con định cư ở Louisiana có hai người con hiện là dược sĩ .

Đó là những tin tốt lành tôi nhận được nhân mùa tạ ơn năm nay 2013 .

Có thế tôi mới hình dung được cảnh cũ người xưa ; phá Tam giang, ngôi nhà xưa trong tiểu thuyết thời tiền chiến (sau 1975 trở thành trụ sở Hợp Tác Xã) Đồng Xuyên, Mỹ Xá trên dòng sông đổ ra biển. Nơi đây hơn 700 năm trước (1307-2014) tiền nhân chúng ta theo bước chân của Huyền Trân Công Chúa " hành phương nam "Với tôi đoạn đường từ Phá Tam Giang qua Khuông Phò đến Đồng Xuyên Mỹ Xá là đoạn đường của tình sử. Con đường của tình sử không nối tiếp trong hành khúc về phương nam. Tưởng như chìm trong quên lãng. Nhưng không con đường của tình sử như được soi sáng về quá khứ, hình ảnh hiện ra :

Đồng xuyên-Mỹ xá nằm trên sông do hai nguồn sông Hương (ngày xưa nguồn Kim Trà) và nguồn Sông Bồ (ngày xưa gọi là nguồn Đan Điền) đổ đến. Sông rộng phong cảnh hữu tình. Ngày xưa hai bên sông là phủ thự của Tòa Thành Thuận Hóa cũng ngày xưa nơi đây xóm hoa nội biêc, đất tôt dân đông; chợ nọ cầu kia, vật hoa người quí, đều la liệt ở hai bên bờ Nam Bắc. Cũng ngày xưa nơi đó có non sông kỳ tú, ruộng đất mở mang nhân dân đông đúc thực là nơi đô hội của một phương cảnh tượng vui tươi, phong vật quí giá còn đâu hơn nữa .Theo Tiến Sĩ Dương văn An đời Lê-Mạc (Tác giả Ô Châu Cận Lục) cách nay gần 500 năm thì cảnh nơi dòng sông nầy thật thanh bình: Nhịp kèn thay lính thú, chòi thành vệ trấn lấp loáng dưới trăng thanh; hồi trống gọi nho sinh, trường học phủ đường che khuất trong mây trắng.Văn phong đã sẵn, vũ vệ càng oai. Thế là hôm nay có thể nói hơn 50 năm trước tôi đã có may mắn bước đi trên miền đất có bề dày lịch sử hành phương nam của dân tộc .

Chuyện thứ hai : Tình cờ tôi tìm thấy bản photocopy Chương Trình Họp Mặt Quý Thầy Cô Và Cựu Học Sinh TR.H.

Ninh Hòa 13/7/03 (do Lệ Hồng chép tay). Nhìn lại mấy tấm ảnh lòng tôi buồn man mác cho dù đến tuổi nầy tôi từng chứng kiến nhiều bèo mây tan hợp. Theo Lệ Hồng buổi họp mặt hôm đó (13/7/03)"…thầy trò xúm lại xem cứ ngỡ đây là giờ phút chuẩn bị nghỉ hè …"Không ngờ nghỉ hè lại theo ý nghĩa chia ly: Ba nhân vật trong ngày hội ngộ năm đó đã vĩnh viễn lần lượt ra đi : cựu nữ sinh Nguyễn Đình Lệ Hồng, thầy cựu Giám Học Cao Đình Đãi, cựu nữ sinh Phạm Thị Minh Nguyệt. Xin nghiêng mình trước di ảnh ba người đã khuất .
Trước hết xin trích đoạn lời của Lệ Hồng tuổi 46 (năm 2003) mà tưởng mình là 16 :
…Về Một Nơi Yêu Dấu :

Cô nữ sinh 17 tuổi là tôi đang bước những bước hối hả trở về con đường Trần Quí Cáp, con đường tràn ngập một màu trắng lóa mắt mỗi khi tan trường
……Dãy phòng phía mặt đường đã đập bỏ, hàng phi lao già ốm hay rơi đầy những chiếc lá hình kim màu nâu xám trên tóc trên áo cũng không còn, quán chè sau trường và cây me già tận cùng hàng rào phía sau mà học sinh thường hay thăm viếng. Giờ có còn không ? Nhưng thầy cô và các bạn ơi ! Nếu còn đó một tấm chân tình xin để cho lòng trở về nơi chốn cũ bằng những bước chân ký ức dịu êm để thấy rằng trong phần đời đa đoan khắc nghiệt của cuộc mưu sinh vẫn còn có những tháng năm đẹp nhất đời người. Phần đời đó ví như ly chanh đường sau những cuộc rượu đắng mà ta hằng nếm trải vì tình yêu – hạnh phúc – Danh vọng bạc tiền – làm mát dịu lòng ta để rồi ta vẫn còn đủ sức đứng dậy trong ngày mai .

Cuộc hội ngộ nầy như một cơ duyên nối lại tình cảm của Thầy dành cho trò qua lời nói nghẹn run của trò dành cho Thầy

Cô sự biết ơn và trân trọng của bạn trao cho nhau sự yêu mến cảm thông .
Trong vườn hoa trăm sắc có những bông hoa rực rỡ ngát hương, cũng còn có những đóa hoa nhỏ bé âm thầm nhưng ân tình được chia đều cho tất cả .
Hãy giữ nó trong trái tim dù cứng rắn hay yếu mềm như ngọn lửa ấm nồng qua mọi thời gian :

Rồi kỷ niệm của thời vàng son cũ
Vẫn chập chờn trong mỗi bước chân êm
Con nước xưa dòng chảy vẫn êm đềm
Ôi ! dòng sông đã trôi đi có bao giờ trở lại

(hết trích)

Tôi biết Lệ Hồng trong ca đoàn đêm giáng sinh 1971 nơi Giáo Đường Dục Mỹ Ninh Hòa, mấy năm sau đó Lệ Hồng là nữ sinh Trung Học Ninh Hòa. Tình cờ tôi gặp Lệ Hồng một lần duy nhất ở văn phòng Hiệu Trưởng. Khi ban thí vụ duyệt hồ sơ dự thi tú tài 2 tháng 6 năm 1975 (ai ngờ không bao giờ có kỳ thi nầy) người ta thấy có vết tẩy xóa nơi tờ khai sinh của Lệ Hồng. Người ta đưa Lệ Hồng cùng giấy khai sinh đến gặp tôi. Tôi nhìn Lệ Hồng và chỉ nơi tẩy xóa và chưa hỏi điều gì thì Lệ Hồng mặt tái xanh gần như ngất xỉu vì cô nữ sinh nầy vốn nhút nhát. Tôi nói tiếp mời phụ huynh đến đây. Lệ Hồng vốn là con một Sĩ Quan thuộc Quân Trường Dục Mỹ, cho nên việc điều chỉnh giấy khai sinh cho kịp thời gian nộp hồ sơ không trở ngại gì. Từ độ đó tôi không còn cơ hội biết tin tức gì về cô nữ sinh nầy. Cho đến từ cuối 2003 tôi nhận được bản photocopy do Lệ Hồng chép tay với hình ảnh rồi kể tiếp nhiều tin buồn đến: sự ra đi của Lệ Hồng, của Thầy Cao Đình Đãi, cô Phạm Thị Minh Nguyệt (vợ của Thầy Hoàng Song)

Tuy nhiên đối với tôi cả ba nhân vật nầy như phục sinh trong Mùa Tạ Ơn đến New Year 2014 qua lời chứng và kỷ vật (nét chữ của Lệ Hồng ghi buổi hội ngộ 13-7-2003) .
Trước hết là Lệ Hồng trong ca đoàn đêm giáng sinh: Đêm đó trời trong nhưng lạnh, tà áo trắng tinh khiết trở nên huyền ảo dưới ánh đèn tím black light. Rồi bóng dáng tà áo trắng đó mỗi sáng xuất hiện từ xóm đạo phía sau Hang Đá bên hông giáo đường, băng qua sân rộng thênh thang trước cửa giáo đường, hòa mình vào đám học sinh nam nữ lên xe nhà binh hướng về thị trấn Ninh Hòa. Bóng dáng tinh khiết đó còn mãi trong tim của một người mà hơn 40 năm sau người đó từ Texas kể cho tôi nghe nỗi lòng của mình. Anh ấy kể tiếp cho tôi nghe: hồi chuông giáo đường đưa anh về cõi thực : đó là tiếp tục công việc hằng ngày là phụ tá Lm Hiệu Trưởng điều hành Trường Học. Nó giống như :

Gió thông đưa kệ tan niềm tục
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời

Kệ ở đây xin tạm hiểu cho là tiếng kinh cầu với hồi chuông của giáo đường .
Hình bóng tinh khiết đó vẫn còn in sâu một người nữa trong buổi chia tay hôm 21-9 -1976:

Tôi thấy em trong giọt nắng mãi mê'
Làn sương nhẹ hay đêm dài giông bão
Ngồi nghe mưa nghe cuộc đời ảo não
Vẫn thương em giữa gang tấc muộn phiền

Mai về núi tôi dỗ lòng lặng tiếng
Cười bao dung tưởng như nụ hiền tươi

Đất sỏi đá vỗ về lời đồng vọng .
Còn đâu đây êm ái ánh mắt người

Tôi vẫn gặp dù vạn lời cách trở
Em trong tôi còn đó một hình hài
Ý sai biệt nên lòng tôi chia tách
Gương xưa nào ngày tháng cũng phôi pha .

Trên đây là các hồi ức sống dậy từ những trái tim, còn còn chứng tích (như bản tường thuật họp mặt ngày 13-7-2003 do Lệ Hồng chép tay cũng như hình ảnh) đưa thầy trò chúng tôi về trường xưa ….."….Cả thầy lẫn trò đều hướng về căn nhà cũ, có thể đã đổ nát tàn hoang theo thời cuộc, nhưng không chôn vùi được những dấu tích cũ trong từng người . Mỗi người mỗi hoàn cảnh khác nhau, nhưng ai đã tìm về cuộc hội ngộ nầy có lẽ trong một góc nhỏ nhoi của tiềm thức vẫn còn lưu luyến một thời cắp sách , vẫn muốn tìm lại những chứng tích của riêng mình qua Thầy Cô và bè bạn…." Thế nên mới có người nhìn những tà áo trắng dưới nắng Saigon năm 1990 mà tưởng như gặp lại người xưa :

Mười mấy năm rồi chợt gặp em
Không gian xa lạ tựa như quen
Áo dài bay trắng trên đường phố
Lòng đã già nua chợt yếu mềm.

Hởi những người yêu nhỏ của tôi
Phai nhòa trong ký ức xa xôi
Hiện về tỏa ngát trong màu trắng
Trở lại cho đời hương tinh khôi .

Qua chứng tích nầy Lệ Hồng có nhiều vai trò thật linh hoạt và xuất thần: làm MC xuyên suốt chương trình, rất hấp dẫn trong

không khí trang trọng đầm ấm và rất xúc động như đưa thầy trò về trường cũ: mọi người rưng rưng nước mắt khi nghe bài hát "Mai qua trường cũ ". Tác giả bài hát nầy là thầy Hoàng Song chồng của Phạm Thị Minh Nguyệt. Cũng MC Lệ Hồng, cô đã xóa tan không khí trầm lắng gợi nhớ thời áo trắng do chính cô cất tiếng hát "Trả Lại Em Yêu " như một ca sĩ chuyên nghiệp . Còn tôi ước mong ngày nào đó ngang qua trường cũ rồi sau đó viết bài cảm tưởng sau bốn thập niên xa cách nhưng khó mà viết được như lời của Lệ Hồng hoặc như thầy Cao Đình Đãi đã nói ngày ấy –ngày 13-7-2003 :

Lệ Hồng mời Thầy Cao Đình Đãi (Giám Học) có vài lời .Thầy Đãi đã lớn tuổi vóc người nhỏ bé nhưng chẳng khác xưa là mấy, giọng nói nhẹ, chậm rãi dí dỏm nhắc lại chuyện xưa: hai người bạn ra lầu Hoàng Hạc để tiễn biệt, định làm một bài thơ thì đã thấy Thôi Hộ đề thơ trên vách, bài thơ nói lên tâm sự mình rồi, thay lời bày tỏ. Đọc lời ghi của Lệ Hồng năm đó, tôi ví như người xưa đã đọc thơ của Thôi Hộ trên vách vịnh Lầu Hoàng Hạc .

Chuyện thứ ba: không rõ lúc nào sau 2003, một nhóm cựu giáo sư và cựu học sinh Trung Học Ninh Hòa đến thăm thầy Đãi ở Cam Ranh. Cuộc hội ngộ vui mừng mà rưng nước mắt. Học trò thì thấy như lớp học tái hiện như nghe thầy bình giảng Truyện Kiều. Cựu Giáo sư hàn huyên với nhau mà tưởng đây là một buổi họp Hội Đồng Giáo Sư năm nào. Biên bản buổi hàn huyên đó như trở thành biên bản lần họp hội đồng như Giám Học XLTV Hiệu Trưởng Cx (XLTV : xử Lý Thường Vụ, CX, công xuất. Đó là những từ ngữ hành chánh ở Miền Nam Việt Nam trước 1975).

Chữ ký của Thầy Giám Học thì có nhưng đóng mộc thì không. Lý do: mộc bị thất lạc vì chiến tranh (!) Qua biên bản đó

tôi biết được số phone của Thầy Đãi ở Cam Ranh. Tôi phone thăm anh Đãi, anh ước mong tôi cố gắng thu xếp về thăm quê một chuyến, chưa thực hiện ngày về hội ngộ thì anh vĩnh viễn ra đi. Nhưng tiếng nói chậm rãi của anh còn đó –như còn trong phone nơi căn nhà tôi đang ở gần 10 năm nay-(Bộ phone để bàn nầy tôi vẫn dùng từ ngày chuyển nhà đến đây).

Lớp học như tái hiện, sinh hoạt trường cũ như tái hiện không phải hoài cỗ vì thân phận hiện tại như thi sĩ tài hoa Trần Tế Xương bày tỏ :

Sông kia rày đã nên đồng ,
Chỗ trồng ruộng lúa chỗ trồng ngô khoai,
Đêm nghe tiếng ếch bên tai ,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò .

Vấn đề đặt ra ở đây là : Chúng tôi trưởng thành trong chiến tranh dạy học giữa thời chinh chiến, ước mong ngày thanh bình để thầy trò chúng tôi được Nhật Tân Hựu Nhật Tân mà hôm nay người ta đang hô hào Đổi Mới đó, thế mà hôm nay thanh bình đã gần 40 năm mà người ta vẫn loay hoay :

“ Thực ra không có gì cao siêu hết. Hãy sao chép nền Giáo Dục Miền Nam trước kia. Hãy suy nghĩ tại sao chép lại nền giáo dục Miền Nam trước kia. Hãy suy nghĩ tại sao Miền Nam Việt Nam trước kia không có nan đề nầy. Tại sao nền giáo dục VNCH không hề dính bệnh thành tích và tại sao sinh viên học sinh VNCH ra trường xong là vào nghề nào cũng rất nhanh nhẹn và thích ứng “

(Việt Báo Thứ tư 4-12-2013 –Thư Saigon-)

Chúng tôi chỉ tiếc bỏ nghề quá sớm, kiến thức và tư duy cùn mòn theo thời gian vì long đong lận đận trong lúc tìm cách để sống còn hoặc tìm nơi để sống còn. Khi tàn cuộc chiến chúng

tôi tin vào sách vở :" Cương quyết khi chiến đấu, hào hiệp khi đắc thắng, thiện chí khi hòa bình " (Đó là lời Thủ Tướng Anh Winstin Churchill sau khi đồng minh thắng Đức Quốc Xã) hoặc " Ai làm Vua thì mình cũng làm Dân. Nhưng ai học được chữ ngờ

Tuy nhiên sau đoạn đời đầy khắc nghiệt chúng tôi có cái may: với tuổi đời chồng chất mà vui và hạnh phúc tìm lại những kỷ niệm của ngày cũ trong sự thanh bình nơi quê hương thứ hai nầy ví như nhạc lòng năm cũ :

Khúc đâu đầm ấm chan hòa .
Ấy là Hồ Điệp hay là Trang Sinh

Điều đáng ghi nhận ở đây là tôi được sống với kỷ niệm nhân Mùa Tạ Ơn nầy : lời thăm hỏi đầy ân tình qua phone người học trò cũ hơn 50 năm trước nét chữ và hình ảnh cố nhân hơn 10 năm trước đây .

Trong niềm hân hoan đó chúng tôi bước vào năm 2014 với nhiều hội ngộ mùa hè 2014 mà Ban Tổ Chức đã dự định hai năm trước đây ./.

California , ngày 14 tháng 1 năm 2014 .

Trần Hà Thanh

Cựu GS trường Trung Học Bán Công Quảng Phước

Hoài hương.



Kiếp phù trầm ,
Bảy mươi bảy năm vẫn thế [77 tuổi]
Mắt mờ dần, mà suối lệ thường trào
Rất nhiều đêm, cùng thức với trăng sao
Thấy đời mình, vướng mang một trời tâm sự
Mỗi lần đi, thêm một lần ly xứ.
Ngoảnh vời trông, thèm một chuyến quay về.
Từng chén " Hồ-trường" càng khiến dạ tái tê !
Khi thầm gọi làng quê xưa yêu dấu
Bạt gió cánh chim, không yên chỗ đậu.
Dẫu xinh tươi, đâu cũng chỉ quê người !
Niềm hoài hương, quay quắt quá ai ơi !
Rồi có lúc, hẳn sẽ là phải liệu
Kiếp ly tổ đã rõ từ niên thiếu.
Trai thời chiến, xa nhà khi Tổ quốc gọi.
Rồi lên đường, xa mãi, có ngờ đâu
Miền thơ ấu - Nhắc - lòng đau như cắt
Tuổi càng tăng, như cao mãi đỉnh sầu !

LÊ HIẾN

Trở về cố hương....


Phương Vũ Võ.tam Anh

Được tin chị tôi đau nặng, tôi vội vã bay về Việt Nam mà lòng áy náy tưởng chừng như đang đi vào lòng địch. Trước ngày lên máy bay, ông sui tôi đến cho hay là có người trong toà đại sứ VC báo rằng họ đã đọc hết những bài viết của tôi, kể cả cuốn sách mới in xong chỉ phổ biến trong vòng thân mật. Người này còn thêm rằng những hình chụp các cuộc biểu tình ở Paris không thấy có mặt tôi (chỉ vì đơn giản là tôi không ở Paris) nên kết luận rằng tôi không có hành động chống đối cụ thể do đó được cấp visa về Việt Nam trong ba tháng. Trở ngại ban đầu được trót lọt.

Ngồi trên máy bay mà tôi cứ hình dung đến một Hà Nội diễm kiều trước năm 54, khi tôi vào học y khoa Hà Nội. Phố Hàng Ngang, Hàng Đào ngày xưa với những cô gái kiêu sa lịch thiệp đang lờ mờ hiện ra trong trí nhớ. Con đường Cổ Ngư mộng mơ với những hàng cây sà mình xuống mặt hồ Trúc Bạch như để in dấu gót chân thướt tha của trai thanh gái lịch Hà thành vào những buổi chiều cuối tuần ấm áp....

Qua cái ải kiểm soát Nội Bài dù sao tôi cũng không khỏi hồi hộp khi nhìn những cặp mắt lầm lừ của đám công an súng sính trong bộ áo màu cứt ngựa, nhất là sau khi lật qua lật lại tấm hộ chiếu rồi trao lại cho tôi như còn tiếc rẻ một cái gì. Có lẽ tôi cũng chỉ tưởng tượng và tự nổ một mình thôi, chứ hạng cắc ké như tôi thì phiền hà chi cho đáng, vì hình như lúc này nhà nước đang còn bận lo đấu đá nhau coi bộ hấp dẫn hơn. Tuy vậy tôi vẫn cứ lo nơm nớp vì biết đâu mấy ông cao hứng đuổi tôi trở lại Pháp như nhiều vị đi trước hù dọa thì hóa ra mất toi tiền máy bay mà vừa không được gặp bà chị gần chín chục tuổi như mục đích và ý nguyện tha thiết của tôi. Không lẽ nhà nước lại để

đánh rơi mấy ngàn đô la "kiều hối" mà tôi mang về để lo cho bà chị?

Khi ra khỏi sân bay Nội Bài thì tôi mới hoàn hồn. Như vừa qua được một trở ngại (dù chỉ trong tưởng tượng), tôi vui vẻ khen với thằng em ra đón tôi:

- Sân bay này khá đây, có tâm vóc quôc tê, ai xây vậy?

Thằng em nhanh nhẩu:

- Ta đấy.

Tôi như bị dị ứng với chữ "ta", nhưng cũng khen:

- Bốn mươi năm hoà bình có khác, nhưng ai thiết kế?

Thấy tôi có vẻ hoài nghi, thằng em xuống giọng:

- Đúng ra thiết kế và công trình là do kỹ sư Nhật, ta chỉ phụ thôi.

Tôi buộc miệng:

- Ta làm thợ vịn mà được như vậy là giỏi lắm rồi...

Để cho không khí nhẹ hơn, tôi bèn đổi sang chuyện hỏi thăm gia đình. Thằng em cho biết chị tôi vừa mới "nhập viện". Tôi nghĩ bụng: quái, ở cái xứ Việt Nam này có biết bao là Viện, nào là Viện Dưỡng Lão, Viện Bào Chế, Viện Uốn Tóc, Viện Thẩm Mỹ, Viện Ung Bướu, Viện Mồ Côi, Viện Kiểm Sát Nhân Dân và gần đây lại có thêm Viện Khổng Tử v...v...thì không biết chị tôi đã nhập viện nào? Hoá ra chỉ có đơn giản là chị tôi mới vào nằm nhà thương. Sau đó tôi biết thêm nhiều chi tiết: lúc đầu chị tôi được đưa vào "trạm trung chuyển" (tức trạm chuyển tiếp) ở bệnh viện Hoàn Mỹ, nhưng ở đây không đúng "tuyến" nên phải "điều" qua bệnh viện Đa Khoa Đà Nẵng, hiện đang nằm ở "khu yêu cầu" của "khoa Nội Tổng Hợp". Sau cái chuỗi văn chương tân tiên đó thì tôi có được một khái niệm lờ mờ về con đường bệnh hoạn của chị tôi, nhưng tôi lại thấy rất rõ ràng về triệu chứng hiện tại của tôi, xây xẩm mặt mày, choáng váng, nhức đầu...Tôi nhờ thằng em đưa đến một nhà thuốc tây, nhưng nửa đường tôi lại đổi ý vì nghĩ rằng bệnh của tôi chắc không chữa bằng thuốc được, nên vào một hiệu sách lớn nhất Thủ Đô ở phố Trường Tiền để kiếm một cuốn tự điển may ra giải cứu được

chứng nhức đầu của tôi. Tôi hí hửng tìm được cuốn Tự Điển của cụ Đào Duy Anh và may mắn không phải sốt ruột xếp hàng chờ đợi để trả tiền như mỗi lần mua sách ở mấy tiệm sách Fnac hay Vỉrgin. Ở đây thì vắng như chùa Bà Đanh. Ở chốn ngàn năm văn vật này, người dân thích chen chúc ở mấy tiệm phở tiệm cà phê hơn là ở mấy tiệm sách (những biển ngữ "Hà Nội Ngàn Năm Văn Vật" được treo đây khăp phô phường trong dịp Tết sắp đến). Nhưng tôi lại thất vọng thêm một lần nữa vì sách của cụ Đào Duy Anh đã viết trước năm 1975 nên không có những danh từ huyền bí mà tôi cần phải tra cứu trong mấy ngày ở Việt Nam.

Ảnh của Llewelling King

Trên đường tới sứ quán Pháp để thông báo sự có mặt của tôi tại Việt Nam theo đề nghị của bộ Ngoại Giao, tôi có dịp đi ngang qua Hàng Ngang, Hàng Đào, những âm thanh rất gần gũi với Hà Nội, như dội lại trong tôi lòng rạo rực của sáu mươi năm về trước. Tôi cố tìm lại cái hình ảnh bẽn lẽn của mấy cô gái Trưng Vương năm xưa dưới những mái tóc hình dâu phết dịu dàng, thì nay chỉ thấy lại những khuôn mặt cứng đơ, dấu kín trong chiếc khẩu trang bí ẩn, mái tóc mượt mà thì như đang vùng vẫy trong chiếc nón bảo hộ nặng nề láng bóng, đang chen nhau lòn lách trên những chiếc Honda như mắc cưỡi. Không hiểu vì mãi mê cái hoạt cảnh đó hay vì nhát gan mà tôi không dám qua đường.

Đi qua đường là một khổ nạn. Không như con dâu tôi (người Pháp) phải mướn một chiếc taxi để qua đường, còn tôi thì theo triết lý của thằng em là muốn qua đường thì phải nhắm mắt lại mà bước tới, còn hể mở mắt thì cả ngày cũng không qua được, ở đây xe tránh mình chứ không phải mình tránh xe. Tôi đem triết lý đó ra áp dụng, tuy hơi rợn người nhưng lại hiệu nghiệm.

Đến Đà Nẵng, tôi vọt ngay vào bệnh viện. Trước kia tôi cũng có làm việc ở bệnh viện, nhưng cái "khu yêu cầu" làm tôi điên đầu tôi không biết là khu gì vì chưa hề nghe tới. Vì nôn

nóng, tôi cũng đếch cần tìm hiểu ý nghĩa của cái khu đó là gì mà chỉ nhờ người dẫn tới khu đó và vui mừng ôm chầm lấy chị tôi giữa đám con cháu bao quanh. Đến đây tôi mới vỡ lẽ là "khu yêu cầu" chỉ có nghĩa đơn giản là "phòng riêng", tôi như đang ở một nước lạ mà mình không biết tiếng.

Ở Việt Nam nằm bệnh viện có nghĩa gần như mướn một phòng khách sạn mà có được bác sĩ khám, còn mọi dịch vụ khác như cơm nước, vệ sinh, thuốc men... là mình phải lo lấy, vì vậy lúc nào cũng phải có người nhà bên cạnh, không những để lo săn sóc người bệnh mà còn để trả tiền trước cho mỗi dịch vụ y khoa như xét nghiệm, X quang, siêu âm v.v..., mà phần lớn không ăn nhập gì với bệnh tình lúc đó. Chị tôi, một bà già gần chín chục tuổi đang hôn mê và bị chảy máu đường ruột ào ào thì được bs phán cho đi "siêu âm tim" và "nội soi". Bác sĩ chuyên khoa nội soi chờ phải cầm chắc biên nhận đã thanh toán ba triệu VND rồi mới bắt tay vào việc. Bệnh viện đã chấp hành nghiêm chỉnh câu phương châm "tiền bạc đi trước, thầy thuốc đi sau", mặc dâu ở đâu trại có tâm bảng lớn sơn bôn chữ đỏ " *Bệnh Viện Văn Hoá*" !

Vào lúc nửa khuya, vì máu đường ruột ra nhiều quá nên phải đưa chị vào khu cấp cứu cách ly với bên ngoài. Tôi cũng theo người nhà để chen lấn đi qua những người nằm la liệt trước cửa phòng để nghe ngóng tin tức và nhất là để chờ gọi đến tên mà thanh toán khoảng tiền cho mỗi dịch vụ y khoa như truyền máu, thở oxy, xét nghiệm v.v. .. mà trong kia chị tôi đang chờ được thi hành nếu trả tiền xong.

Được hai hôm thì bác sĩ trưởng khu cấp cứu khuyên người nhà đưa chị tôi về để lo hậu sự vì nhà thương đã "chạy", tình trạng hoàn toàn tuyệt vọng, hôn mê, sôt cao, có triệu chứng viêm màng ruột và máu vẫn tiếp tục chảy trong đường ruột...

Vào lúc nửa khuya, chúng tôi đưa chị về nhà mà ruột gan tơi bời. Trong sự tuyệt vọng tột cùng, nhưng còn nước còn tát nên chúng tôi vẫn tiếp tục điều trị như ở bệnh viện (chị có một rể bác sĩ và một dâu y tá), chỉ khác một điều là dùng được những thuốc tôi đã mang từ Pháp về mà khi còn ở bệnh viện,

chúng tôi có đề nghị nhưng bị từ chối. Ở VN bác sĩ của bệnh viện chỉ được phép điều trị với những thứ thuốc trong một danh sách nhất định có bán ở bệnh viện mà thôi. Điều đáng nghi ngờ là bệnh viện có dùng nhiều kháng sinh mà triệu chứng nhiễm trùng càng ngày càng nặng, phải chờ đến sau khi dùng kháng sinh tôi đem về từ Pháp mới thấy hiệu nghiệm. Rồi từ đó, bệnh tình chị tôi thuyên giảm rõ rệt như một phép lạ. Nếu có phép lạ chăng là ở sự khác biệt giữa "thuốc nội" và "thuốc ngoại", thứ mà người dân ráng tìm cho được không phải vì óc vọng ngoại mà chỉ để cứu mạng sống của người thân. Một tháng sau, tôi từ giả chị tôi với một nụ cười phấn khởi.

Nhớ lại khi mua giấy máy bay để về Việt Nam tôi vô cùng bối rối vì tôi phải làm trái với ý định và sợ rằng khi trở lại Pháp sẽ vô cùng đau buồn vì e rằng chị tôi khó qua khỏi số mệnh. Thế nhưng không ngờ tôi lại được đi lang thang để có những nhận xét ngộ nghĩnh về cách sống của bà con nơi quê nhà.

Bức hình tôi chụp được bên ngoài hàng rào bệnh viện Đà Nẵng, nơi chị tôi (và cả ông vua Đà Nẵng Nguyễn Bá Thanh) nằm điều trị cho thấy còn có người vô tình mang bệnh tiểu đường hay lại cố ý coi thường hay thách thức cái "hoành tráng" của toà nhà hành chánh chọc trời đồ sộ ngay phía trước? Cơn bệnh này còn lây nhiễm đến cả thủ đô Hà Nội, nơi có con đường Trần Nhật Duật, hay còn gọi là đường Gốm Sứ, dài 4km dọc theo sông Hồng, gồm những bức tranh khảm ghép công phu tốn kém, coi như một kỳ quan nghệ thuật, một kiêu hảnh của chốn ngàn năm văn vật thì cũng được người dân thủ đô chiếu cố một cách "vô tư".

Một sung sướng khác của dân mình là rất nhàn rỗi. Với 3 triệu công chức phục vụ cho 90 triệu dân thì lấy đâu ra việc mà làm, vì vậy ngày Tết được nghỉ những chín ngày tha hồ mà du hí. Một anh taxi lái ngược đường vui vẻ khoe với tôi là sẽ không bị phạt vì giờ này mấy chú công an giao thông bận đi đón con ở trường thì lấy ai mà phạt. Anh taxi thoải mái ra mặt nhưng tôi thì lại lên ruột.

Vào giờ làm việc mà mấy tiệm cà phê vẫn đông nghẹt, toàn người trẻ, họ thích la cà ở đây hơn là ngồi trong thư viện.

Một bà mẹ than phiền là đã cẩn thận đưa rước con đúng giờ giấc ở trường nhưng cuối cùng cũng phát giác ra là cậu quý tử vẫn trốn học ....rất đúng giờ.

Nhà chị tôi có một đứa cháu 13 tuổi mà tôi chưa bao giờ gặp mặt trong bữa cơm tôi vì vào giờ đó nó phải đi học, nó học 7 tiếng mỗi ngày, 4 tiếng với cô giáo ở trường, 3 tiếng học thêm với chính cô giáo đó. Như một thông lệ, trong giờ chính thức cô giáo chỉ dạy...chiếu lệ, còn giảng dạy đúng chương trình thì phải đợi vào giờ học thêm để cô kiếm chút tiền còm, nếu không cô sẽ....đói. Nguyên tắc đó được một nhóm bạn trẻ mặc những chiếc áo có in mấy chữ "*du học sinh.net*" mà tôi gặp trong một chuyến du lịch ở Campuchia xác nhận như vậy. Họ còn cho tôi biết thêm là phần lớn du học sinh đều nhắm mục đích chính là để ....ở lại nước ngoài.

Trong số những tự do mà dân mình được hưởng phải kể đến tự do giao thông mà gần đây ký giả Mỹ Llewelling King gọi đó là một kỳ quan giao thông. Tất cả những quy luật trên thế giới đều vô hiệu với Việt Nam đưa đến cho người lái xe cái cảm giác....tứ khoái. Khoái thứ nhất là được "U turn" bất cứ lúc nào ở đâu, ngay cả nơi có bảng cấm hay trên đường một chiều. Khoái thứ hai là coi đèn xanh đèn đỏ như..... "ne pas". Khoái thứ ba là đi ngược chiều, ngay cả trên xa lộ. Tôi bắt gặp được hai lần có xe chạy ngược chiều trên đoạn đường "cao tốc" từ Nội Bài về Hà Nội, được trang trí như là một tủ kính bày hàng nhằm loè du khách đến thăm Hà Nội. Khoái thứ tư là được "vô tư" chen lấn, không có ưu tiên phải trái, mạnh ai nấy đi và được bóp còi thoải mái.....Ngay cả con tàu "Thông Nhất" xuyên Việt cũng chen chúc qua các phố phường chật hẹp như chốn không người, giữa những chùm giây điện dọc ngang chằng chịt

. Trên đường đi Angkor Wat phải ghé qua Saigon, khi tôi bước xuống hôtel, mọi người la ó nhìn tôi như nhìn người từ hành tinh khác, không phải vì tôi ăn mặc kỳ dị mà chỉ vì tôi mang theo trên người cái máy chụp hình và cái điện thoại di

động. Ở tuổi tôi đi trên đường phố Saigon mà mang những thứ đó là một cách tự sát. Khi trở lại Saigon tôi muốn về ngay Đà Nẵng thì các bạn trẻ cùng đi tours khuyên tôi không nên đứng đón taxi một mình với hành lý trên tay vì đó cũng là một hình thức tự sát khác (vì tôi còn yêu đời nên không muốn tự sát trong mấy ngày liên tiếp) nên phải nhờ anh hướng dẫn theo tôi lên taxi ra tận phi trường Tân Sơn Nhất.

Trên taxi tôi thường nghe chửi bới chế độ, không biết là thật tình hay cò mồi nên tôi không dại gì mà hùa theo. Dân mìnhhay có óc châm biếm, như để mô tả cái xã hội được rêu rao là dân làm chủ thì người dân lại hý lộng về 3 thứ chợ ở Hà Nội đẳng cấp khác nhau bằng mấy câu:

Tôn Đản là của vua quan,
Nhà Thờ là của bầy tôi nịnh thần,
Vỉa hè là của nhân dân anh hùng....

Tuy thích châm biêm nhưng con người sông dưới chê độ cộng sản lại mất đi cái tính khôi hài dí dỏm của người Việt, nếu có khôi hài thì lại rẻ tiền, kiểu Hoài Linh, mà có khi còn thô tục nữa. Ở Hà Nội, ngay bên cạnh Trung Tâm Văn Hoá Ca Múa Âu Cơ trên đường Huỳnh Thúc Kháng (lớn thứ hai sau Nhà Hát Lớn) thì lại có nhà hàng ăn với bảng hiệu đồ sộ "Chim To Dần" để cho các bà đi ngang phải đỏ mặt.

Về Việt Nam mà không ăn phở là một thiếu sót, tuy nhiên tôi cũng chưa tìm được cái hương vị tuyệt vời như ở Berlin hay ở Sydney. Sau mấy ngày lục lạo, tôi may mắn được bước vào một tiệm phở lịch sử đã đứng vững từ nửa thế kỷ nay và còn in dâu vêt trong lòng người Hà Nội đê nhớ lại thời kỳ bao cấp kinh hoàng. Trong thời đó, tiệm phở gà số 2 đường Nam Ngư này đã làm một cuộc cách mạng và đã thách thức với chính quyền cách mạng vì đã phá rào để bán phở "có người lái" nghĩa là có thịt trong tô phở, trong khi cả nước đều phải ăn phở không người lái nghĩa là không có thịt. Ngay cả khách sạn Phú Gia lớn nhất Hà Nội cũng chỉ được bán phở không thịt, ba chữ

"không người lái" trở thành những chữ cấm kỵ châm biếm chế độ. Một cựu biên tập viên báo Nhân Dân than thở với tôi rằng anh ta đã bị công an bắt đứng nghiêm để đọc 100 lần chữ "phở không có thịt" vì anh ta đã vào tiệm mà ngang nhiên gọi một "tô phở không người lái".

Sở dĩ bà chủ tiệm phở Nam Ngư làm ăn được là vì đã lợi dụng sự sơ hở của chê độ. Lúc đó nhà nước quản lý ba loại súc vật: trâu (để đi cày), bò (nói là bị Mỹ dội bom chết), heo (thì để làm nghĩa vụ đóng thuế), chỉ có gà là thoát khỏi tầm tay nhà nước, nên bỏ một miếng thịt gà vào tô phở không thể coi là hành động chống đối.

Tuy làm ăn khắm khá nhưng bà chủ Nam Ngư vẫn giữ nguyên trạng tiệm phở từ hồi mới mở tới nay, với những cái bàn con và những chiếc ghế nhựa thấp lè tè, kể cả cái thau nước rửa bát bên lề đường, như để nhắc nhở người dân Hà nội rằng dấu vết của thời bao cấp đang còn đó. Trong khi bao cấp kinh tế chỉ liên quan tới cái bao tử, thì ngày nay bao cấp chính trị nguy hiểm hơn, lại bao gồm luôn cả cái đầu óc. Khốn nạn thay cho người dân Việt, không biết còn phải chịu đựng cho tới bao giờ.

Paris, Tết Ất Mùi 2015
Phương-Vũ Võ Tam-Anh



CHUYỆN TÌNH HOA SIM TÍM



Cảm tác“ Màu tím hoa sim “ của HỮU LOAN

Giữa chiều hoang em ra đi biền biệt
Thời gian trôi người lính vẫn chưa về
Tháng năm dài mãi say mùa chinh chiến
Cơn mưa chiều giăng giăng đồi sim tím
Nước sông buồn rờn rợn một chiều thu
Đốt nén hương cắm lên ngôi mộ lạnh
Bình hoa tàn héo hắt nỗi đơn côi
Khóc cho ai thương cảm một chuyện tình
Đêm khuya khoắt bên đèn mờ một bóng
Vá áo chồng giữ hơi ấm đêm đông
Anh dừng quân bên đồi sim gió lộng
Thoáng em về lấp loáng ánh trăng khuya
Áo tím thuở nào vời vợi chiều xưa
Mắt ngấn lệ rưng rưng màu HOA TÍM...

Cali , Một chiều Thu tắt nắng
Minh Quang Lê văn Thẩm

Tỉnh ngộ



Thôi nhé ! quay về kẻo uổng công,
Đa mang chi lắm cảnh đèo bồng.
Bẻ hoa, bắt bướm vườn có chủ,
Tróc vảy, trây da chớ có hòng.
Thôi nhé ! nên vui gót trở về,
Tháng ngày hôm sớm cảnh phu thê.
Vợ chồng son trẻ, già ôn mệ,
Giữ trọn tình xưa, kẻo lỗi thề.
Thôi nhé ! xa nhau ở phút nầy,
Hoa thơm, cỏ lạ phải tùy nơi,
Ai về lo lấy chuyện riêng tây.
Ba chục, bốn lăm, xuân hết rồi.
Chân chồn, gối mỏi vì mùi lạ,
Vị đăng mùi đời còn muôn vây,
Công vợ, cơm nhà lại chẳng hay.
Yêu cuồng, sống vội thuở đôi mươi.
Đường đã vạch ra ai nấy đi,
Cũng đừng tiếc nuối mối tình si,
Lồng lộng trời cao thật khó lường,
Nhân tình điên đảo chớ lụy bi
Nhịp tim dồn dập sao mà rợn,
Đạo, đời xin giữ tình sư đệ,
Vụng trộm tình yêu cái giống gì?
Tâm nguyện từ nay trọng lẽ thường.

CÁC KỲ TÂM

Kỷ Niệm Tuổi Học Trò

Áo Tím



Nhìn đồng hồ đã thấy sắp đến giờ lo buổi cơm chiều. Các con đi làm, các cháu đi học nhà vắng hoe. Xuyên qua khung cửa sổ nhìn trời nhìn đất, nhìn xe cộ tới lui mà mong con cháu mau về cho vui nhà vui cửa. Ngoài trời vẫn những làn mưa bụi bay bay dưới nền trời đầy mây xám, đã mấy ngày rồi trời vẫn buồn hiu như có tâm sự.

Ngọn gió giao mùa không biết từ đâu bay đến không ồ ạt, không rộn ràng nhưng cũng đủ làm tôi lạnh buốt, hai bàn tay cứ xoa vào nhau để tạo thêm hơi ấm. Nhìn trời nhìn mây làm tôi nhớ Huế chi lạ nhớ luôn tô bún bò Mụ Rớt ở cửa Đông Ba.

Dạo ấy thuở tuổi học trò cách đây đã mấy chục năm, bốn đứa bạn cùng lớp ngồi cùng bàn chuyên giây cho nhau hẹn chiều nay đi ăn bún bò Mụ Rớt. Trời lạnh bụng mau đói nên đứa nào cũng đồng ý hơn nữa đi cả mấy đứa thì chẳng ngại ngùng chi ai, đứa nào cũng nghĩ như vậy nên hăng say lắm. Vừa tới quán, bốn cô học trò yểu điệu thục nữ làm ra vẻ tự nhiên ngồi vào bàn, chẳng cần biết xung quanh có những ai, chứng tỏ tụi nầy cũng là dân "gồ" để khỏi bị ai đó làm phiền có vậy ăn mới ngon.

Liếc nhìn mấy tô bún của những bàn bên cạnh thật hấp dẫn, nóng hổi thơm phức mùi thơm của thịt bò mùi béo của giò heo, mùi nồng của hành tây hành ta, xanh xanh trăng trăng và nhất là lớp nước béo hòa trộn với màu đỏ của ớt quyện chung nhau chan trên mặt tô bún sao mà quyến rũ lạ, lại có thêm mấy múi chanh tươi vắt thêm vô tô bún thì ngon biết mấy. Chỉ nhìn tô

bún của người khác mà mình đã tưởng tượng ngon như vậy rồi huống chi khi mình ăn.

Không chần chờ được nữa, tô bún vừa bưng ra hương vị thơm ngon đậm đà bốc lên đã thúc đẩy chúng tôi ăn mà quên đi tất cả. Tô bún nóng hổi, vừa thổi vừa ăn, càng nóng càng ngon, càng cay càng thích mặc dù đứa nào cũng hít hà trời ơi "cay qúa". Cái nóng và cái cay của tô bún Mụ Rớt làm mặt mày mấy O học trò nầy đỏ au từ lúc nào không biết, đứa nầy nhìn đứa kia mắt đứa nào cũng sáng long lanh và má đứa nào cũng ửng hồng trông xinh lạ hèn gì làm mấy ông thanh niên cứ nhìn người ta mà quên nhìn vào tô bún của mình đã nguội lạnh.

Ăn xong tô bún bò vào buổi chiều đông thật ấm lòng, bốn đứa góp tiền lại để trả cho Mụ Rớt bởi vì thời học trò có tiền đâu mà bao cho nhau.

Quán của Mụ Rớt thời bấy giờ không được khang trang nhưng lúc nào cũng đông khách, xung quanh thêm chô Mụ ngôi với nồi bún cũng có mấy chiếc bàn con và ghế đẩu để ai đi ngang ghé ngồi cho tiện hoặc muốn nhìn người qua lại cũng thấy vui vui.

Nhìn Mụ Rớt ngồi bên nồi bún đặt trên lò than riu riu lửa hồng mặt Mụ cũng hồng theo, nồi bún bò của Mụ lúc nào cũng bốc hơi ấm áp bay ra tận ngoài đường, ai đi ngang cũng muốn ghé ăn vì bún của Mụ Rớt nổi tiếng ngon nên ai cũng biết tên Mụ .

Sau nầy có dạo tôi về lại Huế nghe người ta bảo bún bò của Mụ Rớt không còn ngon như xưa nữa, hương vị đã có nhiều thay đổi không còn đặc biệt như mình tưởng. Có lẽ thời thế thay đổi Mụ cũng thay đổi theo cho phù hợp với khẩu vị của mọi người. Nhưng dù sao bún bò Mụ Rớt cũng đã nổi tiếng một thời của Huế mình *!*

Áo Tím

Văn Hài Vua TỰ ĐỨC

Vua Tự Đức là một vị vua giỏi về văn chương thi phú vào hậu bán thế kỷ thứ 19. Vào thời kỳ nầy nhiều nhà thơ văn xuất chúng cũng xuất hiện như Cao Bá Quát, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến, Bà huyện Thanh Quan, Thi Xã Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương vv…Vua Tự Đức đã phê :

Văn như Siêu, Quát vô tiên Hán
Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường

Trong các thi hào đó, Cao Bá Quát là nỗi bậc nhất và là người kiêu ngạo nhất. Ông đã từng nói "trong thiên hạ có 4 bồ chữ, một mình tôi chiếm 2 bồ, anh tôi và bạn tôi chiếm 1 bồ, còn 1 bồ phân phát cho kẻ sĩ trong thiên hạ" (trong đó có vua Tự Đức). Và phê phán Thi xã của Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương ông đã viết :

Ngán thay cái mũi vô duyên
Câu thơ Thi Xã, con thuyền Nghệ An

Nghĩa là thơ văn của Thi Xã mà vua Tự Đức ca tụng thúi như con thuyên chở phân Bắc của Nghệ An.

Cao Bá Quát có tài mà thiếu đức, thất bại trên đường đời sinh kiêu ngạo nên bị tru di tam tộc do tội khi quân phán truyền bởi vua Tự Đức.

Tuy vậy, khí phách của ông vẫn ngang nhiên, hùng dũng :

Một chiếc cùm lim chân có Đế
Ba vòng xích sắt bước thì Vương

(Vua chúa chỉ là gông cùm giết hại dân mà thôi) Hay:

Ba hồi trống dục, đù cha kiếp
Một nhát gươm đưa, đéo mẹ đời

Trở lại chuyện vua Tự Đức, vua Tự Đức để lại nhiều văn thơ hay nhưng mọi người biết rõ nhất là hai câu thơ trong bài vịnh tuyệt tác Dương Quý Phi :

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi

Và câu chuyện tôi sắp kể ra đây không ghi vào văn học sử mà chỉ truyền miệng. Điều này rất thiếu sót vì các nhà làm sử

không nắm vững nguyên tắc căn bản: mọi sự kiện lịch sử, dù xấu dù tốt cũng phải ghi vào theo từng mốc thời gian kể cả văn học.

Dưới triều đại vua Tự Đức có nhiều hoạn quan cũng như các triều đại khác. Trong các vị hoạn quan có một vị cưới vợ và có mời vua Tự Đức tham dự lễ cưới. Đã là hoạn quan mà lại lấy vợ, nên khi dự lễ cưới vua biểu đem giấy điều và nghiên bút ra cho vua. Vua ra câu đối :

VI SƯƠNG TỨ ĐỊCH

Xong vua biểu dán lên cột nhà, còn cột kia dán miếng giấy chưa có chữ. Vua phán hể ai đối được vào triều báo cho vua biết. Bá quan văn võ tháp tùng không ai đối được và không ai dám đối.

Vì như đã nói ở trên vua Tự Đức rất giỏi thơ văn.

Qua năm nọ tháng kia, câu đối chỉ có một vế, vế kia vẫn còn trống. Cho đến một sáng mùa thu đẹp trời của hai năm sau ngày ra câu đối, Cao Bá Quát tình cờ ghé thăm hoạn quan. Ông nhìn thấy câu đôi ở cột nhà chỉ có một vê cò vê kia bỏ trông. Ông hỏi về việc này, hoạn quan kể hết mọi chuyện cho ông nghe. Ông tủm tỉm cười và bảo hoạn quan đưa nghiên bút ra cho ông. Ông viết ngay vào vế thứ hai :

DĨ PHÁT NHI PHÙNG

Hoạn quan được có người đối nên vào cung vua ngay để tâu cho vua Tự Đức biết như lời vua phán dặn.

Vua cho lệnh Cao Bá Quát vào cung chầu vua. Vua cho lệnh nọc ra đánh ba mươi trượng sau đó cho ba mươi lạng bạc thưởng.

_ Tại sao bị đòn ? Vì Cao bá Quát hiểu thấu trong tâm vua. Giống như Dương Tu "đi guốc trong bụng" Tào Tháo cho nên Tào Tháo mượn đầu Dương Tu !

_ Tại sao lại được thưởng ? Vì dù sao Cao Bá Quát cũng là một nhân tài và có dũng khí đối lại vua chứ đã hai năm, bá quan văn võ, thám hoa bảng nhãn cũng nhiều mà chẳng ai đối được, không dám đối.

Bây giờ tôi xin giải thích chuyện câu đối :

Vua Tự Đức : VI SƯƠNG TỨ ĐỊCH
Vi : làm , Sương : sương, Tứ : cho, Địch : (ống) sáo
Làm sương cho sáo, lái lại là : Làm sao cho sướng ! Vì đã là hoạn quan, không có "cái đó" mà cưới vợ thì làm sao cho sướng được.

Cao Bá Quát : DĨ PHÁT NHI PHÙNG
Dĩ : lây, Phát : tóc , Nhi: mà, Phùng : may
Lấy tóc mà may , lái lại là : Lấy tay mà móc !

Đối rất chuẩn cả lời lẫn ý nên vừa bị đòn vừa được thưởng.

Nhân đây tôi xin kể một câu chuyện có thật về các bậc thâm nho. Đầu thập niên 1950 của thế kỷ trước, lúc đó thủ tướng là Nguyễn văn Tâm ra kinh lý miền Bắc. Dân chúng tiếp đón nồng hậu và trong một buổi tiếp tân các vị thân hào nhân sĩ (toàn các bậc thâm nho) dâng lên tặng thủ tướng Tâm một bức hoành sơn son thếp vàng rất trang trọng, khắc bốn chữ :

ĐẠI ĐIỂM QUẦN THẦN

Thủ tướng Tâm rất thích thú và mừng rỡ vì đúng là như vậy: trên là vua Bảo Đại, dưới là ông, mà vua Bảo Đại ở Pháp thường xuyên, thực quyền nằm trong tay ông tất cả.

Về dinh thủ tướng, ông treo bức hoành ở chỗ trang trọng nhất. Bỗng một hôm có một vị danh nhân đến thăm thủ tướng. Ông nhìn bức hoành và hỏi ngạnh nguồn. Thủ tướng Tâm kể lại chuyện đi kinh lý miền Bắc của mình.

Danh sĩ chúm chím cười, thủ tướng hỏi sao lại cười mĩm, danh sĩ càng cười to.



Sau cùng, ông giải thích cho Thủ Tướng Tâm :
Đại : to , Điểm : chấm , Quần : bầy , Thần : tôi
ĐẠI ĐIỂM : chấm to lái là CHÓ TÂM
QUẦN THẦN : bầy tôi lái lại là : BỒI TÂY
Nghĩa là : CHÓ TÂM BỒI TÂY vì hồi đó Việt Nam nằm trong Liên Hiệp Pháp, dưới quyền bảo hộ của Tây .

David Nguyễn Sưu tầm

VỀ QUÊ

Cơn mưa cuối hè như thác lũ mùa đông đang đổ xuống thành phố Huế. Từ giữa trưa hôm qua, kèm theo nhiều cơn gió giật mạnh làm cho các cành cây hai bên đường phố rơi xuống chận cả lối đi, trên đường phố càng hoang vắng, không người qua lại, thỉnh thoảng có một vài chiếc xe chở hàng chạy qua với tiếng còi inh ỏi.

Nằm trên chiếc đò từ chiều hôm qua, dưới chân cầu Đông Ba, bến đò Phước Tượng. Mấy ngày trước trời còn nắng ráo. Mạ tôi mới quyết định một mình đèo mấy chị em tôi trở về quê Sịa sau bao năm lặn lội thân cò nuôi đàn con dại kể từ ngày cha tôi mất đi trong biển cố Việt minh đột kích vào huyện Phong Điền ám sát Huyện trưởng và 5 viên chức hành chánh trong khi đang làm việc ban ngày gây chấn động cả tỉnh Thừa Thiên năm 1951. Mẹ mới trên bốn mươi, lứa tuổi hạnh phúc nhất của người đàn bà, bỗng chốc trở thành kẻ bất hạnh.

Chúng tôi hai chị em, chị lớn mười tuổi, còn tôi vừa tám chưa biết gì về vui sướng và đắng cay cuộc đời. Trên vai mạ tài sản vỏn vẹn trong đôi gánh nặng trĩu cái gia tài chẳng có gì ngoài mùng mền, chăn chiếu và nồi niêu soong chảo.

Không còn con đường nào khác là phải ngủ đêm trên con đò mà mạ tôi đã thuê bao từ quê lên để đón chúng tôi về quê. Nhà tôi ở sau lầu Hoàng Đệ cạnh khu canh nông cũ trong thành nội, đã bán và giao cho chủ mới, ba anh chị lớn ở lại nhà bà con trong thành phố để học nghề. Đi theo chúng tôi còn có mẹ mèo mướp cùng ba con mới đẻ khoảng một tuần nay, mấy chú mèo con kêu meo meo suốt ngày, chắc là đói và lạnh, chúng bị nhốt trong cái chuồng lưới sắt, mèo mẹ vì lạ người lạ cảnh nên chạy quanh chiếc lồng cố tìm lối ra. Chị tôi thấy vậy đến đem cơm nguội cho chúng, không dè vừa mở cửa là mèo mẹ vụt

thoát khỏi lồng, chạy vụt lên đường biến mất. Thế là chị em tôi phải bắt từng con đổ nước cơm vào miệng cho chúng.

Bây giờ tôi chẳng biết mình đi đâu nữa, hai chữ về quê xa lạ đối với tôi. Trời vẫn còn mưa cho đến tối, cho nên mấy mạ con tôi phải ngủ lại trên con đò, chủ đò lấy mấy tấm gót tre để chận những lổ hở mà những giọt mưa tạt vào, nhưng cũng không chặn được những con gió lùa những khe nhỏ, mạ con chúng tôi trốn vào một góc tạm gọi là kín, mạ ôm tôi vào lòng, quấn kín chiếc mềm mong manh cho đỡ lạnh .

Trong hơi ấm của mạ tôi ngủ thiếp đi, cho đến khi nghe tiếng còi xe trên đường Hàng Bè tôi mới bừng tỉnh lại. Ngoài trời vẫn còn mưa dai dẳng. Ông chủ đò báo nước lớn quá, đò không thể xuôi dòng, cơn lụt đang đồ về.

Đợi chờ trời sáng hẳn, mọi sinh hoạt bắt đầu, mạ và chị tôi thu dọn hành lý trong vào hai chiếc thúng to, cùng một vài bao tải, đưa lên vệ đường, thuê chiêc xe kéo.

Tôi đi theo mạ và chị, dọc đường mạ mua cho một ổ bánh mì của một thằng bé tôi ước lớn hơn tôi vài tuổi, vai mang một bao bố đựng bánh để giữ hơi nóng, đây là cách mà hồi xưa người bán bánh mì thường dùng.

Trời vẫn còn mưa, cho nên mấy mạ con tôi một người đều mang áo mưa lá tơi (thời đó không có áo mưa nylon.)

Dọc theo đường phố, con đường dẫn đến bến xe, mọi người vẫn đổ ra đường về hướng chợ Đông Ba. Đi một đoạn không xa nữa chúng tôi đến bến xe Nguyễn Hoàng cách Thượng Tứ khoảng 500 mét.

Bến xe chật hẹp, một vài chiếc xe đò Renault của Pháp chuyên chở hành khách từ Huế về các vùng thôn quê. Trời mưa cho nên ít khách, hành lý chất trong xe, tiếng cười nói, lẫn mùi khói thuốc tạo nên một không khí ngột ngạt quyện với hơi xăng

nồng nặc. Xe bắt đầu lăn bánh, gió lạnh lùa vào khe cửa, tôi ngồi co ro bên cạnh mạ và chị tôi.

Ra khỏi thành phố, xe chạy trên quốc lộ đầy những ổ gà, hai bên đường những thửa ruộng đã gặt xong trơ từng gốc rạ, xa xa có những đàn trâu, đây lần đầu tôi nhìn thấy những con trâu đen đang kéo cày phía sau với những bác nông phu.

Khi xe qua cầu An Lỗ rẽ về Sịa trên con đường không được tráng nhựa, đầy cả bùn lầy, chiếc xe ì ạch cố vượt qua những vũng sình, đến một đoạn thì xe bị lún trong vùng bùn khá lớn, bánh xe bị xoay tròn. Tài xế kêu mọi người xuống xe, người phụ xe kéo những tấm ván thủ sẵn ở trên trần xe xuống, lót trước bánh xe, thế là tất cả mọi người phụ nhau đẩy, chiếc xe vượt qua vùng lầy. Xe tiếp tục chạy về bến chợ Sịa thì trời vừa tối.

Phải ngủ đêm tại nhà ông cậu gần cầu Sịa. Lên đón chúng tôi một sô bà con nội ngoại. Trên con đường lầy lội sau cơn mưa, quần xắn ống, tay xách guốc mọi người nối đuôi nhau trong đoạn đường dài 2 cây số đầy vất vả. Đường xóm chật hẹp, lại ngập lụt, hai bên là những hàng tre đầy đặc.

Bữa ăn đầu tiên mà O tôi khoản đãi thật thịnh soạn gồm dĩa rau khoai luộc chấm nước đuốt (ruốt) tréc cá tràu (cá lóc) kho khô với đuốt mùi vị thật đậm đà khó nuốt.



" Ăn đi con, cá o bắt sau ao chừa cho con đó"Kể từ đây cuộc đời của tôi gắn liền với Sịa, giã từ kinh đô để theo mẹ về quê trước khi hiệp định Genève 54 chia đôi đất nước.

Phan Tô (ảnh Tô và Hòe)

MIỀN KÝ ỨC ...



Mấy hôm nay thời tiết thay đổi, trời cứ mưa rả rích, những hạt mưa như có sức xoáy vào tâm hồn con người để tạo thành những niềm cô đơn, tôi chợt nhớ đến hai câu thơ của Huy Cận:

“ Tai nương giọt nước mái nhà
Nghe trời nằng nặng, nghe ta buồn buồn”…

Những nỗi buồn như vậy thường có vào những buổi chiều cuối đông, khi mà cơn mưa dầm cứ kéo dài không dứt thì nỗi nhớ về quê nhà, Thầy Cô, bạn bè, trường lớp lại hiện về rõ nét hơn bao giờ hết.

Tôi nhớ ngày còn đi học ở trường TH Bán Công - Quảng Phước tôi và bạn bè rất mê thơ của Xuân Diệu, Thế Lữ, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Bích Khê .v.v… những nhà thơ tiêu biểu của phong trào thơ mới trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn do Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam và Khái Hưng - Trần Khánh Dư khởi xướng. Phong trào văn thơ lãng mạn đã ảnh hưởng sâu đậm đến suy nghĩ, cảm xúc, tình yêu đối với cuộc sống cũng như phong cách đọc và viết của học sinh và sinh viên thời bấy giờ.

Năm 1959 khi chúng tôi đang học đệ ngũ, trường đã cho ra một tờ bích báo, chủ đề tự do: thơ văn, truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, ký sự, phóng sự v.v… nhiều thể loại, ai muốn viết gì thì viết miễn là ‘vấn đề chính trị chớ nên lạm bàn”. Lần đầu tiên được tham gia viết báo, bọn học trò chúng tôi vô cùng hào hứng, liền hội họp phân công bàn tán rất chi là sôi nổi. Biên tập

xong có bài được chọn có bài không được chọn, nhưng khi tờ báo hoàn thành dán lên tường với hình thức đẹp và nội dung phong phú thì mọi người đều hoan hỉ đón nhận.

Trong tất cả bài viết tôi nhớ nhất bài thơ " Sịa quê tôi" của anh Lê Quang Chưởng. Sở dĩ tôi nhớ lâu như vậy là vì bài thơ có nhiều giai thoại vui:

Sịa quê tôi
"Sao các anh không về thăm Sịa
Nhìn bãi cát dài trắng trắng phau
Nhìn chiếc cầu sơn trắng một màu
Nhìn con sông nhỏ êm đềm chảy
Sịa tôi đẹp lắm các anh ơi
Đồng ruộng bao la tận cuối trời
Gió chiều lướt nhẹ qua thôn xóm
Mấy rặng tre già đẹp lả lơi
Đời sông xuôi dòng theo tháng năm
Dân cư nhẫn nại lo làm ăn
Không tranh đua nhau mùi phú quý
Không gây cho nhau sự bất bằng"

Bài thơ lúc đầu gây nhiều tranh cãi và không được duyệt vì có vài ý kiến cho rằng mấy câu đầu bắt chước ý tưởng bài thơ

"Đây thôn Vỹ Dạ" của thi sĩ Hàn Mặc Tử:

"Sao anh không về thăm thôn Vỹ,
Nhìn những hàng cau nắng mới lên"…

Nhưng cũng có ý kiến đồng ý cho đăng, vì nghĩ rằng một học sinh đệ ngũ (lớp tám bây giờ) mà làm được một bài thơ bảy chữ, vần điệu chính xác như vậy cũng là một điều đáng khích lệ. Tưởng đã được yên, không ngờ khi bài thơ đến tay Tổng Biên Tập - Hiệu Trưởng Trần Tiếu thì tác giả bị gọi lên văn

phòng, anh rất sợ thầy Hiệu Trưởng nên anh kêu tôi và một người bạn nữa cùng đi. Vừa đến cửa văn phòng, Thầy vẫy tay:
- Ê, mấy đứa lại đây, Thầy gạch đít câu "Mấy rặng tre già đẹp lả lơi", rồi phán một câu xanh dờn:
- Già rồi còn bày đặt "lả lơi". Về sửa lại.
Trên đường trở về lớp, anh vừa đi vừa càm ràm:
- Sửa được thì con đã sửa rồi, không biết thay chữ chi cho đúng vần đúng điệu.
Tôi lanh chanh góp ý:
- Hay là anh thay hai chữ "lả lơi" thành "tả tơi" đi.
Anh cú tôi một cú gần lủng óc luôn:
Mi thấy ai đẹp mà đẹp tả tơi chưa, đồ ngu, dẹp đi.
Tuy học cùng lớp nhưng anh hơn tôi hai tuổi, lại là con của cậu nên tôi phải gọi bằng anh. Trong lớp anh thông minh học giỏi, nhưng có tính tự cao tự đại hay bắt nạt và chọc phá mấy học sinh hiền lành nhỏ tuổi nên bọn con gái chúng tôi không ưa. Tôi thân với anh là vì ngoài tình bà con anh thường cho tôi mượn sách. Tôi vốn là dân mê sách mà anh thì có nhiều sách hay. Mỗi lần cho mượn anh đưa ra những điều kiện rất quái chiêu:
- Thứ nhất: Không được nằm mà đọc
- Thứ hai: Không được bẻ ngược quyển sách
- Thứ tư: Không được chuyền tay cho mượn

Miến là mượn được sách, điều kiện chi tôi cũng OK hết, tôi cố gắng đọc thật nhanh để cho các bạn mượn. Thời chúng tôi đi học làm chi có tiền mua sách, vì vậy thượng vàng hạ cám, đứt đầu đứt đuôi, chúng tôi cũng gành nhau mà đọc.
- Thứ ba: Không được xếp trang làm dấu

Sau này đi làm có tiền tôi toàn để dành tiền mua sách. Đọc một quyển sách hay tôi rất muốn chia xẻ với bạn bè cho nên tôi mua rất nhiều sách và cũng mất rất nhiều sách vì cái tật

cho mượn. Mất sách nhiều tôi mới thấm thía câu: "*Tá thư si, hoàn thư tối si*" (người có sách hay mà cho mượn là đã ngu rồi, người mượn được sách hay mà đem trả thì còn ngu hơn nữa) ; nói vậy để thấy sách hay quý giá biết chừng nào. Và cũng từ đó, tôi rất hiểu những người bạn mượn sách mà không trả.

Bây giờ ngoài niềm vui đọc sách, tôi còn có niềm vui khác là tìm gặp bạn bè trên mạng. Qua sự giúp đỡ của Thẩm và Hội tôi có được địa chỉ email và số điện thoại của Phan Thị Gái (Mây Lang Thang). Không thể nói hết nỗi sung sướng khi gặp lại Khương Gái sau nhiều năm xa cách dù chỉ là trên internet. Chúng tôi email cho nhau mỗi ngày. Gái vì thương tôi đã bắt Khương dạy sử dụng vi tính, đau ốm liên miên như vậy mà ngày nào cũng cố gắng ngồi chọt cho tôi mấy chữ. Nếu Gái mệt thì Khương trả lời, thiệt không có ai đối với bạn bè mà chí tình như Khương Gái.

Đời sông bây giờ cái gì cũng lên giá chỉ có sự độc nhất đang xuống giá là lòng chân thành, vậy mà hai bạn vẫn giữ được mối chân tình, tôi thật vô cùng cảm động.

Thời đi học Gái là một cô gái xinh đẹp, duyên dáng, mặn mà, con nhà giàu lại có tài làm thơ nên rất nhiều chàng trồng cây si trước ngõ, nhưng cuối cùng anh Lê Toản (Khương) lại là người diễm phúc được "rước nàng về dinh". Khương là người chồng tài hoa và rất mẫu mực, đã hết lòng chăm sóc Gái trong những ngày đau ốm. Hiện họ sống rất hạnh phúc cùng con cháu ở thành phố Portland - Bang Oregon - Mỹ.

Tháng 11/ 2012 Lê Văn Thẩm về thăm quê. Tôi ở Đà Nẵng ra Huế cùng với Thẩm và anh Tấn đi thăm thầy Niên, thầy Thanh và thầy Hiệu, thăm anh Trần Ấn bị bịnh nặng, Thẩm hẹn sẽ vô Đà Nẵng chơi:

- Mình sẽ ghé Đà Nẵng thăm Lài, Điểm và Nhơn. Nhơn nhớ cho mình ăn cơm với cá thệ kho khô nghe, mà con cá phải cong vòng đó.

Tôi nghĩ thầm: Bạn bè đi xa gần 60 năm, nay trở về tâm hồn ăn uống vẫn còn y nguyên. Tôi vốn rất chìu bạn đã lăn lội đi ba chợ mới mua đươc cá thê ở Cầu Hai đem vô. Hôm đó tôi đãi Lài và Thẩm một bữa ăn "toàn Sịa": canh mướp đắng nấu tôm tươi, cá bống thệ kho khô, thịt bò om sả lốt, cá đối hấp kẹp dưa cải. Lài và Thẩm ăn rất thiệt tình và ngon miệng nên tôi hết sức vừa ý.

Tháng 3/2014 anh Hồ Đăng Lăng và chị Phan Thị Nguyệt đại diện cựu học sinh Bán công Quảng Phước cùng tôi và anh Hồ Đăng Dài đi viếng tang thầy Đoàn Văn Thanh ở 54 Chi Lăng - Huế. Tôi mời anh chị vô Đà Nẵng chơi rồi điện thoại cho Điểm ở Tam Kỳ và Lài đến nhà tôi họp mặt. Bạn bè lâu ngày gặp lại mừng không thê tả, bao nhiêu chuyện cũ chôn dấu trong lòng nay có dịp tuôn ra hết. Ngày xưa ai thương ai, ai nhớ ai, ai chờ, ai đợi chừ không hỏi cũng khai. Ỷ thế tuổi già không còn biết xấu hổ ốt dột là cái chi cả, cứ thế mà nói cười thoải mái.

Anh chị Lăng Nguyệt về Đà Nẵng đúng dịp lễ hội Quan Âm, chúng tôi đưa anh chị đi thăm chùa Quán Thế Âm và chùa Linh Ứng nơi có tượng Phật Bà cao 71 mét, chiều về ăn chay ở tiệm Tâm Châu, sáng mai đến quán Huế Xưa uống cà phê ăn sáng, chụp ảnh kỷ niệm rồi mới chia tay.

Đầu năm 2015 được gặp anh Hồ Đăng Khác trên facebook, dù chỉ mấy phút thoáng qua nhưng hình ảnh gia đình anh chị và ngôi chùa TỪ BI đầy trang nghiêm và thanh tịnh đã để lại trong lòng tôi ấn tượng vô cùng sâu sắc.

Hạnh phúc nhất là tháng 2/2015 được gặp thầy Lê Hữu Thận và Đặng Thị Liên tại Đà Nẵng, thầy Thận hơn tôi hai tuổi dạy TH Quảng Điền, vị tình tôi là học sinh khóa 1 nên thầy cho phép tôi được gọi thầy là anh. Hai người đến thăm vợ chồng tôi và tặng những món quà vô cùng quý giá: hai dây chuyền tượng Phật đeo cổ, hai máy nghe kinh Vô Lượng Thọ của Pháp sư Tịnh Không giảng và rất nhiều sách. Anh Thận và Liên ăn chay trường đã 5 năm nay, tu hành rất chuyên cần tinh tấn. Một ngày hai thời kinh Vô Lượng Thọ, một thời lạy Phật, thời gian còn lại là niệm Phật.

Nhìn lại chuyện tu hành của tôi thật quá sức giãi đãi, lúc nào cũng sơ sài qua loa, một chút tự tại cũng không có. Cơ duyên đưa đẩy đã cho tôi gặp THIỆN TRI THỨC, hướng dẫn phương pháp lạy Phật, niệm Phật và nghe kinh giảng. Tôi cảm nhận có một chút tiến bộ, biết buông xả hơn, không còn muốn tranh dành hơn thua chuyện phải trái ở đời, tôi thực sự rất vui và rất biết ơn anh chị. Chúc con đường tu học của anh chị luôn được thù thắng viên mãn.

Bên cạnh niềm vui sum họp, bao giờ cũng có nỗi buồn chia ly. Năm 2014 thầy Đoàn Văn Thanh ở Huế và một quý thầy ở miền Nam đã ra đi vì tuổi già bịnh tật. Bạn bè thì có anh Nguyễn Như Tuấn, chị Đoàn Thị Tịnh, anh Võ Đình Lâm .v.v… cũng đã lần lượt bỏ chúng tôi mà đi. “SINH, LÃO, BỊNH, TỬ” là quy luật muôn đời mà kiếp người ai cũng phải trải qua, cho nên dù thương tiếc chúng ta cũng chỉ biết kính cẩn và ngậm ngùi đưa tiễn họ về nới an nghỉ.

“ Ai rồi cũng phải ra đi
Luân hồi đổi áo có chi ngại ngùng”

Khuyết Danh

Cảm động nhất là về quỹ tương thân tương trợ đã được thành lập như chiếc cầu tình nghĩa nối liền quá khứ và hiện tại của quý thầy cô và cựu học sinh hai trường Quảng Phước và Quảng Điền. Mặc dù không quen và không học với Thầy Niên nhưng quý Thầy Cô và cựu học sinh Quảng Điền vẫn quan tâm thăm viếng Thầy trong những ngày Thầy đau ốm. Một việc làm hết sức ý nghĩa và đáng trân trọng.
Mong rằng ngọn lửa ấm áp đó vẫn còn cháy mãi để tình cảm và sự gắn bó giữa hai trường Bán Công Quảng Phước và Công Lập Quảng Điền vẫn được duy trì và bền vững với thời gian.

NGÔ THỊ NHƠN - KHÓA 1
TRƯỜNG BÁN CÔNG QUẢNG PHƯỚC



Nữ sinh trường Bán công Quảng Phước 1960: Vy, Thuý, Nhơn, Điểm, Liệt, Lài

Cảm Niệm



Thời gian ơi! chầm chậm cho ta nhắn
Đem tình thương nhân loại rải khắp nơi
Cho đẫm ướt tình người trong nhân thế
Cho tiếng cười vang vọng đến thiên thai
Cho tội khổ không còn hành trong địa ngục
Cho thế giới nhân gian hòa thánh thiện
Cho bom thôi rơi cho khủng bố không còn
Cho thiên tai địa chấn cũng động lòng thương

Giữa trời cao đất rộng cảm niệm đấng Tối Cao
Xin che chở cho cuộc đời người trần thế
Thoát tai ương thoát hết mọi khổ nàn
Xin đất đừng rung, sóng chớ nổi ba đào,
Xin bớt giận hờn gió chớ cuốn người theo
Kẻ chết trôi người vùi thây dưới hầm sâu lửa đỏ
Cảnh gia đình tang tác quá tang thương
Nỗi thương đau kể làm sao cho xiết

Lạy ơn trên Tạo Hóa đấng vô cùng
Nghe thấu rõ lời nhân gian khấu tội
Xin tha cho nhân loại đã biết lỗi lầm
Dù một mảy may để kịp hối lỗi ăn năn
Không nhớ thù xưa chẳng gây thêm hận mới
Bởi một chút nghi nan là vô số hận thù
Là biển nghiệp trong nhiều đời tiếp nối

Cộng nghiệp kia Trời Đất đâu dễ dung tha
Trong thâm tâm con xin mãi nguyện cầu
Và hướng đến tận cùng sâu thẳm

Cho muôn loài nhân loại hết mọi nơi
Trên trời cao đất rộng hay núi thẳm rừng sâu
Trong không gian tứ phía mọi chiều
Dù biển mặn hay sông ngòi ao lạch
Dưới đất sâu hang hốc ở tận mù khơi

Là chúng sanh dù muôn loại không đồng
Cũng biết đau, biết khổ và cũng sợ chia ly
Hãy đem tình thương che chở chớ phân loài
Xin bảo bọc đừng nghĩ chi hơn thiệt
Để hóa giải lỗi lầm trong Trời Đất
Đem lòng từ xoa dịu lẫn cho nhau
Thương thật nhiều và hiểu phải thật sâu
Không chê không trách không thù hận

Trời Đất nào mà chăng thương tha
Thời gian ơi! có đôi lời ta nhắn gởi
Chuyển giùm ta đến mây trời gió nước ngàn khơi
Nói thật khẽ, nhẹ nhàng mong thông cảm
Đừng để sân si gây thêm hận Ta-Bà
Thôi đi nhanh kẻo không may đò lỡ chuyến
Vì ngày mai ai biết được ngày mai!
Vô thường chợt đến đời mấy chốc

Cuộc đời nầy chỉ tạm bợ mà thôi
Rồi cát bụi sẽ về với cát bụi
Biết có còn kịp để hóa giải nghiệp tiền khiên.

Áo Tím

Giới thiệu bộ tự điển "Nguồn gốc tiếng Việt"

của bác sĩ Nguyễn-Hy-Vọng

Có khi nào chúng ta tự hỏi mình đã tra tự điển Hán-Việt, Pháp-Việt, Anh-Việt nhưng có tìm hiểu nghĩa từ Việt một cách chính xác không? Có lẽ nhiều người sẽ trả lời chúng ta hiểu tiếng nói mẹ đẻ nên không cần thiết. Ngoài ra không thấy một tự điển giải thích tiếng Việt. Nhưng con cháu chúng ta đang sống trong môi trường nói tiếng Anh, chúng có nhu cầu tìm hiểu tiếng Việt. Chúng tôi nghĩ bộ tự điển nguồn gốc tiếng Việt của bác sĩ Nguyễn-Hy-Vọng đáp ứng nhu cầu này.

Sau đây là một số ý nghĩa chúng tôi thấy trong bộ tự điển này:

Trước thời Pháp thuộc, triều đình tuyên những người giỏi Hán học ra làm quan, do đó nếu dùng những từ ngữ không có trong sách vở chữ Hán bị cho "nôm na là cha mách qué". Nôm ở đây không phải là chữ nôm, mà có nghĩa là từ ngữ đã dùng từ xa xưa, từ ngữ bình dân. Người Thái cũng gọi là "nôm na", và người Khmer cũng nói "nôm" là xưa và "na" là từ xa xưa". Bây giờ qua từ "mách qué". Người Môn gọi mách là "mek", người Thái gọi là "mekh" có nghĩa là khác lạ, sai lệch. Người Khmer gọi là "kr-mach" có nghĩa là bông đùa không phải cách. Như vậy mách qué có nghĩa là sai lệch, không ngay thẳng, đàng hoàng. Qua thí dụ trên chúng ta thấy tiếng nói người Việt có họ hàng với những nước láng giềng ở Đông Nam Á như Chăm, Khmer, Thái và Môn (một bộ tộc hiện sống ở Miến-điện hay Myanmar).

Một thí dụ khác là cách gọi ngôi thứ hai số ít là "mi". Từ này được nhiều dân tộc ở Đông Nam Á dùng, như người Mường, người Khmer, người Thái,v.v. và từ "mày" là biến đổi từ tiếng "mi" mà ra. Thành ra "mi" là tiếng Việt gốc, và từ mày người Bắc dùng là cách nói biến dạng , không phải là cách nói chuẩn tiếng Việt.

Bây giờ chúng ta quay lại tiếng nói bà con Huế hay vùng Sịa thường nói, xem có phải là quê mùa hay không? Chúng ta thường gọi chị hay em gái của cha là "O" chứ không gọi là "cô" như người Bắc. Người Chăm gọi là "o-ch", người Thái gọi là "o-r", người Mường, người Myanmar cũng gọi là "O" như chúng ta.

Nhưng từ "dượng" thì không phải gốc Việt mà là gốc Tàu (trượng) để chỉ chồng sau của mẹ, hay chồng của cô, dì.

Các bà các cô người Huế thường mắng nhau "mụ cô mi" và có lẽ hâu hết chúng ta đêu nghĩ tại sao chỉ chửi có bà cô, không thấy ông chú ông bác. Sự thật "mụ cô" là cách phát âm sai từ tiếng Chăm "mu cô" có nghĩa là tổ tiên. Vậy "mụ cô mi" có nghĩa là tổ tiên nhà mày.

Người Sịa gọi hai vợ chồng trẻ là hai "cấy giôn". Cấy hay cái chỉ người đàn bà đã có chồng. Người Khmer gọi là kây, người Chăm gọi là Kai, người Thái gọi là cái, cấy, kí. Người Môn và người Myanmar cũng gọi giôn như chúng ta.

Sịa ở gần phá Tam giang và chúng ta nhớ câu:

Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam giang.

Vậy truông là gì và phá là gì?

Truông là bàu nước, đìa nước, và phá là vũng nước sâu và rộng ở cửa sông đổ ra biển (Laguna).

Người Huế cũng hay nói từ "ốt dột":

Ốt : không **dột**: tư cách , ốt dột là mắc cỡ vì thấy thiếu tư cách, xấu hổ, ngượng

Môn: a-yot
Pali a-yotha sans honneur
Thái ấp-giộtx dishonored
Lào yột danh dự
Xỉa giộts mất danh dự
Khmer ot không có, mất đi
Ot yôt mất danh dự

Đặc điểm của người Huế là "mô, tê, răng, rứa":
MÔ: ở đâu, chỗ nào
Mon (mô) Burma (mô) Thái (mô) Lào (mô)

TÊ : chỗ hay thời gian xa hơn
Hmong (tê) Nùng (tê) Môn (tê) Chăm (tê) Burma (h-tê)

RĂNG : sao, tại sao, chi, gì
Hmong (yăng, răng) Mường (k-jăng) Nùng (jăng) Thái (h-yăng) Lào (hyăng) Khmer (yăng)

RỨA: như vậy, thế, thế kia
Mường (rứa) Nùng (yứa) Thái (hrứa) Mon (ruo) ruo teh: rứa hay không? Khmer (r-lưa) Chăm (rơh)

Chúng ta cũng thấy một số từ kép hay 3 âm, và từ sau cùng không giải thích được, nên đã có lúc người ta gọi là tiếng lấp láy. Thí dụ từ vắng-vẻ, vắng là ít người, không đông đúc, nhưng vẻ là gì? Nhìn qua tiếng Thái thì họ nói là "vằng ve, vả vê", tiếng Lào là "vặng ve",như vậy từ này chúng ta dùng giống như các dân tộc láng giềng.

Bộ tự điển này giải thích về vùng Sịa như sau:

Sịa là vùng bờ biển phía đông Huế, cách 15 km, xưa là một giang cảng của Chàm.

Gần cái xã hiện có tên là Sịa, có một cái đầm rộng 3 x 4 km, tên là đầm Vĩnh Sịa, hay là bàu nhà nước, tục truyền ở đó có *hòn đá đẻ*, xung quanh toàn cát mà lại có một hòn đá lớn đen thui cao chừng gần 2 m mà người ta đồn rằng mỗi năm nó đẻ ra một số hòn đá nhỏ, thật ra đó là một khúc chân cột buồm lớn còn lại trên một chiếc tàu lớn của thủy quân Chàm ngày xưa, mà nay đã bị lún chìm xuống cát lầy, chỉ còn khúc cột buồm đã gãy nằm trên mặt đất.

Năm 1947, quân đội Pháp cho xe cần trục kéo đi không được và cái cột ấy bị bắn bể bằng canon, tục truyền sau đó hòn đá không còn đẻ nữa.

(Theo lời kể của ông Nguyễn-Sum, 80 tuổi, quê quán ở ngay đó).

Qua những thí dụ trên, chúng ta thấy muốn tìm hiểu rõ và đúng tiếng Việt, cần có bộ tự điển nguồn gốc tiếng Việt. Bộ tự điển này gồm 3 tập, giá toàn bộ là 90 USD thêm tiền cước phí. Những lớp học tiếng Việt trong chùa, nhà thờ tại các vùng ít có dân Việt-nam nên có bộ tự điển này, để giúp chúng ta gìn giữ trong sáng tiếng Việt.

Những ai tò mò muốn biết nhưng không thích tra cứu, có thể mua sách "Những nẻo đường tiếng Việt" cũng của bác sĩ Nguyễn-Hy-Vọng giá 20 USD cọng thêm cước phí. Trong sách này, bác sĩ Nguyễn-Hy-Vọng có giải thích chữ quốc ngữ do chính quyền bảo hộ Pháp dùng cách viết trong tự điển Việt-Bồ-La của ông cố đạo Alexandre de Rhodes. Trong sách ông ghi rõ là giải thích tiếng Việt ở vùng Đông kinh (Tonkin) tức là miền bắc Việt-nam. Do đó người ta nghĩ tiếng bắc chuẩn là giống

như quyển tự điển này, nếu sách viết theo phát âm của người miền Trung hay miền nam thì có thể khác.

Tự điển này ghi lại những từ hỏi ngã dựa theo cách phát âm phân biệt giữa dấu hỏi và dấu ngã của người miền bắc, nhưng người miền bắc lại không phát âm đúng những từ bắt đầu bằng âm "TR" thí dụ mặt trăng thì họ gọi là mặt giăng, bụi tre thì phát âm là bụi che. Trong khi đó, người Trung và nam phát âm rõ âm "R", "TR" nhưng không phân biệt hỏi ngã, và những từ tận cùng bằng "T,C" hay "N, NG". Sách này cũng có nhiều bài bàn về những thí dụ nguồn gốc tiếng Việt.

Muốn liên lạc mua sách có thể dùng một trong 2 email sau:

Rumthuan3235@gmail.com

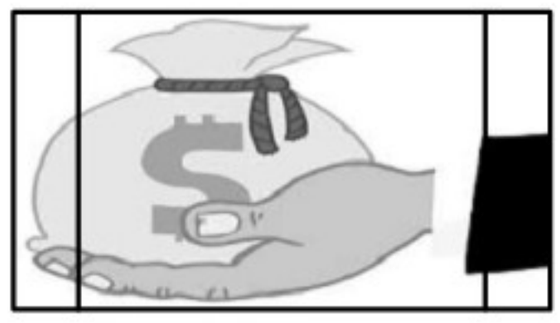
neoduongtiengviet@cox.net

Chúng tôi hy vọng ai cũng sẽ thích thú khám phá sau khi đọc 2 sách này.

Lê Văn Nhân



Danh sách đồng hương ủng hộ CÂY MÙA XUÂN ẤT MÙI 2015



STT	Họ & Tên	Số tiền	Nggày nhận	GHI CHÚ
01	Nguyễn đình Quế	50	10/17/14	
02	Nguyễn văn Hội	50	10/24/14	
03	Lê Thuận	50	11/01/14	
04	Lê Trực	350	10/21/14	Ủng hộ đợt 1, 2 và 3
05	Phan Thái Lương-Trinh	50	10/23/14	
06	Trương Quý Đô	50	10/23/14	
07	Lê Văn Thẩm	50	10/26/14	
08	Phan Tô	50	10/26/14	
09	Trần Vĩnh Lộc&Lê ThịTrinh	50	10/28/14	
10	Thái Như Khuê	50	10/31/14	
11	Võ Minh	50	10/31/14	

12	Ẩn Danh	50	11/01/14	Aliso Viejo,CA
13	Ngô Thị Tuyết Mai	100	11/02/14	Canada(Đợt 2 thêm $50)
14	Bành Kim Lệ&Tuyết Mai	50	11/02/14	
15	Phan Huề&Phạm Thị Mười	50	11/02/14	
16	Nguyễn Văn Trân	50	11/06/14	
17	Phan Hà	50	11/06/14	
18	Ngô Huỳnh	50	11/05/14	
19	Trần Thị Nhạn	50	11/06/14	
20	Lê Đình Loan	50	11/09/14	Cựu GS/QP
21	Bùi Xuân Nhiếp	100	11/10/14	
22	Trần Thị Sào	50	11/10/14	
23	Trần Thị Thước	50	11/10/14	
24	Hồ Thuận	50	11/10/14	
25	Nguyễn Thị Hiệp	50	11/13/14	
26	Võ Đình Tiên&Thu Thủy	50	11/15/14	
27	Thái Quang Ty	50	11/15/14	

28	Phan Thị Diệu	50	11/22/14	
29	Hồ Đăng Lăng	100	11/26/14	
30	Phan Gia Hòa	100	11/26/14	
31	Hồ Đăng Ấn	50	11/26/14	
32	Nguyễn Hữu Chí	50	11/28/14	
33	Lê Thị Thanh Xuân	50	11/28/14	
34	Nguyễn Bá Chẩn	100	11/28/14	
35	Lê UyênKhanh	50	11/28/14	
36	Lê Uyên Thi& MaiPhương	50	11/28/14	
37	Nguyễn Toàn	50	11/28/14	
38	Nguyễn Hữu Linh	50	11/28/14	
39	Nguyễn Hữu Lợi	50	11/28/14	
40	Ngô Chân	100	12/05/14	
41	Ngô Hoàng Khánh	100	12/05/14	Ái Nam ÔB Ngô Chân
42	Ngô Hoàng Trang	100	12/05/14	Ái Nữ ÔB Ngô Chân
43	Trần Thị Thu Phương	50	12/05/14	

44	Kathy Ngô	50	12/05/14	Út nữ ÔB Ngô Huỳnh
45	Hoàng Vy	50	12/12/14	
46	Lê tất Biên&Võ T Thanh	50	01/04/15	
47	Ngô Chúng	50	12/14/14	
48	Hồ Đăng Khác	50	12/22/14	
49	Phan Ngọc Vấn	50	12/22/14	
50	Nguyễn Chí Thắng	50	12/31/14	
51	Nguyễn T.Duyên Tấn	50	12/31/14	
52	Lê Hiến	50	12/24/14	
53	Lê Ngà	50	12/27/14	
54	Nguyễn T.Minh Thư	50	01/02/15	Ái nữ ÔB Nguyễn Văn Hội
55	Nguyễn văn Lượng	50	01/02/15	Ái nam ÔB Nguyễn Văn Hội
56	Nguyễn Văn Đàm	50	01/02/15	Ái nam ÔB Nguyễn Văn Hội
57	Cháu Cindy Le	30	01/02/15	Ái nữ ÔB Lê Trực
58	Lê Thị Linh Phụng	70	01/02/15	Ái nữ ÔB Lê

				Trực
59	Julie Phan	100	01/02/15	Ái nữ Bà Ngô Thị Hòe
60	Văn Tiến Khanh-Hồng	50	01/04/15	
61	Hồ Đăng Anh&Lê Tịnh Thu	50	01/08/15	Thứ nữ Cố Lê Hũu Dãn
62	Lê Tịnh Tâm&Lê C.Uyên	100	01/16/15	Trưởng nữ Cố Lê Hữu Dãn
63	Nguyễn Tiết	50	01/17/15	
64	Nguyễn Khắc Nhàn	50	01/17/15	Ái nam Cố Nguyễn K Ngưỡng
65	Trần Thị Lộc	50	01/26/15	
	Tổng cọng	4,050.		



Tường trình Cây Mùa Xuân Ất Mùi 2015

Hội ái hữu Đồng Hương Sịa Hải Ngoại



Kính thưa bà con đông hương. Tôi (Ngô Huỳnh) và gia đình định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1992, thời gian đã trôi qua được 23 năm. Ban đầu cuộc sống khá vất vả, chúng tôi chỉ lo vật lộn với cuộc sống ở quê người để gia đình được ổn định về mọi mặt và sau đó dành dụm tài vật để giúp đỡ bà con ruột thịt đang gặp nghèo khổ ở quê nhà.

Bắt đầu vào năm 1996 đến bây giờ cứ vào dịp Tết đầu xuân tôi và gia đình thỉnh thoảng vài năm về quê vui Tết ở quê nhà với bà con.

Dịp tết At Mùi 2015 tôi là một thành viên ban xã hội của hội Ái Hữu Đồng Hương Sịa. Được sự giao phó của anh hội trưởng Lê Trực, anh Ngô Chân thư ký và anh Phan Tô thủ quỹ. Mang theo 4.500 đô, tương đương 100 triệu đồng Việt Nam, về ủy lạo cho bà con Sịa đang gặp hoàn cảnh nghèo khổ, neo đơn, và bệnh tật.

Kính thưa bà con, về thủ tục hành chánh mang theo $4.500 để thi hành nhiệm vụ thì quá dễ, nhưng trách nhiệm thì khá nặng nề. Quan trọng ở chỗ, đây là tiền do lòng hảo tâm của hàng trăm đồng hương đang hướng về bà con gặp khó khăn ở quê nhà đang cần sự giúp đỡ, sự cắt xén tài khoản, giảm tiêu pha trong gia đình để đóng góp, gởi về quê hương, có người đóng thêm đợt 2 và đợt 3! Ngoài ra có nhiều vị còn kêu gọi con cháu của mình cùng tham gia đóng góp, thật là một nghĩa cử cao đẹp đầy lòng nhân ái.

Cuối cùng, tiền bà con đóng góp được 4.050 đô, trích thêm từ quỹ của Hội 450 đô cho đủ 4.500 đô.

Với tư cách uỷ viên xã hội tôi phải phải thực hiện việc điều phối, công việc này tôi phải nhờ anh Phan Tô giúp đỡ rất nhiều về mặt tinh thần và giấy tờ, đúc kết danh sách, đồng thời tôi liên lạc với anh Ngô Thời Phong ở Sịa để nhờ anh lập danh sách những hộ cần giúp đỡ của từng thôn.

Hai anh em phải nắm vững về dân số từng thôn để lấy tỷ lệ % cần được giúp đỡ. Trước ngày tôi về quê, anh Hội trưởng đã thông báo trên diễn đàn đồng hương Sịa trong thời hạn 10 ngày để bà con góp ý bổ sung danh sách, kết quả tăng thêm 10 người.

Chúng tôi đã đến được 11 thôn gồm: Thôn Tráng Lực, thôn Thạch Bình, An Gia, Uất Mậu, Lương Cổ, Vân Căn, Khuông Phò Nam, Khuông Phò Đông, Thủ Lễ Nam, Thủ Lễ 2, Thủ Lễ 3 và Hội Người Mù huyện Quảng Điền.

Chúng tôi xin cám ơn anh Ngô Thời Phong cùng 11 tình nguyện viên ở các thôn đã giúp đỡ chúng tôi từ việc lấy danh sách cho đến lúc gặp bà con trao quà được thuận lợi .

Tổng cộng 230 người, mỗi người được 400 ngàn VND, ngoài ra có ủy lạo hội Người Mù huyện Quảng Điên 3 triệu VND.

Kính thưa bà con trong đợt ủy lạo cây mùa xuân tôi có vài nhận xét như sau:

Phần thiếu sót: Lãnh thổ Sịa chưa tính đến hai thôn phía bắc cạnh Phá Tam Giang là: Bảo La và Thuỷ Lập thuộc xã Quảng Lợi mà hiện tại ở Hải ngoại có nhiều thành viên tham gia hội rất đắt lực. Cũng như hai xóm Phước Lâm và Phước Lý về hướng Đông giáp Tráng Lực bên cạnh phá Tam Giang.

Khi chúng tôi đến các thôn để gặp bà con, chúng tôi được sự tiếp đón rất chu đáo của các thôn trưởng (tất nhiên phải thông qua chính quyên cấp thôn, như khi đến nhà họ mình phải xin phép), cũng như phải xử trí thật nhã nhặn và linh động, làm thế nào khi gặp mặt bà con, chụp ảnh tránh không đưa vào trong ảnh những hình tượng, màu cờ dị ứng đối với tôi cũng như quý bà con ở hải ngoại.

Chúng tôi rất cảm động khi gặp mặt các bà con đồng hương của chúng ta đến nhận quà với vẻ mặt hân hoan và nhiều cảm xúc, với ước mong hàng năm đều được nhận món quà thân tình của bà con Sịa hải ngoại .

Chúng tôi đã mạn phép thay mặt quý đồng hương Sịa hải ngoại nhận lời cám ơn chân thành của bà con và hứa sẽ chuyển những lời câu chúc sức khỏe và hạnh phúc đến quý đông hương trong năm mới !

Kính thưa bà con, chúng tôi vui mừng chuyển đến bà con sự thành công của Cây Mùa Xuân Tết Ất Mùi mà quý vị đã hết lòng hổ trợ, xin hẹn lại những Cây Mùa Xuân năm sau tưng bừng hơn ! Xin kính chào .

Ngô Huỳnh-Uỷ viên xã hội

Sau đây là một số hình ảnh về Cây mùa Xuân Ất Mùi và thư cám ơn của Hội người mù huyện Quảng Điền.






LƯƠNG CỐ








TỔ DÂN PHỐ TRÁNG LỰC
34






LƯƠNG CÔ
GOLD










Chúc bà con
Sức khỏe
An vui
Hạnh phúc

THƯ CÁM ƠN

Kính gửi: Hội Ái Hữu Đồng Hương Sịa Hải Ngoại

Ban chấp hành cùng toàn thể hội viên người mù huyện Quảng Điền xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc sự quan tâm đặc biệt đầy tình thương của quí vị ân nhân Hội Ái Hữu Đồng Hương Sịa Hải ngoại, với tinh thần Lá lành đùm lá rách " Một miếng khi đói bằng một gói khi no " đã chia sẻ với số phận những con người không may mắn như chúng, mất đi đôi mắt vốn quí nhất của con người. Để đáp lại tấm lòng vàng của quí vị, chúng tôi xin gửi nơi đây lòng biết ơn chân thành nhất.

Nhân dịp Tết cổ truyền dân tộc, Xuân Ất Mùi- Hội người mù huyện Quảng Điền đã nhận được số tiền là: 3.000.000đ, do bác Ngô Huỳnh trao tặng cho Hội, giúp người mù ăn tết có thêm một món quà mang đầy hương vị ngày xuân đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc.

Kính thưa quí vị ân nhân!

Do nhiều nguyên nhân gây nên sự bất hạnh cho mỗi người như: Bẩm sinh, chiến tranh, bệnh tật, chất độc da cam, tai nạn lao động ... Hiện nay trên địa bàn có hơn 244 người mù đây là những con người bất hạnh nhất trong cuộc sống đời thường, cần được xã hội quan tâm, giúp đỡ về mọi mặt.

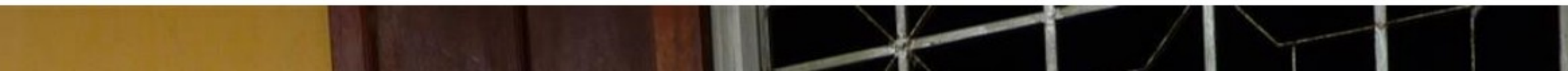
Tinh thần vật chất số tiền kèm theo phương danh từ quí vị đã và đang giúp đỡ là niềm động viên an ủi lớn lao chiếu rọi bao tâm hồn người mù đang bị khép kín tối tăm cả cuộc đời như chúng con.

Một lần nữa thay mặt Ban chấp hành Hội người mù huyện Quảng Điền – tỉnh TT Huế xin được tạc dạ ghi lòng lưu sổ vàng ghi nhớ công ơn./.

TM/BCH HỘI NGƯỜI MÙ QUẢNG ĐIỀN

BAN CHẤP HÀNH

Nguyễn Thanh



Vui cười

Một anh chàng thích chơi Violin và chiều nào cũng đem đàn ra kéo. Cạnh nhà chàng có một góa phụ. Mỗi lần nghe anh kéo Violon là bà ta xúc động, thổn thức. Anh càng kéo bà càng nức nở. Nhiều lần như vậy, anh chàng rất ngạc nhiên nên đánh bạo sang hỏi :



_ Xin bà vui lòng cho biết tại sao mỗi chiều tôi kéo Violon lại làm bà xúc động mạnh? Phải chăng tiếng đàn tôi quá réo rắc, rất có hồn làm con tim bà xao xuyến thổn thức ?

_ Vâng thưa ông, mỗi chiều nghe tiếng đàn của ông tôi không thể nào cầm nước mắt. Tiếng đàn của ông làm tôi nhớ nhà tôi thời sinh tiền.

_ Vậy thưa bà, ông nhà hồi xưa chắc là một nghệ sĩ tài hoa, một tay chơi đàn Violon cự phách tuyệt vời ?

_ Dạ không, thưa ông, nhà tôi làm nghề thợ mộc, chuyên nghề kéo cưa .

David Nguyễn Sưu Tầm



SỊA, QUÊ HƯƠNG TÔI

Hồi ký của Lê quốc Toản (Khương)

Chăng biết tôi nhận ra "tôi" tự bao giờ, có phải cái đêm trời se lạnh, cha tôi bảo Khương ơi con đã lớn rồi, mười tuổi rồi còn gì, lứa tuổi con như Giá, như Thẩm như Tằm ....đã đi học hai, ba năm rồi, nay đã học lên lớp ba lớp tư rồi, mà con thì còn rong chơi, cha đã xuống xin thầy bộ Tuyên cho con xuống học với thầy. Nghe đến tên con thầy vái lia lịa, thằng Khương nầy phá xóm phá làng, thầy không dám nhận đâu. Cho nên ngày mai cha sẽ đưa con ra gặp cha Kính ngoài nhà thờ, họa may cha nhận con vào học vở lòng (lớp 6 hồi đó), tôi cảm thấy xấu hổ và thưa với cha tôi, tôi ưng thuận . Có lẽ tôi đã nhận ra "tôi" ngay cái đêm hôm đó .

Sáng dậy, vẫn chiếc quần đùi cũ mèm , nhưng hôm nay là ngày hệ trọng của đời tôi nên tôi mặc thêm cái áo sơ mi mạ tôi may ở "tiệm" chú Chư nhân cái Tết vừa qua, thú thật hàng ngày tôi chỉ mặc chiếc xà lỏn, thích xuống dưới Giáp chăn trâu và đá banh, vô cùng nghịch ngợm. May mắn thay! Sáng đó gặp cha Kính, sau khi nghe cha tôi trình bày, cha Kính vui vẻ nhận liền, học lớp sáu chót bẹt, lớn rồi mà học lớp nầy cũng mắc cỡ thiệt, cùng thời điểm đó trò Phan thi Gái hàng xóm của tôi, nhỏ thua tôi đến hai tuổi đã học lớp tư, trên tôi hai lớp, nhưng không phải chỉ mình Gái thôi mà còn nhiều lắm, như anh Thẩm, anh Tằm, anh Hội, anh Khiết ..đều học trên tôi hai ba lớp. Một kỷ niệm nhỏ là sáng hôm đó tôi xin soeur Thiên cho tôi được học chung với cô Gái láng giềng của tôi, nhưng soeur từ chối, vì trình độ

của tôi chỉ mới vở lòng, thật đáng tiếc, chỉ vì lêu lõng mà học hành muộn màng!.

Trường tôi đang học có tên là trường Tiểu Học THẠCH BÌNH (TB), do linh mục HOÀNG KÍNH thành lập, phần dạy dỗ thì do các soeur đảm trách, trường chỉ có mục đích duy nhất là tạo cơ hội để con em có phương tiện học hành, đỡ thất học (như tôi), công lao của cha Kính và các chị Thiên, chị Đàng, chị Đồng, chị Lịch ...thật là trời bể đối với bọn trẻ chúng tôi thời đó. Cũng nhờ ngôi trường mến yêu đó chấp cánh cho tôi và các bạn thân yêu của tôi vẫy cánh tan-bồng với cuộc đời sau này. Xin đốt nén tâm nhang để tưởng nhớ đến cha Kính kính yêu, cùng các chị (soeur) Đàng , Đồng ...một thời dạy dỗ và lo lắng tương lai cho bọn nhóc tì chúng tôi .

Tháng ngày học ở trường T.B. tôi quên hết mãnh đời lêu lõng phá xóm phá làng trước đây, mà lại mê mệt văn chương thi ca tự bao giờ, thằng bạn thân nhất của tôi hồi đó là Hoàng hoa Ghi (Ngự), em ruột anh Ngọc, nó cũng cùng sở thích với tôi, chúng tôi bắt đầu tập tểnh viết văn làm thơ, hắn lấy bút hiệu là Hà mai Anh và dành cho tôi bút hiệu là Tân Dân. Thời gian nầy là thời gian êm đềm nhất của đời tôi, ở nhà cha mạ còn sống thương yêu hết mình, ra trường có cha Kính và các soeur dạy dỗ chí tình. Thời thơ ấu hạnh phúc làm sao khi cha mạ còn sống với mình. Sau nầy ra thi thố với đời, khi có nhiều danh vọng và tiền bạc, nhưng cha mạ khuất núi nghĩ ngậm ngùi không xiết !

Ngôi trường TB để lại trong tôi biết bao kỷ niệm thời ấu thơ, đó là những buổi "luận bàn" thơ văn với Hoàng hoa Ghi, những lần chị Đàng cho đi chơi dã ngoại ở phá Tam giang, nhớ nhất là những lần chia verbe être, avoir sai, cả lớp bị cha Kính

phạt oánh bằng roi mây. Các lớp học ngăn chia bằng các tấm vải màng, nên mỗi khi cha phạt các tấm vải màng được kéo lên, cả mấy lớp kia đều thấy, thành thử vừa bị roi mây quất đau ơi là đau, mà cũng vừa quê ơi là quê!

Kỷ niệm cuối cùng với ngôi trường đầu đời đó là khi chúng tôi khăn áo lên Huế để thi bằng tiểu học, hồi đó xe cộ không có, phải đi bộ từ Sịa lên An lổ, rồi từ đó mới có xe đi Huế, đường từ Sịa lên An lổ gian nan làm sao, vì mùa đó trời mưa đường đất trơn trợt, lại phần nữa sợ mìn của việt cộng đặt hai bên đường. Viết đến đây không khỏi bồi hồi nhớ đến công ơn của cha Kính và chị Đàng trong suốt hành trình đưa lớp nhỏ chúng tôi khởi sự bước vào đời, cha và các chị đã vào cõi vĩnh hằng nhưng với chúng tôi họ còn sống mãi, nhất là những khi chúng tôi đạt được những thành công dù nhỏ trong bước đường đời .

Năm tôi học lớp tư, khoảng năm 1953, không biết từ một thiện duyên nào tôi được chị Diêu cho gia nhập Gia đình Phật tử (GĐPT) do chị sáng lập, đây thực tình là dấu ấn trong cuộc đời tôi, tôi trở thành một thành viên trong một gia đình thân ái, ở đó tôi gặp được các bạn hiền như Hội ,Thẩm, Dưỡng, Độ, Hiệp, như Điểm, Nhơn, Bốn...cùng một chí hướng , học đức Bi-Trí-Dũng thể theo lời PHẬT dạy, cùng nhau sinh hoạt Phật sự, cùng nhau ca hát vui vầy tuổi thơ. Chúng tôi được chia ra mấy Sen để dễ học tập, ở đâu có Phật sự là ở đó có chúng tôi, đến để ca hát, đến để cầu kinh, đến để học thêm ánh sáng đạo Từ do chị Diêu chỉ dạy, chị rất hiền lành nhưng cũng rất trang nghiêm, một lời chị giáo huấn tuổi thơ chúng tôi răm rắp nghe theo, vì thời đó chiến tranh quốc cộng đắm chìm trong quê hương VN, nên Sịa thân yêu của chúng ta cùng chung số phận, do vậy có khi chúng tôi đang sinh hoạt, trong tiếng hát có lẩn tiếng súng

trận hai bên đang đánh nhau ở một nơi nào đó. Tôi nhớ một đêm chúng tôi cắm trại ở sân nhà quan Lãnh, khuya đó hai bên đánh nhau, Việt Cộng ngoài nầy bắn vào, trong đồn xối xả bắn ra, chúng tôi nằm trong trại hoang mang sợ hãi, có tiếng đạn rơi nghe sát đâu đây, sáng ra bụi hoa lài cạnh trại chúng tôi bị cày nát với nhiều vết đạn đêm qua.

Những bài hát sinh hoạt trong GĐPT hồi ấy luôn vang vọng mãi trong cuộc đời tôi, như khi vào quân đội trong các chuyến hành quân, hoặc đêm trực chiến trong chiến hào chờ quân giặc. Đó là những bài hát tiêu biểu như :

"Đoàn em là những mầm non rất tươi ....." hoặc

"Kìa đàn vịt ngồi dưới ao hồ ....." hoặc

"Tung lên trên trời xanh tiếng hát ....." hoặc

"Đây gia đình cùng nhau chung thân ái ...." *vân* vân và vân vân...

Đúng là một thời để nhớ và không bao giờ quên, cho dẫu cuộc đời có khi "lên voi" có khi "xuống chó."

Những lời dạy dỗ của chị DIÊU phỏng theo lời PHẬT dạy về Bi-Trí-Dũng, nhất là đức từ bi ảnh hưởng rất lớn trong cách đối nhân xử thế trong cuộc đời tôi, nhất là khi ở trong binh nghiệp, hoặc trong chốn tù đày .

Sịa quê hương sinh ra tôi thuở đó đẹp vô ngân, đẹp về ký ức tuổi thơ, êm đềm khi cha mạ còn sống, đẹp vì các con đường làng rợp bóng thân quen, đẹp vì những ngày hội làng còn giữ gìn trang trọng, đẹp vì tình làng nghĩa xóm sâu đậm biết chừng nào, thế nên dù tứ xứ xa phương khi nhắc đến SỊA là hẹn nhau gặp gỡ vui vầy chén bác chén tui, hàn huyên tâm sự không vơi.

Sịa ngó vậy mà mênh mông, mênh mông về địa lý, Ngũ xã Sịa , mênh mông cả tình người, trong khuôn khổ đoạn hồi ký ngắn ngủi nầy, tôi chỉ mạo muội đề cập Sịa như một miền quê yên tĩnh, điển hình nơi tôi lớn khôn đó là Tráng Lực.

Ở nơi đây hằng năm có những lễ hội mà tôi say mê một thời, như lễ hội cúng thần làng tổ chức dưới Giáp, ngày hội đó cả làng nô nức, nhất là bọn trẻ chúng tôi, buổi lễ chính thức vào lúc trưa, các cụ trong làng áo ngũ sắc tay thụng trịnh trọng dâng hương, quyện với mùi hương là tiếng kèn tiếng trống của ban lễ nhạc, tôi còn nhớ tiếng kèn áo não của ông Đề. Các cụ lúc nầy uy nghiêm lắm, trịnh trọng lắm. Cả một thời quá khứ oanh liệt như hiện ra, tôi còn nhớ mồn một đó là các chức sắc bô lão như quan Lãnh, thầy Lý Thụy, bác phó Mẽn, bác cửu Điệc...tuổi thơ của tôi bị cuốn hút.

Đi xa nhớ về Sịa làm sao quên được những hình ảnh nầy ? Còn nữa, làm sao quên được những cái Tết của thời ấu thơ, êm đềm, đợi chờ, hoan lạc nầy: Sáng mồng một tôi được mạ cho mặc áo mới, bồn chồn vì trăm ngàn tiếng pháo nổ rang khắp nẻo, trên đường đập tiếng xóc của các bàn nhất lục, bài vụ, bầu cua cá cọp cùng tiếng gọi mời inh ỏi, dưới sông thì đua thuyền, nhưng tôi thích nhất là tiếng hò của các rạp bài chòi mọc ra khắp đó đây, nhất là khi một ai đó "tới" thì tất cả tiếng kèn mừng cất lên. Ôi, một thời để thương để nhớ nay còn đâu!.

Tuổi thơ phá phách của tôi vẫn có những khoảnh khắc đáng quý như thế! Chưa kể, trước đó đêm giao thừa tôi trốn cha tôi để xuống dưới Điếm xem các nàng tiên xuống trần để đu tiên (người ta làm đu sẵn bằng tre dẻo, đu rất cao, tục truyền để đêm Giao thừa các nàng tiên xuống đu), tôi với thằng Chưởng con

ông Mạnh rình xem tiên xuống đu, chờ mãi đêm khuya tối trời, bất chấp cả hiểm nguy mà nào chẳng thấy gì?. Cũng là những kỷ niệm khó phai của thời ấu thơ, mà nay dù đã trên bảy mươi rồi nhớ lại tưởng chừng như chuyện mới xẩy ra ngày hôm qua !

Thời thơ ấu vàng son và nghịch ngợm của tôi bị khép lại vào năm 1956, khi tôi qua Huế thi concour để vào học trường công, tôi may mắn được đậu. Ngôi trường mới của tôi từ đây là trường Trung Học Nguyễn Tri Phương, lớn hơn bề thế hơn. nhưng sao mái trường tiểu học Thạch Bình nghèo đơn sơ của thời ấu thơ, tôi chẳng bao giờ quên được !

Viết tại thành phố PORTLAND, OREGON
Sáng thứ bảy 13/9/2014

KHƯƠNG (Lê Quốc Toản)



NỒI CHÁO GẠO ĐỎ

Kính dâng hương hồn cha mẹ tôi, kính tặng chị Ngô Thị Hạnh hiền thê thầy Hồ Đăng Khác ở Arlington,Texas

Ngô thị Hòe

Mẹ kể chuyện ngày xưa,
Đó là năm Ất Dậu (1945).
Chị vừa lên bốn, năm,
Em còn trong bụng mẹ.
Bốn năm nữa vào đời.
Năm Dậu nhiều người đói.
Nằm là liệt khắp nơi.
Họ từ Khuông Phò xuống.
Kẻ từ An Gia ra.
Có một điều rất lạ...
Họ như từ phía xa....
Tụ tập trước cửa nhà.
Vì nhà mình tâm điểm.
Lại có trần nhà cao,
Tránh được gió lùa vào,
Khi trong lòng quá đói,
Có người ngồi bụi chuối,
Có kẻ dựa đụn rơm.
Nhiều người lẩn vô sân.
Bọt mép sủi ứa ra.
Có chú Quòai đang ngáp.
Cha run run lắp bắp,
Mau lên mạ mi ơi,
Nấu mau nồi cháo gạo,
Cứu mau, cứu mọi người.
Gạo đó ghế lửa than,
Mau mềm, mau chín tới.
Mau lên Hạnh con ơi
Bưng cháo đến mọi người,
Theo chân mẹ chân cha
Chị vừa chạy vừa thổi,
Đút cháo cho từng người.
Hai tay vỗ lốp đốp,
Vui quá cha mạ ơi.
Họ thở, thở được rồi,
Chú Quòai chừ đứng dậy.
Nhìn ai cũng khỏe rồi.
Lòng cha như mở hội,
Nhìn mẹ lấm mồ hôi.
Trán dính đầy lọ nghẹ.
Bốn mắt như cùng cười,
Bốn tay cùng vái khẽ,
Nam mô A Di Đà.
Thời gian qua, dần qua,
Phước duyên trong cuộc đời.
Chị em mình đến Mỹ,
Chợ gạo như ngập hoa.
Em đi tìm kỷ niệm,
Gạo đỏ của mẹ cha.
Xa xa cha mẹ cười,
Mau lên các con ơi,

Cứu mau cứu mọi người,
Em mơ hình dáng mẹ,
Em mơ hình bóng cha.
Chợt tỉnh giấc mơ hoa,
Mẹ cha mình không còn.
Chị thì quá xa xuôi
Một mình em chơi vơi,
Bên gian hàng bán gạo.
Một chút mặn bờ môi,
Kỷ niệm xưa.....ngậm ngùi.

(Ảnh Hạnh & Hòe)



Ký ức về
Lời ru của mẹ năm xưa



Lời ru của mẹ không những phong phú về nội dung của ca dao, tục ngữ được truyền lại từ nhiều thế hệ mà còn ấm áp tình thương qua tiếng "à ơi…" ngân nga như dỗ dành, năn nỉ "con ơi con ngủ cho ngoan…" Mẹ còn biết bao công việc phải làm…

Câu hò thì ngắn nhưng tiếng ngân nga thì rất dài, trầm bỗng, êm đềm…Mẹ hò liên tục theo nhịp tay ru, hết câu nầy nối tiếp câu khác, hết bài rồi mà con vân chưa ngủ, mẹ phải hò lại mấy lần, mệt quá mẹ đã ngủ gục tựa đầu vào nôi con từ lúc nào…

Ai trong chúng ta không từng được dỗ dành bằng lời ru của mẹ, của chị, bà nội, bà ngoại… , trong thời còn nằm nôi !

Cái nôi tre bầu dục, bốn tao cột bằng dây dừa, cái móc sắt móc vào sợi dây nối xuống từ cái đòn tay bằng tre. Mỗi khi ru phát ra tiếng kêu "kót két" nhịp nhàng như tiếng nhạc đệm hòa cùng tiếng hò ru con đưa ta vào giấc ngủ…Tiếng hò giữa đêm khuya, vào buổi trưa hè của mẹ nghe như còn văng vẳng đâu đây …

Mẹ ơi con muốn nghe tiếng mẹ hò !!!

Những câu hò sau đây tôi còn nhớ được, phần nhiều là ca dao tục ngữ rất quen thuộc, xin ghi lại đây để biết mẹ xưa thường hò những câu gì..

À ơi à …Mẹ già như chuối bà hương…ơ ơ ơ
À ơi….Như xôi… mà…nếp một…ờ ờ
À ơi ơi …Như đường …ơ mà …mía lau ơ ơ…
À ơ à …Mía lau vừa ngọt… vừa mềm ờ…
Không dao ơ ơ... mà tiện, à ơ ơ… không tiền …ơ… mà mua…ơ
Ru em cho thét cho muồi
Đê mạ đi chợ mua vôi ăn trầu
Mua vôi chợ Quán chợ Cầu
Mua cau Nam Phổ, mua trầu Chợ Dinh
Chợ Dinh bán áo con trai
Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim
Mẹ ơi chớ đánh con đau
Để con bắt ốc hái rau cho mẹ nhờ
Mẹ ơi đừng gã con xa
Một mai cha yếu mẹ già
Chén cơm đôi đũa khay trà ai dâng
Mẹ thương con lên ngồi cầu Ái Tử
Vợ trông chồng đứng núi Vọng Phu
Biết răng chừ bóng xế trăng lu
Con ve kêu mùa hạ, biết mấy thu mới gặp chàng
Chim trời ai dễ đếm lông
Nuôi con ai nỡ tính công tháng ngày
Cây khô không dễ mọc chồi
Cha mẹ không thể ở đời với con
Trai thì cha dạy văn chương
Gái thì mẹ dạy trăm đường nết na
Ngậm đắng nuốt cay, thương thay lòng mẹ
Bên ướt mẹ nằm bên ráo con lăn
Khi con ăn con ngủ thì mẹ đỡ băn khoăn
Khi con trở trời, hơi gió thì mẹ chẳng an tâm chút nào
Ăn chi ngon bằng cơm với cá
Ai thương mình bằng tình mạ thương con
Bao giờ cá gáy hóa rồng
Đền ơn cha mẹ ẩm bồng ngày xưa
Cầu Trường Tiền sáu vài mười hai nhịp

Em qua không kịp tội lắm ai ơi
Sợ mai đây mỗi đứa một nơi
Có xa nhau đi nữa, cũng tại ông trời mà xa

Ai về cầu ngói Thanh Toàn
Cho em về với một đoàn cho vui
Tay nâng dĩa muối châm gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau
Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chìu
Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ người quân tử khăn điều vắt vai
Sáng trăng quân tử dạo chơi
Dạo lên dạo xuống, có nơi mất đồ
Mẹ già là mẹ già chung
Anh lo cơm áo, em giùm thuốc thang
Chàng đi ba năm mãn hạn chàng về
Thiếp ở nhà lo nuôi thầy dưỡng mẹ
Chớ (có) mặt ủ mày ê dọi chàng
Qua cầu than thở với cầu
Cầu bao nhiêu nhịp, dạ em sầu bấy nhiêu
Thôi thôi bậu về với chồng con bậu
Choa lui về với vợ con choa
Kẻo một mai thiên hạ (họ) đồn xa
Trai mê dâm bỏ vợ, gái đắm nguyệt say hoa bỏ chồng
Lâu ngày vãng đáo sơn lâm
Giả tiều phu đốn củi, viếng bạn tri âm kẻo buồn
Ngồi buồn trách cá trách câu
Trách duyên trách phận, dám đâu trách trời
Có mô mà lao khổ nhiều bề
Sáng đi mưa dội, chiều về sương sa
Ôi thôi rồi duyên nợ về ai
Để em ôm lòng chua xót quạt hoài lá gan
Có thương thì thương cho chắc
Muốn trục trặc thì trục trặc cho luôn

Đừng như con thỏ đứng đầu truông
Khi vui giỡn bóng, khi buồn giỡn trăng

Tiếng đồn anh hay chữ
Cho em hỏi thử một vài câu
(Chơ) Nam kỳ lục tỉnh bắt mấy cái cầu đại giang ?
Sen xa hô sen khô hô cạn
Lựu xa đào lựu ngã đào nghiêng
Vàng cầm trên tay, rớt xuống không phiền
Xa rời bạn cũ, dạ ưu phiền ngàn năm
Thư dưới gởi lên thư trên gởi xuống
Em đang ngồi ăn uống, bỏ đũa xuống xem thư
Nước mắt sa ướt hết nửa tờ
Mực đen giấy trắng, ai ngờ xa nhau
Mẹ với cha giao hòa vội ép
Không cho con chọn cho đẹp duyên con
Đêm nằm giấc điệp mơ màng
Nhện sa trước mặt, không biết luận bàn phương chi
Có mưu chi chế biến cho em nhờ
Kẽo đò đầy sống vỗ, bến bờ còn xa
Ra đi mẹ nõ cho đi
Hẹn sai lời hẹn, xin bạn thì chớ trông
Trông ai mà nõ thấy ai
Tranh mòn, rui mọt, mèn phai ơi hỡi mèn
Thôi thôi buông áo em ra
Để em đi chợ kẽo mà chợ trưa
Lập bồn ra không lẽ để bồn không
Không lan thì huệ phải trồng một cây
Lập bôn ra phải kiêm cây trăc bá diệp mà trông
Trồng chi lan với huệ thà bỏ bồn không cho rồi
Nguyện cùng lặn xuống vực sâu
Bẻ que đo miệng cá, uốn lưỡi câu cho vừa
Ai về nhắn với ông câu
Cá ăn thì giựt, chớ để lâu mà hết mồi
Tưởng giếng sâu anh nối sợi dây dài

Ai ngờ giếng cạn, anh tiếc hoài sợi dây

Tiếc tiền mua đốt mía sâu
Mua đôi bông giả, cưới dâu hỗn hào
Vai mang khăn gói sang sông
Mẹ kêu mặc mẹ theo chồng cứ theo
Khoan khoan mà đợi em cùng
Em còn hai chữ hiếu trung chưa đền
Ngồi buồn lo bảy lo ba
Lo cau lổ muộn, lo già hết duyên
Thương em anh cũng muốn vô
Sợ truông Nhà Hồ, sợ phá Tam Giang
Ra về bỏ áo lại đây
Để đêm khuya em đắp kẽo ngọn gió tây lạnh lùng
Lạnh lùng thì lấy mùng đắp đỡ
Để anh về kẽo vợ anh trông
Ra về răng dứt mà về
Bỏ non bỏ nước, bỏ mấy lời thề cho ai

Ngô Chân Sưu tầm



CHỈ CÓ 2 ĐIỀU THÔI



+ Có 2 thứ bạn nên tiết kiệm, đó là sức khỏe và lời hứa.
+ Có 2 thứ bạn phải cho đi, đó là tri thức và lòng tốt.
+ Có 2 thứ bạn phải thay đổi, đó là bản thân và nhận thức.
+ Có 2 thứ bạn phải giữ gìn, đó là niềm tin và nhân cách.
+ Có 2 thứ bạn phải trân trọng, đó là gia đình và hiện tại.
+ Có 2 thứ bạn phải tự mình thực hiện, đó là lao động và chịu trách nhiệm với việc mình làm.
+ Có 2 thứ bạn phải lãng quên, đó là đau thương và hận thù.
+ Có 2 thứ bạn phải khắc ghi, là công ơn Mẹ Cha và sự giúp đỡ của người khác.
+ Có 2 thứ bạn buộc phải có để là người thành công, đó là đam mê và lòng kiên trì.
+ Có 2 thứ bạn không được làm, đó là hãm hại người khác và phản bội lòng tin.
+ Có 2 thứ bạn phải bảo vệ, đó là danh tín và lẽ phải.
+ Có 2 thứ bạn phải chấp nhận, là cái chết và sự khác biệt.
+ Có 2 thứ bạn phải kiểm soát, đó là bản năng và cảm xúc.
+ Có 2 thứ bạn phải tránh xa, đó là cám dỗ và sự ích kỷ.
+ Có 2 thứ bạn luôn phải xử dụng mà đừng hà tiện, là tiền bạc và kinh nghiệm.
+ Có 2 thứ bạn không được sợ sệt, là cái ác và sống thật.
+ Có 2 thứ bạn phải nuôi dưỡng, là tình yêu và sự bao dung.
+ Có 2 thứ mà bạn cần phải đạt được trong cuộc sống, đó là thành đạt và hạnh phúc.
+ Có 2 thứ bạn phải luôn sẵn sàng, đó là khó khăn và ngày mai.
+ Có 2 thứ bạn phải luôn ghi nhớ, đó là thực hiện những điều trên và làm thật tốt chúng trong cuộc sống hàng ngày.

Sưu tầm

TÔI ĐI LÍNH VNCH
và SỊA QUÊ TÔI QUA DÒNG TRÍ NHỚ
Tùy bút Tự truyện của LÊ VĂN THẨM

Kính dâng hương hồn các bạn bè đã nằm xuống vì lý tưởng tự do cho quê hương
Kính tặng các bạn bè một thời khoát chinh y đi vào khó lửa đao binh
Kính tri ân các người đã còng lưng gánh chịu nỗi đau thương trên quê Sịa qua bao cuộc bể dâu



LỜI THƯA

Người Pháp có câu“Le Moi est haiissable” có nghĩa cái Tôi (Ta) là đáng ghét. Mà đúng như thế cái TA là xấu nhất, nói về TA lại là quá xâu, mà ai dại chi nói cái sai cái xâu về mình phải dâu đi chứ, xấu là chỗ đó, nói quá thì hợm mình, khoe khoang v.v .. Thế mà hôm nay với bà con tôi cả gan nói cái TÔI vì tôi muốn nói về thằng con trai xứ SỊA đi lính VNCH và những ký ức về SỊA quê hương mình qua dòng trí nhớ, Sịa nơi Mụ làng lấy cái dao díp ki vôi cắt cái nhau cuốn rốn của tôi rồi chôn trong lòng đất, cho nên cuộc đời tôi gắn chặt với quê Sịa, quên sao được vì đó là thế giới tuổi thơ là hình bóng đậm đà lắng sâu trong từng tế bào của tôi dù ở một phương trời nào đó thật xa, dù quê hương và cuộc đời của tôi đã đổi thay theo vận nước nhưng mỗi lần nhớ về quê hượng, đất nước thì SỊA vẫn tràn ấp kỷ niệm. Cho nên phải viết, viết cho bà con mình đọc, chứ đâu phải văn sĩ mà sợ chê bai, có vo tròn cho bóng bẩy, thêm màu mè cho thi vị một chút thì bà con cũng biết, cũng dễ dàng tha thứ, nhưng chuyện vẫn là sự thật mà bà con Sịa mình lại sẵn lòng thương yêu, vị tha, ngụy tạo một nhân vật khác nhưng rồi

cũng xì ra mình, thôi xin thú tội với bà con, vì như vậy dễ viết hơn, mà cũng dễ đọc hơn… Xin bắt đầu vào chuyện
Đầu tháng 12 năm 1963, Nam nhận được lệnh nhập ngũ đến trình diện tại quân trấn Sài Gòn sau đó được đưa về trung tâm huấn luyện Quang Trung,Trại nhập ngũ số 3 sau hai ngày lập thủ tục và được chuyển về trường Sĩ quan trừ bị Thủ đức, Vào đến công trường,tập họp trước Vũ đình trường,một ông Sĩ quan cán bộ dõng dạt tuyên bố “Kể từ giờ phút nầy các bằng cấp, ngạch trật, chức vụ nào đi nữa thì xin để ngoài cổng trường , và bây giờ tất cả là LÍNH”một SVSQ khóa 16 (Đàn anh) hô “ chạy theo tôi…”và chỉ có chạy bở hơi….Nam được vào Tiểu đoàn 2,Đ/Đ 15, Trung đội 59 khóa 17/SQ/TĐ, Đ/Đ của Nam là đại đội cuối cùng chủ lực quân của khóa 17 trung đội Nam có 38 SVSQ đủ mọi ngành nghề, mọi thành phần, lớp tuổi thì sàng sàng với nhau ..từ đời sống dân sự thế mà thắm thoát Nam được khoảng mấy lít mồ hôi cho thao trường , khóa 17 vượt qua giai đoạn một trong vòng 5 tháng. Chiều hôm đó sau bài học vũ khí Đại liên 30, nghe anh em trong trung đội xôn xao, ngày mai đi binh chủng. Đúng 7 giớ sáng Đ/Đ tập họp trước sân của Đ/Đ có Trung úy Đ/Đ trưởng và các Sĩ quan trung đội trưởng cán bộ, SVSQ trực Đ/Đ dõng dạt “Các SVSQ vũ khí trung đội trở về khóa súng và các SVSQ có tên sau đây mang quân trang ra trình diện tại Vũ đình trường” khỏang 4,5 người lặng lẽ ra khỏi hàng quân, có tiếng xầm xì “ Rớt, trung sĩ rồi” tiếp theo SVSQ trực đọc danh sách đi binh chủng Quân cụ, Quân nhu, Hành chánh tài chánh, Hành chánh Quân y, Truyền tin, Thiết giáp, Quân vận, Pháo binh, mấy thằng bạn cùng khe khẻ hát ”Muôn đời lục quân Viêt nam…” và cuối cùng binh chủng Công binh, Nam đang ngơ ngác, thằng bạn đứng phía sau đây vai Nam”có tên mầy kìa chết mầy rồi đi gỡ mìn, đặt chất nỗ, sớm đi đời nghe em…”Về trung đội mang balô vác túi quân trang, nhìn bạn bè một chút bùi ngùi tạm biệt, đứa bắt tay, đứa vỗ vai hẹn hò gặp lại…..Ra đến Vũ đình trường thấy hai chiếc GMC mang huy hiệu Công binh chờ sẳn, điểm danh, lên xe, xe chạy từ từ ra cổng trường về hướng chợ Thủ Đức và theo quốc lộ đến cầu

Bình Lợi thì rẽ phải qua Lái Thiêu, chợ Búng, hai bên đường là vườn cây ăn trái nặng chĩu Sầu riêng, Mít, Chôm chôm v.v..Rồi đến thị xã Phú Cường. Đây Bình Dương rồi, đập vào mắt Nam là những chiếc xe ngựa cọc cạch trên đường phố, xe tiếp tục chạy dọc theo bờ sông rồi vào cổng trường Công binh, lệnh xuống xe, tập họp, một ông Trung úy đứng nghiệm nghị không một nụ cười, chúng tôi hơi ngán, sau nầy mới biết đó là Trung úy Nguyễn tấn Điệp khóa sinh đoàn trưởng, hồi đó các khóa sinh trường Công binh có câu Nhất Điệp, nhì Ry, tam Chi, tứ Quốc, ám chỉ 4 Sĩ quan nầy rất khó, gọi đùa là"hắc ám" 38 mạng lên lầu hai, phòng rộng rãi mỗi người một giường đơn, khóa 17 ở hai phòng, bên ngoài hành lang gió mát từ sông Bình dương thổi lên, được nghỉ nguyên buổi chiều hôm đó, sắp xếp và một vài sinh hoạt thường ngày. Sáng hôm sau bắt đầu vào học, bài đầu tiên là Chước Dụng Lực, bài học dễ dàng đối với Nam vì đây là môn Gút cột dây mà Nam thuộc lòng và rành rẽ, dầu sao cũng Tráng sinh Tráng đoàn Trường sơn Hướng đạo Thừa thiên Huê và là H/T GĐPT thường dạy các môn nầy cho các đoàn sinh. Những ngày tiếp, thôi thì thở không ra hơi. Đẩy phà nhẹ chiến thuật, vác phao M4T6 , khiêng sàn cầu, lắp cầu gỗ v.v… mồ hôi không kịp khô trước khi rời bãi tập, hai bộ đồ số 4 đã tươm rách, hèn gì ai cũng chê công binh là lính Cu ly, lại những bài học lý thuyết tại phòng, toán, đủ các loại toán, phương trình, quỹ tích, đối trọng, độ bền, sức nén, khảo cứu đất, bài tập chiết toán, họa đồ khối, họa đồ chi tiết, chiều dài cuộn kẽm gai, concertina, cọc sắt, cân lượng chất nổ, mìn bẫy, bài tập liên miên, tài liệu học xếp cao quá giường ngủ. Thi cuối môn, cuối khóa, đêm về SVSQ 17 như một ban nhạc hòa tấu gãi và gãi vì ngày nào nhà bàn cũng có món thịt ngựa thi nhau mà đàn lên da thịt, cái buồn và chán nhất cho K 17/ TĐ là cuối tuần cứ bị cắm trại 100%, vì Sài Gòn mấy ông tướng cứ đảo chánh, rồi chỉnh lý, làm mấy chàng" lính con cá (biểu tượng chữ Alpha) bị cúp phép cuối tuần...

Rồi cũng qua 5 tháng tại trường Công binh. Đêm mãn khóa cũng Túy Phượng, Phương Dung, Mỹ Thể và nhiều nữa cũng ca

hát rộn lên “vui một đêm nay, ngày mai lên đường “ tạm biệt ngôi trường Công binh. Về lại trường Mẹ, nghỉ ngơi tập dượt cho lễ mãn khóa Sáng ngày 23 tháng 10 năm 1964 lúc 11 giờ, 1 ngàn (1000) SVSQ khóa 17 quỳ xuống trước Vũ đình trường để được gắn trên cầu vai loon chuẩn úy hồi đó Chuẩn úy là một hột nút đồng trên đó nỗi lên AL PHA nên gọi tếu là Thượng sĩ gân… Ngày chọn đơn vị, Nam cũng không ngờ chè chè xôi xôi mà xếp được thứ 6 trên tổng số 38, nên cũng khá ưu tiên chọn ngay Khu tu bổ Đà nẵng. Một tuần phép qua nhanh, Nam và hai người cùng khóa Về trình diện đơn vị, được bổ nhiệm phụ tá trưởng phòng tạo tác, làm SQ trưởng công trường các công trình nhỏ, chưa đầy một tuần được chỉ định lên tàu ra Hoàng Sa xây nhà tù giam Việt cộng với hai nhà tiền chế Mahê và Eiffel, trong 15 ngày là xong, sớm hơn dự trù 10 ngày, về đến đơn vị gặp ông Đại úy Mai, hồi còn đi học nhà nghèo Nam làm nghề “vú đực”, ở trong nhà dạy học mấy đứa nhỏ con ông. Ông vui vẻ bảo Nam vào Quảng Ngãi làm việc với ông. Nhà binh mà, hai ngày sau ba lô vào Quảng Ngãi với chức SQ phụ tá chi khu trưởng chi khu tu bổ Quảng ngãi kiêm SQ quản lý quỹ quan quản một triệu đồng (1000.000$), đây là một giai đoạn thử thách và chững chạt bước vào nghề, bở ngỡ trước văn thư giấy tờ, vì Nam chỉ qua một lớp căn bản Công binh mà thôi, với lòng tự trọng và vị trí của mình quyết học hỏi tìm tòi, cứ đêm về mở cửa vào văn phòng đọc hết các giấy tờ đi và đến, bưu điệp, trình văn, văn thư, công điện giới chức nơi gởi, nơi nhận, nơi thông báo, bản chiết tính, cách mở thầu, biên bản thâu nhận công trường thanh toán v..v, sau khoảng 10 đêm Nam nắm được mọi vấn đề và bắt tạy vào làm việc Đại úy Lê phước Mai quá hài lòng và giao hết mọi việc cho Nam,ông lại kiêm chỉ huy trưởng Tiền doanh Tiếp vận Quảng Ngãi vô tình Nam phụ tá ông công tác nầy ,cũng thời điểm nầy Sư đoàn 2 BB di chuyển từ Đà Nẵng vào Quảng Ngãi, nên công việc dồn dập, phải lo doanh trại cho một đại đơn vị trong tình trạng khẩn cấp. Song bản tính biết lo lắng và tháo vác Nam cũng hoàn thành mọi công tác. Vào năm 1966 Nam được gọi về thụ huấn khóa Cao đẳng kỹ

thuật công thư tạo tác và chiến lũy, trên đường về Đà Nẵng nhận sứ vụ lệnh ghé ra Huế thăm nhà trước khi trình diện Cục công binh, xe qua cầu An cựu thì bị chận lại bởi "Bàn thờ xuống đường" không cách nào qua được Nam quay xe thì gặp ngay một chiếc GMC trên kiếng xe dán chữ thập tự màu đỏ, biết là xe chở quan tài, xuống xe nghe tiếng gọi từ trên xe "Nam thằng San chết rồi "đó là tiếng gọi của ba San…. Nguyễn đôn San bạn học của Nam cùng trường Quốc Học Huế, cũng khóa 17 SQTB/TĐ San ở binh chủng pháo binh, quê Thế Lại Thượng,thành phố Huế, mới cách mấy ngày, buổi chiều trên đường phố Lê trung Đình thành phố Quảng Ngãi, cũng một tiếng gọi Nam từ trên đoàn xe GMC chở quân từ trận chiến BA DA về, San nhảy xuống bắt tay nhau, Nam kéo San vào tiệm kem quen, nằm trên đường Quang trung, vừa bước vào tiệm cô Hằng chủ quán thấy Nam và người bạn áo trận còn lem luốt bám màu khói súng, cô cho thưởng thức ngay nhạc phẩm TRĂNG TÀN TRÊN HÈ PHỐ của Phạm thế Mỹ và cũng chính lúc đó trăng thượng tuân đã về với thành phô lẻ thoảng mùi chiên tranh, hai đứa tâm đắc với nhạc từ trong nhạc phẩm đó, rồi chuyện trò chuyện cũ chuyện mới, chuyện thuở thiết thời, chuyện trường chuyện lớp rồi chuyện lính tráng chuyện chiến trường…trời về khuya hai đứa ra khỏi quán, Nam đưa San về đơn vị, hẹn dịp khác, San nói với Nam dọng buồn buồn hình như có chứa một chút gì Chia Ly với tình bạn, với cuộc đời "Ngày mai lại đi tiền sát tiếp cho Trung đoàn 51/BB Biệt lập dễ chết quá, mấy tháng nay không có phép về thăm vợ và con gái ", San lấy trong bóp ra hình của hai mẹ con đưa Nam xem,Nam nhìn ảnh im lặng cũng xót xa cho bạn thấy trong lòng một điều gì không đủ ngôn ngữ đê diên tả …"Nam lên GMC quan tài của San được phủ lên lá cờ tổ quốc, niềm xúc động dâng lên nghẹn ngào, Nam lặng người không nói gì được một câu, Kim Anh(vợ San) ôm con gục đầu bên chiếc quan tài, trong niềm đau đớn Nam nhảy xuống xe, đi nhanh về phía những bàn thờ chắn ngang đường, Nam hỏi to "Ai người chỉ huy ở đây, có cho chiếc xe tang của người lính vừa tử trận đi qua không ?"tất cả đều im

lặng và tránh xa, không khí trở nên ngột ngạt, bỗng một vị Thầy xuất hiện, ông thấy Nam ngỡ ngàng và khựng lại (thì ra đây là điệu Hòa những ngày Nam chưa vào quân ngũ thường hay lên chùa trò chuyện với Thầy trú trì, thường gặp điệu Hòa, nay điệu Hòa đã là Thầy rồi) ông ta lễ phép thưa với Nam "Em không biết giải quyết ra răng vì tất cả các đường đều như ri cả"… Nam chùng xuông lăc đâu và bảo tài xê cho xe tang lui, Nam đên bờ sông An Cựu thuê một chiếc đò và thưa với ba San "Thôi bác ơi, con thuê chiếc đò nầy đưa San về Thế Lại Thượng, đò đi lên phía Ga ra sông Hương về cầu Gia Hội dọc theo sông về ngay bến đình làngThế Lại đưa San lên "bác nói "cám ơn con, thôi rứa được rồi, đằng nào thằng San cũng chết rồi…"Nam phụ với các binh sĩ hầu quan cùng một vài người dân đưa quan tài San xuống đò, Nam ngậm ngùi chào San ngay trên bến đò An cựu, cho đến khi con đò khuất dạng… Nam uể oải bước lên bờ. Trời xế chiều, Nam nhường tay lái cho H/S Đắc chạy về Đà Nẵng, suốt đoạn đường dài người Nam chìm trong một nỗi buồn khôn tả, ngoài tiên tuyên thì biêt bao nhiêu chiên sĩ hy sinh đê bảo vệ an vui cho toàn dân, ở thành phố thì không khí xáo trộn nay xuống đường, mai tranh đấu chống đối, sao người ta không thấy và hiểu được chỉ một cuộc chiến TỰ VỆ chống lại xâm lăng của chủ nghĩa Cộng sản đã biết bao nhiêu thanh niên phải tức tưởi nằm xuống khi tuổi đời còn phơi phới, tương lai và sức sống đang vươn lên, cả một thế hệ thanh niên Việt Nam phải trả một món nợ quá đau thương, lịch sử tổ quốc mai sau còn ai hay biết không, sự hy sinh quá lớn lao vì có sự hy sinh nào cao đẹp bằng đem tính mạng mình đổi lấy từng tất đất cho quê hương ….Vừa rời khỏi ghế nhà trường cởi đi chiếc áo học trò, sinh viên họ chưa quên mùi gô của bàn ghê nhà trường, chưa quên cái màu hồng nhạt của 4 bức tường trong giảng đường đại học, chưa quên được không khí hồn nhiên vui tươi của những chiều cuối tuần "bát"phố, mà khói lửa ai gây nên để đốt cháy đi cả một thế hệ ….San ơi trong giây phút nầy mắt Nam cũng nhạt nhòa thương nhớ bạn và thấy có cái gì hiu hắt giữa quê người …Nguyện cầu linh hồn San đang ở một thế giới nào đó thật

bình yên, an lạc nơi đó không có tiếng súng hận thù, nơi đó có đời sống an hòa, thương yêu, nhân hậu đùm bọc nhau ..
Sau thời gian thụ huấn, Nam lại chọn về Khu quân sản tạo tác Huế, tuy ở quê nhà nhưng đời sống quân ngũ buồn chán với chúc vụ Trưởng phòng hành chánh tiếp vận như một người công chức dân sự sáng đi chiều về trưa nghỉ ngơi không có gì một chút nhà binh ngoài áo quân lính đi xe lính, Nam làm đơn xin theo học Khóa Quân chính để chuyển ngành. Trong thời gian nầy Nam cũng giúp được một ít bà con xứ Sịa, chuyện nhận nhân viên vào làm việc thuộc thẩm quyền của Nam, nhận anh Phan Khiêm ở Thạch Bình vào lái xe, anh Phan Hạnh Tráng Lực vào làm thư ký, đặc biệt chú Lê Hiểu làng Thạch Bình thân phụ của bạn Lê dĩ Hảo khóa 12/SQTĐ bị tử trận tai giới tuyến Đông Hà. Sáng hôm đó đến đơn vị người gác cổng báo “có bác nào muốn gặp trung úy “nhìn qua đường thấy chú Hiểu, tay vo tròn cuốn giấy, Nam mời chú vào phòng , sau lời thăm hỏi, chú muốn xin vào làm việc có hồ sơ con tử trận, Nam gọi phần hành và nhận ưu tiên cho chú vào làm việc sau một tuân, Nam lệnh cho thường vụ sắp xếp một phòng thoáng mát làm phòng hớt tóc và phổ biến quân nhân công chức cắt tóc chỉ trả 5$, dặn chú” cư thâu đủ, tiền nầy của chú để mài dao, kéo, tông đơ, xà phòng v.v.. tiền lương chú cứ nhận,ai có nói gì chú cứ nói hỏi con “Thật tình con dân Sịa chất phác, thật thà cứ ngại ngùng, sau thời gian thấy chú đi về vất vả và Sịa cũng thiếu an ninh, Nam cho chú vật liệu tôn gỗ cũ trong kho cơ hữu để chú làm một cái nhà cạnh đơn vị. Năm 1965 đơn vị công binh tạo tác vùng 1 được tuyển chọn nhân viên dân chính qua khóa thi tuyển, Nam được chỉ định làm thư Ký hội đồng thi, Nam cho đánh máy danh sách trúng tuyên và nguyên vọng chọn nơi phục vụ Nam ưu tiên để tên hai cô Đặng thị Liên và phan thil Mai Phương nơi phục vụ là Khu tạo tác Huế . Sau một thời gian Liên và Phương đều nghỉ việc và đi dạy học. Nam chọn ưu tiên cho các người có chứng chỉ ngành nghề, có điều ân hận là cô em họ con chú Di có dự thi, khi đi ngang qua phòng thi nghe tiếng gọi “anh Nam nhớ em không?”Nam trả lời “nhớ, em là

LÙN con chú..” Nam đinh ninh em tên Lùn tìm hoài trong danh sách không có, ngỡ là em bỏ thi, thì ra em đổi tên là Lê thị Lành, sau nầy không bao giờ gặp em đâu cả..để nói với em một lời xin lỗi …Lại một chuyện Sịa, một buổi sáng người lính trong ban thường vụ vào gặp “ Trình đại úy có một gia đình nào vào trong đất của đơn vị mình làm nhà .“Nam ngạc nhiên, hăm hở cùng người lính đi đến nơi thì nghe tiếng chào “Thưa anh “Nam nhìn thấy quen quen nhưng không nhớ được, người phụ nữ nói tiếp“Em là Nghệ đây, ở Sịa, em vợ của anh Cự làng Khuông Phò hai đứa em là Phật tử Quảng Phước anh Cự em Thiếu úy ở bên ĐĐ Chiến tranh chính trị…” Nam cười cười nháy mắt cho Nghệ thấy rồi cùng người lính vừa đi vừa nói chuyện khác, sau đó Nam xuống ban thường vụ gọi riêng Thượng sĩ Thái (trưởng ban thường vụ) ra ngoài “Anh Thái ơi, người làm nhà đó, không những cùng quê mà là bà con với tôi nữa, đám đất đó mình cũng chẳng làm chi, thôi lơ lơ anh nghe”thượng sĩ Thái “dạ”, Thái người chất phát đễ chịu …Năm 1985 Nam ra tù đi ngang qua đó ngôi nhà khang trang rộng rãi,buôn bán khá phồn thịnh vì ngay đường vào hai ngôi trường lớn Nông lâm súc và Kỹ thuật. Hiện nay Cự và Nghệ đã đến Hoa kỳ theo diện HO và đều xuất gia, Cự với pháp hiệu Thích Quảng Từ. Nghệ là Thích nữ Thiện Ý, nói đến Cự, Nam nhớ có 3 trò nhỏ học vỡ lòng với Cậu (cha) Nam tên CU, cậu đổi lại Nguyễn CỦ làng Thạch Bình, Phan CƯ cháu nội ông Khách Liềm ở dưới dốc cầu Sịa và Hoàng CỰ nầy Khuông Phò ở chợ Côi,cũng như có hai em tên Khu và Đít, Cậu đổi Khư và Đích, cũng như” C” con chú Quán thợ rèn nhà gần quận Quảng Điền Cậu đổi là Dương Cật…Nam đang chờ đợi lệnh gọi đi học khóa quân chính, thì giữa năm 1970 thành lập các Chi khu khai thác tiện nghi (Sub Area Facility Manternance) để quản lý doanh trại và tiện nghi các căn cứ quân đội Hoa kỳ bàn giao lại cho QLVNCH đồn trú xa thành phố. Sĩ quan trong đơn vị ai cũng né tránh, chán cảnh “sang vác ô đi tối vác về “Nam tình nguyện nhận nhiệm vụ mới Trưởng chi khu khai thác tiện nghi các căn cứ quân đội Hoa kỳ phiá Bắc Thừa Thiên và Quảng Trị, ngoài

ra còn đảm nhiệm thêm trưởng công trường các trại gia binh hay tân công tác hoặc đại tu bổ của các đơn vị trú đóng trong vùng trách nhiệm … Nam lên đường thành lập đơn vị mới quân số 78 người từ các đơn vị Công binh chiến đấu, kiến tạo, Công binh sư đoàn ở các nơi khác thuyên chuyên về, đầu tiên là căn cứ Hiệp Khánh (Camp Salley) cách quốc lộ 1 khoảng 4 cây số trong địa phận quận HươngTrà. Trong căn cứ toàn là nhà Sea hut đã quá cũ, công việc lại chẳng có gì, nhà cửa sơ sài ván vách đều bị lấy cắp chỉ một trận mưa lớn hay một cơn gió mạnh là sụp đổ, Nam trinh xin thượng cấp vĩnh viễn hóa nhưng không có ngân khoản, một máy phát điện nhỏ, hệ thống nước và nhà máy nước từ nguồn sông Bồ đã hư hỏng và hoang phế không còn xử dụng từ lâu, đường sá thì lồi lõm bụi bặm khi trời nắng, lầy lội khi trời mưa ngay con đường chính vào căn cứ đã xuống cấp, dung phương tiện hạn hẹp để sủa chửa lại. Sau hai tháng Nam tiếp nhận thêm căn cứ Hòa Mỹ (Camp Evan/s) thuộc Phò trạch địa phận quận Phong Điền một căn cứ rộng, nhà máy điện lớn, hệ thống nước dẫn từ sông Hô Lâu về, một phi trường loại A các phi cơ C130, C123 lên xuống dễ dàng phi đạo bằng PSP nhôm, nhà cửa chằng chịt, các đơn vị đến trước đã tự động tháo gỡ, đơn vị Nam phải chia 3 quân số một phần ở Hiệp Khánh, hai phần ở Hòa Mỹ. Nam bắt tay vào việc đề nghị các đơn vị lấy vật liệu cơ hữu để vĩnh viễn hóa một dãy nhà làm cơ sở chỉ huy, cho xe ban làm lại đường sau một thời gian hoan phế lở sụt, lại có một toán ở ngay cầu Phò trạch để điều hành máy nước cho căn cứ. Một chuyện xảy ra, nước từ Sông Hô Lâu không lên được căn cứ hoặc lên rất yếu, sau tìm ra nguyên nhân có một ống dẫn xuyên qua quốc lộ 1 vào một khu giáo đường rộng rãi với hai hồ lớn nuôi cá Phi và cung cập các cơ sở trong xóm đạo, cũng phải hết sức tế nhị điều đình với vị Linh mục giáo xứ Phò Trạch, trên đường tư căn cứ Nancy Mỹ chánh giữa một buổi trưa trời nắng gắt thấy một vị Linh mục với chiếc áo thùng đen, mũ phớt đẩy chiếc Mobilette Nam dừng xe lại thấy Cha Kính, Nam xuống xe chào và xưng lai lịch của mình Cha rất vui, Nam đưa Cha lên xe chở về đơn vị để chiếc mobilette

cho người lính sửa, ngồi trò chuyện với Cha mời Cha dùng trưa và dẫn Cha đến kho dụng cụ phế thải, Cha quá vui xin tất cả vật liệu nhất là vật liệu dẫn nước, sau đó cũng nhờ Cha tiếp xúc với Cha xứ Phò Trạch để dễ thưa chuyện, Cha Kính vui vẻ và kết quả tốt đẹp, chỉ mở nước cho giáo xứ 2 giờ hằng đêm, Cha Kính tâm sự sau khi Cha rời xứ đạo Thạch bình, Cha thấy không một địa phương nào mà sông tình nghĩa như dân Sịa, trong thời gian Tây đống đồn Sịa Cha giúp đỡ nhiều người khi bị Tây bắt, mà gia đình đến thưa với Cha, Cha xin Tây tha…Đang sắp đặt ổn định thì trận chiến mùa hè 72 xây ra. Các đơn vị phải di chuyển về Tây nam Thừa Thiên nên căn cứ gần như bỏ trống. Đoàn người chạy giặc từ Quảng Trị vào, quân cũng như dân quá đông dưới ánh nắng gay gắt phần đói, phần khát, đoàn người hoảng loạn, trên nét mặt lo âu sợ hãi với những đôi mắt thất thần, họ tức tưởi, uất hận nói không thành lời, khóc không thành tiếng, trước cảnh đau thương nầy Nam tự quyết định trưng dụng toàn bộ quân xa của đơn vị từ căn cứ Hòa Mỹ ra đến phía nam câu Mỹ Chánh chở dân tỵ nạn vào trường trung học Hương Trà, vì xe quá cao nên quân nhân trong đơn vị đã giúp dân chúng lên xe, Nam cũng phụ đưa các cháu nhỏ lên cho người thân, bà con thấy anh em giúp đỡ tận tình, họ cứ chắp tay vái như lời cám ơn. Một số quân nhân vì khát và nắng nóng bắn vào ống dẫn nước, nước phun lên, dân chúng a đến uống nước, tắm rửa v.v.. Nam dặn anh em trong đơn vị cứ để tự nhiên không đóng lại, thấy tình hình nầy Nam cho xe cứu hỏa và xe bồn chứa nước cứu hỏa ra cầu Phò Trạch để thỏa mãn nhu cầu dân tỵ nạn. Khoảng 1 tháng sau thì cuộc hành quân tái chiếm Quảng Trị, đơn vị Nam được lệnh phải đến ngay đoạn quốc lộ nơi Cộng quân tàn sát dân chạy tỵ nạn (Đại lộ kinh hoàng) đê khai thông cho xe chở quân vào trận chiến, một công tác quá phức tạp và gay go, Nam điều động xe ủi, xe ban, xe nâng hàng đến hiện trường nhưng toàn bộ không sử dụng được trước cảnh thương tâm đau xót, thân xác người nằm la liệt trên mặt lộ đã một tháng qua, mùi tử khí xông lên nồng nặc không chịu nỗi, lúc đi đâu có chuẩn bị găng tay, vải che mũi chỉ dùng tay khiêng từng xác

người để hai bên lề đường, những thân xác đã rã mục qua những ngày mưa nắng đâu dễ mang đi, Nam không cầm được nước mắt khi nhìn người mẹ ôm đứa con không còn đầu, xúc động nhất một em khoảng 10 tuổi đang mặc đồng phục GĐPT nằm nghiêng cạnh bên em là chiếc xách tay màu xanh đậm có thêu huy hiệu hoa sen, trong xách một quyển vở học trò ghi bài hát và dâu châm,dâu ngang của morse, nhưng đã nhòe và giây đã mũn không đọc được, cách nơi em nằm là chiếc huy hiệu hoa sen đã gãy kim phía sau, Nam nhặt lên, quanh em không thấy có ai, Nam tự hỏi mẹ em đâu, chị em đâu hay huynh trưởng của em đâu ? Hai người lính đứng bên cạnh hình như đoán được nỗi xúc động của Nam đều cúi xuống nâng xác em lên, đau đớn thay nửa mặt của em không còn và một cánh tay lìa thân em quá đau thương và khủng khiếp, có những thây xác nằm nửa người trên xe nửa văng xuống đất, xe cộ lật ngay giữa đường phải cẩn thận lắm dùng xe nâng hàng để di chuyển ra khỏi mặt đường Nam thấy được hình như có bàn tay nào đã lục soát lấy của cải của những thân xác nây. Chiên tranh, chiên tranh quá tàn nhẫn, Nam thầm cầu nguyện xin cho quê hương dân tộc Việt nam đừng bao giờ CÒN,CÓ chiến tranh để cho thế hệ mai sau được sống an bình, xin cầu nguyện trên quê hương Việt Nam đừng còn những con người, những đảng phái thâm độc tham vọng dùng mọi thủ đoạn chiêu bài để tàn sát người cùng chủng tộc, xin đừng đem bom đạn ngoại bang để tàn phá và tiêu diệt một đất nước Việt Nam bé nhỏ hiền hòa...Nam thúc dục anh em chịu thương chịu khó cho hoàn thành công tác, thì 3 người lính Lựa thương đến phun nước vôi, những thân xác xẹp xuống mùi tử khí đỡ phần nào, nếu nói đến cảnh nầy thì Nam phải viết đên 10 trang giây chưa diên tả hêt. Tại sao họ có thê nhẫn tâm dùng đại bác bắn trực xạ vào người dân chạy loạn, phụ nữ trẻ con chết một cách thê thảm, đau đớn, tức tưởi khi tìm đường thoát thân. Có lẽ đây là chiến thắng oai hùng nhất vì giết được nhiều người, họ đếm xác chết càng nhiều thì thành tích càng cao, họ đếm luôn xác chết của trẻ sơ sinh của những trẻ còn trong bào thai của mẹ để dâng chiến thắng oai hùng và thần

thánh nầy làm thành tích giải phóng. Đã 5 giờ chiều khai thông được 5 mét đường chiều rộng đủ cho quân xa di chuyển, công việc chấm dứt, cũng vừa lúc đoàn quân xa chở các chiến sĩ Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù vào trận địa, chiếc xe jeep đi đầu thấy Võ đình Lâm ngồi trước chỉ bắt tay nhau, Lâm nói vắn tắt "Chiều hôm qua mới rời khỏi Bình Long, sáng ra phi trường Tân Sơn Nhất, giờ lại có mặt đây, lát nữa lại nhảy vào lòng địch và đêm nay…"nhìn xe chạy,Nam ngẫm lại hai câu thơ trong Chimh phụ ngâm "Chàng từ đi vào nơi gió cát, Đêm trăng nầy nghỉ mát ở nơi nao" Trời xế chiều, nhìn về phía Quảng Trị, tiếng bom đạn đang gầm thét trong gió những cột khói từ đất bùng lên xé đi những đám mây ra từng mảnh vô tình cứ lững lờ trôi về phía biển. Ôi, chiến tranh nơi đó có biết bao nhiêu bạn bè đồng trang lứa, biết bao nhiêu thanh niên Việt Nam đang lao mình trong khói lửa, một cuộc chiến tự vệ, để giữ vững miền nam vùng đất tự do …

Trân chiến tái chiếm cổ thành Quảng trị, Nam thường xuyên cùng đơn vị lập ngay một điêm nước ở câu Phò trạch lây nước sông Hô lâu bơm lên bồn nước bằng cao su dược thiết trí dã chiến trên một pháo đài bằng bêtong của quân đội Pháp rất bền vững chắc chắn, hằng ngày phải mang một chai nước vào phòng thí nghiệm của bệnh viện Trung Ương Huế thử nghiệm vì sợ địch thả thuốc độc vào nước sông, máy bơm nước chạy suốt đêm để ngày mai đủ cung ứng cho các đơn vị Nhảy dù, Thủy quân lục chiến, Biệt động quân, Bộ binh, Địa phương quân và các đơn vị yểm trợ cho cuộc hành quân, suốt thời gian dài đến khi cuộc tái chiếm CổThành Quảng Trị chấm dứt.

Nỗi đau thương cho Nam, lần lượt bạn bè đều nằm xuống trong cuộc chiên càng ngày càng khóc liệt. Một buổi chiêu mưa gió Nam tạt qua đơn vị gốc thấy một Thiếu úy mặc lễ phục số 2 chào Nam "Em sắp đi hầu quan tài của ông Đại úy Viếng Thủy quân lục chiến"Nam hỏi "Uả phải Phan ngọc Viếng không? "Nam xem lại công điện của Tiểu khu Thừa Thiên phân công các SQ hầu quan , đúng rồi Nam cầm trên tay công điện mà quên bỏ lại trên bàn giấy nỗi xúc động dâng lên, Nam về thẳng

đường Bạch đằng Gia hội vào nhà người anh của Viếng mà trước đây Nam có ghé chơi, trời mưa nặng hạt vào con hẽm khá lầy lội mọi người thấy Nam là người đồng hương, là bạn là người anh trong đoàn thể khi cả hai đứa chưa nhập ngũ, Nam đặt tay lên quan tài Viếng, lá cờ Tổ quốc vừa mới làm lễ phủ cờ, tháng trước Viếng từ Sài Gòn ra hành quân anh em gặp nhau chưa cạn chai bia đã vội chia tay mỗi người một nhiệm vụ, Nam đứng trước di ảnh của Viếng, cố nén tiếng nấc, cố ngăn dòng nước mắt, thương người bạn đồng khóa đã hy sinh, Nam biệt phái một chiếc xe doge để làm xe đưa quan tài Viếng về Sịa …Sau cuộc hành quân Hạ Lào (Lam sơn 719) Quân khu 1 tổ chức tiếp cuộc hành quân (Lam sơn 720) về phía tây tỉnh Quảng Trị xử dụng 2 tiểu đoàn 8 và 9 Thủy quân lục chiến cho cuộc hành quân nầy, Viếng lúc đó là Đại úy Đại đội trưởng của TĐ 8 TQLC, hai tiểu đoàn đổ quân xuống vùng Ba Lòng. Toán Viếng nhảy xuống trước trong khu vực Khe Gió, chân Viếng chưa kịp chạm đất thì lãnh nguyên trái pháo 130 ly của địch cả toán Viêng tử trận, Viêng được đưa về Quân y viện Nguyên tri Phương, gia đình nhận xác về lo thủ tục nghi lễ an tang…Năm 1968 cũng người bạn học, cùng quê hương cùng lớp cùng khóa Nguyễn Giá, được tin Nguyễn Giá thuyên chuyển từ vùng 4 về Tiểu đoàn 21 Biệt động quân đóng tại Hòa Mỹ Đà nẵng, sau một thời gian dài sống chết với rừng núi Cao nguyên rồi về vùng 4, trong chuyến vào họp tại BCH1/TV Nam ghé Hòa Mỹ tìm thăm Giá, vừa đến nơi gặp ngay Quách Thưởng bạn cùng lớp Nam (Thưởng xuất thân khóa 20 VBĐL) lúc đó là ĐĐT sau vài lời thăm hỏi, Nam hỏi Thưởng về Giá , Thưởng cho biết Giá được chỉ định làm Đ/Đ Phó cho Thưởng, đại đội được chỉ định nhảy vào Khe sanh đê thám sát địch quân chuẩn bị cho cuộc hành quân kế tiếp, nhưng sau được lệnh chỉ cần hai trung đội ,Gía chỉ huy toán nầy nhảy vào Khe sanh, Giá bung quân đánh thẳng vào hậu cần của địch lấy được 2 thượng liên mấy quả B40 và hai khẩu cộng đồng cùng 10 khẩu A,K cá nhân và 3 K54 còn nguyên trong thùng gỗ với đạn dược, Giá cho phá hủy doanh trại hậu cần của địch, các đơn vị quân đội Hoa kỳ đang hành

quân và trú đóng tại Khe sanh khen ngợi và Tiểu đoàn 21/BĐQ trình lên quân đoàn I chuẩn bị thăng cấp trung úy mặt trận cho Gía, Việt cộng tức tối đang tìm cách phục thù đơn vị Gía, theo lời Thưởng thì công tác hoàn tất, chuẩn bị rút quân, Gía hăng say đột kích một lần nữa, thì 2 trung đội Gía bị lọt vào vòng vây của địch có quân số đông gấp 5 lần, chúng vây bắt và xã súng tiêu diệt, một sô rât ít chạy thoát được, còn toàn bộ đơn vị và Giá mất tích từ đó, không còn liên lạc được xem như tử trận. Gía mất, sau lưng một thời hoang phế, làm lính của một binh chủng ra quân là 10 chết chỉ 1 sống, Gía là người chí tình với bạn bè cùng lớp, nghe tin ai cũng thương tiếc,buồn thay Giá có một người em ruột Nguyễn Suyền học giỏi thi băng lấy tú tài 1 vào sư phạm Quy Nhơn, sau đó động viên vào Sĩ quan Thủ Đức lại được biệt phái về đi dạy học tại tỉnh Quảng Đức, trong đêm Việt cộng tấn công vào thị xã Suyền bị bắt và mất tích kể từ ngày đó. Lại một đồng hương, cùng khóa Hoàng xuân Dược tiền sát viên của TĐ/12 Pháo binh tăng phái cho Trung đoàn 2/BB hành quân địa đâu giới tuyên, đang điêu chỉnh tọa độ pháo binh bắn yểm trợ thì Dược bị bắn tỉa, chưa kịp tải thương Dược đã trút hơi thở cuối cùng giữa cuộc hành quân …Cuối năm 1963 quê Sịa của Nam vào lính VNCH 10 người, Lê Trực, Nguyễn Lạn, Hoàng Đăng Xứng và Lê Khương (Toản) vào khóa 20 VBĐL, đến giờ phút này 4 người đã định cư tại Hoa kỳ. Khóa 17 SQTB/TĐ có 6 người Hoàng xuân Dược TĐ 12/PB tử trận tại giới tuyến, Nguyễn Gía Tiểu đoàn 21/BĐQ mất tích tại Khe sanh, Phan ngọc Viếng Tiểu đoàn 8/TQLC tử trận tại Khe gió Ba lòng Quảng trị, Lê cảnh Hai cũng vào khóa 17/SQTĐ Hai ở đại đọi 16 dành cho SV/SQ Bảo an , vào đầu năm 1965 trên một chuyên công tác vào Tam Kỳ Nam gặp Hai đang đứng ở cầu Bà rén, Nam hỏi thăm thì được biết Hai đang chỉ huy một trung đội giữ cầu, sau đó nghe tin trong một đêm Hai”Dù “về Đà Nẵng chơi,Việt cộng tấn công dựt sập cầu và đơn vị Hai bị thiêt hại, Hai bị kỹ luật giáng xuống cấp Trung sĩ, sau đó không biết Hai đã phục cấp lại chưa thì được tin Hai bị chết vì tai nạn xe tông trên đường phố, còn lại Hoàng Đàng cựu

tiểu đoàn trưởng BB Trung đoàn 2/BB hiện nay thỉnh thoảng trái tim không gõ nhịp phải mang máy trợ tim, còn Nam cựu Công binh trưởng công trường tái thiết tỉnh Quảng Trị thần kinh thị giác còn 10%, tất cả đã ngoài 70 tuổi…nhìn lại biết bao nhiêu bạn bè cùng lớp cùng trường cùng khóa cùng đoàn thể theo tiếng gọi Tổ quốc vào quân ngũ để tự vệ, chống lại quân xâm lăng băng thân xác mình. AI ? và AI sẽ viết lại những trang sử hào hùng nầy, những thiêng hùng ca của một thế hệ đầy bất hạnh nầy, AI ? Phải chịu trách nhiệm trước lịch sử của Tổ quốc VN.., Ai? đã gieo rắt bao nhiêu xấu xa đê hèn kinh hoàng cho dân tộc, đã áp đặt nỗi thống khổ triền miên lên một đất nước hiền hòa, nhân ái và đầy tin yêu. Ngày nào còn một người lính VNCH tầm thường như Nam, một người dân bình thường sống dưới chính thể miền nam tự do thì Việt cộng không thể chối cãi lấp liếm tội ác tầy trời của chúng, lịch sử tổ quốc Việt Nam sẽ ghi đậm nét vết nhơ nầy cho bao đời thế hệ mai sau thấy rõ.Nam con dân Thừa Thiên, đơn vị trú đóng tại Huế là một chứng nhân cho cuộc chiến tàn sát đẫm máu người dân vô tội trong tết Mậu Thân, mỗi lần nghe bản nhạc của ai đó…

“ Lâu rồi anh không về thăm Huế .

Từ độ nào THÀNH PHỐ CHẾT ĐÊM XUÂN “ hay

“Đường Nội thành hàng cây trơ trụi lá .

Đồi Ngự bình thịt xương khô tượng đá .

Kim Long ơi ! Bờ lau ngóng chuông chùa tắt rồi…”

Nghe sao não nùng đau xót quá, đã biết bao nhiêu con dân xứ Huế viết lên nỗi đau lòng của một cuộc tàn sát diệt chủng man rợ của người phía bên kia. Sau đó, cứ hằng đêm Nam trên chiếc xe jeep tuần tiểu trong nội thành đêm khuya khoắt tiếng gió rú trên những hàng cây nghe như tiếng réo gọi oan khiên của những hồn ma oan ức về giữa cõi trần …

Năm 1973, trước tuần lễ thi hành hiệp định Ba lê hai bên mở các cuộc hành quân chiếm đất dành dân, Phía bắc cầu An Lỗ địch tràn chiếm và cắm cờ để được Uỷ hội quốc tế xác nhận vùng đất của Chính phủ Lâm thời cọng hòa miền nam Việt nam, BCH Tiền phương QĐ1 chỉ thị cho đơn vị Nam phải phá sập

cầu An Lỗ khi địch tràn qua vì tình hình khẩn cấp không điều động Công binh chiến đấu đến kịp, Nam chỉ định hai binh sĩ Võ Vịt và Huỳnh Che là hai quân nhân từ đơn vị CBCĐ về, vã lại trước khi họ nhập ngũ cả hai đều sống trên sông nước với một hơi lặn của HS Võ Vịt là 2/3 chiều rộng của sống Bồ, cả hai áp đặt hai bánh thuốc nổ TNT lên hai trụ trung gian cầu rồi cài bộ phận kích nỗ và lặn về bờ nam, nằm dưới hố cá nhân đợi lệnh Nam, đang đứng trước dãy nhà phía nam cầu An lỗ, các quán xá ở đây đều đóng cửa, một chiếc GMC chạy đến dừng ngay chỗ Nam, một toán lính Nhảy Dù khoảng 2O người xuống xe, hai quân nhân đặt khẩu cối 81 ly sát bờ sông. Một Thiếu úy rất trẻ, da trắng nhưng dáng rất kiêu hùng đứng trước hàng quân với giọng Huế "Tất cả bỏ ba lô xuống tại chỗ, chỉ súng, đạn và 5 quả lựu đạn, sau khi dứt tiếng súng cối, tất cả đồng loạt hô xung phong, tiểu đội 1 vừa chạy vừa bắn xối xả về phía bắc cầu, đến giữa cầu thì nằm xuống yểm trợ cho tiểu đội 2 chạy tràn nhanh qua đến bờ bắc, tôi đi với toán nầy, rồi tiểu đội 3 tràn lên chạy thăng qua tiếp tay với tiểu đội 2, tử thương và bị thương để nguyên tại chỗ, sau đó tiểu đội 1 lo tải thương và tiếp tế, cắm cờ mình và dẹp bỏ cờ của tụi nó, Thượng sĩ X thay tôi nếu tôi nằm xuống …" Lệnh từ một Thiếu úy trung đội trưởng rõ, gọn, dõng dạc...Một chiếc trực thăng lượn sát bờ nam từ máy truyền tin PRC 25 nghe rõ mồn một "Thiên kim, Thiên kim,người Thiếu úy trẻ nhắt ống nghe lên"nghe Đích thân có gì cho "quê hương của thằng em đó làm ăn nhanh và đẹp nghe chưa " "nhận Đích thân 5 trên", "Thiên kim nói đi 10 ,15 hay 20 phút " "xin Đích thân 15 " "good " chiếc trực thăng lượn một vòng rồi bay lên phía cầu Hiền sĩ, Nam chứng kiến trận chiếm bờ bắc cầu An Lỗ quá nhanh và gọn, sau một tràn súng côi 81 ly chỉ nghe tiêng súng của địch một vài tràn loạn xạ, chiến sĩ Dù đồng loạt hô XUNG PHONG tràn qua chiếm phía bắc cầu theo phân công của Sĩ quan trung đội trưởng trẻ không một ai bị thương, sau đó nghe dân kể lại VC khi nghe lính Dù đến là hoảng loạn bắn bừa rồi chém vè. Các quán xá bắt đầu mở cửa buôn bán lại, trong quán chú Mừng (chú Mừng trước đây là công chức làm việc tại

quận Quảng Điền, gia đình chú lúc đó ở tại Sịa) nghe tiếng "anh Nam ,anh nhớ em không? Em là Sĩ đây hồi nhỏ em bị trượt chân dưới bến nước cầu Sịa, anh nhảy xuống sông cứu em lên, may có anh không thì em chết hồi đó rồi" Nam cười " nhớ rồi ông xã Sĩ ở đâu" Sĩ cười "ông cũng Nhảy Dù đi hành quân liên miên, anh biết Thiếu úy hồi nãy là ai không? Kim đó, Trần vĩnh Kim người Sịa mình đó "Nam cô nhớ Kim là ai, Sĩ như đoán được Nam không nhớ, Sĩ nhắc "là Dễ đó, em chị Lưỡng và anh Hinh đó " Nam tự nhiên thấy lòng mình hãnh diện Trần vĩnh Kim, lúc ở nhà có tên là Dễ, một đứa em nhỏ hiền hòa để thương năm nào tại Sịa đánh bi, ù mọi trước sân điếm làng Tráng Lực mà bây giờ đúng là người hùng, với quan niệm của Nam người anh hùng là người không sợ chết cho chính nghĩa cho lý tưởng cho nhiệm vụ của mình, tấn công qua cầu, khi địch đã bố trí sẵn, một độc đạo không có một vật cản, một lùm cây ẩn núp , gần như một pháp trường di động… Sau đó Kim nhảy vào trận địa La Vang bị thương nặng ra loại hai, giả từ vũ khí năm 1974, hiện Kim và gia đình đã định cư tai Hoa Kỳ theo diện con gái bảo lãnh. Cũng trong năm 1973 vào cuối hạ, trời chớm thu một ngày đang nắng ráo, vào khoảng 4 giờ chiều mây đen kéo về, Nam đoán chắc có một trận bão lụt nên thông báo cho các đơn vị trong căn cứ phòng chống bão, khoảng một giờ sau mưa đổ xuống cường độ mỗi lúc một tăng bên ngoài mù mịt trong căn hầm nước mưa như muốn tràn vào, ngồi nghe các đơn vị báo cáo về thiệt hại doanh trại, từ BCH/Tiền phương ra lệnh cho đơn vị Nam phải bảo vệ cầu An Lỗ, nhà binh lệnh là đi, lên đường với 3 chiếc xe ben và 10 quân nhân, đơn vị Nam được trang bị áo quần cứu hỏa nên mưa không ướt, gió không lạnh, lửa không cháy, may măn cho Nam không trang phục cứu hỏa chỉ khoát áo mưa ngắn, đến nơi, hai xe cần trục của đơn vị công binh bạn cũng vùa đến, Nam lái xe chạy qua cầu, cây cối từ thượng nguồn trôi về đánh vào trụ cầu nghe những tiếng động mạnh và mỗi lần như thế chiếc cầu lung lay gần như muốn sập, Nam không cho cần trục đứng trên cầu chỉ cho đứng sát bờ nam, 6 quân nhân nhảy xuống móc cáp vào từng cây lớn cẩu lên

bờ để vào xe ben chở vào địa điểm tập trung, mưa càng lúc càng nặng hạt nước dâng cao và chảy xiết, độ một giờ sau Nam thấy bất lực ra lệnh cho 2 cần trục lui vì nước đã ngập bánh, các quân nhân dưới sông lên đầy đủ, bỗng Nam nghe một tiếng RẮC Nam chạy nhanh nhảy lên xe, (xe đang trên cầu) may mắn xe đang nổ máy, vào số một nhấn ga tối đa chiếc xe chồm lên như ngựa phi, xe như bị trì xuống vì đàng sau vài câu đã chúc xuống, xe vùng lên chạy đến bờ, mọi người chạy đến cũng vừa lúc chiếc cầu đổ ầm 2 vài xuống dòng sông và trôi theo dòng nước với cây rừng, thật là may mắn nếu Nam mặc đồ cứu hỏa thì cấn cái không làm sao lên xe nhanh được …Báo cáo về BCH tiền phương cầu sập khồng thể cứu được. Khoảng một ngày sau trời nắng ráo Nam ra ngay cầu An Lỗ đã thấy hai chiếc ghe đưa khách qua sông, nước cũng còn dâng cao, nhưng không còn chảy xiết như đêm qua, dân chúng đã chèo xuồng ra sông để vớt cây từ nguồn trôi về, Nam cùng một vài quân nhân chạy xe lên đầu nguồn để thám sát chiếc cầu cũ của Tây để lại, cầu còn vững chăc, chỉ loang lổ một đôi chỗ. Nam báo cáo về BCH tiền phương tạm thời xử dụng chiếc cầu cũ, để lại 4 quân nhân điều hành xe cộ qua lại, ưu tiên xe nhà binh chỉ cho xe chạy một chiều , điều ngay xe ủi và xe ban làm lại dã chiến con đường cũ cả hai bờ bắc, nam lâu ngày bị hoan phế xuống cấp để tạm thời lưu thông ..Khoảng 3 ngày sau trời nắng ráo trở lại, trên đường ra Mỹ Chánh Nam ghé tạt về thăm Sịa, gặp ngay anh Bùi Lự và một số anh trong hội đồng xã Quảng Phước,sau lời thăm hỏi biết được trận lũ lụt vừa qua không thiệt hại nhân mạng tuy nhiên một đọan đê bị vỡ sâu và rộng. Nam theo anh Lự và các anh trong hội đồng xã đến nơi thì chính là đoạn đê mà hằng năm khi lũ lụt lớn đều bị vỡ, thưở thiêu thời Nam chứng kiên khi mưa lũ về là làng Tráng Lực đánh phèn la gọi dân chúng đến ngăn nước tràn và phá đê đọan nầy, anh Lự nhìn Nam “ chú nghĩ su và rộng như ri làm răng dân đắp lại được mà thanh niên đi lính cả rồi con đàn bà và bô lão biết răng đây” các anh nhìn Nam như muốn có một câu trả lời, Nam yên lặng môt chốc rồi nói “Em không hứa chắc được nhưng hết sức cố gắng chiều

nay em có cuộc họp tại BTL tiền phương đường sá giao thông, em hết sức mình cố xin cho được…”Lên xe về đơn vị, Nam có một thói quen gặp việc gì khó khăn trở ngại ngoài khả năng thường hay cầu nguyện lạy các bậc tiên linh thổ thần đất đai phò hộ giúp cho. Chính nơi nầy năm xưa cậu (cha) của Nam, chức sự trong làng cũng vất vả khi mùa mưa lụt về ở đoạn đê nây. Thật ra nhìn đoạn đê đi ngang làng Tráng Lực, thê hệ ông bà ngày xưa cũng đã biết cách thông thủy, con đê chiều dài chưa đầy một cây số mà có đến 3 ống cống thoát nước được xây bằng gạch vòm 1/đoạn đang bị vỡ giữa bên hông nhà anh Chí và anh In 2/đoạn bên hông nhà anh Chẩn đi ngang qua trước nhà của Hồ Thuận 3/ nhà của Cẩm Linh xuyên qua bên hông giữa nhà thờ họ Đinh Khuông Phò và họ Lê Nhì Tráng Lực nhưng vì lâu ngày không chăm sóc nên đều bị bít, nước chảy qua đình làng Tráng Lực xoáy và tống ngay chỗ bị vỡ hàng năm. Trên đường về đơn vị, cầu An Lỗ đã được tiểu đoàn 83 công binh kiến tạo hoàn tất nối lại nhịp cầu đã đổ ,qua cầu gặp ngay Trung úy Nguyễn ngọc Đề làng Uất Mậu Sịa chỉ huy công trường chào Nam sau lời thăm hỏi, thì chiếc xe dodge đơn vị đậu ngay sát xe Nam người lính hiệu thính viên chào Nam và nói ngay BCH tiền phương gọi Đại úy vào họp gấp, trên đường vào Mang Cá thành nội Nam nghĩ chắc là các ngài Thành hoàng Sịa phù hộ. Nội dung của cuộc họp BCH tiền phương chấp thuận kế hoạch của Nam trong tuần trước. Nếu phi trường Phú bài bị tập kích bằng pháo của địch máy bay không lên xuống được phải tìm địa điểm nào khả dĩ để máy bay đáp xuống chuyển quân và tiếp tế, theo đề nghị của Nam xử dụng đoạn đường ở Phò Trạch sau khi qua đồi cây số 23 thì đoạn đường nây rât tôt, hai bên không vướn nhà cửa, cây côi, có một ngôi thánh đương Tin Lành mới xây đang bỏ trống có thể xử dụng làm trạm không lưu, phi cơ lên xuống dễ dàng, chuyển quân và tiếp tế thuận tiện, phòng thủ cũng dễ thiết lập. Trong phòng họp, sau khi kế hoạch được xác định chấp thuận, lúc đó lòng Nam rộn lên mong được đến phiên mình trình bày, Nam nêu trở ngại và đề nghị, nếu cầu An Lỗ bị tấn công thì lưu thông trở

ngại hoặc cầu An Lỗ không trở ngại thì đoạn đường xử dụng làm phi đạo bắt buột đường đi hướng bắc cũng phải đóng lại, chúng ta phải xử dụng đường chiến lược thứ hai đó là con đường từ Bao Vinh ra Sịa hoặc qua cầu An lỗ rẽ phải theo tỉnh lộ số 9 để về Sịa xong ngược lên Phò Trạch, nhưng hiện nay trận lụt vừa qua đã làm con đê Sịa bị vỡ nặng, sâu và rộng xin cho được đăp lại càng sớm càng tôt, lời đê nghị được chấp thuận và giao cho tiểu đoàn 83 công binh kiến tạo phụ trách, chỉ 3 xe ben lấy đất từ đồi cây số 23 về tiến độ công trường rất chậm Nam tăng cường thêm 2 xe ben của đơn vị, sau khi được cấp nhiên liệu, Nam về Sịa gặp Trung úy Hân đại đội trưởng Đ/Đ 832/CB/KT đang chỉ huy công tác nầy bàn với Hân xin xe hũ lô để lăn nện nếu không hằng năm cứ bị xói vỡ đoạn nầy, tiểu đoàn không thỏa mãn được, thế là đề nghị với Hân cứ mỗi lần trút đất xong là cho xe qua lại nhiều lần để nén đất xuống, công trình hoàn tất, đúng là Sịa hào sảng, xã Quảng Phước liên hoan có văn nghệ để khoản đãi đơn vị công binh, ngày đó Nam quá bận rộn không về được, qua bao trận lụt bão đoạn đê nây không bị xói vỡ Nam cũng thấy vui vui khi nghĩ về làng quê của mình ... … Các căn cứ phía Bắc Thừa Thiên đều bỏ trống, đơn vị Nam được lệnh giải tán quân số bổ sung cho các đơn vị Công binh khác, Nam trở về Khu QSTT Huế nhận SQ trưởng công trường vét lòng cửa biển Thuận An để tàu LST ra vào dễ dàng do cơ quan Xán Sàigòn phụ trách nhưng công trường không thể tiến hành được trước những cơn sóng lớn tại cửa biển. Nam theo học khóa 2/74 Công binh cao cấp mãn khóa cuối tháng 11/74 được thuyên chuyển về Liên đoàn 8 Công binh kiến tạo, tiểu đoàn 83/CBKTvới nhiệm vụ Trưởng công trường, tái thiết tỉnh Quảng Trị, vật liệu do Nhật viện trợ, chỉ có cát, sạn do đơn vị khai thác tại địa phương. Vật liệu đang được cung ứng, trong thời gian nầy đang chỉnh đốn lại doanh trại và cũng phải tiến hành công trường, vào buổi trưa trời nắng gắt, một xe dodge công tác từ tiểu đoàn ra thấy trên xe có một phụ nữ và trẻ con, người lính văn thư vào trình giấy, Nam định hỏi thì người hạ sĩ

quan phụ trách văn thư trình ngay có một trung sĩ nhất ra đơn vị mình vợ con đi theo, Nam nói ngay đưa các cháu vào trong nầy kẻo nắng, thì ra người trung sĩ nhất đó là Hồ văn Trạch làng Khuông Phò bạn học với Nam từ đệ thất đến đệ tứ tại trường BC Quảng Phước, Nam cho Trạch thêm 4 ngày phép và cấp xe dodge đưa gia đình về lại Phú Bài sau khi xin cho Trạch một căn nhà gia binh, đông thời trình tiêu đoàn Trạch có ám sô chuyên nghiệp tổng quản trị, mà đơn vị Nam không có nhu cầu, đưa Trạch về lại BCH tiểu đoàn đúng chuyên nghiệp của mình, chưa giúp được gì thêm thì tháng 3/75 hai đứa chia tay từ ngày đó đến giờ chưa gặp lại được nhau và chẳng được tin tức gì…Vào một buổi trưa đang dùng cơm với hai Sĩ quan, người Hạ sĩ quan vào báo cáo trình với ôn (tiếng lóng anh em trong đơn vị thường gọi Nam) Hạ sĩ Châu từ sáng đến giờ chỉ chở 1 xe cát từ cầu An Lỗ về, anh em nói là Châu đi 3 phi vụ (tiếng lóng là đi bán 3 xe cát cho dân) tôi la rầy thì Châu nói là anh của Đại úy làm theo lệnh của Đại úy, Nam cố suy nghĩ làm gì có người bà con tên Châu, gọi vào trình diện, thôi chết anh Cháu con o Mầu bị mù mắt hồi còn nhỏ con Mỵ em gái của anh Cháu thường hay dẫn o lên chợ, còn anh Cháu nầy ở với người bà con làng Thạch Bình, Nam giận quá đã không thi hành công tác lại còn nói Nam ra lệnh, Quân đội kỹ luật phải nghiêm minh, Nam ra lệnh kể từ ngày mai Hạ sĩ Châu không lái xe ben mà làm công tác phụ thợ hồ, tối hôm đó nửa khuya Nam đến ngay vọng gác gọi anh Cháu la rầy và anh phải thi hành kỹ luật trong một tuần rồi cho lái xe ben lại và dặn anh cần gì giúp đỡ thì nói chứ lần sau không được làm như vậy…

Rồi tháng 3 oan nghiệt tin chiến sự thay đổi từng giờ khắp các vùng chiên thuật phân bất lợi nghiêng vê phía VNCH, sau khi Ban Mê Thuột bị giặc chiếm, như con đê không ngăn được cơn hồng thủy chỗ nầy lở, chỗ kia bị cuốn trôi, rồi, “di tản chiến thuật” chỗ nầy, chỗ khác bị áp đảo, địch tràn ngập với quân số đông gấp 10 lần, đạn pháo, xe tăng vũ khí tối tân được các nước đồng minh phe cộng sản viện trợ, địch xử dụng tối đa, sự chống trả của QLVNCH dù có kiên cường thiện chiến cách mấy cũng

bị hao hụt, tất cả mọi việc cần cho cuộc chiến để chống đỡ đều bị hạn chế. Như một người cô đơn dang tay chống đỡ một bức tường thành đang sập xuống, đồng minh Hoa Kỳ thờ ơ vô cảm trước cái gãy đổ, thất bại tức tưởi của VNCH…
Trong cái hỗn loạn, trí óc của Nam tự nghĩ một cuộc chiến trên đất nước Việt Nam, nơi mảnh đất nhỏ bé thành một bãi chiến trường , thành thí điêm trăc nghiệm cho cuộc tranh chấp quyên lực của hai thế lực của Tư bản và Cộng sản và cũng là nơi thử nghiệm vũ khí chiến tranh trên thân xác người V.N, mà tại sao không phải là Lào, Miên, Thái Lan hay một quốc gia nào khác, đây là một bài toán nhiều phương trình nhiều ẩn số mãi đến bây giờ chưa có một
đáp số minh bạch. Nam thấy thân phận của người lính VNCH trong giờ phút kinh hoàng nầy thật cô đơn đau đớn, xót xa và tức tối. Ai?và ai đã điên cuồng đi tìm những chiến thắng phi lý, vô nghĩa bằng chính xương máu của dân tộc mình và rồi những người lính của cả hai miền sẽ ra đi lặng lẻ, như một vị tướng Hoa kỳ đã nói "Người lính không bao giờ chết mà họ chỉ mờ dần theo thời gian" Cuối cùng chẳng ai thắng chẳng ai bại chỉ có người dân VN hiền hai miền là thua cuộc, khổ đau bởi ngu dốt của đảng Cộng sản VN .
Niềm hoài bảo của người lính VNCH đã tan biến và hụt hẫn khi mơ về "Rồi mai đây quân Nam về Thăng Long đem thanh bình sưởi ấm muôn nhà "(Chuyến đò vĩ tuyến nhạc sĩ Lam Phương) … Nam một SQ công binh ngành công thự tạo tác gần 12 năm làm lính chính nghĩa, biết bao kỷ niệm vui buồn, có lúc ngẫng cao đầu mà cũng có lúc cúi xuống tủi nhục ,,,Nam đã trả xong cộng nghiệp của vận nước và biệt nghiệp của phận người lính VNCH. Mười hai năm chưa một lân rút súng ra khỏi bao, có nghĩa chưa mang nghiệp Sát

nghĩ như thế là tiêu cực vì thế giới nầy có ai kết tội, lên án người lính chống kẻ thù, sống chết với đối phương, vì không bắn anh anh bắn tôi, anh giết đồng đội tôi, không bắn anh thì tôi đã bỏ quên TRÁCH NHIỆM trước đồng đội, tôi đã đánh mất

DANH DỰ và tôi sẽ là kẻ khiếp nhược có tội với TỔ QUỐC. Danh dự Tổ quốc Trách nhiệm là ba điều mà Nam đã quỳ xuống trong Vũ đình trường trướcTrung nghĩa đài để đứng dậy làm một Sĩ quan QLVNCH với huy hiệu ngọn lữa hồng, thanh kiếm bạch kim trên nền màu xanh đậm với 4 chữ CƯ AN TƯ NGUY. Thì ra mỗi người có một số phận, nói như nhà Phật là nghiệp. Năm 1962 Nam được trúng tuyên vào khóa 19 Võ bị Đà lạt, nếu Nam hăng hái lên đường thì chắc không có binh chủng Công binh đến với Nam …Và hôm nay nơi đất lành an trú dung thân, hạnh phúc gặp được bà con đồng hương bạn bè cùng chung một lý tưởng một hoài bảo mong sao quê hương được tự do dân chủ người dân được sống trong no ấm thanh bình. Vì không ai ngờ có ngày 30/4/1975 là ngày đồng bào miền Nam phải phủ lên một vành khăn tang, một vùng đất yên lành ấp tràn nhân ái đã trở thành nơi ngục tù đau thương oan khiên nghiệt ngã. Có phải vì lãnh đạo tồi, tướng hèn hay vận nước hoặc những người cầm súng như Nam đều có tội không giữ được đất, không bảo vệ được dân, nhưng những uân khúc đó đã lần lượt giải mã, chỉ khốn nạn thay cho một nước nhược tiểu ở trong một ván bài mà con cờ đã sắp sẵn, đành là như thế tại sao người đồng chủng tộc, cùng chung một tiếng nói, cùng một lịch sử mà đối xữ với nhau không một chút tình người. Thôi cũng đánh vậy, trong sâu thẳm tột cùng của đau đớn phải rời bỏ quê hương, mà biết chắc đã ra đi là sẽ vĩnh biệt với mảnh đát đằm thắm nơi ấp tràn thương yêu, nơi mồ mã tổ tiên, rồi đây ai vun quén khi tiết Thanh Minh về, hương khói khi ngày sóc vọng…mà phải làm người viễn xứ. Vì không một con đường nào khác để chọn lựa, đành chấp nhận nơi sinh ra, mình không chọn được nhưng nơi cư trú mình phải chọn, một đất nước tự do và điều kiện tốt đẹp như thế nầy, đúng là một quốc độ, một cảnh giới mà bao nhiêu triệu người mơ ước, đến được đây là cả một phước báo nên ĐÃ ĐƯỢC ĐẾN NƠI ĐÂY thì XIN ĐƯỢC Ở LẠI NƠI ĐÂY, cái nhau cuốn rốn đã chôn trong lòng đất quê nhà thì thân xác nầy chôn lại nơi đây, thêm một chút phân bón cho cỏ cây tươi tốt…Nam sinh ra và lớn lên từ một vùng đất

nhỏ bé mang cái tên nghe chất phác mộc mạc SỊA hiền hòa nhưng ấp đầy tình làng nghĩa xóm, gối đầu lên ngọn đồi Bạch Sa nằm tựa lưng bên bờ phá Tam Giang, thật ra Sịa không phải là nơi dồi dào kinh tế đất ruộng màu mỡ phì nhiêu, nơi lắm người tài giỏi xuất chúng, người dân phải đem sức cần lao, úp mặt nhìn đất lưng phơi mình mưa nắng hai mùa, mồ hôi thắm vào từng luống cày mới có bát cơm, dặm thêm củ khoai, củ săn, bụi môn, bụi chuối, con cá, con lươn, con ếch dưới hói, dưới kênh, trong đìa, trong lạch, con trìa, con hến, con cua, con tôm, con tép, con cá nước lợ của phá Tam Giang. Nhưng Sịa chính là một trung tâm thương mãi và văn hóa của huyện Quảng Điền, một ngôi chợ có sớm nhất, tỉnh Thừa Thiên ngoài chợ Đống Ba không một ngôi chợ nào họp chợ từ sáng đến chiều như chợ Sịa, một ngôi trường Tiểu học cũng có sớm nhất do một số người dân với lòng hảo tâm đã xây dựng lên, vào năm 1956, có một ngôi trường Trung học đầu tiên trong lúc các quận ven thành phố Huế chưa có nơi nào có trường trung học, nhắc đến hai lãnh vực nây Nam không khỏi bùi ngùi khi người ta đã xóa mât hai biểu tượng đó, ngôi chợ cũ không còn hoạt động nữa với hai dãy phố khang trang chỉ cần tân tạo thêm bộ mặt, chính giữa xây lên một một ngôi lầu và ngay trước cổng chợ xây một cái cầu qua sông phía bên kia là vùng đất trống dựng lên một ngôi chợ mới quy hoạch lại cách mua bán và sắp xếp theo nhu cầu từng mặt hàng thì vẫn giữ được ngôi chợ cũ lịch sử nầy đẹp biết bao, trong trào lưu phát triển của xã hội quê hương giải tỏa được dãy nhà ven sông là việc làm thành tựu tốt đẹp.Mới đây ngôi trường trung học Bán công Quảng Phước đã bị đập phá đây chính là biểu tượng của người dân Sịa yêu chuộng văn hóa và cũng là nơi băt một nhịp câu vươn lên chuân bị hành trang cho bao thế hệ bước vào con đường học vấn hoặc ngành nghề hữu ích và đó cũng là niềm hãnh diện cho người dân xứ Sịa. Hai biểu tượng lịch sử đã làm cho xứ Sịa phú cường và tiếng tăm đã bị xóa sạch. Xã hội phát triển thì chuyện làm lại một ngôi chợ, thay đổi một ngôi trường học cũng là chuyện thường tình, nhưng với biết bao người qua từng thế hệ đã sống và trưởng

thành tại Sịa hai biểu tượng đó là dấu ấn kỷ niệm làm sao quên được, một nuối tiếc của một quá khứ đã gắn bó với cuộc đời của họ, đối với Nam là một sự mất mát, hụt hẫn, khi nghĩ về quê hương, đây cũng chính là sự xói mòn lòng tin của Nam vào những người đang lãnh đạo tại quê nhà.
Nam chào đời trên xứ Sịa vào mùa xuân năm Tân Tỵ lớn lên khoảng 4 tuổi thì trận đói năm 1945, nghe người lớn tuổi kê lại mà Nam khâm phục lòng hào hiệp của các vị đem lúa gạo nhà ra cứu đói, nên Sịa có đói nhưng không ai chết đói. Thật Nam không đủ từ ngữ tốt đẹp nói lên người đầy lòng bác ái cao quý của các ôn các bác đã cứu người khỏi đói khát lầm than, đẹp thay! Tự hào thay ! người dân xứ Sịa. Chưa tròn 7 tuổi đã bị dẫn đi học lớp năm trường tiểu học Khuông Phò. Ngày đó không quên được chị Nam dẫn Nam đến trước cổng trường, đứng bên cạnh một thằng đen đen có cặp mắt to và lanh hắn cũng được chị hắn dẫn tới, khi hai chị buông tay đẩy hai đứa vào cổng trường, thấy hắn mếu Nam cũng vậy rồi cả hai cùng khóc đó là bài song ca đầu đời của hai thăng bạn cho đến ngày bạc đầu. Thầy giáo đầu đời của hai đứa là Thầy trợ Phổ, mấy ngày sau Nam biết hắn tên Hội, nhỏ quá không còn nhớ, chỉ nhớ một câu trong bài hát đầu đời (Nhìn ánh trời sáng trong kìa mây ngàn với màu sắc hồng dịu dàng …) cứ độ một tuần hay 10 ngày đến giờ ra chơi hắn kéo Nam ra nơi bụi hóp lôi mấy trái chuối cau ra chia nhau ăn, có khi gói xôi, sau đó mới biết Hội ở chùa nên rằm mồng một là có lộc, hồi đó khi ngồi trong bụi hóp, Hội cứ nhìn qua ngôi nhà cạnh trường thì ra đó là nhà Minh Châu thật là duyên tiền định, sau nầy Hội Châu là vợ chồng. Hai đứa lên lớp Tư học với Thầy trợ Diễn, vì còn nhỏ nên ngồi chung với con gái, Nam ngồi sát với Thu Phương con Thầy Đốc Tiếu, lớp Tư có mấy chị đều lớn tuổi hơn hai đứa, chị Ngô thị Hạnh, Hồ thị Sót Thủ lễ, Khuông Phò có chị Bùi thị Ứng nay là Gái, chị Thái thị Cẩm Hoàng, chị Nguyễn thị Quế, chị Nguyễn thị Minh Nguyệt, Tráng Lực, chị Ngô thị Thủy, chị Lê thị Hồng Vân, chị Nguyễn thị Hanh, con trai có Lê kim Ngọc, Lê văn Bính, Thái quang Nhớ, Lê cảnh Xinh, Nguyễn

Hạ, Nguyễn văn Vửng, Lê văn Mộ, Nguyễn Xu, nhiều nữa lâu ngày quên. Nghỉ hè chuẩn bị lên lớp Ba với Thầy trợ Mậu thì Tây về đóng đồn đánh nhau với Việt Minh, trường đóng cửa thất học 2 năm, học lớp ba hai năm vì không có lớp nhì, mãi đến năm 1954 mới có lớp nhì và năm 1956 vào trung học BC Quảng Phước, sau 4 năm, niên khóa đầu tiên của Nam đậu trung học đệ nhất cập tỷ sô cao hơn các trường trung học khác, có đên 13 người trên 34, Thủ lễ Hồ Đăng Khác (Viện hán học), Hồ Đăng Lăng (Nông lâm súc) Khuông Phò, Thái quang Ba (sư phạm Long An), Lê thị ngọc Điểm (Nữ hộ sinh QG Huế), Tráng Lực, Lê văn Thẩm (Quốc học) Trần Ấn (QH) Hoàng Diêu (Viện hán học) Thạch Bình, Nguyễn văn Hội (Cán sự điều dưỡng), Võ đình Lâm (QH), Nguyễn thị Lài (Đồng khánh), Hoàng đăng Xứng (QH) Cư Lạc, Hồ xuân Tành(QH) Bồ Điền, Trần Lộc (QH) Rồi lớn lên theo tuổi tác, theo vận nước mỗi người mỗi ngã mỗi công việc có một điều may mắn lớp đầu tiên trung học tại Sịa không ai đi theo Việt cộng, phần đông thế hệ của Nam hiện diện tại Hoa kỳ đêu theo diện HO có nghĩa là chịu chung cộng nghiệp với quê hương là thoát chết từ các trại tù…Sau 16 năm vừa tù vừa sống dưới chế độ cộng sản, lòng Nam không vơi nỗi thương xót bạn bè đồng đội đã nằm xuống, nỗi tủi hổ đau đớn vì sự bất lực bất khả kháng của chiến sĩ VNCH và oán trách sự phản bội của đồng minh, biết đó là quá khứ nhưng dư âm, dư ảnh đó không thể xóa nhòa trông đời của một con người vốn đã góp chút hèn mọn cho quê hương, xin chấp nhận tất cả để được “Vì hai chữ tự do ta mang đời lưu vong”. Rồi Nam rời Sịa vào một ngày mưa gió, trời làm cơn lụt 23 tháng 1O âm lịch với diện HO 9 sau những tháng ngày lo âu chạy lui chạy tới qua biết bao nhiêu cửa ải sạch hết “gia tài” chưa kể nợ nần vay mượn, để mong sớm rời quê hương

Ngày xa quê, hai tiếng giả từ tôi không nói được
Bờ môi mặn đắng, mắt cay nhè
Khi nghe tiếng rít của bánh tàu chạm đường rây
Những cánh tay vẫy chào tạm biệt
Trong tiếng nghẹn ngào tôi sẽ về lại cố hương

Ngờ mô một lần đi là biệt ly với Sịa
Ở bên ni có nhiều đêm thao thức trăn trở
Mà ngỡ như mình đang đứng bên bờ phá Tam giang
Trước mặt ruộng đồng bao la bát ngát
Sau lưng đồi Bạch Sa cát mịn trắng phau…
Bài thơ NHỚ SỊA 1995
Đến Mỹ vào dịp lễ TẠ ƠN 1991, cái hạnh phúc đầu tiên là khỏi nghe cái mà mình không muốn nghe, không muốn nói mà phải nói và không muốn thấy mà phải thấy. Ở xứ người mà làm sao không chạnh lòng nhớ quê hương, con sông còn nhớ đến nguồn, lá vàng còn muốn rụng về cội, con chim lạc bầy còn kêu thương nhớ tổ, huống gì con người …cũng có nhiều đêm giật mình nhớ về quê hương một thời ngập tràn khói lửa, nhớ những ngày chinh chiến điêu linh, cũng muốn khép lại tất cả, gạt đi những nỗi thương đau quá khứ, nghĩ rồi mọi chuyện cũng qua đi, từng bước người xưa, người nay rồi cũng trở về cát bụi. Nam quyết định phải về thăm quê nhà một lần. Bản nhạc Quê hương của ai đó, có mấy câu sau, nghe hiền hòa, chất phác, chăc nụi như người Sịa

“ “Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người”

Máy bay xuống Sài gòn, đi trên thành phố xưa mà sao lòng thấy xa lạ quá, không nhận ra một con đường nào cả vã lại tên đường đã đổi, nào Huỳnh văn Bánh, Phạm văn Hai, Lê văn Sĩ. .. Rồi cũng về đến Huế, chiếc taxi đưa về Sịa thân yêu, Sịa quá thay đổi không nhận ra lối xóm của mình… Đổi thay đó, quang đãng đẹp đẽ đó, nhưng sao Nam thấy buồn bã như lòng mình, những lũy tre làng thân yêu không còn nữa, thấy như thiếu vắng một điều gì? “Đường xưa lối cũ có bóng tre, bóng tre che thôn nghèo “(Hoàng thi Thơ) Thì ra cỏ cây có tiếng nói riêng của nó, hoa lá cũng cảm thông với người xưa trở về gần như đồng lõa với Nam, đúng: “Ngươi buồn cảnh có vui đâu bao

giờ “(cụ Nguyễn Du) Lang thang đến trước ngõ nhà của những người bạn đồng trang lứa không còn một ai, đứa chết, đứa đã bỏ xứ lưu lạc ở một phương trời nào? Nam đi giữa lòng đất bà con mình mà sao thấy xa lạ quá. Đi trên con đường làng năm xưa trải bao mưa nắng dãi dầu, gió mưa bão lụt bầm dập như cuộc đời của Nam, sao mà cảm thấy trông văng. Rảo bước đến thăm ngôi trường tiểu học đê cô tìm lại chút kỷ niệm ngày xưa, gặp ngay cháu Lê viết Tính đang là hiệu trưởng được Tính hướng dẫn đi thăm các lớp học, chao ôi, bỗng nỗi niềm thương nhớ đầy ấp dâng tràn lên Nam ĐÂU RỒI ? Thầy đốc Tiếu, thầy trợ Nhiễu, thầy trợ Mậu thầy trợ Diễn, thầy trợ Phổ Thầy trợ Hạp, thầy trợ Vẹn anh Hiệu, anh Thanh, cô Mỹ và Cậu ..và.. và..

“Những người muôn năm cũ,hồn ở đâu bây giờ”

Dân Sịa vốn hiền hòa, không tranh chấp hiện nay cũng bình an, hình như họ chẳng hiểu mà cũng chẳng hay biết gì Tự do, Dân chủ là gì? Nhân quyền lại quá xa lạ với họ, ngày ngày lớp thanh niên sáng càphê, chiêu lai rai vài chai bia, hay một xị đê là xong, người dân Sịa quan niệm một cách đơn giản đã có bát cơm không độn là được rồi, miễn làm sao có tiền là muốn gì cũng được cũng chẳng hay biết Tàu cộng lấn đất dành biển là chi.,,

Lịch sử đã sang trang, nhưng sự sang trang nầy không hẵn là xếp lại quá khứ, lãng quên, vô cảm trong tâm thức của những con người chứng nhân của thời cuộc, những biến cố, chứng tích mà đã hằn sâu trong não trạng qua từng trang chính sử. Một cuộc chiến kéo dài trên quê hương Việt nam 30 năm ròng rã từ 1945 đến 1975 theo sử liệu cho biết non bảy triệu nhân mạng thương vong và tàn phế, mà e chưa hết nếu tình trạng độc tài độc đảng như thế nầy dân chúng vẫn lầm than, vẫn uất ức, vẫn còn bị bao phủ một bức màn sắt ngục tù, điêu linh, quằn quại trong gông cùm của đảng cộng sản, thì chắc chắn rằng cuộc chiến Việt Nam còn tiếp diễn trên trận tuyến ý thức hệ …Vẫn biết Tự Do phải đổi bằng máu xương, Công lý có

được phải chấp nhận xích xiềng. Hạnh phúc có nở hoa thì phải có sự hy sinh, gần như một định luật. Sự tranh chấp ý thức hệ quá khứ kéo theo hệ lụy của một dân tộc bất hạnh nằm trong trong vòng xoáy đó.
Dù bất cứ ở một phương trời nào đi nữa ai lại không nuôi một hoài bão, một ước vọng nhất là những người xa xứ luôn luôn vọng hướng về quê nhà, dù bàng quan đến đâu khi nghe hai tiếng Quê Hương thanh bình tự do no ấm thì chắc lòng cũng vơi đi những đau thương quá khứ mà lắm lúc cũng muốn gác lại cái nhục nhã, khổ đau để xin yêu thương, xin ngọt ngào về với đất mẹ Việt Nam trong đó có xứ Sịa mà nhớ thương, thương nhớ như một điệp khúc trong tâm tư của Nam... Nam chống Cộng không cực đoan, họ làm gì thành tựu tốt đẹp cho quê hương mình cũng thấy có niềm vui, Nam không hoang tưởng, mà bằng trái tim bằng lòng mình với niềm tin, với hy vọng của một truyền thống dân tộc nhiều tài năng, nhiều anh hùng. Nam chống Cộng không phải để thỏa mãn hận thù hay tự ái của mình đê vơi đi bực tức, mà chỉ mong có cái gì tôt đẹp hơn, tương lai sáng sủa hơn, vì hiện nay đất nước vẫn còn tối tăm, tụt hậu bế tắt. Xin tạ lỗi, xin thất hứa, xin lỗi hẹn với QUÊ HƯƠNG ngàn đời yêu quý, nơi vùng trời của tình người, nơi từng nắm đất, từng hòn đá, viên sỏi, từng lùm cây ngọn cỏ, từng dòng sông con suối vẫn còn thấm đượm mồ hôi, nước mắt, máu và xương thịt của bạn bè của người dân vô tội của những chiến sĩ Việt nam cộng hòa anh hùng nằm xuống để chống lại làn sóng đỏ xâm lược theo lệnh của ngoại bang. Nam đau xót không trở về được với QUÊ HƯƠNG khi còn lầm than thiếu vắng tự do dân chủ. Xin nguyện cầu Hồn Thiêng Sông Núi Các bậc tiên linh độ trì cho đất nước VN thoát ách độc tài, ngày đó thanh bình sẽ trở lại trên quê hương VN yêu dấu, nếu được ngày đó Nam cũng mãn nguyện dù cho thân xác không còn hiện hữu trên cõi đời nầy…..

Tháng 4 năm 2015 Lê văn Thẩm

VĂN TẾ THÁNG BẢY



Bên nầy tháng bảy chẳng mưa ngâu
Cuộc sống xoay quanh vẫn dãi dầu
Thời đại văn minh toàn máy móc
Có ai còn nghĩ đến ai đâu?

Có ai nghĩ đến thời chinh chiến
Máu đổ sa trường những đạn bom
Những đấng anh hùng đành vĩnh viễn
Xác thân vùi lấp giữa non sông.

Có ai nghĩ đến những hồn oan
Trên khắp nẻo đường đất Việt Nam
Sương khói dật dờ trong luyến tiếc
Bao giờ siêu thoát khỏi trần gian.

Những kẻ vượt biên chưa tới bến
Hồn còn ôm hận giữa ngàn khơi
Trùng dương biển cả bao giờ đến
Sóng gió âm vang vọng giữa trời!

Những kẻ lưu đày trong cải tạo
Mỏi mòn gục ngã tận rừng sâu
Hồn thương con, vợ sầu vương vấn
Đói khát vẫn còn nỗi đớn đau.

Mẹ vẫn chờ con, vợ ngóng chồng
Bốn mùa Xuân, Hạ tới Thu, Đông

Vẫn trông ai đó còn tin tức
Có một ngày về đỡ nhớ mong!

Chao ôi! Tháng bảy lại vương sầu
Văn tế ai đây chẳng trước sau
U uất hồn oan đâu đó tá!
Mong ngày giải thoát khỏi buồn đau.

Nhân sinh một kiếp còn nghiêng ngữa
Ba vạn sáu ngàn cũng thế thôi!
Oan ức từ nay xin giải tỏa
Nhờ ơn Tịnh độ thoát luân hồi...

Võ Đình Tiên

VÈ NÓI NGƯỢC

Nói thật không được, nói ngược cho xong
Đẹp lòng lãnh đạo, vì cơm vì gạo
Vì sợ xích xiềng, nói ngã nói nghiêng
Lâu ngày thành tật, nghe lời nói thật
Cảm thấy lạ tai, chuyện thật như hài
Cùng nhau nói ngược !



Vẻ vè ve …, nghe vè nói ngược!
Dân đen bán nước, lãnh đạo chống Tàu
Nhân dân mau giàu, cán bộ đói rách
Dân đen hạch xách, cán bộ đi tù
Nhân dân toàn ngu, ngồi cao tham nhũng

Lãnh đạo anh hùng, chống giặc ngoại xâm
Nhân dân không làm, tiêu xài tiền thuế

Lấy rừng cho thuê, lấy đất đi bán
Nhường đảo cho bạn, đổi ghế ngồi chơi

Nhân dân dỡ hơi, ôm chân Tàu cộng
Quỳ lạy kể công, xin quyền xin chức
Xin dâng đất nước, đổi lấy vinh hoa
Lãnh đạo nhà ta, biêu tình chông Khựa
Dân đen chẳng ưa, bắt giam hết ráo

Dân thường nói xạo, yêu nước thương dân
Láo gấp trăm lần "đĩnh cao trí tuệ "

Đất nước trì trệ, do bởi dân ta
Nhường đất, giao nhà, thích nằm đường phố
Rét dưới mười độ, kẻ chết người đau
Biểu ngữ áp sau, đơn kiện che trước
Lãnh đạo đến rước, không chịu về dinh
Rượu thịt linh đình, người hầu kẻ tiếp

Hỏi ra mới biết, ở nước Việt ta
Dân là chủ nhà, chính quyền là tớ
Lãnh đạo lớ xớ, dân đánh chết liền
Khỏi thưa khỏi kiện, tòa án của dân

Dân quyết bao sân, lo toan mọi việc
Lãnh đạo đòi biết ? giam hết vào tù
Chạy trốn cả lũ, vào hết trong dinh
Không dám ra trình, sợ dân hối lộ !

Tiên sinh Ngược... Ngạo

Ngày vui công viên



Hôm nay trời thật đẹp có mây trắng có nắng vàng, mấy con chim non thích ý ríu rít tung tăng bay lượn dưới bầu trời xanh làm tôi cảm thấy vui lây. Vuốt lại mấy sợi tóc cho gọn gàng tôi liền lên xe để lái ra công viên, vì lâu lâu mấy bà bạn già hẹn hò nhau để vui, để cười, để thấy đời vẫn còn đẹp mà sống cho trọn đủ trăm năm.

Công viên mỗi nơi có một vẻ đẹp khác nhau, nhưng địa điểm chúng tôi chọn nơi đây cảnh trí thật hài hòa dễ thương, những tàn cây cổ thụ tỏa bóng mát không chằng chịt không sum suê thoáng đạt vô cùng, những dãy bàn ghế có sẵn tùy nghi xử dụng, những thảm cỏ xanh trải dài dưới những cội cây già có tàn cây phủ đây bóng mát và cũng có những khoảnh cỏ non mọc xa xa kín đáo hơn mình có thể trải chiếu để nghỉ ngơi. Ngoài ra công viên còn có hồ nước trong xanh lăn tăn gợn sóng đã quyến rủ bầy chim trời ẻo lả nghiêng chao và đàn vịt nước đua nhau lướt sóng, hồ không lớn lắm đi cho giáp vòng chỉ mất một tiếng đồng hồ. Bên kia hồ là dãy đồi thoai thoải thấp thoáng vài lùm cây cao thấp nhìn xa xa ẩn hiện mấy cụm cây con là đà sát đất lung lay trong gió chiều mà cứ tưởng như thú mẹ đang vui đùa bên đàn con thơ dại. Một đôi khi bất chợt có ngọn gió chướng tạt vào công viên tiếng lá kêu xào xạc làm mấy con vịt đang tìm môi trên đất cũng đập cánh kêu ‘cạp cạp’ rồi đủng đỉnh chạy ra sông. Một bức tranh sơn thủy trời sông mây nước thật hữu tình và đầy thơ mộng.

Công viên là nơi thoải mái chúng tôi chọn để họp mặt mấy bà bạn già để vui để ồn ào tâm sự mà không phiền hà bất cứ ai. Các thức ăn và nước uống đem theo thật đơn giản miễn vui là được

rồi. Qua những năm tháng dãi dầu sương gió với những đổi thay của cuộc đời, bao nhiều vui buồn đã in đầy trên vầng trán nhưng dù có gian nan chi đi nữa những nét qúy phái và kín đáo của người con gái Huế vẫn còn gói kín. Chúng tôi không hẹn hò thường xuyên trừ khi đứa nào có chuyện gì vui muốn san sẻ hoặc có chuyện gì trăn trở đều hú gọi nhau để mà trút bớt nỗi muộn phiền. Vừa đậu xe xong tôi vội đi tới điểm hẹn đã thấy mấy bà bạn già đang đứng chờ đợi ngó tới nhìn lui coi còn thiếu ai, vừa tới tôi đã nghe tiếng lao xao "ri là đủ rồi tụi mình chọn chỗ mô ít người để mà tha hồ la hét nghe!" đứa thì xách, đứa thì kéo, đứa thì ôm đồ ăn của mình đến nơi đã chọn.

Dưới tàn cây xum xuê bóng mát chúng tôi vui cười lăng xăng kể cho nhau nghe chuyện mới chuyện cũ, chuyện buồn chuyện vui. Chuyện vui thì cười ha hả chuyện buồn thì nước mắt vây quanh. Để phá tan bầu không khí ảm đạm bà già Vân làm phép giải tỏa ám khí, nó đem chuyện tiêu lâm ra kể làm đám bạn già cười lăn, cười bò, cười đến thắt cả ruột, cười đến bể cả gan, cười đến nước miếng cũng hùa theo, miệng cứ ha hả không tài nào ngậm lại được. Nói chi thì nói bà Vân cứ thêm mắm thêm muối cho mấy đứa bạn già cười bể bụng mới thôi. Cười hết chịu nỗi tôi đứng dậy đi lấy chai nước uống cho hạ hỏa, người kể chuyện vì qúa hăng say và cũng vì nhịn cười không được nên cũng mệt nhoài nó ngoái đầu nhìn tôi "mi lấy giùm tau chai nước nghe", nó mệt qúa dựa đầu vào thân cây lim dim hai mắt. Tôi gom những thức ăn và một số trái cây còn lại đặt trên thảm cỏ đã trải chiếu sẵn và bắt mỗi đứa phải ăn cho hết để khỏi mang về nhà. Ăn chưa xong bà già Vân lại cắc cớ tự nhiên nó điểm vào mặt tôi "phạt mi hát một bài vì mi tới trễ", tôi chưa kịp phản đối thì các bạn già của tôi đã nhao nhao lên vừa ăn vừa vổ tay la hét như ong vỡ tổ. Tau không biết hát

nhưng tau sẽ kể cho tụi bây nghe một câu chuyện "không đầu mà chẳng có đuôi" tụi bây chịu không (tôi cố ý nói như vậy để trốn thóat nợ nần), ai ngờ tụi nó hơi ngơ ngớ một chút rồi cũng chịu và không quên phán cho tôi một câu "kể chuyện chi mà ngụy tặc rứa, đồ qủy. . .". Nhìn mấy bà bạn già đang lắng lòng chờ đợi tôi thấy vui vui và bắt đầu kể:

. . . Hôm ấy trời thật đẹp cũng như hôm nay không gian đầy nắng ấm, thu đến và lá vàng bay. Mấy anh em Hà rủ nhau đi thăm Lăng Tẩm của các triều đại Vua Chúa. Trong khuông viên cổ kính và trang nghiêm của Lăng Tẩm cảnh trí cũng đầy thơ mộng, dưới tàn cây bóng mát mấy anh em đi hết chỗ nầy đến chỗ khác với những câu chuyện đùa vui nên đi hoài mà không biết mỏi chân, khi đi đến hồ Bán Nguyệt, mấy chị em Hà soi mặt mình qua bóng nước bỗng mấy ông anh nói to vô tội vạ " . . . nhớ xây hồ Bán Nguyệt cho nàng rửa chân. . ." để chọc Hà mà vì qúa ngây ngô nên Hà không đê ý rôi cũng cười đùa theo. Niềm vui cũng giao động với lá hoa cây cảnh nó cũng lung lay đùa cợt thả những chiếc lá mong manh rơi đầy trên tóc và dính vào vai áo của khách dạo chơi. Hà nghiêng mái tóc dài về một bên rồi đưa tay vuốt nhẹ và rủ rủ cho mấy ngọn lá rụng rơi, Hà vừa ngẩng đầu lên và hất mái tóc ra phía sau thì bắt gặp một đôi mắt đang chăm nhìn với nụ cười kín đáo đã làm Hà lúng túng. Mấy anh em vẫn tiếp tục cuộc hành trình đi ngắm cảnh vừa đến góc ngã ba rẽ phải bỗng chiếc khăn voan Hà choàng lơi ở cổ bay bay như có ai đang quạt mạnh phía sau thì ra một làn gió thu thoảng qua nhanh như muốn kéo chiếc khăn voan mỏng của Hà đi theo gió. Hà nhanh tay đưa lên để níu lại trong lúc ấy một bàn tay khác cũng vừa đưa ra vô tình hai bàn tay chạm vào nhau Hà đỏ mặt nhẹ nhàng rút tay mình về, người

ấy nhìn Hà với nụ cười cố hữu đưa chiếc khăn lại cho Hà và nói thật khẻ "Em choàng khăn vào cho ấm. . ."

Tôi đã ngừng kể câu chuyện nhưng các bạn già của tôi vẫn chờ đợi "rồi răng nữa kể đi . . ." hình như các bà đang theo Hà đi ngao du đây đó. Thấy vậy tôi cười thật to và la lớn để kéo tụi bạn già về với thực tại, kể xong rồi tụi bây không nhớ " chuyện không đầu mà chẳng có đuôi quên rồi hả" tụi nó lại một lần nữa nhao nhao không tha cho tôi "được rồi, lần sau phạt mi kể tiếp" tôi cười trừ, để bù lại tau đọc mấy câu thơ vui cho tụi bây nghe đây nè:

Vui cứ vui cho tâm hồn thanh thản
Đừng bận lòng vì ngọn gió lao xao
Cứ để mặc cho sương rơi tuyết phủ
Cứ coi đời như chẳng có chuyện chi chi
Tụi mình già rồi đừng để già thêm bây hí!
Đứa nào cũng hơn bảy bó ôm đầy tay
Thôi thả bớt coi đời như sương khói
Sẽ thấy mình nhẹ nhỏm như Không
Tới tuổi nầy có được niềm vui đâu dễ bạn già ơi!
Mình cứ hẹn những khi mình rảnh rỗi
Họp mặt nhau ăn, nói, chuyện cười vui
Cho thanh thản tuổi đời khi xế bóng.

Mấy bà già thích chí reo lên "đúng rồi, dại chi mà phiền với muộn...tau theo mi", rồi những tiếng cười vui vẻ ồn ào lại vang lên làm mấy bà bạn già quên đi tuổi đời của mình hiện tại.

Màu nắng đã nhạt dần trên sắc lá công viên, chúng tôi tạm biệt chào nhau với nụ cười cởi mở. Tôi ngẫm nghĩ câu thư bút ''**Trăm năm trước thì ta chưa có, trăm năm sau có cũng như không, cuộc đời sắc sắc không không, trăm năm còn lại tấm lòng mà thôi"** . Tôi mỉm cười nhìn mấy bà bạn già thân thương mà thấy lòng mình ấm lại dù nắng chiều đã tàn phai.

ÁoTím

Hai con cua luộc



Tôi sinh ra và lớn lên nơi xóm Thạch Bình, thị trấn Sịa thân thương, nhưng nay đã cách xa, xa hơn vạn dặm, xa cả nữa vòng trái đất.

Theo cơn lốc lịch sử tôi định cư tại Hoa kỳ, nơi mà phong tục, tập quán, ngôn ngữ hoàn toàn khác biệt. Tuy vậy nơi đó cũng đã lưu lại trong tôi nhiều kỷ niệm.

Mỹ là quê hương thứ hai của tôi, nơi đã nuôi nấng đùm bọc tôi và gia đình một thời gian khá dài, dài hơn cả thời lớn lên và trưởng thành tại nơi chôn nhau căt rôn, tuy dài hơn nhưng những kỷ niêm quê nhà thời thơ ấu luôn vươn vấn, khó quên có lẽ quê hương thứ hai này thời gian qua mau, mới ngày nào ngỡ ngàn đặt chân lên xứ lạ này mà nay đã gần 40 năm, thời gian hơn cả nửa đời người.

Sống xa quê, nhưng những hình ảnh tuổi thơ khó phai mờ trong ký ức. Những lần họp mặt đồng hương Sịa, những hình ảnh quê hương xa xưa lại hiện về rõ nét, nhất là khuôn mặt của những người bạn thân gần gũi ngày xưa.

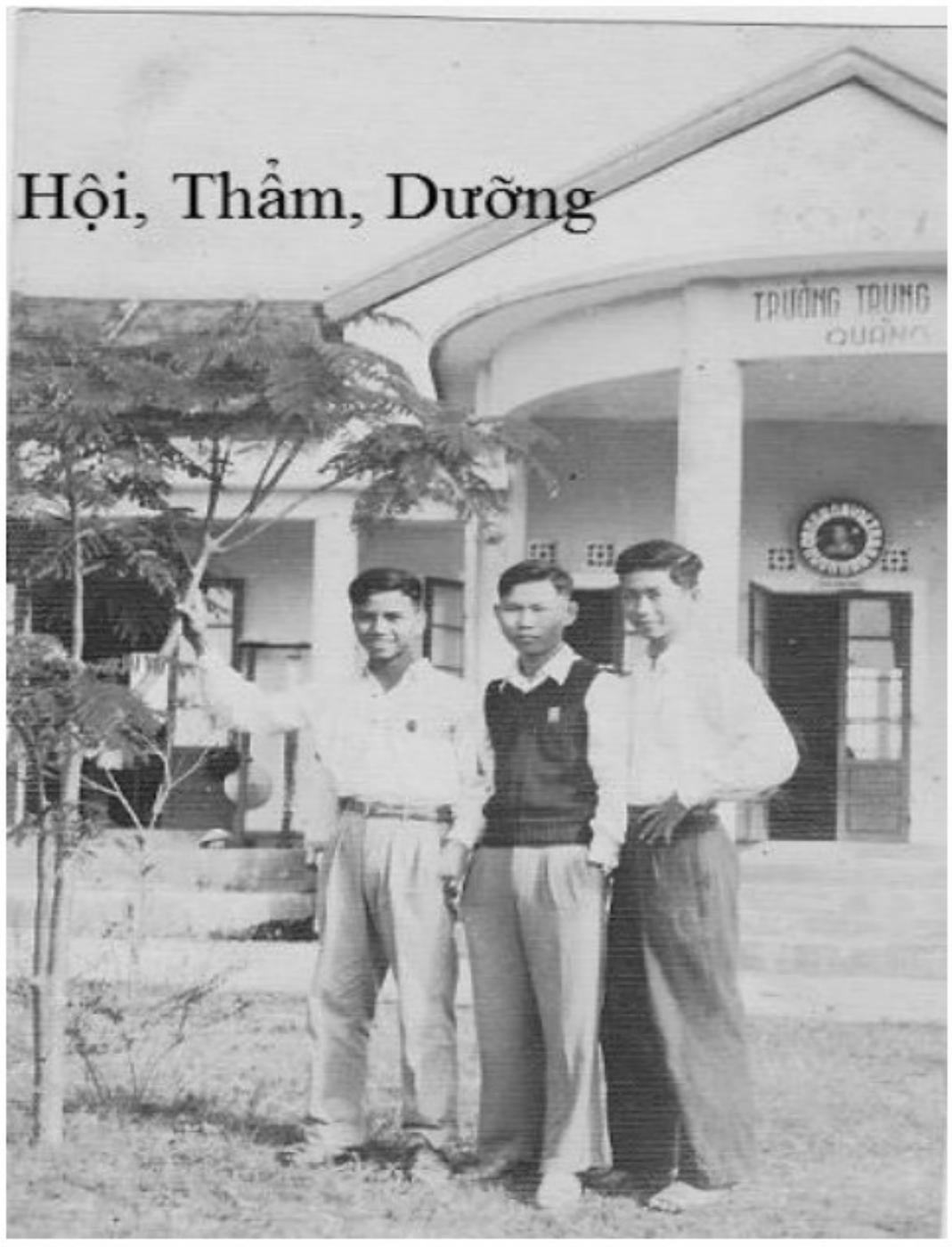
Kỳ họp mặt vưà qua tại California năm 2014, những tưởng về sẽ được thăm Lâm, Thẩm và bạn bè, nhưng chỉ gặp Lâm trong phòng hồi sức, nhìn nhau nghẹn ngào vài phút, và ngày hôm sau Lâm đã vĩnh viễn ra đi để lại chúng tôi với cuộc vui không trọn vẹn. Tuy vẫn biết đời là vô thường, nhưng những kỷ niệm từ thời thơ ấu của chúng tôi làm sao quên được, cũng như lần Lâm

từ Sài gòn lặn lội về thăm tôi tại chiến tuyến Cà mau, ngày ấy xa rồi!!!. Lần này tôi đã mất Lâm, nhưng cũng xin cám ơn Đồng hương Sịa đã tạo dịp cho tôi gặp lại những bạn cũ một thời ở trường Bán Công Quảng phước, nào Nguyễn thị ThuThủy, Lê thị tường Vi, Phan thị mỹ Lệ, Hồ Đăng Lăng, Hồ Đăng Khác, Lê văn Thẩm, và một người thấy quen quen hỏi ra mới biết là Phan ngọc Vấn, một người bạn học với nhau suốt 4 năm trung học mà mình đành quên, xin lỗi Vấn. Tôi không đỗ lỗi cho tôi mà đỗ cho tuổi tác, thì ra mình đã già rồi dễ quên. Tôi và Vấn cùng ngồi ở bàn tiếp tân để ghi tên đồng hương tham dự, vừa làm vừa chuyện trò, cùng nhắc lại những kỷ niệm xa xưa, những nỗi vui buồn của tuổi trẻ vô tư hái hoa bắt bướm, những buổi "đá banh" nắng nóng, nào đua xe đạp, nào phá Tam giang, nào độn cát trắng với những trái "tầm bù" vừa ngọt vừa chát…

Nhắc nhở này tôi trở về con đường làng từ Thạch bình với chùa, miếu cô hồn, miếu thờ vọng, đi xuống nữa là điếm nơi nhóm họp dân làng, theo con đường xóm ngoài đi xuống là đình làng, nơi có cây đa và cây bàng cho tuổi thơ những trái chát chát, đi sâu xuống là xóm dưới với đồng ruộng mênh mông.

Không chỉ làng Thạch bình thôi, bước chân nhỏ bé ngày nào còn lang thang tới Tráng lực nơi có trường tiểu học Khuông phò nơi tôi học 4 lớp: Năm, Tư, Ba, Nhì và Nhất nhưng phải tốn nhiều năm vì chiến cuộc tuy gian nan nhưng quý Thầy vẫn gắn bó với lũ trẻ, những hình ảnh quý Thầy không phai mờ trong ký ức tôi. Thầy Phổ, thầy Bộ Tuyên, thầy Diễn, thầy Mậu, thầy Tiếu, thầy Vẹn, thầy Hiệu, thầy Thanh và cô Minh Mỹ là người dạy lớp Nhất cuối đã cho tôi bằng Tiểu học và phần thưởng cuối

năm ôm không hết, qua khỏi trường là chợ Sịa "chợ ngũ xã" mà nay không còn, trong chợ cũng có nhiều bạn học, chạy chút nữa xuống thăm Thẩm và Giáp Tráng lực thăm thầy Diễn với Vy, Ngọc. Qua bên kia cậu nhỏ lang thang tới Khuông Phò xóm dưới đi tuốt tới cầu Mụ Mày của làng Thủ Lễ, qua xóm Bàu thăm Lăng, Khác, Trát, xong trở về Khuông phò với Niệm Phật Đường Quảng phước nơi bộ 3 Hội, Thẩm, Dưỡng từng sinh hoạt Gia đình Phật tử Quảng phước với sự hướng dẫn của anh Nguyễn khoa Đương, anh Đoàn văn Thanh, chị Bành thị Mại,.



Lên trên kia là chùa Khuông phò với đình làng gần quận Quảng điền trước mặt quận là chùa Thủ Lễ nơi Gia đình Phật tử cắm trại ngày nào, nhỏ còn lang thang tới Uất mậu thăm Bính.

Đi khắp hang cùng ngõ hẻm nhưng vẫn nhớ đường về, giờ đây thay đổi quá nhiều, không còn Sịa thuở nào, cầu, đường nhà đã đổi dạng đổi chủ, một lần về quê tôi đã lạc "quên cả lối về" dù thực tại hay tâm thức…Nhiều và nhiều nữa, những ngày tháng êm đẹp, cuộc sống thật đơn sơ, không vật chất xa hoa nhưng thật hạnh phúc, muốn giữ mãi, nhưng thời gian vô tình trôi qua không dừng lại, thôi cũng đành an trú trong hiện tại. Xin giữ lại

và trân quý những gì đang có, nhất là những người bạn nay tuổi đã già, biết mình còn mấy lần gặp nhau, mình còn bao cơ hội để hàn huyên, để tình bạn vẫn thắm thiết như ngày nào, cơ hội còn ít quá vì trong danh sách ở cột ghi chú chữ "MẤT" hơi nhiều nhất là đến nay được tin bạn này bệnh, bạn kia ốm, tuy biết là chuyện sẽ xảy ra nhưng cũng đau lòng. Hy vọng kỳ hội ngộ tới ở Texas chúng mình sẽ gặp lại nhau nhiều hơn, dài hơn, vui hơn.

Gặp nhau để biết mình còn khỏe mạnh, an vui, để sống lại những ngày xưa, những ngày đẹp đẽ nhất tuy có vui buồn nhưng luôn luôn êm đềm, thơ mộng.

Càng gặp càng nhớ về những ngày còn trẻ, nhớ từ xóm làng với hàng tre xanh, với màu xanh của đồng lúa và những con kinh nhỏ có hàng "mưng" rủ hoa tím, nhớ bàn chân trần nhỏ xíu lội ruộng mà sợ đỉa, nhớ trường, nhớ bạn, Hình ảnh trường Bán công Quảng phước đơn sơ nhưng thật ấm áp với quý thây, quý bạn cùng nhau vui chơi và những buổi văn nghệ với ca sĩ "dổm" của lớp đệ tứ đầu trường, ngày ấy xa rồi.

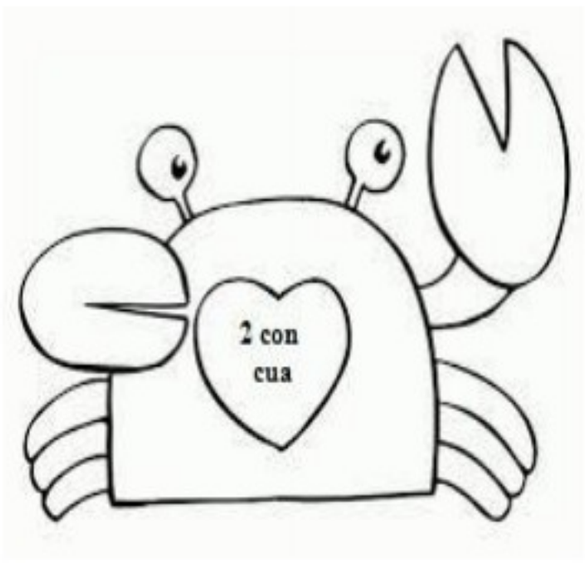
Trường, bạn và gia đình đâu đâu cũng đẹp cũng nên thơ, chưa bao giờ thắc mắc hoặc khiếu nại chuyện thiếu thốn vật chất. Nhớ mẹ nhớ cha, anh chị em …để rồi cũng lớn lên và bay xa về miền sông nước Cà mâu, Bạc liêu, Sóc trăng, Cần thơ…hầu hết vùng 4 chiến thuật và giờ đây tại Hoa kỳ lại xa hơn vạn dặm.

Những hình ảnh mẹ thương con chắt chiu từng chút cho con. Ở Sịa, trong làng không thật sự đầy đủ vật ăn thức uống, trong nhà có đồ ăn gì ngon mẹ luôn dành cho con. Tôi còn nhớ khì lớn lên rời trường Bán công xa nhà qua Huế học nghề, một bữa ra xe đi Huế với vài ngươì bạn trong đó có trai có gái, Thím

(mẹ tôi) lật đật tới bến xe trên tay một gói lá chuối đưa cho con trong đó gói hai con cua đã luộc đỏ ối, tôi mắc cở không nhận sợ "Ốt dột" với bạn, xe chạy Thím nhìn theo buồn, suốt chuyến xe tôi không yên nhớ tới ánh mắt của Thím, tôi gục đầu và thấy có gì nghèn nghẹn trong cô họng. Để rồi lớn hơn chút nữa, ra trường, đi Thủ đức và bị thương về Huế nghỉ 29 ngày tái khám, Thím gởi cua để con ăn cho vết thương mau lành. tuy cua đã chết, nhưng tiếc những con cua, Dì Đai luộc cho tôi ăn để vết thương mau "lồi thịt", Đêm đó "Tào tháo" đuổi chạy không kịp vì ham ăn và thương mẹ, nhớ đến những con cua luộc ngày xưa của mẹ mà quên câu tục ngữ thường nhắc nhở: "Cua chết thì bỏ, vò vọ chết thì ăn" tuy mệt nhưng cũng thỏa lòng.



Đến nay tuy đã già nhưng hình ảnh con "Cua luộc" và ánh mắt buồn của Thím không phai mờ, và ước gì còn được ăn hai con cua đó với tất cả tình thương gói ghém ở trong ngọn lá chuối. Con cám ơn Thím, hai con cua luộc đã theo con suốt cuộc đời.



Boston nhớ nhà 2016
Nguyễn văn Hội

Thư Ngỏ

Kính gởi đến tất cả quý đồng hương và thân hữu Sịa Quảng Điền Thừa thiên tại hải ngoại

Thay mặt Ban chấp hành hội Đồng hương Sịa Quảng điền, tại thành phố Arlington, Texas. Chúng tôi xin gởi lời chào trân trọng nhất đến tất cả đồng hương và thân hữu và chúc tất cả luôn an lành, hạnh phúc.

Theo tinh thần buổi họp của Ban Chấp hành hội Đồng hương Sịa tại Arlington, Texas vào ngày 4 tháng 7 năm 2015 quyết định:

- Để giữ gìn truyền thống tốt đẹp nhớ về cội nguồn
- Để tỏ lòng hiếu thảo với tổ tiên ông bà
- Để ghi nhớ nơi quê cha đất tổ
- Để thắt chặc tình đồng hương nơi quê người
- Để ôn lại những quá khứ vui buôn nơi chúng ta đã từng lớn lên
- Và để nối tiếp truyền thống của các anh chị ở California đã tổ chức hai lần đại hội trước đây thành công và mang nhiều ý nghĩa.

Ban chấp hành Hội đã được sự uỷ thác của Ái Hữu Đồng Hương Sịa Hải Ngoại giao trách nhiệm tổ chức đại hội lần thứ ba tại Arlington Texas

Vào ngày 15-16 tháng 7 năm 2016 (July 15-16 2016) nhằn ngày 12-13 tháng 6 năm Bính Thân.

Kính mong mọi sự đóng góp ý kiến của tất cả Bà con Đồng Hương thân hữu khắp nơi để ngày đại hội được thành công tốt đẹp

- Trưởng ban tổ chức : Nguyễn Hữu Lợi
- Phụ tá: Lê Thành

- Phụ tá: Nguyễn Đình Quốc (Buck Nguyễn)
- Cố vấn:

Hồ Đăng Khác, Lê Hùng, Phan Ngọc Vấn, Lê Nam, Nguyễn Hữu Linh, Hồ Đăng Bính, Hoàng Đăng Xứng,
Lê Cảnh Hải, Hồ Đăng Lô, Phan Gia Kính
Chi tiết chương trình sẽ được thông báo cùng toàn thể Đồng Hương và thân hữu khắp nơi vào thư sau.
Một lần nữa thay mặt hội Đồng Hương Sịa Quảng Điền tại thành phố Arlington Texas kính chúc Quý Đồng Hương và thân hữu khắp nơi luôn an lành, sức khỏe.
Trân trọng kính chào
Thay mặt ban tổ chức
Trưởng ban

Nguyễn hữu Lợi	214-725 4255	Paccrossinginc@aol.com
Thành Lê	817-821-0506	Thanhle256@yahoo.com
Buck Nguyễn	817-449-3835	Buck76017@gmail.com



Kính thưa Quý Bà con
và Thân hữu.

Qua hai lần tổ chức Đại Hội ĐHS 2012 và 2014 chắc hẳn bà con vẫn còn náo nức muốn gặp bạn bè,người thân quen mà bấy lâu nay bặt vô âm tín,nhiều người không liên lạc với nhau nên không biết sinh hoạt của Đồng Hương SỊA,những người vì hoàn cảnh nên chưa có dịp tham dự những ngày hội vừa qua,vì thế Ban Điều Hành Ái Hữu ĐH SỊA Hải Ngoại mong muốn bà con tham dự thật đông ngày Hội Ngộ lần thứ 3 được tổ chức vào 2 ngày 15 và 16 tháng 7 năm 2016 tại thành phố Arlington,Texas nơi có nhiều người Sịa sinh sống hàng thập niên qua .

Với lòng nhiệt tình và hiếu khách, chúng tôi trân trọng kính mời toàn thể bà con Đồng hương Sịa và phụ cận cũng như Quý vị từng làm việc,cựu học sinh các trường tại Sịa ghi danh tham dự,xin bà con khuyến khích con cháu đến thật đông để hậu duệ ghi nhớ nguồn gốc và quê hương mình.

Trân trọng kính chào bà con và hẹn gặp tại Arlington,Texas.

Thay mặt ban tổ chức
Nguyễn Hữu Lợi

HỘI ÁI HỮU ĐỒNG HƯƠNG SỊA HẢI NGOẠI

Thiệp Mời

Đại Hội Đồng Hương Sịa lần 3 tại Arlington, Texas

Thời gian
Ngày 15&16 Tháng 7 Năm 2016

Địa điểm
Pearl Restaurant
2625 Pioneer Pkwy Suit 600
Grand Prairie, Tx 75051

Liên lạc
Nguyễn Hữu Lợi:214-725-4255
Email:Paccrossinginc@aol.com
Thành Lê: 817-821-0506
Email:Thanhle265@yahoo.com
Buck Nguyễn:817-449-3835
Email:Buck76017@gmail.com

GHI CHÚ

1-Mọi sự ủng hộ tài chánh xin gởi về:
NGUYỄN HỮU LINH: 2306 Garden Lane
ARLINGTON, TX 76015 (817) 908-2459
2-Vận chuyển: Mua vé máy bay Phi trường DALLAS FORT WORTH(DFW) TEXAS-USA
Đưa đón liên lạc: Nguyễn Hữu Lợi
3-Lưu trú:Quý vị nào không ở nhà người thân hoặc hotel xin báo trước.Ban tổ chức sẽ thuê nhà từ 3,4 phòng ngủ để quý vị tá túc.
3- Ghi danh tham dự: Hồi báo cho Nguyễn Hữu Lợi (214)725-4255

CHƯƠNG TRÌNH

Thứ 6 ngày 15 tháng 7-2016
4:00PM Viếng Tượng Đài Việt Mỹ tại Veteran Park. 3600 W. Arkansas Ln. Arlington, Tx 76015
5:30PM Họp mặt thân mật ngoài trời và bữa cơm thân mật tại nhà hai cháu THÀNH TRANG- 1835 Southpark Dr. Arlington,TX76013
- Bầu ban Điều Hành nhiệm kỳ 2016-2018

Thứ 7 ngày 16 tháng 7-2016
3:00PM-5:00PM Chào đón đồng hương và thân hữu,chụp hình lưu niệm tại:

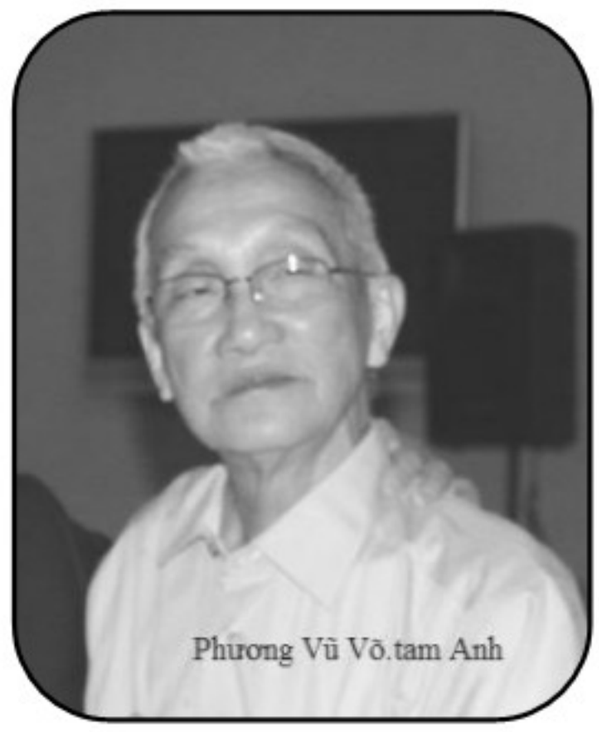
PEARL RESTAURANT
2625 Pioneer Pkwy Suit 600
Grand Prairie,Tx 75051

5:00PM- Khai mạc-Chào cờ Việt-Mỹ
5:30PM- Nghi lễ cổ truyền,thắp hương tưởng niệm 120 liệt sĩ Sịa đã bị Việt Minh thảm sát ngày 25 tháng 1(âm lịch)1947 và Quân Dân Cán Chính đã hy sinh cho Tổ quốc VNCH.Những người tử nạn trong lúc vượt biên trốn chạy Cộng sản.
6:00PM- Vài lời của Anh Hội Trưởng và Trưởng ban Tổ chức.
6:10PM- Tân Ban Điều Hành trình diện.
6:15PM- Dạ tiệc và văn nghệ (với sự góp mặt của nhiều ca sĩ), xổ số trúng thưởng v.v. ..
10:00PM Bế mạc-Chia tay hẹn ngày tái ngộ.





Cá gỗ, Cá sắt


Phương Vũ Võ.tam Anh

Jean Lacouture, một học giả Pháp chuyên viết tiểu sử các nhân vật nổi tiếng trên thế giới, đã bắt đầu cuốn sách Président Hô Chí Minh bằng câu chuyện cá gỗ. Ông kể rằng HCM sinh ra ở Nghệ An, nơi có đời sống rất kham khổ, nơi mà những nhà nho thường dọn bữa ăn với một con cá bằng gỗ để che mắt người ngoài khỏi thấy được sự nghèo túng của họ, vì họ cho rằng nghèo là một chuyện xấu hổ đáng che dấu....

Cái tinh thần chuộng bề ngoài sợ sự thật đó còn lưu lại ngày nay ở Việt Nam để sinh ra một thứ văn hoá chạy theo khoa bảng, chạy theo "hoành tráng" mà bên trong thì trống rỗng. Hằng trăm ngàn tiến sĩ mà không làm nổi một cái đinh vít cho ra hồn mà vẫn huyênh hoang là đỉnh cao trí tuệ.

Trong khi đó thì tại Cam-pu-chia, một nước láng giềng nhỏ bé mà Jean Lacouture đã gán cho mấy chữ không lấy gì vui là "Cộng Sản Nhà Quê", thì họ đang có một đầu óc thực tế hơn là các "đỉnh cao trí tuệ" Việt Nam.

Trước hết người Cam-pu-chia, không bị mặc cảm mà nhìn đúng sự thật để học hỏi và thâu nhận chất xám đến từ mọi nơi.

Một nông dân Việt Nam có sáng kiến cải tạo những vũ khí phế thải thành những xe tăng đại bác tối tân thực dụng, đang bị Việt Nam nghi ngờ và coi thường, nêu không muôn nói là khinh bỉ vì không có bằng tiến sĩ, thạc sĩ, giáo sư, phó tiến sĩ v...v...Thế nhưng anh nông dân này được đón tiếp rạng rỡ ở Cam-pu-chia như là một nhà sáng chế vũ khí có tầm cỡ và được phong ngay hàm Đại tướng. Tiết kiệm được cho Cam-pu-chia khỏi tốn hằng tỷ bạc mua vũ khí Nga Tàu để....vứt đi. Cam-pu-

chia đã thiết kế và sản xuất được xe hơi với giá rẻ và ít hao xăng, một sự cần thiết cho các nước mới mở mang phải biết liệu cơm gắp mắm.

Còn Việt Nam thì chỉ mới biết lắp ráp xe của các hãng ngoại quốc, do người ngoại quốc điều khiển và chỉ mới ở giai đoạn gia công, trong khi bao nhiêu đầu óc Việt Nam đang phí phạm ở khắp thê giới vì điêu kiện chính trị không cho phép phục vụ đất nước.

Thủ tướng Hun Sen có người con trai là Hun Manith, được đào tạo tại trường West Point Hoa Kỳ, một bảo đảm về tư cách và khả năng cá nhân mà cả thế giới hâm mộ, thì chỉ giữ một chức vụ khiêm nhường tại bộ Quốc phòng (Giám đốc sở Tình báo). Khi được hỏi có tham vọng thay thế cha hay không, thì chàng trai 34 tuổi này trả lời rằng đó là chuyện định đoạt do bầu cử. Còn ở Việt Nam thì các thái tử đỏ đã bắt đầu được cài vào những chức vụ then chốt để sẵn sàng nối ngôi.

Trong khi Việt Nam đang say sưa với cái hào nhoáng bên ngoài đang cho dân ăn bánh vẽ nghĩa là ăn những con cá gỗ thời đại Hồ Chí Minh (theo nghĩa bóng) mà bụng vẫn đói mèm, thì ở Cam-pu-chia chính phủ đang cho dân ăn những con cá....sắt (theo nghĩa đen) để chữa bệnh thiếu máu.

Trên thế giới hiện nay có ba tỷ rưỡi người bị bệnh thiếu máu vì thiếu chất sắt (anémie ferriprive), đó là bệnh của nhà nghèo, nhất là ở những nước kém mở mang vì thiếu dinh dưỡng. Sắt là chất cần thiết để tạo nên hạt máu đỏ trong đó có chứa một chất protéine gọi là hémoglobine (huyết cầu tố) có nhiệm vụ chuyên chở dưỡng khí (O2) hút được trong không khí từ phổi đến các tế bào, các mô. Cơ thể thiếu sắt sinh ra thiếu máu, thiêu dưỡng khí, thiêu sự sông....Một sự tình cờ đã đưa con cá sắt nhảy lên bờ để cứu sống được hằng triệu người trên thế giới.

Cách đây ba năm, một sinh viên Canada 26 tuổi, Christopher Charles, vừa đậu xong bằng cử nhân ở đại học Guelph, Toronto, chọn đi nghỉ hè ở Cam-pu-chia, đồng thời chàng cũng giúp những nhà khoa học địa phương để cho thêm

chất sắt vào thức ăn hầu làm giảm chứng bệnh thiếu máu rất phổ biến tại Cam-pu-chia. Ở đây 60 phần trăm phụ nữ phải làm việc vất vả ở tuổi rất sớm, ăn uống thiếu thốn, thiểu thịt đỏ, trái cây, đồ biển v.v...Họ thường bị mất máu trong các kỳ kinh nguyệt và mỗi khi sanh đẻ, ảnh hưởng đến sự chậm phát triển não bộ nơi thai nhi v.v... nghĩa là ảnh hưởng đến sức khoẻ của cả dân tộc. Các thứ thuốc chứa chất săt thì đăt đỏ so với túi tiên của họ.

Chris Charles lấy đó làm đề tài nghiên cứu để lấy bằng tiến sĩ. Trong ba năm trời chàng làm việc trong những túp lều tranh, không nước, không điện để xử dụng máy vi tính, phải học tiếng Cam-pu-chia, nhất là học nghệ thuật lấy máu bệnh nhân từ những chiếc thuyền nan chòng chành trên sông Mékong....

Thoạt tiên Charles đề nghị các bà nội trợ nấu ăn bằng những cái nồi bằng sắt nhưng không ai nghe vì vừa nặng vừa đắt tiền. Đề nghị bỏ một khoanh sắt vào nồi canh cũng không ai theo. Ý kiến chạm một cái hoa sen bằng sắt thì cũng bị chê vì hoa sen là đê cúng Phật chứ không phải đê bỏ vào nôi canh. Sau cùng có lẽ vì được gợi ý bởi cuốn sách Président Hồ Chí Minh của Jean Lacouture về con cá gỗ nên Charles đề nghị chạm hình con cá vừa hấp dẫn vừa rẻ tiền thì được chấp nhận ngay.

Một bác thợ rèn ở đầu xóm có thể làm việc đó với giá 1,5 đô la Mỹ Con cá của BS Charles đem lại 75% nhu cầu về sắt hằng ngày cho một người lớn. Đàn ông cần 9mg, đàn bà 16mg mỗi ngày.

Chỉ cần nấu ít nhất 10 phút để cho cá....chín. Vắt thêm chút chanh vì acide citrique và acide ascorbique (vitamine C) trong chanh làm dễ hấp thụ chất sắt và để mùi vị thêm hấp dẫn, không thua gì tô canh chua cá bông lau mà người dân Campuchia thích ăn hằng ngày. Ở đây hiện có trên 2500 gia đình đang "ăn" cá sắt.

Cuộc khảo sát cho biết phân nửa người dùng sau 12 tháng thì không còn thiếu sắt trong cơ thể nữa, hết những triệu chứng của bệnh thiếu máu như mỏi mệt, tim đập nhanh, người xanh

xao, chóng mặt nhức đầu, kém trí nhớ.... Họ thấy yêu đời hơn và năng động hơn.

Chính phủ Cam-pu-chia đang khuyến khích xử dụng rộng rãi trong dân gian. Tôi còn nhớ vào năm 1982, khi bà bs Dương Quỳnh Hoa còn làm Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Dinh Dưỡng Nhi Khoa tại bệnh viện Nhi Đồng 2, Sài-Gòn, một hôm có phái đoàn đài BBC đến thăm, thấy có nhiều trẻ em bị mù vì bệnh khô mắt (xérophtalmie) vì thiếu vitamine A, thì được bs Quỳnh Hoa giải thích:" Ở đây chính phủ thích choàng khăn quàng đỏ lên cổ các em hơn là
phát cho các em mỗi ngày một viên vitamine A để khỏi bị mù". Một câu nói còn ý nghĩa đến ngày nay, gần nữa thế kỷ sau, để thấy rõ chính sách lo cho dân của cộng sản Việt Nam.

Khi bà bộ trưởng y tế Kim Tiến thờ ơ trước các em bé chết vì chích thuốc ngừa mà bận lo đi nếm nước piscine để kiểm soát lượng thuốc khử trùng chlore, thật là một cử chỉ của phường tuồng vô liêm sĩ. Trong khi anh cộng sản "nhà quê" (chữ của J.Lacouture) đã biết lo sức khoẻ cho dân bằng cách khuyên ăn cá sắt thì Việt Nam còn cho dân ăn cá gỗ dài dài....Cá sắt, cá gỗ, ai ngu hơn ai?

Paris, ngày Đông Chí, 2015

Phương Vũ Võ Tam-Anh



MƯỜI CÂU THƠ SÁU TÁM



Thân tặng hai bạn HỘI và MINH CHÂU

Cùng nhau lên bến Ngân Hà
Lần trang Bát Nhã biết là Sắc Không
Sá chi một thuở bềnh bồng
Dang tay ngăn gió thong dong phương nào
Thôi về khơi ngọn dầu hao
Viết trang Thơ cuối xin trao tặng Người
Phủi tay trả hết nợ đời
Nhân sinh cũng chỉ nụ cười thoáng qua
Sáng Phổ Môn, tối Di Đà
Lòng nghe diệu vợi Lăng Già Tâm kinh .....

Minh Quang Lê văn Thẩm



NGƯỜI LÍNH NĂM XƯA

Ngày 19 tháng 10 năm 2014, tôi đi dự buổi hội ngộ cựu Sĩ Quan khóa 17 SQTB Thủ Đức. Một tuần trước đó Anh Thẩm nói mời tham dự " Kỷ Niệm 50 Năm Ngày Vào Cuộc Chiến ". Thì ra Khóa 17 SQTB Thủ Đức ra trường tháng 10 năm 1964. Thời gian 50 năm hay nửa thế kỷ mang ý nghĩa lịch sử trọng đại như thế. Đó là : Năm 1964 chiến trường Miền Nam trở nên sôi sục và ác liệt …

Hôm nay đây thành phần tham dự gồm có: Quan khách, một phần tư cựu sinh viên sĩ quan khóa 17 (giờ là cựu chiến binh, cựu sĩ quan), phu nhân cựu sĩ quan khóa 17, cùng các niên trưởng của các binh chủng Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Biệt Cách Dù, Lôi Hổ,Quân Cụ, Pháo Binh …

Sau phần lễ nghi quân cách, tiếp đến MC Lê văn Thẩm đông hương Sịa (Thừa Thiên – Huê) mở đầu lời dân nhập rồi điều hợp chương trình qua 14 bản nhạc với chủ đề Trường Ca Người Lính Chiến Việt Nam Cộng- Hòa, lòng tôi thấy với nồi niềm Thương Tiếc và Tri Ân. Tài ba của MC Thẩm đã thể hiện suốt 3 giờ không trùng một câu hay một ý, không lúng túng so với tuổi đời ngoài thất thập và trên tay không một tờ giấy thật đáng khâm phục. Do đâu, đó là từ trái tim của người lính chiến, từ lời dẫn nhập anh Thẩm nói : "……..Biết bao nhiêu chiến sĩ VNCH đã ngã gục hy sinh cho cuộc chiến, một chiều nào đó khi hoàng hôn buông xuống, khi cơn gió chiều lộng thổi, khi những cơn mưa bấc bay, chúng ta đứng trước nghĩa trang quân đội nhìn những ngôi mộ nằm sát nhau thẳng dài hiu hắt dù vô cảm hay vô tình đi nữa không thể nào hững hờ trước sự hy sinh cao cả khi người lính đem thân mạng mình hy sinh cho đại nghĩa ……" và còn nhiều nữa.

Từ sự diễn giải trầm hùng cũng như thiết tha của MC Lê văn Thẩm, tôi chợt nhớ ngày xưa trong bài Văn Tế Tướng Sĩ có đoạn :

"…Đã biết anh hùng thì chẳng quản trăm trận một trường oanh liệt chữ sinh không mà chữ tử cũng là không. Tiếc thay con tạo khéo cơ cầu phận thủy có mà phận chung sao chẳng có ….."

Đó là chuyện hơn hai trăm năm trước trên bờ sông Lô giang (Nhị Hà – Miền Bắc Việt Nam 1802). Đồng thời tôi cũng nhớ lại hình ảnh người lính VNCH bên cầu Sàigon sáng 30-4-1975 trước giờ định mệnh lịch sử. Họ vừa chiến đấu vừa tải thương thường dân cũng như đồng đội vừa che chở cho thường dân trên đường lánh nạn. Họ là những anh hùng vô danh như mấy dòng chữ ghi nơi Tượng Đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ :

It is DUTY - HONOR - SACRIFICE .
sometimes said that Heros are hard to find, People who understand the meaning of Duty Honor and Country need to look no further than those who fight for freedom and democracy .
(Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm .
Người ta thường nói khó mà tìm ra các vị anh hùng. Nhưng bạn hiểu được ý nghĩa của Tổ Quốc Danh Dự và Trách Nhiệm thì không cần tìm đâu xa hơn những người đã và đang chiến đấu cho tự do và dân chủ)

Trong niềm tiếc thương và tri ân tôi hồi tưởng giai đoạn gia đình chúng tôi di tản từ miền trung về nam, khi thấy bóng dáng màu áo người lính chiến VNCH từ phương nam, chúng tôi thấy mình được sông .

Chuyện là ngày 1-4-1975 gia đình chúng tôi di tản đến Cam Ranh, rồi không được yên nữa, sáng 2-4-1975 lại ra đi nhưng phải trở về vì cây cầu giữa Ninh Thuận – Cam Ranh bị giựt sập. Rồi lại đồn đãi, rồi tiên đoán đây là lằn ranh giữa hai phe

Quốc – Cộng. Thế là hôm sau chúng tôi tiếp tuc đi nữa. Vượt qua được chiếc cầu gãy chúng tôi kiếm được một chiếc xe La Dalat, chúng tôi lên xe rồ máy chạy về phía nam, gần nhà thờ Hộ Diêm thình lình đám cướp trên xe du lịch từ hướng thị xã Phan rang vừa chạy vừa bắn loạn xạ vào chúng tôi. Bạn tôi – Anh Tòng – lái nhanh vào con hẻm rồi trốn sau bức tường. Khi tiếng xe của đám cướp xa dần, chúng tôi đi vào nhà thờ Hộ Diêm, tại đây có rất đông người từ miền trung lánh nạn, trên đường về Nam họ cũng bị kẹt ở đây như chúng tôi. Gần ba ngày qua chúng tôi không thấy bóng dáng người lính chiến VNCH . Lần cuối cùng ngày 31-3 -1975 tôi thấy lính Dù đóng chốt ở Ngã Ba Ninh-Hòa - Dục Mỹ. Đang lo lắng tìm đường về Nam thì có tin không tốt lành đến: xe tăng Bắc Việt xuất hiện ở Ba Ngòi – Cam Ranh cách chúng tôi khoảng 40 km .

Đang lúc tuyệt vọng như thế, thì nhìn về hướng phi trường Tháp Chàm, chúng tôi thấy nhiều trực thăng lên xuống, có trực thăng lượn gần chúng tôi như che chở cho chúng tôi cũng như cho chúng tôi niềm hy vọng. Ngoài đường cái tình hình trở yên lặng và bình an hơn. Chiều xuống, một số người từ Nha Trang chạy được vào đây, hỏi xem tình hình ngoài đó thì ngoài đó có chính quyền mới và họ hỏi đây có phải là vùng tự do không, rồi họ tự trả lời đúng rồi: đây rồi lính dù đóng ở Ba Tháp chỉ đường cho chúng tôi vào đây, họ còn nói trên đường vào đây họ thấy binh sĩ VNCH đóng ở Quân lỵ Du Long (gần ranh giới Ninh Thuận – Cam Ranh). Đến tối nhiều tin tốt lành dồn dập đến, nào là Quân Đoàn 3 đang phụ trách khu vực còn lại của Quân Khu 2 (hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận), Bộ Chỉ Huy Tiền phương của Quân Đoàn 3 đóng ở Phi Trường Tháp Chàm, Phan Rang, tàu lớn đang ở ngoài khơi Ninh Chữ, qua radio BBC, Đài Phát Thanh Sàigòn chúng tôi biết được tình hình,

chúng tôi quá mừng không ăn ngủ được chờ sáng mai tìm đường về Sàigòn .

Sáng hôm sau ngày 4-4-1975 có một chiếc xe hàng cỡ trung từ Phan Thiết đến, chiếc xe nầy chở chúng tôi chạy về Nam, xe chạy khá nhanh nhưng chúng tôi cảm thấy quá chậm vì quá nôn nóng. Xe đến thị xã Phan Thiết thì tài xế nói không thể đi vào Bình Tuy được nhưng ông ta tốt bụng đưa chúng tôi về làng chài Thanh Hải nơi đây ông ta giới thiệu chúng tôi chủ chiếc tàu đánh cá 6 lốc. Chủ tàu vừa ở Vũng Tàu ra và gom hàng đưa vào Vũng Tàu. Ông chủ tàu nói trưa mai ngày 5-4-1975 tàu mới khởi hành, thấy tôi lo lắng, ông ta giải thích chung quanh đây bình an lắm, bộ chỉ huy đóng ở Lầu Ông Hoàng phía trước, bên ngoài thì có hải quân hơn nữa tàu của chúng và nhà đều ở gần đây lo sợ gì. Thỉnh thoảng chúng tôi thấy vài xe jeep qua lại bên trên chiếc cầu. Không khí sinh hoạt thật bình thường và thanh bình nữa. Tôi đó chúng tôi mới có bữa ăn ngon miệng sau gần 4 ngày di tản ….

Trưa hôm sau tàu ra khơi khởi hành về Nam, tàu chạy sát bờ biển, xa xa bên ngoài chiến hạm hải quân VNCH lướt sóng, mặc dù chưa sang hè trời trong xanh không gợn chút mây trắng, biển thì xanh đậm dưới ánh nắng chan hòa, khác hẳn ngày 3-4-1975 lúc tôi rời Cam Ranh trời rét mướt dưới cơn mưa. Thời tiết trái mùa như thế như để chào đón đoàn xe tăng của Bắc Việt. Hôm đó, bầu trời u ám rồi mưa rét như báo trước tương lai của Miền Nam Việt Nam một tháng sau đó. Đêm xuống, không khí trong tàu trầm lặng ngoại trừ tiếng máy tàu nổ đều đều, bên ngoài không gian cả màu đen như mực từ màu nước biển, trên trời lấp lánh những vì sao như những ngọn đèn le lói từ xa rồi dần tắt. Bỗng một bóng đen (từ đám người nằm la liệt trên sàn tàu) đứng dậy có lẻ ông ta không ngủ được, ông

ta than thở nay mất tỉnh nầy mai mất tỉnh khác, không biết tương lai ra sao đây. Qua câu chuyện chúng tôi được biết ông là di cư từ Bắc năm 1954, từ 10 -3-1975 ông đã di tản qua nhiều nơi nào là Lâm Đồng, Đà Lạt, Nha Trang, Bình thuận giờ đây đang chạy về Vũng Tàu .

Tôi rùng mình nghĩ tới lời ông bạn Bác Sĩ nói ngày 31-3-1975 đi đâu nữa "kiến trong miệng chén biết bò đi đâu ". Chúng tôi rùng mình nghĩ đến viễn cảnh Saigon thủ đô của Miền Nam thất thủ, số phận chúng tôi sẽ như đàn sâu vào mùa hè 1974 ở Phan Rang. Ngày đó đàn sâu từ miền núi tràn xuống đồng bằng băng qua quốc lộ 1 xuống biển. Ngoài ra trên đường di tản chúng tôi còn biết tin Tổng Thống Hoa Kỳ Gerald Ford ra lệnh di tản cô nhi Việt từ Saigon về Mỹ. Chiến dịch di tản đó gọi là Babylift. Khi ông bạn đồng hành nói như thổn thức thì bạn tôi – anh Tòng – reo lên: đèn radar soi sáng ngoài khơi Vũng Tàu kia kìa, chúng ta đến nơi rồi Hải Đăng đó như soi sáng chúng tôi vào Miền Nam Tự Do…..Thành phố Vũng Tàu yên lặng về đêm trong giấc ngủ .

Trời vừa sáng chúng tôi lên bờ và về đến Saigon trưa ngày 6-4-1975. Hôm sau nhiều người chen chúc nhau trước Tòa Đại Sứ Mỹ ghi tên đi di tản. Đó là những người làm Sở Mỹ. Thành phố Saigon giờ đây đông nghẹt người nhưng chưa có dấu hiệu hoảng loạn . Trong tình hình đó lại có giao tranh ở Long Khánh cách xa Saigon khoảng 80 km. Sáng ngày 9-4-1975, đường phố Saigon đầy biểu ngữ " Long Khánh, Long An là mồ chôn của cộng phỉ ". Người ta tin cho chúng tôi: đã đuổi chúng ra hết rồi, cụ thể khai thông con đường Long An- Saigon, gạo cũng như thực phẩm ồ ạt về đến Saigon. Đài Phát thanh loan tin kho gạo và thực phẩm (kho an toàn) có thể nuôi dân Saigon 8 tháng nếu không thông thương được với bên ngoài. Tối đến

xem TV nhìn những khí giới tịch thu và xác địch chất đống ngổn ngang chúng tôi thấy có ghi " Đây là mồ chôn cộng phỉ" thuộc các công trường 5, công trường 7, công trường 9 (1). Chúng tôi thấy phấn chấn cho đây là " trận Valmy cứu VNCH " (2).

Song từ 16-4-1975, tình hình trở nên đen tối Phan Rang, Phan Thiết, Long khánh lần lượt mất, rồi người ta lai đùa với nhau " tái phối trí lực lượng " hay " di tản chiến thuật ". Từ khi đài phát thanh ngoại quốc người ta nghe bản nhạc " I dream the White Snow". Thế là cuộc di tản hay " cuộc tháo chạy bắt đầu ". Về phía Việt Nam, những chỉ dấu sau đây cho thấy sự mất đi của Miền Nam. Tối 27 -4-1975 Chủ Tịch Thượng Viện VNCH (ông Trần Văn Lắm) tuyên bố : Thế là chúng tôi đã thua, nhưng có điều an ủi là chúng tôi thua người Việt Nam. Chiều 28-4-1975 trước giờ Tổng Thống Trần Văn Hương trao quyền cho Tướng Dương Văn Minh, tiếng nói của phát thanh viên đài phát thanh Saigon như sau : "… trước Vương Cung Thánh Đường, mưa lác đác rơi, bầu trời mù mịt như tương lai của Miền Nam Việt Nam …". Sau lễ bàn giao là hàng loạt pháo kích của lực lượng Bắc Việt : Saigon đang hấp hối .

Đêm 29 sáng 30 tháng 4, toàn thành phố Saigon mất điện. Sáng đó (30-4-1975),cuộc tháo chạy vẫn tiếp tục, Saigon sắp trút hơi thở cuối cùng, thì có một hình ảnh trái ngược nơi cầu Saigon như chúng tôi nói ở trên : cuộc chiến đấu với bộ binh và xe tăng Bắc Việt vẫn tiếp diễn trên cầu Saigon : xe tăng địch vẫn bị bắn cháy, quân Bắc Việt vẫn không tiến qua cầu Saigon. Trận chiến kết thúc khi Tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

Hình ảnh trận chiến trên cầu Saigon sáng 30-4-1975 trái ngược quan cảnh Saigon thời khắc đó: trên không nhiều trực thăng

loại chianook hướng ra biển, trên bộ hàng trăm ngàn người đổ xô ra bến cảng. Hình ảnh đó chúng tôi có thể so sánh với hai trận chiến sau đây:

Hai trăm năm trước công nguyên: trận Cai Hạ giữa Hạng Võ và Lưu Bang. Quân Hạng Võ bị vây vào bước đường cùng, ba ngàn đệ tử của Hạng Võ đều bỏ trốn. Đó là một cách đánh đấu chấm dứt cuộc chiến.

Năm 1814, ở Châu Âu trận chiến giữa Pháp và liên quân Anh Phổ ở Waterloo, Quân Pháp bại trận. Hoàng đế Napoleon đệ nhất có thể bị bắt sống, song 100 ngự lâm quân bám quanh Hoàng Đế quyết chiến để bảo vệ Chủ Tướng đến người cuối cùng. Liên quân Anh Phổ kính nể sự can trường đó và thôi truy bức …

Ba trận chiến Cai Hạ (thế kỷ thứ ba trước công nguyên) , Waterloo, cầu Saigon sáng 30-4-1975 có điểm chung trận đánh dâu ngày tàn cuộc chiên, bên thua trận: chủ tướng tự vân, chủ tướng thì bị lưu đầy ra hoang đảo, chủ tướng thì bị an trí tại gia rồi bị lưu đầy. Thường thì quân thua tướng mới chạy, nhưng ở hoàn cảnh Miền Nam Việt Nam lúc đó tướng chạy thoát trước mà quân vẫn còn chiến đấu và ngăn bước tiến của địch .
Chuyện đó nhà văn Morris L. West trong tác phẩm The Ambassador (ông Đại Sứ) xuất bản năm 1964 (3) đã viết “ Đại Tướng Tolliver là người Mỹ duy nhất ở đây có một mớ chỉ thị lương thiện. Ông được lệnh chiến đấu trong một cuộc chiến không thể thắng được nhưng chẳng ai trông đợi ông thắng trận cả. Với ông và với ngũ giác đài chỉ là Một Trận Trì Hoãn Chiến ……và trách nhiệm tối hậu không phải đổ lên đầu ông mà là Bộ Tổng Tư Lệnh Quân Đội VNCH …….. ” Ông tướng còn than thở tốn bao nhiêu tiền bạc và còn tốn thêm nữa nhưng người Mỹ cố vấn vẫn là cố vấn.

Đến khi đổ tiền bạc, đưa nửa triệu quân và vũ khí vào Miền Nam rồi tháo chạy. Rồi cảnh một số cựu chiến binh phải bật khóc trước bức tường đá đen, họ khóc như thế nầy: binh pháp không dạy họ Làm Chính Trị ở chiến trường. Binh sĩ VNCH cũng thấy điều đó .

Hôm nay sau 40 năm những người lính năm xưa những người muôn năm cũ giờ ở đâu, họ già lắm rồi. Họ có thể sống cuộc đời còn lại nơi quê hương thứ hai nầy, hoặc đi vào cõi Vĩnh Hằng, hoặc phiêu bạt nơi xa xăm rừng núi hay thôn trang nào đó ….. Trong niềm tri ân và tiếc thương, tôi xin cảm tạ :

- Ho, những người cùng trang lứa với chúng tôi sớm khoác chinh y đi vào miền gió cát. Những bước chân âm thầm của họ đem cuộc sống bình yên nơi hậu phương.

- Sư hiện diện của họ đã mang nhiều hy vọng và sống còn suốt một tháng di tản 40 năm trước đây ./.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014

Trần Hà Thanh

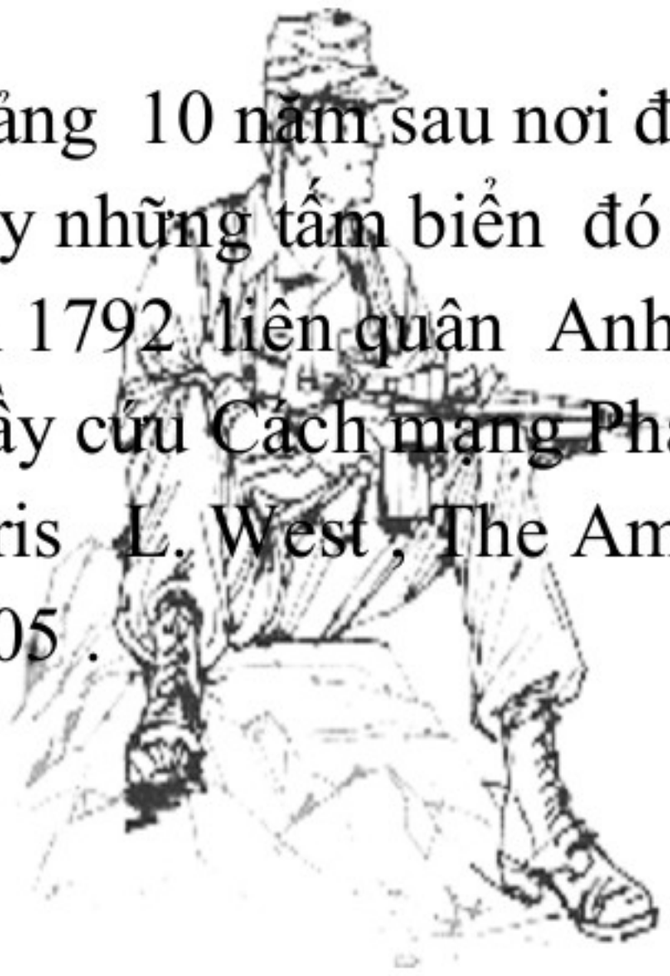
Cựu GS trường Trung Học Bán Công Quảng Phước

CHÚ THÍCH :

(1) Khoảng 10 năm sau nơi đống rác khổng lồ người ta tìm thấy những tấm biển đó .

(2) Năm 1792 liên quân Anh-Phổ bị chận ở Valmy. Biến cố nầy cứu Cách mạng Pháp 1789 .

(3) Morris L. West , The Ambassador (Ông Đại Sứ) –trang 105 .



THƯA THẦY BỐN CHỤC NĂM RỒI

Kính tặng tất cả quý Thầy, Cô Giáo cũ
Riêng kính tặng Thầy Phan Gia Hòa (Fremont, CA)



Thời gian nước chảy, mây trôi
Sông kia bãi nọ cũng rồi tang thương
Mười lăm năm, đủ đoạn trường
Hai lăm năm nữa cũng nhường ấy thôi
Sương che khuất nửa mái đời
Nửa đêm chợt tỉnh, tiếc thời xuân qua
Cánh chim lạc nẻo giang hà
Đậu trên xứ lạ mờ xa dặm về
Đường làng mát rượi bóng tre
Trường xưa, lớp cũ, tiếng ve, phượng hồng
Còn nguyên nỗi nhớ chưa mòn
Bảng đen, phấn trắng, những dòng chữ nghiêng
Nhớ thầy cô, nhớ bạn hiền
Giữa trời luân lạc biết tìm nơi nao?!
Một thời xương trắng máu đào
Bút nghiên xếp lại, đi vào chiến tranh…
Một hôm có dịp hỏi thăm
Dò ra mới biết thầy đang chốn này
Cũng gần, mươi dặm chim bay
Ở đây với đó hẳn ngày gặp nhau
Trên phôn nghèn nghẹn câu chào
Thưa Thầy một tiếng, lòng xao xuyến lòng
Từng đi trên ngọn cỏ bồng
Vẫn không ngăn được mấy dòng lệ rơi



Thưa Thầy bốn chục năm rồi
Phá Tam Giang nước đầy vơi mấy triều…
Trường xưa giờ cũng tiêu điều
Tình Thầy, nghĩa Bạn trăm chiều ngổn ngang!...

Quang Hà SF, May 30, 2002

Tim Tím Màu Thương



Áo tím ngày xưa anh trót yêu
Áo màu tim tím em thường mặc
Tim tím thơ ngây tuổi thẹn thùng
Nhìn em anh bảo đẹp lạ thường
Màu không đậm sắc của buồn vương
Màu không ly biệt như sim tím
Tim tím đơn sơ thật nhẹ nhàng
Vương vương thương nhớ thật dễ thương
Có hôm nhung nhớ anh mơ tưởng
Nhìn mây trời mà cứ tưởng áo em vương
Có dạo em xếp áo bỏ vào rương
Đê anh bớt thương thôi nhớ hết mơ màng
Nào ngờ anh bảo chiều nay mình đi phố
Anh dẫn em đi chợ Đông Ba lẫn phố phường
Tiệm nào bán vải anh đều ghé
Để tìm màu tim tím áo anh thương
Mới đến chưa hỏi mấy Bác đã hiểu lầm
Tưởng mình hai đứa đi mua áo cưới
Tươi cười đưa gấm vàng xanh đỏ ra khoe
Liếc nhìn em anh cười tươi rói
Còn em thì mắc cỡ chết đi thôi
Ra đường bấm tay anh em nói nhỏ
Dị rứa mà anh cũng cứ cười
Nụ cười anh giữ mãi với niềm vui
Nhìn em anh nói không ngần ngại
“Rồi mai đây mình cũng đi may áo cưới

Hai đứa mãi mãi bên nhau khỏi đợi chờ”

Áo cưới chưa may hai đứa đã hai đường
Khắc nghiệt Trời ơi sao Ông nỡ!
Tội tình chi mà hai đứa phải chia xa
Anh buồn bỏ xứ đi phương khác
Lênh đênh trên sóng biển trùng khơi
Còn em ở lại lặng lẽ bước vu quy
Thời gian năm tháng mãi trôi dài
Tưởng anh đã vui bề gia thất
Nào ngờ anh vẫn còn độc hành
Trong nổi nhớ cô đơn
Áo tím ngày xưa anh trót yêu
Màu không đậm sắc của buồn vương
Màu không ly biệt như sim tím
Nhưng rồi hai đứa cũng xa nhau
Tim tím màu thương không phai nhạt
Áo màu tim tím vẻ nên thơ.

Áo Tím



BÁO CÁO THU CHI ĐỒNG HƯƠNG SỊA HẢI NGOẠI

Kính thưa Quý vị Đồng Hương Sia.
Trong ngày tổng kết Thủ quỹ đã báo cáo mọi THU và CHI với sự tham dự trên 60 đồng hương tại nhà hàng Diamond-Garden Grove.Sau đây tôi xin tổng kết lại như sau:

A-PHẦN THU

1-Tiền đồng hương ủng hộ trước ngày 03/7/2014:
$10,200.00

2-Tiền đồng hương ủng hộ trong ngày Tiền hội ngộ 03/7/2014:
$ 3,350.00

3- Tiền đồng hương ủng hộ ngày chính thức 04/7/2014:
$ 1,100.00

4-Tiền đồng hương ủng hộ tại bàn ngày chính thức 04/7/2014:
$ 8,190.00

5-Tiên Anh Trương Đô ủng hộ ngày tông kêt:
$ 100.00

TỔNG THU: **$22,940.00**

B-PHẦN CHI

-Chi phí gởi thư mời :
$345.00 (Lê Trực)

-Chi phí thư mời bổ túc:
$74.00(Lê v.Thẩm)

-Làm LOGO(Order online):
$305.26 (Phan Tô)

-Làm bảng tên(giấy mực,viết,plastic badge)
 vải sân khấu.:
$271.83 (Phan Tô)

-Mua sơn và dụng cụ vẽ tranh phong sân khấu:
$360.00 (Hoàng Khiêu)
-Quà xổ số và Đố vui:
$400.00 (Hoàng Khiêu&Kim Chiến)
-Chi tiêu ẩm thực ngày tiền Hội ngộ,thuê
bàn ghế v.v. :
$2,406.00(Kim Chiến)
-Quay phim ,chớp ảnh 2 ngày :
$1,500.00(Kim Chiến)
-Ban nhạc 3 ngày:
$700.00(Thủ quỹ trả)
-Tiền bia rượu v.v.:
$715.00(Chị Bành K. Lệ)
-Tiền Banner treo phía trước:
$279.00(Bành K.Lệ)
-Tiền nhà hàng ngày Chính thức:
$7,930+500(deposit)=$8,430.00
-Tiền nhà hàng ngày Tổng kết:
$1,175+100(deposit)=$1,275.00
-Ủng hộ TPB/VNCH tại Việt Nam :
$1,000.00(Bà Hạnh Nhơn nhận)
TỔNG CHI: $18,061.00

C- TIỀN CÒN LẠI: THU $22,940.00-CHI $18,061=
$4,879.00(Bốn ngàn tám trăm bảy chín)
Số tiền còn lại này sẽ chuyển đến Thủ quỹ chính của Ban Điều Hành Sia.
Trân trọng kính báo cáo.

THỦ QUỸ TONY PHAN
CALI-07/08/2014

PHẦN CHI KẾ TIẾP

-Ngày 19/7/2014 Vòng hoa Phúng điếu Ông Võ đình Lâm:

- $100.00(Anh Thẩm Order)

-Ngày 27/7/2014 Biếu Gift Card anh Tùng đánh trống

-$105.95(5.95 Fee)

-Ngày 31/8/2014 Trả tiền sang 200 CD :(Kim Chiến nhận)

- $400.00

-Ngày 16/9/2014 Giúp Thầy Niên(VN) (Anh Thắng nhận)

- $150.00

-Ngày 4/10/2014 trả tiền sang DVD:(Kim Chiến nhận)

- $1,000.00

Cọng chi : -$1,755.95

D- Số tiền còn lại: $4,879.00 - $1,755.95 = **$3,123.05**

E-THỦ QUỸ THÁI NHƯ KHUÊ BÀN GIAO:

-NGÀY 6/10/2014 Nhận 1 check của Thủ quỹ Như Khuê bàn giao: **+ $7,239.00** (Bảy ngàn hai trăm ba chín)

G-Quỹ còn lại cọng 2 mục(D) và(E): $3,123.05+$7,239.00 = $10,362.05

-Nhận của Anh Phan Lữ Kha : +$20.00 $10.382.05

H-PHẦN CHI KẾ TIẾP

-Ngày 22/11/2014 Phúng Điếu Bà Hồ Thị Thau tại Tráng Lực Sịa : $103.00

-Ngày 20/12/2014 Phúng điếu Cụ Ông Hoàng Xuân Ánh(Khuông Phò): $103.00

-Ngày 01/04/2015:Thăm anh Vũ Khiêu bệnh,tặng sữa Ensure : $027.00

-Cước phí gởi DVD và label: (receipt, Phan To) : $126.09

-Cước phí gởi DVD (Banh k.Le)
:$229.40
-Ngày07/02/2015 Xuất thêm Cây mùa xuân Ất Mùi(Ngô Huỳnh) :$450.00
-Ngày07/02/2015 Xuất Ngô Huỳnh mua Áo lễ,chiên trống :$600.00
-Ngày 22/2/2015 Phúng điếu Cụ Ông Phan Tuân(Thạch Bình) :$100.00
-Ngày 15/03/2015 thăm Anh Nguyễn Lạn bệnh (BK Lệ) :$ 020.00
Cọng chi : $1,758.49

I-TIỀN CÒN LẠI: (G)$10,382.05-(H)$1,758.49 = **$8,623.56**

UPDATE: SEPTEMBER, 01-2015 Thủ quỹ PHAN TÔ
-Ngày 21/11/2015 Phúng điếu thân mâu anh Hà Thuận(Thủy Lập $103.00
-Ngày 5/12/2015 Phúng điếu Ông Phan Hoàng(Huế) $103.00



Lời ru đồng vọng



Ngày đáo xứ ta về thăm thôn Thủ
Lắng tai nghe tiếng mẹ hát ạ ời
Lời ngọt lịm từ ngàn xưa còn đọng
Sẽ ru ta vào giấc ngủ tuyệt vời

Một sáng sớm thả ra vườn ngoạn cảnh
Tìm dư âm hương vị thuở xa xưa
Để sống lại những gì đang khao khát
Mà bao năm hải ngoại sống như thừa

Mỗi chiều xuống rảo chân tìm bạn cũ
Năm ba thằng gom lại đủ mua vui
Ly rượu mạnh chuyền nhau mừng hội ngộ
Lỡ men say trải manh chiếu ngủ vùi

Đời dâu bể ngày về không hẹn trước
Say hôm nay còn có được mấy thằng
Dẫu mai tỉnh gian trần còn gì nữa
Quãng đời người hồ dễ đã trăm năm

Cuộc say tỉnh cho nhau tình bạn hữu
Của một thời thơ dại tuổi đang lên
Niềm vui đó chắc gì tìm lại được
Chia xa rồi hồ dễ mấy ai quên

Ngày biệt xứ cha già trên giường bệnh
Mẹ ngậm ngùi giấu hạt lệ phân ly
Trước nghịch cảnh ta xăm mình giã biệt
Lần ra đi không hứa hẹn ngày về
Rồi một hôm cha già rời cõi thế
Mẹ đau buồn mất mát bóng người thân
Tuổi già nua đi dần vào tàn tạ
Chẳng bao lâu mẹ cũng đã mãn phần

Nhang thơm ba nén con thầm nguyện
Giữa chợ đời cho con được bình yên
Ngày mai mốt sẽ về thăm mộ mẹ
Quỳ bên cha và dưới ánh mắt mệ hiền

Mẹ là nguồn sống trong tim con bất diệt
Là hoa đăng rực sáng cõi gian trần
Dù sông núi ngăn chia tình mẫu tử
Dáng mẹ hiền vẫn sáng tựa sông Ngân



Kính dâng lên hương hồn cha mẹ
Lữ Băng Tâm
Đất thiên hạ 1994

Tôi đi "chự ló"...

Bốp



.." Hán tự chẳng biết hán,
Tây tự chẳng biết tây,
Quốc ngữ cũng tịt mít
Thôi trở về đi cày..."

Tôi không nhớ rõ đây có phải là mấy câu thơ trào phúng của Cụ Tú Xương hay không, hoặc của ai khác.

Nói thế để xác định bản thân tôi vốn được "ậm oẹ" ba chữ Hán, "cà lăm" vài chữ Tây, rồi quốc ngữ thì nhờ được theo học từ nhỏ tại làng Thạch Bình nên đọc và viết tạm suông sẻ.

Vì vậy không tới nổi phải trở về đi cày như câu cuối của đoạn thơ !

Chữ Hán, mùa hè năm 1953, khi thi đậu "càng cua"(concours) vào lớp đệ thất trường Khải Định (lúc này Trường chưa đổi tên thành Quốc Học, do Thầy Huỳnh Hòa làm hiệu trưởng, các lớp Đệ nhất cấp phải học ở cơ sở của Trường tư thục Việt Anh cũ, nằm gần sân vận động Bảo Long, sau đổi thành sân Tự Do, ở bến đò Tòa Khâm đi lên).

Chưa khai giảng niên học thì có nghị định của Bộ Giáo dục quyết định Trường Khải Định chỉ gồm những lớp Đệ nhị cấp, cơ sở cạnh Trường Đồng Khánh, các lớp Đệ nhất cấp của trường đang học ở Việt Anh sẽ mang tên mới: Nguyễn Tri Phương. Các lớp đệ thất năm đó có 1 hay 2 giờ Hán văn mỗi tuần. Môn Hán văn do thầy Ưng Đồng dạy (Thầy cũng dạy cả môn Quốc văn lớp chúng tôi). Suốt cả năm học, tới giờ này tôi chỉ còn nhớ được bài :

“ Hữu lão ông,
Nhập thị trung,
Mãi ngư nhất vỹ
Bộ hành hoàn gia”
Mà dịch ra Việt ngữ là “Có ông già, đi vào chợ, mua một đuôi cá, đi bộ về nhà”.
Sở dĩ nhớ được là vì tôi được kêu lên trả bài.
Còn cách viết theo chữ Hán thì hoàn toàn trả lại cho Thầy, nghĩa là không còn nhớ chữ mô cả, ngoài chữ “nhất”. Sau này, nhờ các môn học khác, nhất là quốc văn mà hiểu được nhiều chữ Hán.

Qua năm sau, khi đang học đệ lục, chương trình mới của Bộ Giáo dục bắt học sinh chỉ chọn một trong 2 môn Anh văn hoặc Hán tự để học, tôi theo học Anh văn.
Đầu năm Đệ ngũ, trường Khải Định mở lại các lớp Đệ nhất cấp, lớp tôi (đệ ngũ B3) cùng lớp đệ ngũ B1 và 6 lớp khác gồm thất, lục, tứ của trường Nguyễn Tri Phương được chuyển lên để hình thành khối Đệ nhất cấp. Lúc này Thầy Nguyễn văn Hai làm Hiệu trưởng và các lớp của đệ nhất cấp , ngoại trừ hai lớp đệ tứ, học ở dãy nhà trệt mới cất, sát trường Đồng Khánh, chỉ cách một con đường.

Cũng năm này, Trường Khải Định kỳ niệm 60 năm ngày thành lập và vận động đổi tên trường thành Quốc Học Ngô Đình Diệm. Học sinh trung học đệ nhất cấp (có một giờ học âm nhạc mỗi tuần) chúng tôi phải tập hát - mà tôi còn nhớ lõm bõm :...”*học sinh trường Ngô Đình Diệm, đem sách đèn sáng soi sơn hà, ..., vui sống đời ta, thề tranh đấu cho nền tự do*.... bài hát này do Thầy Lê hữu Mục sáng tác, trong đó có “bốc thơm” và “hót” Cụ với câu....*”gương anh hùng sáng trong tâm hồn”*...

Ngày kỹ niệm được tổ chức trọng thể. Cổng trường được dựng lên như bây giờ nhưng bằng gỗ. Buổi lễ được Tổng Thống Ngô Đình Diệm chủ tọa. Sau đó, trường chỉ có tên Trường Quốc Học mà thôi và bài hành khúc Quốc Học Ngô Đình Diệm không bao giờ được hát.

Chương trình học chúng tôi có đủ Pháp văn và Anh văn hằng tuần.

Dông dài như vậy để giải thích lý do tại sao tôi không về đi cày, dù cho sau này nhiều nông dân Sịa mình đi cày cũng văn chương chữ nghĩa đầy mình.

Như tôi có kể trong bài "*Sịa, quê hương tuổi thơ của Bốp"* tôi được ông bà nội cho qua Huế ở rất sớm.

Lâu lâu khi có dịp nghỉ tôi lại leo lên xe " Huế -An lỗ- Sịa" để về thăm ngoại, có khi ở lại vài ngày. Niềm vui khi xe vừa qua khỏi cầu, trước mặt hội quán làng Khuông Phò và tiệm thuốc bắc của Cậu Th. , tôi xuống xe.

Trong trường hợp thấy Cậu hay Mợ Cửu Y.. của tôi trước quán tạp hóa của các vị, tôi bắt buộc phải ghé chào để nghe vài chữ quen thuộc *"..ờ, mi mới về à ..*" cho phải đạo.

Cậu Mợ ngày xưa sau khi Mạ tôi mất, có chuyện xích mích với Ba (Cậu) tôi, nên các vị thường ít cảm tình khi gặp anh em chúng tôi.

Nếu không gặp, tôi "dọt" lẹ qua căn hàng của Dì H. tôi, chung một tòa nhà, phía đối diện.

..."Ủa, mi có về hả" sau khi nghe tôi "thưa Dì".

Nhìn ra đường lộ từ dưới làng đi lên, bất kỳ thấy O nào là Dì tôi dặn vói :....*" nói với con ....đem cho tui ít bánh ít trần"*.

Tôi biết là Dì nhờ người đó nhắn O bán bánh trong chợ đem bánh ra quán.

Lúc này Dì H. lấy cái chén dằm trái ớt và múc chút nước nắm ruốc (dân Sịa mình hay gọi là "nước nắm đuốc") trong lu .

Quán bán tạp hóa của Dì tôi có vài lu chứa ruốc, giữa mỗi lu có khoét một lỗ cỡ bằng cái chén ăn cơm để nước nắm rịn ra.

Tôi khoái được ăn với "nước nắm ruốc" này. Bởi vì ở Huế, nhờ Bác nuôi ăn học, con Bác lại đông nên chị em chúng tôi chỉ được điểm tâm bằng ăn cơm với "nước nắm tỉn" có ớt bột đỏ trước khi đến trường, mà "nước nắm tỉn" thì rẽ và không ngon! Sau này khi ra làm việc ở Phú Quốc, tôi hay gởi về Sài gòn và Huế biếu bà con nước nắm cá cơm nguyên chất hạng nhất. Ai cũng khen ngon, riêng Dì H. tôi khoái loại nước nắm này đáo để!

Mười phút sau, một ai đó đem ra cái trẹt có đựng bánh ít. Cứ bốn cái bánh, mỗi cái lớn hơn ngón chân cái, đặt gọn trên một miếng lá chuối cắt tròn được hấp chín lán mỡ. Khoảng 4-5 miếng lá như vậy gồm 16-20 cái bánh.

Dù biết Dì mua cho mình, nhưng tôi cũng đợi Dì bảo ăn, mới ngồi xuống bàn lấy đủa gắp chiếc bánh lên, chấm vào nước năm, đưa lên miệng căn hai, chà "ngon tới nhức răng luôn"!

Bột nếp dẻo ngọt, con tôm nhỏ xào đỏ chót nguyên vỏ, chỉ bỏ đầu đuôi và chân, miếng thịt ba chỉ xắt mỏng nhỏ pha ướp tiêu hành, cọng vị cay của ớt tươi, vị mặn thơm của mùi ruốc tạo thành một hương vị khó quên, không chê vào đâu được!

Nói như ôn mệ hay nói: "*ăn ngậm mà nghe*"!

Tôi cứ từ từ "dứt" từng vỹ một, đến lúc hết bánh trên trẹt thì bụng tôi đầy cả 16-20 cái bánh ít trần.

Quý Vị chớ vội cười tôi là đứa tham ăn!

Tuổi trẻ, sức ăn, làm chi khi ở Huế tôi có bữa điểm tâm như thế này ! Lúc 9, 10 giờ sáng, đâu được diễm phúc có bữa ăn lỡ ngon lành quá cỡ!

Tuy bánh dân giã, nhưng với tôi lúc đó là một món ăn vô cùng xa xỉ. Từ trong sạp hàng nhìn ra qua khung cửa sổ, thấy chiếc

trẹt không, Dì tôi cười chép miệng.. *"cái thằng, không trừa cho ai cấy mô hết"!*

Lúc này tôi chỉ biết "nhăn răng cười trừ" mà thôi.

No bụng, tôi chào Dì để về nhà chính của ngoại, nơi Dì M. ở dưới xóm.

Tôi không nhớ rõ năm nào, một lần tôi về chơi ở lại ít ngày, một buổi sáng, lúc mới ngủ dậy chưa cơm nước gì thì Dì H. tôi bảo *..." mi theo thợ ra chự ló, Dì đang mắc công chuyện, chút nữa Dì ra tới..."*

Tôi "dạ" và theo chừng năm ông thợ gặt ra đồng cách nhà không xa khoảng mười phút đi bộ. Khoảnh ruộng này không lớn.

Tôi biết "*chự ló"* là đi giữ lúa nhưng thiệt tình không biết *"chự ló"* là phải làm những công việc gì? nghĩ chắc là chỉ xem chừng thợ gặt làm việc mà thôi và không hỏi cho rõ ràng.

Ra đến ruộng, đã có nhiều trẻ con tuổi chừng 10-12 đứng trên bờ. Tôi nghĩ bọn trẻ đến xem gặt lúa và giỡn chơi ngoài đồng với nhau.

Thợ gặt bắt đầu xuống ruộng từ mé cuối bờ. Họ xếp thành hàng ngang và cúi xuống dùng hái móc nhánh lúa gom lại, trở cạnh hái cắt thân lúa gần sát gốc. Cắt xong họ bỏ xuống bên cạnh và tiếp tục đi tới. Một người khác gom lại thành đống lớn ở mỗi hàng, xong việc bó lại gánh về nhà.

Tôi cứ nhẫn nha lẫn thẩn nhìn toán thợ khom mình gặt lúa.

Khoảng gặt được 3 m, bọn trẻ đang chơi trên bờ dần dần xuống ruộng. Chúng cúi giựt những nhánh lúa thợ gặt bỏ sót mà người ta thường gọi là *"mót ló"*. Tôi cứ nghĩ là để cho chúng mót nhành lúa sót, có can hệ gì đâu và không hề nói tiếng nào. Một người đàn bà nào đi ngang trên đường nói với lũ trẻ *.."mấy đứa bây mót đi, en nớ không nói chi mô..."* tôi cười và làm thinh.

Không còn đứa trẻ nào trên bờ nữa. Chúng đã xuống ruộng hết và theo sau những thợ gặt. Hình như đông hơn thợ, trên tay chúng mỗi đứa đều có một nắm nhỏ nhánh lúa.

..."Ê, thằng...con mụ..., con ....con thằng....,cả con....nữa, bọn bây lên hết!...bỏ ló xuống...không được cầm lên.....
Không biết Dì H. tôi ra ruộng khi nào, thấy lũ trẻ dưới ruộng Dì tôi nạt bọn chúng dữ dội. Tất cả riu ríu lên bờ theo lệnh và không dám cầm số lúa theo. Khi không còn đứa nào nữa, Dì tôi quay sang phía tôi cao giọng :..."*răng mi lại để bọn hắn xuống nhiều rứa? Chự ló như mi thì còn ló mô nữa! .. Thôi về nhà đi.*"
Tôi dạ nhỏ và thong thả ra về không nghĩ ngợi gì.
Trong bữa cơm chiều, Dì tôi mới nói chuyện *"chự ló"* hồi sáng. Dì bảo cái đám mót lúa là con cháu mấy ông thợ gặt. Những tay thợ này khi gặt cố ý để sót lại cho đám trẻ lượm, chưa kể thỉnh thoảng chúng "nhón" bớt ở những đống lúa đã gom dành gánh về nhà cho nên Dì đuổi chúng lên hết và thu lại số lúa chúng có trên tay.
Tôi không ngờ là có sự việc này xảy ra; mà thật vậy, một anh học trò cư ngụ thành phố, đâu biết gì về đồng quê, tới nổi khi "chự ló" thì mình phải làm những việc gì, cứ nghĩ mót lúa là lượm mấy nhánh của thợ gặt sót lại, nào có biết một vài "ngoắc ngoéo" bên trong. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn là thế! Ca dao có câu:

...Ai ơi đừng lấy học trò,
Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm...", đúng ngay chóc vào chuyện của tôi, thảo nào ngày xưa bà nội hay nói tôi là ..." *cái thằng vô tích sự, không được việc chi cả...*

May mà có người không thèm theo lời khuyên của câu trên, chứ không bây giờ tôi là kẻ *"ế vợ"* hay là vẫn "*phòng không chiếc bóng*" hoặc "*đi sớm về trưa một mình* " cũng nên.
Với vợ con, bạn bè tôi thường hay nói giỡn "đời tôi có ba giai đoạn, thiếu niên: nhờ cha mẹ; trung niên: nhờ vợ; về già: nhờ con !
Mà cũng có thể đúng như vậy !

Nhớ Sịa

Đi xa mới nhớ quê hương,
Cây vông điếm cũ, gợi thương Đình làng.
Vì sao nhà cửa tan hoang,
Người làng bỏ chạy, xóm làng ngã nghiêng.
Bạch sa, rú cát hoang liêu,
Bánh xe nghiến nát, ngấu nghiền thịt xương.
Khói xăng át cả màn sương,
Chạnh lòng xót kẻ tha phương nơi nào?
Quê hương xưa đẹp biết bao,
Nay đã còn lại, trời cao nắng vàng.
Nơi đây quá khứ lâu dài,
Đao găm mã tấu, tàn sát dân lành.
Tay chân, đầu vò đầu lâu,
Tứ chi rơi xác, lìa đầu hôi tanh.
California ngồi đứng không an,
Chạnh lòng tưởng nhớ, lệ tràn tuôn rơi /


Lê Thận

Bô lão Tác giả Lê văn Thận T.L
Kính gởi đồng hương Sịa ngày 10/5/2013

Sịa Thân Yêu

Xưa nay, thời cuộc đổi dời,
Chuyện qua, ôn lại đê đời noi gương.
Có giặc, là có thảm thương,
Không sao tránh khỏi, những chương hãi hùng.
Đi xa, mới nhớ quê hương,
Cây vông điếm cũ, gợi thương đình làng
Vì ai nhà cửa tan hoang,
Ruộng đồng vườn tượt, nát tan một chiều.
Bạch Sa rú cát hoang liêu,
Bóng trăng loang lỗ, in nhiều vũng sâu.
Máu đào nhuộm thắm, bể dâu ,
Thây ai nằm đó, đầu đâu mất rồi.
Nghe tin sáng sớm bồi hồi,
Xôn xao la hoảng, chồng tôi mất
Nhân dân dãy động tơi bời,
Tìm cha tìm chú lật loại anh ra.
Tám thây không xác đâu ta?
Tìm mô không thấy, hỏi ta cho rồ
Oan ức, ôm bụng chờ thời,
Địch kia mạc lộ, thù đời mới xong.
Nước non hội ngộ chung lòng,
Nước đi ra biển, non còn vững tin!



Bô lão Lê Văn Thận .TL.

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG SỊA

UPDATE :15 THÁNG 5 NĂM 2012

TỔNG SỐ : 250

STT	NAME	ST	EMAIL	V
01	LÊ THẬN	B/CA	l e3942@sbcglobal.net	TL
02	LE THUẬN TRẦN THỊ KIM TRỌNG	MI	kimtrong08nt@hotmail.com	TL
03	LE TRỰC PHAN MAI PHƯƠNG	NC	doanhdoanh220@yahoo.com	TL
04	LÊ VĂN THẨM	N/CA	minhquangthamle@yahoo.com	TL
05	LÊ TẤT BIÊN VÕ THỊ TUYẾT THANH	NCA		
06	LÊ THỊ HỒNG VĂN TIẾN KHANH	N/CA	holesia@gmail.com	TL
07	LÊ VĂN NHÂN LÊ DIỄM ÁI (Con gái)	N/CA	tieulamvien@yahoo.com	TL
08	LÊ THỊ KIM SA	N/CA		TL
09	LÊ THỊ THANH XUÂN	B/CA	thanhxuanle99@yahoo.com	TL
10	LÊ VĂN PHƯỚC	B/CA	khongdiep@yahoo.com	TL
11	LÊ THỦY TIÊN	NC	Ricestick1972@yahoo.com	TL

12	LÊ UYÊN KHANH	WA	khanhlehue@yahoo.com	TL
13	LÊ LINH PHỤNG	NC	michaelvarina@yahoo.com	
14	LÊ UYÊN THI	IL	Nadung1396@yahoo.com	TL
15	L Ê V ĂN PH ÚC	N/CA		TL
16	LÊ CẢNH THIỆN	?		
17	LÊ BẦN ĐOÀN THỊ ANH THÚY	N/CA		
18	LÊ THỊ DIEU THANH BUI V ĂN MIEU	B/CA	mieubui09@yahoo.com	TH L
19	LÊ HỮU VỊNH	B/CA		TH L
20	LÊ THỊ CƠ	W/V		TL
21	LÊ NGỌC UYỂN VÕ THỊ KIM THOA	VA	4211 W First Street, #35,	KP
22	LÊ THỊ MINH TÂM	VA	abcteatime@gmail.com	TL
23	LÊ VŨ NAM	N/CA	namle56@yahoo.com	TL
24	LÊ NGOẠN	NCA		KP
25	LÊ KIM NGỌC	NCA	lengoc_usa@yahoo.com	KP

26	LE THI KIM THAI	NCA		
27	L Ê H ỮU THI	?		
28	LÊ ĐÌNH QUY NGUYỄN THỊ THỤC	N/CA		TH L
29	LÊ NGÀ NGUYỄN THI NHẠN	N/CA	nhờ anh Tony Phan	TH L
30	LÊ THI CÚC	N/CA		
31	PHẠM THỊ AN	B/CA	dranphammd@gmail.com	TH L
32	LÊ HỮU LỘC	B/CA	locthuylee@yahoo.com	TH L
33	LÊ TINH TÂM (UYÊN)	B/CA	uyenle_1943@yahoo.com	TH L
34	**LÊ HỮU THỌ**	**B/CA**	**thole_1953@yahoo.com**	**TH L**
35	LÊ HỮU CƯỜNG	B/CA	Anh_le0213@yahoo.com	TH L
36	LÊ TINH THANH	B/CA	thole_1953@yahoo.com	TH L
37	LÊ TỊNH THỦY	B/CA	thole_1953@yahoo.com	TH L

38	LÊ TỊNH THU	B/CA	Lethithu1960@gmail.com	THL
39	LÊ HỮU THỊNH	B/CA		THL
40	LÊ HỮU VINH	B/CA	mrvinhle@yahoo.com	THL
41	LÊ TINH THẢO	B/CA	trungle_1959yahoo.com	THL
42	LÊ HỮU LỄ	NCA		TB
43	LÊ HIẾN	N/CA		TL
44	LÊ CẢNH HẢI	TX		
45	LÊ THỊ HỒNG VÂN	CAN	netuniq@gmail.com	TL
46	LÊ THI HỒNG LIÊN	CAN		
47	LÊ SÁU	TX	saule469@yahoo.co	
48	LÊ ĐÀO CUNG	N/CA	dakale@yahoo.com	
49	L Ê HUẤN	N/CA	HuanLe210@yahoo.com	AG
50	LÊ VĂN THOAN	AZ	nthuan934@yahoo.com	AG
51	LÊ QUỐC TOẢN PHAN THI GÁI	OR	khuongle01@yahoo.com	TL

52	LÊ THI LÝ	NCA		AG
53	LÊ TẤT BIÊN VÕ THỊ TUYẾT THANH	NCA		
54	LÊ THỊ CẨM TÚY HOANG ON	?	(505)7302506	
55	LÊ VĂN NGHI			
56	TRẦN IN	B/CA	tamlacnhan@yahoo.com	TL
57	HỒ ĐÌNH CHỈNH TRẦN THI SÀO	N/CA	chinhho86@yahoo.com	TL
58	TRẦN THỊ NHẠN	N/CA	bach_thanhnhan@yahoo.com	TL
59	LÊ TẤN NHIỀU TRẦN THI THƯỚC	N/CA	nhieule@yahoo.com	TL
60	TRẦN THI MẠI	CAN		TL
61	TRẦN VĨNH HY	TX		TL
62	TRẦN VĨNH LỘC	CO	tranvinhloc@yahoo.com	TL
63	TRAN VAN NHGIA TR ẦN.THI .BICH TUYẾT	TX	phothanhlong@sbcglobal.net	TL
64	TRẦN VĨNH CHUNG	MN	Chungtran001@yahoo.com	TL
65	TRẦN VĨNH DIỆP	MN		TL

66	TRẦN THỊ THỈU	NV	LAS VEGAS	TB
67	TR ẦN THÚ	NV	LAS VEGAS	TB
68	TR ẦN TÍN	NV	LAS VEGAS	TB
69	TR ẦN XIN	SD		
70	TR ẦN GIÁC	?		
71	TRẦN LUY	N/CA	tonyletrung@sbcglobal.net	TL
72	TRẦN ĐÌNH KHẢI NGUYỄN THỊ HỒNG	NCA	vinguyen7838@yahoo.com	
73	TRẦN ĐÌNH HOÀN	VA		
74	TRẦN THÚC ĐÍNH	N/CA	tranthucdinh@yahoo.com	TL
75	TRẦN QUỲ	BCA	tranquy44@ yahoo.com	TL
76	TRẦN ĐÌNH XUÂN	B/CA		
77	TRẦN VI KHUÊ	VA		TB
78	TRẦN ĐẠI BẢNG	VA		TB
79	TRAN VINH KIM (DỄ)	SD	tranvkim@yahoo.com	TL
80	TRẦN ĐỜN	WA	trandon1946@yahoo.com	TL
81	TRẦN DỰ	TX		TL

82	TRẦN THỊ NỮ NGUYỄN VĂN DON	MO	Binhnguyen0115@yahoo.com	
83	TRẦN THI KIM HẠNH	VA		
84	TRẦN THỊ LỆ HẢI TỪ BỘ MÃN	NCA		
85	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG NGUYỄN TÂM CẢO	NCA	dithumy@yahoo.com	
86	NGUYỄN PHỔ	MA		TB
87	NGUYỄN VĂN HỘI NGUYỄN MINH CHÂU	MA MA	hoinguyen41@hotmail.com Chauminhnguyen@hotmail.co	TB TL
88	NGUYỄN HỮU CHÍ	MA		TL
89	NGUYỄN BÁ CHẨN	MA		TL
90	NGUYỄN MINH	MA		
91	NGUYỄN HỰU	MA		
92	NGUYỄN ĐÌNH HÀM	NCA		
93	NGUYỄN ĐÌNH HÒE	NCA		
94	NGUYỄN ĐÌNH QUẾ LÊ THI TƯỜNG VY	N/CA	quenguyen0927@yahoo.com	AG TL

95	NGUYỄN KIM CHIẾN	NCA	Kimchiennguyen2106@gmail	TL
96	NGUYỄN CHÍ THẮNG	N/CA	thangchinguyen@yahoo.com	TL
97	NGUYỄN T. DUYÊN TẤN	N/CA	tannhai@yahoo.com	TL
98	NGUYỄN LẠN	N/CA	nguyenlan2345@yaghoo.com	TL
99	NGUYỄN VĂN	BCA	bachhac38@gmail.com	
100	NGUYỄN VĂN TẠO		thomastaonguyen@yahoo.co	TL
101	NGUYỄN THUẬN	NCA		KP
102	NGUY ỄN THI LUY ẾN	MI		PL
103	NGUYỄN ĐÓA	?	dnnguyen3222@comcast.net	PL
104	NGUYỄN.THI.PHƯƠNG	?		PL
105	NGUYỄN BÁ SINH	NCA		TL
106	NGUYỄN BÁ LUẬN	NCA		TL
107	NGUYỄN BÁ TRÌ	NCA		TL
108	NGUYỄN TẢI	SD/		TB
109	NGUYỄN ĐỊNH NGUYỄN THỊ LÊ	VA	nminhquan66@yahoo.com	AG

110	NGUYỄN LẬP	SD		TL
111	NGUYỄN HIẾU	BCA		TB
112	NGUYỄN THI NGHIỆP	B/CA		
113	NGUYEN HOẠT NGUYEN THI QUÝ	N/CA	Hoatnguyen49@yahoo.com	
114	NGUYỄN THỊ CỪU PHAN ĐÌNH KỲ	SD	Khanhlee03@yahoo.com	TL
115	NGUYỄN KHẮC THU	SD		
116	NGUYEN THU ẬN	NCA		KP
117	NGUYỄN VĂN TRÂN HỒ THỊ KIM CHI	AZ	Tranchiphoenix@yahoo.com	THL
118	NGUYEN VĂN CHÂU ĐOÀN THỊ TÂM	B.CA		TB
119	NGUYỄN HÙNG	TX		
120	NGUYỄN HỮU LỢI	TX		
121	NGUYỄN HỮU LINH	TX	lhn1946@yahoo.com	
122	NGUYỄN ĐẮC CÁCH	TX		
123	NGUYỄN SƯƠNG	CAN	suongnguyenhq@yahoo.com	TL
124	NGUYEN B Á PH ÁP	TX		

125	NGUYỄN KHẮC TRÂN	AR		
126	NGUYỄN TIẾT	GA	404 -245 2440 (cell)	
127	NGUYỄN NHƯ MÃN	B/CA		
128	NGUYỄN NHƯ ĐÍNH	B/CA		
129	NGUYỄN NGỌC MỤC	TN	nguyenvien20032002@yahoo.	UM
130	GORDON NGUYỄN	BCA		
	NGUYEN THI NỮ	MO		
10	NGUYỄN VĂN THỌ	DC	Nguyễn thị lê	
131	PHAN AN	CA	phanan7110@yahoo.com	THL
132	PHAN HÒA	UT	hoaphan24g@hotmail.com	THL
133	PHAN THUẬN	TX	pthuan1@gmail.com	THL
134	PHAN THÚY	TX	ngocthuygh@yahoo.com	THL
135	PHAN THI SƯƠNG	FL		THL
136	PHẠM ĐÌNH GIANG C.T.T.N.MỘNG HÒA	NCA	gianghapham@yahoo	

			.com	
137	PHAN NHUẬN	FL	nhuanphan@gmail.com	TL
138	PHAN TUYẾT ANH CAO HUY TÀO	WA		TL
139	PHAN QUỐC HÙNG	WA		
140	PHAN GIA HÒA	B/CA		THL
141				
142	PHAN THỊ THẠNH NGUYỄN ĐỊNH	B/CA		TL
143	PHAN THÁI	B/CA		THL
144	PHAN HUỀ PHAM THI MUOI	FL	Huecuame32@yahoo.com	
145	PHAN GIA QUỲNH	OR	**quynhphan2003@yahoo.com**	TL
146	PHAN GIA KHÁNH	OR		TL
147	PHAN GIA BINH	B/CA		THL
148	PHAN GIA LƯỢNG	WA		THL
149	PHAN TÔ NGÔ THỊ HÒE	N/CA	tonyphan91@yahoo.com	THL

150	PHAN MẬU KHA	WA		KP
151	PHAN BÁC GIÁC	?		
152	PHAN HOÀN HẢO	?		
153	PHAN NGỌC VÂN	TX		
154	PHAN THI THÌA	N/CA		
155	PHAN HA	AZ	Haphan53@yahoo.com	THL
156	PHAN THANH OAI	CA		AG
157	PHAN ĐÌNH TOẠI	NCA		
158	PHAN THỊ MỸ LỆ HOÀNG KHIÊU	NCA	vukhieu@yahoo.com	
	THAI THI PHUONG LAN		thai_lan@hotmail.com	KP
159	THÁI THỊ LƯƠNG TRINH PHAN ĐÌNH TÙNG	VA	phandtung@yahoo.com	KP
160	THÁI NHƯ KHUÊ TĂNG QUỐC ÁI	VA	khue9474@yahoo.com	KP
161	THAI QUANG TIMOTHY	BCA		TB
162	TH ÁI TH Ị LAN	SD/CA		
163	THAI THI THU LAN	B/CA		

164	THÁI QUANG ĐOÀN	B/CA		
165	THÁI QUANG TOẢN	VA	toan_thaiquang@yahoo.com	
166	TH ÁI THỊ CẨM LINH	TX		
167	TH ÁI QUANG TRIỀU	NCA	trieuthai2008@yahoo.com	
168	TH ÁI QUANG TY	GA	thaivohoa@yahoo.com	KP
169	THÁI QUANG TĂNG	B/CA		KP
170	THÁI QUANG NHỚ HỒ THỊ NGUYỆN	VA		KP
171	H Ồ THUẬN	WA	tonytho13@gmail.com.	KP
172	H Ồ TH Ể	WA		KP
173	H Ồ TH Ị NGHÊ	WA		TL
174	H Ồ NGỌC CẬT	IL	Dho4@uic.edu	
175	H Ồ XUÂN TÁNH	NCA		
176	H Ồ Đ ĂNG KHÁC	TX	hodangkhac@yahoo.com	TL
177	H Ồ Đ ĂNG LĂNG PHAN THỊ NGUYỆT	B/CA	Holang44@yahoo.com	TH L
178	HỒ THỊ CÚC	B/CA		

	HỒ TỊNH	MA		
179	HỒ NGỤ	BCA		
180	HỒ LANG	B/CA		
181	HỒ ĐĂNG ANH	BCA		
182	HỒ THỊ LỘC HOÀNG ĐANG XƯNG	TX		TB
183	HỒ ĐĂNG ÂN NGÔ THỊ MAI	NCA		THL
184	HỒ ĐĂNG LÔ	TX		THL
185	HỒ ĐĂNG TÁC	NJ		THL
186	HỒ ĐĂNG BÍNH	TX		
187	HOANG XUÂN DANH	BCA	danhhoang889@gmail.com	
188	HO ÀNG XU ÂN SANH NGÔ T TRUNG NGUYÊN	BCA	nguyensanh99@yahoo.com	
189	HOÀNG THI DIỆP TR ẦN TRUYỀN	WA		
190	HOANG THI NGA	B/CA		
191	HOÀNG BẢY	OR		

192	HOÀNG HÙNG	WA	qule58@yahoo.com	
	HOANG THI TÂM	WA		
193	HOANG CỰ	WA		
194	NGUYEN TÂM TỶ HOÀNG THI. MỘNG HÒA	N/CA	714-262 3265	
195	HOÀNG THỊ TÁNH TRẦN VỆ	CA	tanhhoang12@gmail.com	
196	HOÀNG THỊ CÚC	CO	cuchoang900@msn.com	
197	HO ÀNG VY NGUYEN THI BACH YẾN	N/CA	vy hoang <vyhoang34@hotmail.com>	
198	HOÀNG HUẤN	VA	hoang6@cox.net	
199	HO ÀNG NỒNG	B/CA	(408)225-8147 (408)561-7460	
200	HOÀNG THI KIM NGỌC	WA		
201	HOÀNG T THANH THÚY	WA		
202	V Õ Đ ÌNH L ÂM	N/CA		TB
203	NGUYEN TH THUY V Õ Đ ÌNH TI ÊN	B/CA	tien.d@sbcglobal.net	TB
204	VŨ NHƯ ĐỒNG	B/CA	quyvu51@yahoo.com	

205	VÕ HÙNG	B/CA		TB
206	HOÀNG KIỀU NGA VÕ MINH	MA	minh_email@yahoo.com	TB
207	V Ũ Đ ỨC TU ÂN TR ẦN TH Ị C ÚC	BCA		TH L
208	VÕ TAM ANH	FC		
209	VÕ TỨ CẦU	NCA		
210	NG Ô THI.TUYẾT MAI	CAN	Tuyetmaingo30@yahoo.com	
211	NGÔ THỊ TUYẾT NHUNG NGUYỄN TRỌNG TỪ	CA	tuyetnhungngo41@yahoo.com	
212	NGÔ CHÂN	IN	ngochanhue2@gmail.com	
213	NG Ô DU	?	dungo01@yahoo.com	
214	NGÔ VĂN QUY	CA	TONY PHAN	
215	NG Ô HUYNH LÊ THỊ PHƯƠNG	NCA	ngohuynh92@yahoo.com	
216	NGÔ CHUÂN	FL	Chuan_ngo2000@yahoo.com	
217	NGÔ CHƯƠNG	DC		
218	NGÔ KIỀU	N/CA		

219	NGÔ DUỆ	MA	due_ngo@yahoo.com	
220	NG Ô B É	OR		
221	NGÔ CHỨNG	N/CA		
222	NGÔ THỌ	SD		
223	NGÔ HÓA NGUYỄN THỊ THANH MỸ	B/CA	hoamimi@yahoo.com	
224	BÙI LỰ	MA		
225	BÙI THỊ LIÊN	MA	(617) 825- 0457	
226	BÙI THI HỒNG	NCA		
227	BÙI LỆ TÌNH	N/CA		
228	BÙI THỊ GÁI	N/CA		
229	B ÙI PHƯỚC TY	B/CA	phuoctybui@yahoo.com	TB
230	BÙI KẾ TRẦN THI OANH	N/CA		
231	BÙI XUÂN NHIẾP	CAN	xnhiepbui@yahoo.com	
232	V ĂN Đ ỨC TH IÊM	NCA	thiemvan@yahoo.com	
233	NGÔ HUYỀN Đ ẶNG THỊ LÊ	NC	ldang28273@yahoo.com	HL
234	DƯƠNG CÔNG LIÊM	B/CA	liemcduong@yahoo.combananht@yahoo.c	

	TRẦN THI BẢN ANH		om	
235	BÀ ĐINH MIỀN	B/CA		KP
236	TR ƯƠNG QUÝ ĐÔ	N/CA	doqtruong@hotmail.com	TL
237	TRƯƠNG LANG	OR		TL
238	DƯƠNG BUÔI	N/CA	Buoiduong46@yahoo.com	
239	PHẠM VĂN LẬP	OR	lapkimchi@yahoo.com	TL
240	HÀ THUẬN	BCA	vanha500@gmail.com	
241	PETER TRUONG TRƯƠNG HỒNG BẢO	WA	huesia206@gmail.com	VC
242	CAO THI MINH CHÂU	NCA	dieu_ngocks@yahoo.com	
243	B ÀNH KIM L Ệ	N/CA	maibanhusa@yahoo.com	
244	HUỲNH THANH MỸ	NCA		
245	HUỲNH MỸ NGA VĂN THẾ TRUNG	NCA		
246	TÔN NỮ HỒNG HẠNH			
247	TÔN NỮ MỘNG HÀ			

248	QUACH THUONG	NCA		
249	THAI THI PHUONG LAN		thai_lan@hotmail.com	
250	LÊ TRỌNG HÒA	NCA	Hoalee_2001@yahoo.com	TL
251	VÕ TAM ANH	PHAP	Tamanh_vo@hotmail.com	

GHI CHÚ:

LÀNG

TRÁNG LỰC (TL) - THỦ LỄ (THL) , THẠCH BÌNH (TB) ,AN GIA (AG), UẤT MẬU (UM),

KHUÔNG PHÒ (KP),

VĂN CĂN (VC) . HÀ LẠC (HL) , SƠN TÙNG (ST)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

LÊ TRỰC



Nhớ Mẹ Hiền

Người Mẹ hiền suốt một đời lận đận
Tuổi xuân xanh Mẹ đã sớm đơn hành
Nơi quê nhà đầy rẫy những thương đau
Rồi một hôm nghe tin Ba mất



Mẹ lăn nhào như một kẻ khùng điên
Mẹ khóc Mẹ kêu tên Ba hoài không dứt
Níu tay Mẹ con ôm chầm khóc nức nở
Mẹ biết không làm sao thoát khỏi
Sáng Tây về tối lắm kẻ đến vây quanh

Rồi một chiều Mẹ bỏ quê cũ để ra đi
Mẹ dẫn con trong đêm tối trốn xa nhà
Bên đạn nổ bên súng rơi con còn nhớ
Không dám kêu la chỉ nằm yên mà phó thác
Thế rồi Mẹ con mình đã thoát được vòng vây
Mẹ thay tên đổi họ trong từng chuyến lưu hành
Có lúc thăng hoa cũng có lúc dập vùi
Mẹ vẫn thế cứ trầm ngâm mà đối diện
Con của Mẹ đã lớn dần theo ngày tháng

Dưới ánh đèn đôi kính trắng thân thương
Mẹ kể lại chuyện tình 'bên ni bên nớ'
Hai bên bờ giữa là phá Tam-Giang
Mẹ mỉm cười đôi mắt sáng long lanh
Mẹ hãnh diện 'Ba con hào hoa phong nhã
Yêu vợ thương con, qúy mến bạn bè . . .'
Rồi chợt buồn Mẹ chẳng nói thêm chi
Con cúi mặt phân vân về phận số

Người Mẹ hiền cương nghị biết tìm đâu

Nay hoa trắng con cài lên áo
Lòng bâng khuâng rơi lệ tự lúc nào
Nhớ Mẹ hiền biết nói sao cho hết
Biết cách nào đền đáp được ơn sâu
Tâm băn khoăn rối rắm giọt lệ sầu
Không biết giờ nầy Mẹ có được ở trên cao
Con quay quắt cúi đầu xin Chư Phật
Ngài Mục-Kiền-Liên Tôn-Giả đủ thần thông
Còn con đây chỉ có tấm lòng thành
Xin cầu nguyện ơn trên chứng giám
Cứu độ Mẹ hiền thoát mọi nẻo trầm luân
Đừng luân lưu trong cảnh giới Ta-Bà
Mẹ đã khổ xin ơn trên từ bi tiếp độ
Ban phép lành cho Mẹ con trụ ở Tây-Phương
Bên Chư Phật, Chư Đại Bồ-Tát cùng Thánh Hiền
Nương cảnh giới an lành tu giải thoát
Con cúi đầu đãnh lễ hết mười phương
Xin sám hối cho Mẹ hiền nơi chín suối
Và sám thế cho hết thảy mọi nẻo sinh linh
Vu-Lan-Hội được vãng sanh Cực-Lạc-Quốc

Áo Tím



Nhớ Thầy



Hơn 70 năm trải nghiệm với đời, tôi nhận ra rằng: con người ta dù ở hoàn cảnh nào, hạnh phúc hay đau khổ giàu sang hay nghèo khó thì trong cùng thẳm tâm hồn, ai rồi cũng có ***"một thời để nhớ"***. Riêng bản thân tôi khoảng thời gian đẹp nhất, êm đềm và đáng nhớ nhất là khoảng thời gian được cắp sách đến trường.

"Tuổi học trò rất ít âu lo
Sân trường đó rơi đầy hoa phượng"

(Mây lang thang)

Vào khoảng thập niên 50 quê tôi còn nghèo lắm. "*Mùa đông thiêu áo, mùa hè thiêu ăn*". Học xong bậc Tiểu học, tôi và bạn bè phải cất hết chữ nghĩa, đợi đến một năm sau trường Trung học Bán công Quảng Phước - Thị xã Sịa mới được thành lập. Trong thời gian chờ đợi xây dựng trường mới, ông Nguyễn Sum (Chủ tịch xã) cho mượn một phòng của xã làm lớp học, đó là lớp Đệ thất đầu tiên của khóa học 1956 - 1960.

Được đi học lại chúng tôi mừng lắm, mừng thì mừng nhưng cũng rất lo, lo là vì thời gian nghỉ học quá lâu, không biết chúng tôi có đủ sức để theo kịp chương trình. Tuy học Đệ thất nhưng đứa nào đứa nấy đã một đống tuổi trên đầu trong lúc đó quý Thầy Cô ở Huế về dạy thì tuổi còn quá trẻ. Mặc dù tuổi tác giữa Thầy trò không chênh lệch bao nhiêu nhưng học trò nhà quê vốn hiền lành, lễ phép nên đối với quý Thầy Cô chúng tôi luôn giữ một niềm "*Tôn Sư Trọng Đạo*".

Lớp học đầu tiên có quý Thầy Trần Tiếu, Thầy Tôn Thất Kham, Thầy Trần Vĩnh Lộc, Thầy Đoàn Văn Thanh.

Thầy Tôn Thất Kham dạy toán, dáng dấp thư sinh, Thầy có một ngôi biệt thự ở chợ Nọ, cách thành phố Huế khoảng chừng 6 km. Một hôm cuối tuần Thầy hỏi:

- Em nào muốn đi Huế chơi?

Cả lớp dong tay nhưng Thầy giao hẹn:

- Các em phải về xin phép gia đình đã!

Lớp có 45 trò nhưng cuối cùng chỉ có 12 trò được phép đi. Không thể nói hết nỗi sung sướng của một đứa trẻ nhà quê lần đầu tiên được đi Huế, nơi thường nghe mọi người kháo nhau. "*Huế là chốn kinh kỳ*". Khi đi đứa nào cũng được cha mẹ cho quà đem qua biếu Thầy, nào là chột nưa, bánh tráng, nào là nếp mới, trứng gà... Tuổi học trò vô lo, vô nghĩ, 12 đứa 8 nam, 4 nữ với 6 chiếc xe đạp qua nhà thầy ở lại 2 ngày ăn uống, tắm rửa mà không sợ phiên hà chi hết, 12 cái miệng dành nhau mà nói, lúc nào cũng ồn ào như cái chợ, vậy mà mẹ và chị của thầy rất thương, lo cho chỗ ăn chỗ ở rất là chu đáo. Buổi chiều ngủ dậy thầy cho lên núi Ngự Bình ăn bánh bèo chén, qua cầu Trường Tiền thăm chợ Đông Ba, về đường Lê Lợi thăm hai ngôi trường nổi tiếng: Khải Định và Đồng Khánh. Sau này lớn lên được đi du lịch nhiều nơi, thăm viếng nhiều đền đài thắng cảnh nhưng đối với tôi không có chuyến đi nào để lại nhiều niềm vui và ghi dấu nhiều kỷ niệm như chuyến đi thăm Huế tháng 10 năm 1956. Thầy Kham đã ra đi rất sớm vì một căn bệnh hiểm nghèo. Thầy ơi! Dù hôm nay Thầy đã ra người Thiên Cổ nhưng trong lòng chúng em luôn giữ mãi hình bóng của Thầy.

- Thầy Trần Vĩnh Lộc dạy Anh Văn, Thầy đẹp như một tài tử điện ảnh. Thầy ở giữa nhà Lài và nhà tôi, Thầy là anh em

cô cậu với tôi. Tính thầy vui vẻ cởi mở rất gần gũi với học trò. Thầy và gia đình ăn chay trường đã 10 năm nay, tất cả thành viên trong gia đình đều là Phật tử thuần thành. Gia đình thầy hiện sống ở Colorado - Mỹ.

- Thầy Đoàn Văn Thanh dạy Sử-Địa, Thầy còn là huynh trưởng gia đình phật tử. Tôi và Ngọc Điễm, Mỹ Lệ, Thẩm, Hội, Dưỡng, Độ. v.v... được Thầy hướng dẫn tham gia sinh hoạt chúng Oanh Vũ. Tuổi nhỏ chưa hiểu chi về sự nhiệm mầu của hai chữ "Sắc - Không" nhưng trong tiềm thức của tuổi thơ cũng biết đôi chút về lòng từ bi và tính nhẫn nhục. Năm 2010 Thầy bị tai biến phải ngồi xe lăn. Tháng 11-2012 tôi, anh Thẩm, anh Tấn có đến thăm thầy ở đường Chi Lăng - Huế.

- Thầy Bửu Thị dạy Vạn vật, dòng dõi Tôn Thất nên dáng Thầy rất Mệ, sang trọng, quý phái, Thầy hát hay đàn giỏi nên trong lớp có mấy nữ sinh rất ngưỡng mộ thầy. Nhưng đúng là tài hoa thì bạc mệnh, chiến tranh loạn lạc đã cướp đi sinh mạng người Thầy thân yêu của chúng tôi ở tuổi 34, để lại vợ và hai con thơ rất là tội nghiệp.

- Thầy Lê Văn Nghi dạy Toán, môn học tuy khô khan nhưng tính Thầy vui, dí dỏm, bình dân nên chúng tôi rất thương và rất thích giờ dạy của Thầy. Hiện nay Thầy và gia đình định cư tại California - Mỹ.

- Thầy Nguyễn Đình Quế dạy Lý - Hóa. Thầy người làng An Gia, vì cùng quê với chúng tôi nên tình Thầy trò rất thân thiết. Năm học Đệ tứ, Thầy và Tường Vy bạn tôi thương nhau, hồi đó Thầy trò yêu nhau là điều cấm kỵ nhưng mối tình đó "bất chiến tự nhiên thành". Hai người không cần đấu tranh gì hết mà cuối cùng cũng nên duyên giai ngẫu, vì được bọn học trò chúng tôi ủng hộ. Đám cưới rất vui, có quý thầy cô và cả lớp

chúc phúc, hai người đã sống đến răng long, đầu bạc, hiện nay ở California - Mỹ.

- Thầy Nguyễn An Thái dạy Anh Văn. Thầy có nụ cười như trẻ thơ, hiền lành, vui tính, thầy đưa luôn cả gia đình về Sịa ở, thầy có cô con gái lớn là chị Nguyễn Thị Thu Thủy học cùng lớp với chúng tôi. Chị có năng khiếu về ca hát và vũ đạo nên mỗi lần trường có tổ chức Văn nghệ chị luôn được bầu làm trưởng ban, gia đình thầy hiện sống ở Mỹ. Thầy mất đã 10 năm nay.

- Thầy Nguyễn Phúc dạy Văn năm Đệ ngũ. Thầy là tác giả của tập truyện ngắn "*Đêm không hết*", thầy dạy văn rất hay, hấp dẫn và lôi cuốn. sau 1975 Thầy về sống ở Đà Nẵng, công tác ở Ban Quản lý Công viên 29-3, thầy mất năm 2011 tại Thanh Sơn - Đà Nẵng.

- Thầy Nguyễn Đình Niên dạy Văn và Anh Văn năm Đệ lục. Dáng người mảnh khảnh nhưng giọng Thầy lúc nào cung sang sảng. Thầy dạy học trò với tất cả tinh thần và nhiệt huyết của tuổi trẻ, vì vậy những từ Anh văn, những bài văn mà thầy dạy hồi đó cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ như in. Có một lần Thầy cho làm bài Tập làm văn, Thầy ra đề: "tả một loài hoa mà em yêu thích". Tôi nhớ tôi tả hoa Ngọc Lan, anh Lê Quang Chưởng tả hoa bèo, trong lúc các bạn tả các loài hoa: mai, hồng, cúc, thủy tiên. v.v...

Hoa Ngọc Lan mọc ở trên cao, tưởng kiêu kỳ nhưng hóa ra rất khiêm tốn. Màu hoa trắng xinh, hương hoa tinh khiết, kín đáo ẩn mình sau những tàng lá xanh.

Hoa Bèo ở dưới nước, màu tím nhạt, nhìn thì có vẻ hiền hòa dân giã nhưng lại có tính phiêu bạt giang hồ, ngày ngày trôi nổi giữa màu xanh của đám lục bình. Hai bài văn được chấm điểm rất cao và được vinh dự đọc ở trước lớp. Bài văn đó tôi

còn giữ mãi cho đến năm 1975, sau mấy lần dọn nhà thì thất lạc. Sở dĩ tôi thích hoa Ngọc Lan là vì tuổi thơ của tôi đã có nhiều kỷ niệm gắn bó, cứ mỗi tháng 2 kỳ vào ngày rằm và mồng một âm lịch, mạ tôi thường sai tôi xuống vườn của cậu Kháng Khuê xin hoa Ngọc Lan về dâng Phật, anh Lê Quang Chưởng rất giỏi văn thơ. Anh là bà con cô cậu với tôi, đã quá lâu rồi không gặp.

Thầy Niên chỉ dạy ở Sịa có một năm, sau đó thầy trở về Huế thi vào Trường Đại học Sư phạm, lấy bằng Thạc sĩ Văn chương về dạy trường Đồng Khánh - Huế. Năm 1958 Thầy xuất bản tập thơ "*Trăng Phương Đông*", năm 2007, thầy cho in tập thơ "Thơ của *người cô độc*".

Thầy vẫn sống độc thân, nghiên cứu Kinh Dịch và viết sách về Phật giáo, hiện thầy ở 39 Thanh Lâm Bồ - Tây Lộc - Huế.

Thầy Lê Tấn Diễn dạy Pháp Văn. Năm 1959, Thầy Trần Tiêu đôi về Quảng Trị làm Trưởng ty Tiểu học, Thầy Diên được đặc cách xử lý thường vụ quyền Hiệu trưởng, Thầy đúng là nhà mô phạm, lúc nào cũng áo dài đen, chân đi guốc mộc, nghiêm trang xa cách nên học trò rất sợ, nhưng cũng nhờ sự nghiêm khắc của Thầy mà những học trò ngỗ nghịch cá biệt trở nên ngoan ngoãn.

Thầy Lê Tuyên, người đã dạy tôi nửa chữ đầu tiên khi mới 6 tuổi. Nhớ thầy tôi liên tưởng đến hình ảnh "Ông Đồ" của thi sĩ Vũ Đình Liên. Thầy viết chữ rất đẹp. Con cháu cả làng Tráng Lực được cha mẹ đem đến gởi Thầy, Thầy là thân phụ của Thẩm bạn tôi nên hai gia đình rất thân. Thẩm về quê xây dựng nhà thờ, tôn tượng Đức Bổn Sư Thích Ca rất trang nghiêm. Ngày 01/11/2012, Thẩm về quê chơi, tôi có xuống nhà thăm và thắp hương tưởng niệm Thầy.

- Năm 1960, Thầy Lê Phước Lãng được chính thức bổ nhiệm làm Hiệu trưởng thay thế Thầy Lê Tấn Diễn. Thầy không dạy môn nào. Thầy bị bệnh phổi mất năm 1970.

- Thầy Nguyễn Bá Nhiệm rất giỏi Hán Văn, Thầy có phong thái của một nhà Nho nhưng cách ăn mặc thì rất hiện đại. Thầy đi chiếc Vespa Italy, mặc một bộ veston màu xám, thắt cravate màu đỏ rất sang trọng, Những hôm trời lạnh Thầy yêu cầu học sinh đứng lên xoa tay 30 cái, tập thể dục 5 phút rồi mới bắt đầu dạy. Ngày nào Thầy cũng bắt đọc bài thơ "*Nam Vang đu đủ đực anh ơi*". Chúng tôi không hiểu bài thơ đó có gì hay mà ngày nào cũng đọc, đứa nào không thuộc Thầy bắt quay mặt vô tường. Tuy hay đùa giỡn với học sinh nhưng khi vào bài chính thì Thầy dạy rất hay, những bài giảng Văn nghị luận về Kiều, Thầy phân tích rất sắc sảo, Thầy giảng về chữ Tài, chữ Mệnh và chữ Tâm. Thầy luôn luôn dặn phải lấy chữ Tâm làm đầu và sau môi bài giảng Thầy thường chốt lại mây câu bắt học trò phải học thuộc:

"Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài
Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần" .

Người để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng chúng tôi là Thầy Trần Tiếu, còn được gọi một cách trìu mến là Thầy Đốc Tiếu, vị Hiệu trưởng đầu tiên và là người có công lớn trong việc hình thành và xây dựng trường Trung học Bán công Quảng Phước, Thầy có tướng rất tốt, dáng ngủ đoản, mập tròn phúc hậu, Thầy có đôi mắt lé mại hiền lành nhưng vô cùng lợi hại. Thầy nhìn đi đâu học trò cũng tưởng Thầy đang nhìn mình nên đến giờ học của Thầy đứa nào đứa nấy ngồi im re không giám

nhúc nhích. Có một giai thoại vui trong giờ Pháp Văn của Thầy mà mỗi lần nhớ lại là chúng tôi không thể nhịn cười.

Hôm đó đến giờ trả bài. Thầy kêu anh Tr. đứng dậy chia Verbe Avoir. Lúc đầu anh đọc rất dõng dạc:

J'ai, Tu as, Il a

Đọc đến đó thì anh quên, anh đứng mãi không đọc tiếp được: mấy anh bạn ngồi gần nhắc:

- Nous avons, Vous avez, Ils ont

Mặc dù nhắc rất khẻ nhưng thầy vẫn nghe. Thầy la:

- Ê, mấy cái miệng nhóp nhép giống mấy lỗ khu gà, không được nhắc.

Rồi Thầy quay qua hỏi anh Tr.?

- Hôm học bài ni mi đi mô?

Anh Tr. ấp úng:

- Dạ… dạ thưa thầy con đi chạp

Thầy đập bàn:

- Rứa thì mi cứ đọc là Nous Nous xôi thịt!

Cả lớp cười òa và Thầy cũng cười theo. Chúng con nhớ Thầy lắm Thầy ơi! Chúng tôi cũng rất nhớ anh Tr., anh hiền lành dễ thương, bạn bè ai cũng quý mến anh.

Tuy lúc nào cũng mi tau và hay la rầy nhưng tình cảm của Thầy đối với chúng tôi thân thiết, gần gũi như người cha đối với con. Đối với bọn con gái chúng tôi Thầy luôn luôn ân cần nhắc nhở.

Con gái phải dịu dàng nết na. Phải nhớ câu "*Cái nết đánh chết cái đẹp*" đó . Thầy còn cho chép và bắt học thuộc lòng mấy bài "*Công Dung Ngôn Hạnh"* của cụ Phan Bội Châu:

Nữ ngôn:

"Làm người con gái ít nói là hay,
Gặp bạn gặp thầy lựa lời ứng xử

Nói cho đúng lẽ càng nói càng hay
Nói dông, nói dài là con gái dở
Gia đình mọi sự gốc ở đàn bà
Chị em chúng ta giữ gìn ăn nói".

Nữ hạnh:

"Gái cần có đức sắc chẳng kể gì
Đức hạnh đã hay tự nhiên tươi tốt
Bền lòng sắt đá ấy giá vàng mười
Nên sạch nên trong nên ngay nên thẳng
Khi đi khi đứng tề chỉnh khoan thai
Khi ăn khi ngồi êm đềm nhàn nhã
Giữ gìn mọi nết cốt phải nhân từ
Đủ cả mọi bề mới là hiền thục"

Dù ở thời đại nào, phong kiến hay dân chủ, cổ xưa hay hiện đại thì "Công Dung Ngôn Hạnh" vẫn luôn là biểu tượng cho một chuân mực đạo đức và nâng cao giá trị của người phụ nữ, vì vậy từ Đệ thất cho đến Đệ tứ trường đã ưu tiên cho nữ sinh chúng tôi học thêm về nữ công gia chánh với quý Cô Tôn Nữ Như Mai, Cô Lê Thị Hồng Vân và Cô Phan Thị Sáo.

Câu ca dao: "*Cơm Cha, Áo Mẹ, Chữ Thầy*" đã đi theo tôi suốt từ tuổi ấu thơ cho đến lúc trưởng thành. Đối với tôi không có Đạo nào cao hơn Đạo Hiếu và cũng không có tình nghĩa nào cao quý bằng tình nghĩa Thầy trò. Những câu cách ngôn, ca dao tục ngữ cùng những lời quý Thầy Cô dặn dò dạy bảo như đã ăn sâu vào tiềm thức, từ nền tảng đạo đức đó chúng tôi đã trở thành những con người tốt của gia đình và xã hội.

Muôn vàn tri ân quý Thầy Cô.

Ngô Thị Nhơn

Cựu học sinh trường Trung học Bán Công.Quảng Phước
Niên khóa 56-60

Đồng vọng



Khuya đêm trời đất nhiệm mầu
Ôm trăng ta ngủ quên đời phù du
Tam Giang dù nắng hay mưa
Ra đi vẫn nhớ tuổi thơ quê nhà
Nửa đêm mộng mị bồi hồi
Bỗng dưng ta thấy ta về thăm quê
Rú xưa cát trắng bạc ngàn
Vẵng nghe đâu đó tiếng xưa vọng về
Tam giang rú cát còn đây
Dấu xưa, bạn cũ biết đâu mà tìm ?
Thì ra "sắc" vẫn là "không"
Không không – sắc sắc bao giờ gặp nhau ?.
Hôm nay phiêu gót quay về
Thăm quê và cả khung trời hoa niên
Lòng quê chan chứa đất trời
Nửa đêm đồng vọng tiếng ai gọi mời .

MÂY LANG THANG

(GAI PHAN 2014)

THƯ MỜI

*Kính thưa Quý B*à con và Thân hữu
Sau bao năm bôn ba nơi xứ người ,sau mùa chinh chiến *đầy tang thương và nghiệt* ngã ,chúng ta hiện diện *nơi đây là một phước* báu *lớn lao được* thừa *hưởng từ những Đấng* Thiêng Liêng, Tổ Tiên, Ông Bà , *nơi chúng ta cất tiếng khóc chào đời, do đó chúng ta* không ai không khỏi bùi ngùi khi nhớ về *quê cha đất tổ* ,may mắn *chúng ta có tình Đồng Hương nơi xứ người Để đáp lại* tình cảm của bà con , Ái hữu *đồng hương* Sịa Hải Ngoại *sẽ tổ chức*

Đại hội Đồng Hương Sịa &Phụ cận kỳ 2

ngày 3,4 và 5 tháng 7 năm 2014 tại Nam California
Trân trọng Kính mời toàn thể *bà con Đồng hương Sịa* và phụ *cận cũng như các cựu học sinh các trường* tại Sịa ghi danh tham dự và xin quý vị khuyến khích con cháu tham dự *để* hậu duệ ghi nhớ nguồn gốc và quê *hương của mình Chương trình được tổ chức*

-Thứ năm - Ngày 03/07/2014 ,
Tiền hội ngộ , *địa điểm* thông báo sau

-Thứ sáu - Ngày 04/07/2014 , Hội ngộ chính thức
thời gian từ 9giờ *30 sáng đến* 3giờ 30 chiều, tại nhà hàng PARACEL SEAFOOD *số* 15583 _15589 BROOKHURST ST WESMINSTER , CA 92683
điện thoại nhà hàng 714 775 3077

- Thứ bảy -Ngày 05/07 /2014
Thăm viếng thắng cảnh miền nam California
Nếu được sự yêu *cầu và hưởng ứng của* bà con

Chúng tôi xin *gởi theo đây thư hồi* báo và vui lòng gởi hồi báo ***về trước ngày 20 tháng 5 năm 2014*** ,*để* Ban *tổ* chức có thời gian *sắp xếp chu đáo đón tiếp*
Trân trọng kính mời
Thay *mặt Ban điều* hành Ái hữu *ĐHS Hải* Ngoại
Lê Trực :

Ái hữu Đồng Hương Sịa Hải Ngoại

THƯ MỜI

Đại hội Đồng Hương Sịa &Phụ cận kỳ 2

ngày 3,4 và 5 tháng 7 năm 2014
Tại Nam California

Liên lạc

Nguyễn *đình Quế* 626 450 5767
Bành kim Lệ 562 881 3751
Lê văn Thẩm 714 468 6893
Nguyễn kim Chiến 562 726 9771
Lê Trực : 919 413 9688

GHI CHÚ

1/ *Mọi sự yểm trợ về* tài chánh xin *gởi về*
Tony Phan 10209 Rio Hondo PKWY ,EL MONTE ,CA 91733 - Cell **626 382 6978**
- Email : tonyphan91@yahoo.com
2/ **Vận chuyển**: ,
xin liên lạc với anh **Bành kim Lệ - 562 881 3751**
,3/ Về ***Lưu trú*** , ,*để* tiện việc *đưa đón* xin giới thiệu khách sạn **RAMADA PLAZA**
10022 Gardefn Grove CA 92844 *Số điện* thoại *để giữ phòng trước* có giá *rẻ* là **(714) 534 1818**
website: www.ramadaplaza-anaheim.net
4/ Về ***Văn nghệ***, xin email về **Hoàng Khiêu** vukhieu@yahoo.com - *điện* thoại949 200 0332
và **Lê Thẩm** minhquangthamle@yahoo.com
hoặc *điện* thoại 1 714 468 6893
5/Vui lòng báo tin cho quý bà con và những cựu học *sinh chưa có địa chỉ trong danh sách Đồng hương Sịa* hải ngoại *được biết, đồng* thời báo cho BTC *biết để gởi* thiệp mời

---

THƯ HỒI BÁO

Kính gởi BTC Ngày Đại Hội ĐHS và phụ cận kỳ 2
Chúng tôi là .....
Địa chỉ .....
Số phone .
Số người tham dự
1/Tiền hội ngộ ☐
2/ Hội ngộ chính thức ☐
3/ Du ngoạn và Dạ tiệc chia tay ☐
4/Linh tinh (cần ghi thêm)
.....
Ký tên

Thư hồi báo xin gởi về : **NGÔ HUỲNH**
5240 HAMMILL Rd EL MONTE CA 91732

Ghi chú quan trọng:vui lòng *cắt "Thư* hồi báo*"* trên , bỏ vào phong bì nhỏ *đính* kèm *để gởi về* BTC
















Cẩm Trang












Văn tiến Khanh


Lê thị Tườn Vy


Hoàng th Tánh


Duyên Tấn


Huế
Ngày nay mai mốt hè con gặp
Nhắn giùm cây lá vẫn còn xanh
Ước gì gặp lại thêm lần nữa
Dù chỉ ngắn ngủi Sịa vẫn đợi.
SỊA
29 Km
HỘI NGỘ
ĐỒNG HƯƠNG SỊA HẢI NGOẠI
04-07-2014


Chào Mừng
Đại Hội Đồng Hương
Sịa
Kỳ II
2014

Tiền hội ngộ





Nôn nóng gặp bạn bè, tạm thời gặp uống cà phê buổi sáng



Vị trí sẵn sàng đón tiếp phái đoàn tại nhà Kim Chiến





Bà con tề tựu





Bạn bè cùng gia đình đoàn tụ





Trưởng ban tổ chức tuyên bố khai mạc buổi tiền hội





Ban văn nghệ tập trung chuẩn bị cho ngày vui





Ca Sĩ quê hương





Thân hữu tâm tình





Thưởng thức văn nghệ và những món ăn quê hương





Các nhóm già trẻ quy tụ tâm tình





Từng cặp nhắc lại kỷ niêm xưa





Từng cặp tâm tình





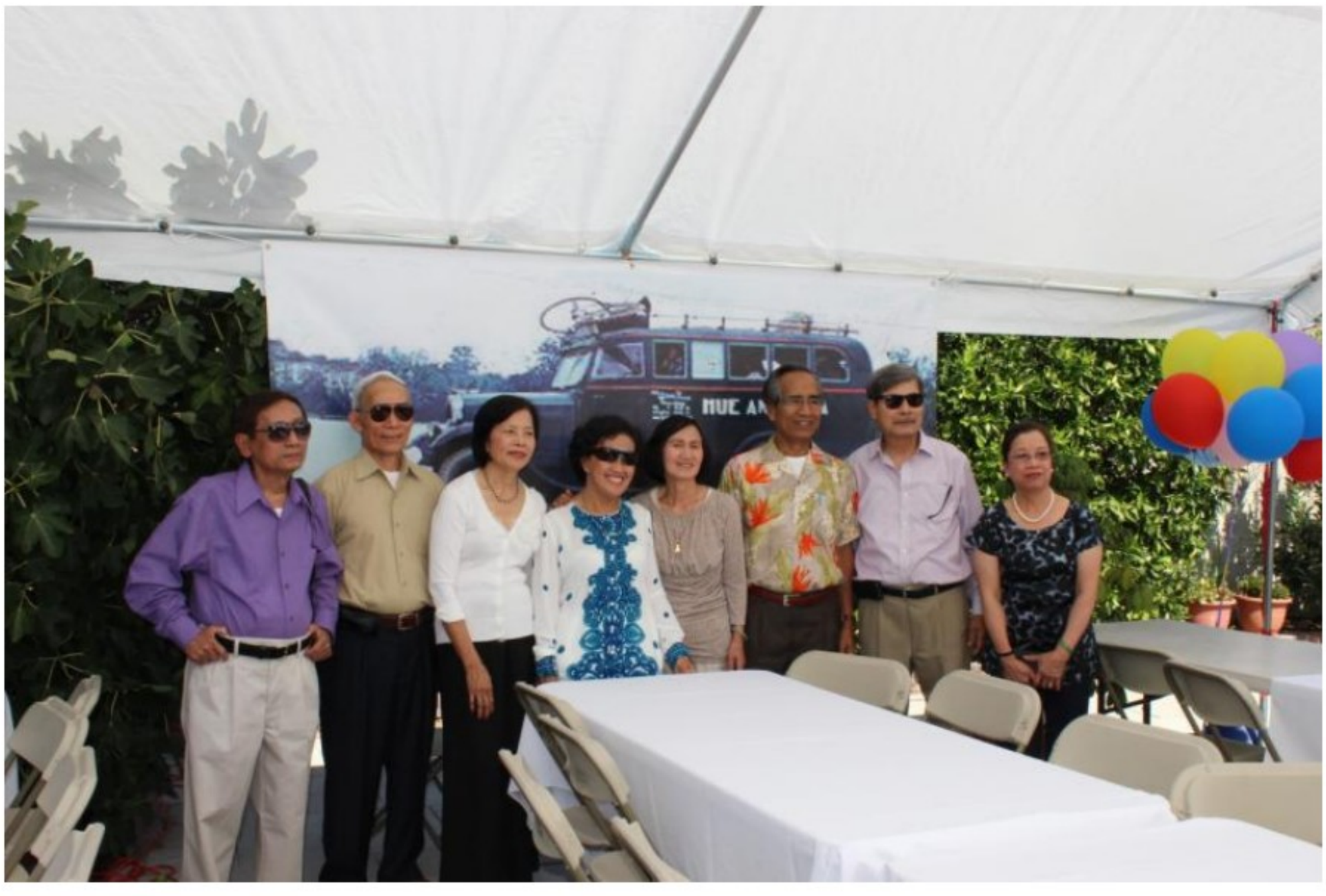
Từng cặp tâm tình





Mời mấy “En”& “O” lên xe Huế Sịa đi dự Hội ngộ





Phái đoàn chuẩn bị lên xe Huế Sịa đi dự Hội ngộ ngày mai



Thăm Sịa

Hạ trở mình ai về thăm Huế nhỉ ?
Chuyển dùm tôi về Sịa mảnh tình thư
Thư tôi viết không hay nhưng đượm ý
Ngầm bên trong nét bút lẫn ngôn từ

Đây rú Sịa thênh thang làn cát mịn
Bên kia bờ Đông Hải đẹp như mơ
Ngôi trường cũ xưa nay vẫn ngạo nghễ
Ai đi xa không nhớ Sịa bao giờ

Thương về Huế thương bao nhiêu cho đủ
Nhớ Tam Giang nhớ biết mấy cho vừa
Những con đường vương mang nhiều kỷ niệm
Vẫn còn đây trong ký ức xa mù

Em biết đó tình tôi sâu đậm lắm
Tình quê hương luôn cả gánh tình người
Dẫu cuộc sống bon chen nhiều khổ ải
Mà trong anh mộng đẹp vẫn còn tươi

Sẽ đáo Sịa thăm quê viếng luôn cảnh
Viếng người ta luôn cả mái nhà xưa
Để hương vị thơm tho bên chiều tím
Thoảng lên môi từng ngụm đón Giao Thừa

Shoreline .June /12/ 2005

Lữ Băng Tâm

Phan Lữ

ĐẤT LÀNH CHIM ĐẬU



Năm lên mười tuổi, tôi theo cha mẹ rời quê làng Đông Lâm tản cư về Sịa để lánh nạn chiến tranh. Năm đó (1951) là giai đoạn khốc liệt của cuộc chiến chống Pháp, làng tôi thuộc vùng kháng chiến nên thường bị trọng pháo từ đồn Tây An Lỗ nả về. Lâu lâu lính Pháp lại hành quân qua làng (gọi là Tây đi lùng), cứ mỗi lần như thế là nhà cửa trong làng hầu như bị đốt cháy tan tành. Trong vòng năm năm kể từ khi có chiến trận xãy ra, nhà cha mẹ tôi bị đốt cháy đến lần thứ ba là khánh tận luôn, cùng năm ấy chị và em gái tôi bị Tây bắn trọng thương trong một lần cùng mẹ trốn Tây, chạy về ẩn náu tại nhà ông Cằn ở dưới đồng Roi. Hết đường sống, nên cha mẹ tôi phải đành đọan rời khỏi quê nhà, dìu dắt con cái ra đi, chọn Sịa làm quê hương thứ hai để sinh sống và mong câu tương lai tôt đẹp hơn cho chúng tôi. Sịa lúc đó là nơi chốn yên ổn, lại có chợ ngủ xã sầm uất, thuận lợi cho việc bán mua kiếm kế sinh nhai. Nơi đây lại có nhà thờ đạo, có trường học dễ dàng lo việc tâm linh và anh em chúng tôi có cơ hôi đến trường học hành. Đặc biệt là lòng bác ái của một số bà con Sịa đã nâng đỡ gia đình chúng tôi trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn khi mới đến ngụ cư ở xóm nhà thờ Sịa. Tôi lúc đó chỉ là một thiếu niên lên mười, nhưng ký ức đã ghi đậm những ân tình của một số ân nhân đã tận tình giúp đỡ gia đình tôi trong giai đọan ngặt nghèo ấy, tiêu biểu như bác Côi đã cho gia đình chúng tôi ở nhờ nguyên cả một cái nhà ba căn trong một thời gian hơn ba năm trời, đến khi cha mẹ tôi có được mái nhà riêng mới dọn ra. Một tình nghĩa đầy cảm động khác là cạnh nhà tôi có bác Rớt (thân mẫu của chị Rơi, anh Lộc - Linh - Lợi) mỗi lần có mổ heo, bác đều để dành cho gia đình chúng tôi một nồi nước xít với ít thịt nạc, nấu cháo bột tựa ăn ngon tuyệt vời ...

Vì bài viết có hạn nên tôi chỉ xin nêu lên một vài trường hợp điển hình, nhưng trong tâm vẫn ghi nhớ tất cả những ai đã hỗ trợ tinh thần và vật chất cho gia đình chúng tôi vượt qua được khúc quanh khó khăn lúc bấy giờ.
Điều quý giá và tốt đẹp nhất cho anh em chúng tôi là được đi học, nhà chúng tôi ở giữa hai trường tiểu học công lập Khuông Phò và tư thục Thạch Bình, bản thân tôi từng là học sinh cũ của cả hai ngôi trường thân yêu đó. Từ lớp tư đến lớp nhì học trường Thạch Bình, lên lớp nhất được vào trường công lập Khuông Phò học hai năm vì năm đầu thi rớt bằng tiểu học nên phải học lại năm sau.
Theo tâm nguyện, cần có những bài viết để tri ân các tiền nhân sáng lập và các thầy cô giáo của hai trường đã hy sinh nhiều công lao trong quá trình giáo dục cho nhiều thế hệ con dân xứ Sịa được thành nhân thành tài. Trong ý tưởng đó, tôi hết sức cảm phục quý anh chị đã viết bài ghi lại lịch sử và dấu ấn trường tiểu học Khuông Phò, được đăng nơi đặc san Đồng Hương Sịa xuất bản trong mây năm gân đây. Nay với bài viết ngắn ngủi này, tôi chỉ xin ghi lại một số dữ kiện theo sự hiểu biết của tôi về trường tư thục Thạch Bình, ngôi trường đã đem lại thành công cho nhiều con dân Sịa.
Trường tiểu học tư thục Thạch Bình, còn có tên gọi ngắn gọn là "trường cha", cha đây là linh mục Hoàng Kính, chánh xứ Thạch Bình, người sáng lập trường. Thật tình tôi không biết trường khai sinh năm nào, nhưng kể từ khi theo cha mẹ về Sịa thì tôi được vào học lớp tư, có các bạn cùng lớp như Phan gia Hoà. Lê Anh, Trần vĩnh Diệp v.v... các lớp trên tôi có qúy anh như anh Lưu (Không Phò) anh Đơ tức Phan gia Hai, anh Lượng, anh Trân, anh Lộc (Thủ Lễ) anh Phát (Thạch Bình) anh Sáng, anh A (Tráng Lực) anh Huyền (Giang Đông) và còn nhiều anh nữa mà tôi không nhớ tên chính xác. Trường xây dựng bằng vật liệu bán kiên cố, mái lợp tôn, bàn ghế học sinh rất đơn giản, học phí cũng chỉ thu tượng trưng, học sinh nghèo như tôi không có tiền đóng cho trường cũng không bị đuổi học, các giáo viên lúc đó gồm các chú Trác, Trường, Hương, Mộ đều là tu xuất (tức là đã

từng học ở chủng viện, nơi đào tạo các chú trở thành linh mục tương lai, nhưng vì không đạt tiêu chuẩn nào đó nên phải ra khỏi chủng viện gọi là tu xuất), về sau trường mời các chị nữ tu dòng Dương Sơn như chị Đàng, chị Đồng, chị Đẳng, chị Thiên, chị Lịch, chị Hoàng, chị Hợi về giảng dạy thay các chú phải đi làm xa hay lên Huế học.

Năm 1957, linh mục Nguyễn Văn Đông về thay cha Hoàng Kính thuyên chuyển ra xứ Đại Lược, cha Đông đã mua lại thữa đất nhà ông Dậu kế cận trường cũ để xây dựng trường mới kiên cố và khang trang hơn. Từ 1957 đến 1975 trường được đổi tên hai lần là Phan Thiện, rồi Ly Băng, các giáo viên cũng được thay đổi bởi các chị dòng Kim Đôi (dòng Con Đức Mẹ Đi Viếng). Tuy là trường tư thục nhưng lúc này học sinh được miễn đóng học phí, các chị có nhiều kinh nghiệm, dạy học tốt cho con em nên được lòng qúy mến của giới phụ huynh cũng như các bậc thân hào nhân sĩ trong vùng.

Tôi nhớ có một sự kiện đau buồn xãy ra cho trường, đó là trong một lần các chị đem học sinh đi du ngọan ở phá Tam Giang, một em học sinh ngoan hiền, là cháu của thầy Thức làng Thạch Bình, vì mãi mê chơi đùa với nước, không may em bị sãy chân rồi chết đuối, khi hay tin chấn động như tiếng sét đánh ngang tai này, cha Đông như bị sốc, sững sờ như người bị tai biến vậy, một không khí căng thẳng buồn thảm phủ chụp xuống khu vực giáo xứ và nhà trường, nhưng rồi cũng qua đi trong an lành nhờ lòng nhân ái, tính bổn thiện cùng sự cảm mến đối với trường của gia đình nạn nhân nên mặc dù đau lòng thương tiếc trước sự mất con mất cháu, họ đều cảm thông bởi đó là chuyện rủi ro ngoài ý muốn nên đã không làm khó dễ gì cho nhà trường.

Phần anh em chúng tôi và có lẽ nhiều bạn bè cùng lứa có được cuộc sống như hôm nay hẵn là nhờ sự giáo dục căn bản từ tuổi trẻ của hai trường tiểu học tư thục Thạch Bình và công lập Khuông Phò, cũng như khi lớn lên vào bậc trung học hấp thụ thêm sự giáo dục tốt đẹp của hai trường bán công Quảng Phước và công lập Quảng Điền tại vùng đất lành xứ Sịa đầy yêu

thương này, nhờ đó mà đời sống được tương đối tốt đẹp như bây giờ.
Những dòng trên đây là lời tâm sự của tôi, xin được tri ân tất cả những ân nhân.

Trần Qùy
San Jose, bắc California 28/2/2016



MƯA HUẾ VÀ EM

Anh ở đây mùa đông trời không lạnh lắm
Em ở xứ Huế nằm trong chăn ấm
Có nghe trời xứ Huế mặc áo len
Nghe trời xứ Huế khóc không em
Anh ở đây sống trong niềm cô quạnh
Gió biển dịu trời nhưng vẫn lạnh
Mấy tuần rồi không nhận được thư em
Mấy tuần rồi là cả bóng trời đêm
Mùa cỗ độ trăng còn vờn trên gió
Trời mưa nhiều ướt sũng bước chân em
Anh muốn về giữ lại mái tóc mềm
Dìu em đi trên con đường phố nhỏ
Anh vẫn về dù không có gì đỗ vỡ
Đón em cười trở gót lá rơi nhanh

Phan văn Minh
(Mùa cỗ)



Lúc 9giờ30 ngày 4 tháng 7 năm 2014 buổi họp mặt bắt đầu





Bà con Sịa tề tựu





Ô.Nguyễn Đ Qué TBTC đọc diễn văn kai mạc buổi hội ngộ



^ Giới thiệu ban tổ chức và cắt bánh mừng Hội ngộ >





Bản hợp ca bắt đầu cho chương trình văn nghệ





Chương trình văn nghệ hấp dẫn, với nhiều tiết mục đặc sắc





Vợ chồng trưởng ban văn nghệ song ca





Trao quà T.P.Binh cho Bà Hạnh Nhơn hội trưởng hội HO



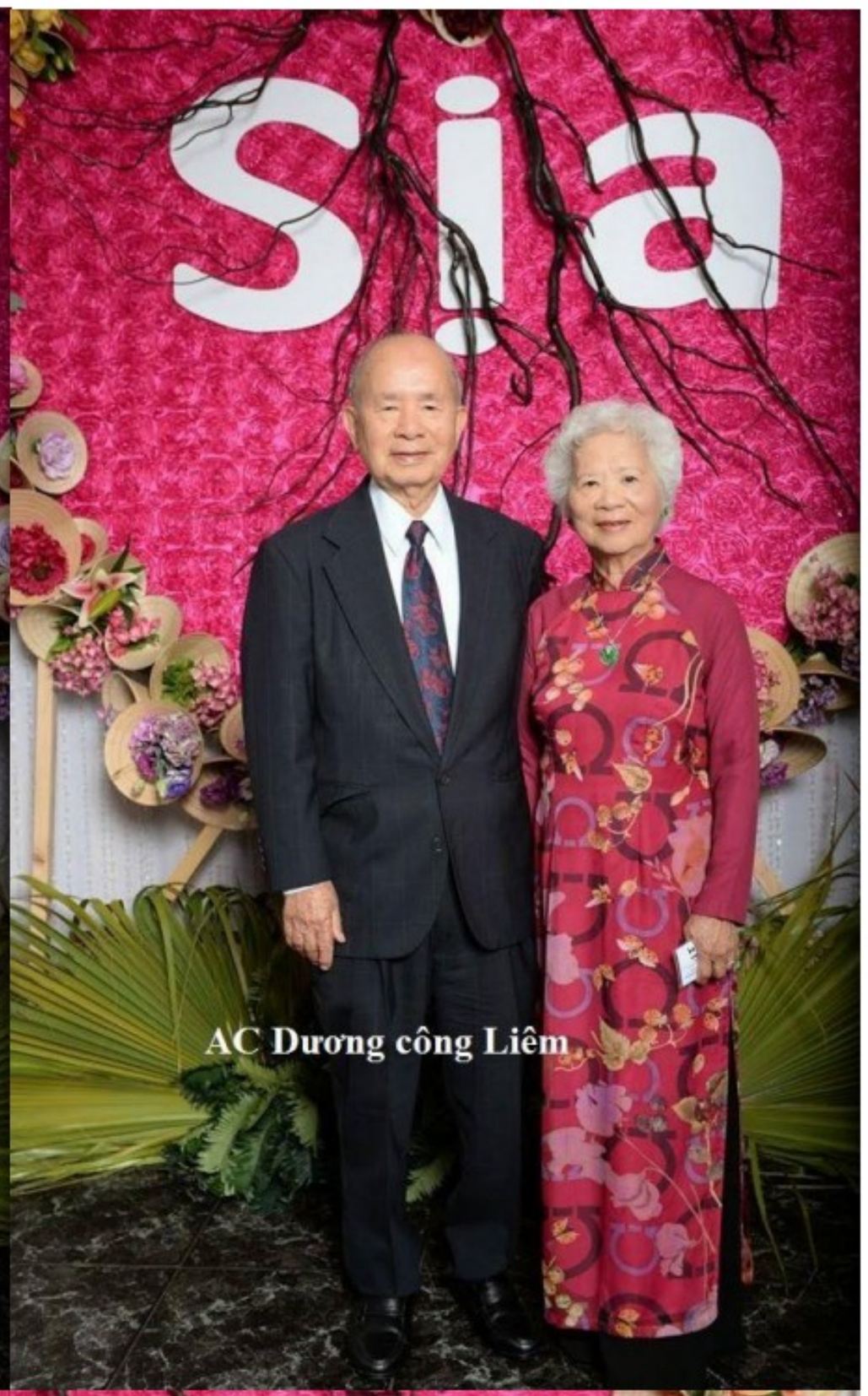
Vài nhóm thân tình



Đồng hương chụp hình lưu niệm




AC Bùi xuân Triêm


AC Dương công Liêm




Sịa
Sịa
Sịa
Sịa


Sịa
AC Nguyễn hữu Chí


Sịa


Sịa







Anh Trần In và Dương công Liêm


Hoàng Hồng & Thái quang Ty
AC Lê Hiến
Ban tiếp tân:Khác, Vấn, Hội


Sịa
Sịa
Sịa
AC Hội Châu
AC Hồ đăng Lăng


Sịa
AC Nguyễn chí Thăng


Sịa
AC Ngô Hóa




Sịa
AC Võ Đình Tiên


Sịa
AC Phan Tó


Sịa


Sịa
Sịa
Sịa


Sia
AC Lê tất Biên


Sia
07/04/2014


Sia
07/04/2014


Sịa
Sịa




Sịa
Sịa
Sịa
Sịa


Sịa
Sịa
Sịa


Sịa
AC Trần Đờn


Sịa


Sịa
07/04/2014


Sịa
Sịa
Sịa
Sịa


Sia


Sia


Sia


Sia


Sia


Sia

Hậu hội ngộ



tại nhà Duyên Tấn









Tại nhà hàng









Họp bỏ túi tại nhà anh Tô







Lời cuối

Quê Hương, một thời để nhớ

Sống trên đất khách quê người, mấy ai không bùi ngùi khi nhớ lại những ngày của tuổi thơ trên quê hương mình

Ai cũng có một tuổi thơ của riêng mình. Một miền ký ức xa xôi.Và, dẫu biết rằng tuổi thơ đã qua đi không bao giờ trở lại, nhưng ta vẫn thèm được một lần đặt bước chân lại về tuổi thơ. "Cho tôi một vé về miền tuổi thơ" Để thỏa sức quẫy đạp, rong chơi, để cựa mình là có thể chạm vào nó, để hít thở nhẹ là cảm nhận được nó đang có trong máu thịt của ta. Mơn man, dịu nhẹ, lan tỏa…

Tuổi thơ đã đi qua không bao giờ trở lại. Và dù nó chỉ đến một lần trong đời nhưng đã để lại trong ta biết bao kỷ niệm êm đẹp. Để bây giờ mỗi khi chạm tay vào ký ức, lòng lại bồi hồi như ta đang đi giữa tuổi thơ. Nhiều lúc thấy tiếc nuối, ngậm ngùi rồi lại trách thời gian sao nỡ đi quá nhanh.

Lúc ta chưa kịp nhận ra tuôi thơ lại đẹp và đáng quý đến như vậy thì khi buông tay, nó đã trôi xa về miền ký ức. Đúng như người ta vẫn thường nói, con người ta chỉ thực sự nhận ra giá trị của một điều gì đó khi ta đã đánh mất nó.

Vì những lý do đó Hội ái Hữu Đồng Hương Sịa Quảng Điền đã ra công tổ chức những buổi hội ngộvà phát hành đặc san để bà con gởi gắm những kỷ niêm thời ấu thơ của mình
Ban biên tập Đặc san "Sịa quê tôi 2" xin chân thành tri ân quý anh chị đông hương Sịa , quý thân hữu , quý tác giả đã đóng góp tài chánh , bài vở, bỏ nhiều công sức và thì giờ để đặc san đến được với bạn đọc bốn phương.
Vì số trang có hạn , một số bài không kịp chọn đăng trong số này, xin quý anh chị và các bạn thông cảm. Chúng tôi vẫn mong sẽ có cơ hội để ra mắt đặc san số sau
Mặc dù không chuyên nghiệp, nhưng ban biên tập hết sức cố gắng, dùchúng tôi biết vẫn còn nhiều thiếu sót trong việc in ấn, những lổi phạm về chính tả, lổi đánh máy và layout v..v.. kính xin quý tác giả và bạn đọc bỏ qua cho.
Sau hết Ban biên tập đặc san Sịa quê tôi xin kính chúc bà con đồng hương Sịa cùng bạn đọc gần xa những khoảnh khắc thật thú vị bên những trang Sịa quê tôi 2, nồng ấm tình quê hương mà một thuở chúng ta đã ôm ấp quá nhiều kỷ niệm.

Trân trọng chào tạm biệt
Chủ nhiệm
Lê Trực

Mục lục

2	Lá thư chủ nhiệm	Lê Trực
3	Góp mặt	BBT
4	Ban điều hành 2014-2016	BBT
6	Mời bạn	Con dân Sịa
7	Gái Sịa	Bùi Kim Chi
11	Thành phần BTC kỳ 2 2014	BBT
12	Diễn văn khai mạc ĐH 2014	Nguyễn Đình Quế
17	Hẹn gặp lại ở Texas	Các kỳ Tâm
18	Làng Thạch Bình-Tráng lực Đông	Lê văn Thận
25	Tình già	Phan văn Minh
26	Mỹ từ Sịa	Lữ băng Tâm
28	Quảng Điền- hoài niệm và ước mơ	Ngô thời Đôn
33	Gánh gạo nuôi con	Nguyễn hữu Chí
35	Cờ vàng tổ quốc	Lê Hiến
36	Những đức con của Sịa	Lê văn Thẩm
43	Nhớ Sịa	Võ Kim Thoa
44	Gia đình Phật tử Sịa	Lê Khương
48	Nhớ Trung thu	Võ đình Tiên
49	Chiếc xe rè	Châu Tráng lực
52	Nhớ quê	Hồ đăng Ấn
54	Thần tượng của một chú bé Sịa	Võ tam Anh
60	Ngậm ngùi	Mây lang Thang
61	Tháng Ngày Qua	Áo Tím
65	Giọt Trăng	Quang Hà
67	Dòng Sông Thơ Trẻ	Nguyên Đạt
73	Xuân Lưu Xứ	Nguyên Đạt
74	Mẹ tôi, trường tôi và chợ Sia	Ngô thị Hòe

77	Tản mạn về món ăn ngon ở quê tôi	Ngô thị Nhơn
82	Khi Ta Đi	Nguyễn đình Niên
84	Những bước ngoặc khó quên	Lê đình Loan
94	Thương Về Chú Võ Đình Lâm	Cháu Nhạn Võ
95	Đối	Ngô Chân
96	Khám bệnh b hợp pháp hợp pháp	Ngô Chân
101	Tản mạn về đời sống con người	Hoàng Khiêu
110	Tháng Bảy Vu Lan	Võ đình Tiên
113	Phá Tam Giang - Thuở mây trắng	Lê Quang Tế
118	Cũng hôm nay	Phan văn Minh
119	Em tôi xinh	Phan văn Minh
121	Chia xẻ chuyện đời tôi	Thái quang Tăng
124	Mùa tạ ơn năm 2013	Trần hà Thanh
135	Hoài hương	Lê Hiến
136	Trở về cố hương	Võ tam Anh
144	Chuyện tình hoa sim tím	Lê văn Thẩm
145	Tỉnh ngộ	Các kỳ Tâm
146	Kỷ Niệm Tuổi Học Trò	Áo Tím
148	Văn Hài Vua Tự Đức	David Nguyễn
151	Về quê	Phan Tô
154	Miền ký ức	Ngô thị Nhơn
161	Cảm Niệm	Áo Tím
163	Giới thiệu bộ tự điển	Nguyễn hy Vọng
168	Danh sách ĐH ủng hộ CMX 2015	Ngô Huỳnh
173	Tường trình Cây MX Mùi 2015	Ngô Huỳnh
183	Thư cám ơn	Nguyễn Thanh
184	Vui cười	David Nguyễn
185	Sịa, quê hương tôi	Lê quốc Toản
191	Nồi cháo gạo đỏ	Ngô thị Hòe

193	Ký ức về Lời ru của mẹ năm xưa	Ngô Chân(ST)
198	Chỉ có 2 điều thôi	Sưu tầm
199	Tôi đi lính VNCH	Lê văn Thẩm
228	Văn tế tháng Bảy	Võ đình Tiên
231	Ngày vui công viên	Áo Tím
235	Hai con cua luộc	Nguyễn văn Hội
240	Thư Ngỏ	Nguyễn hữu Lợi
243	Cá gỗ,	Cá sắt Võ tam Anh
247	Mười câu thơ sáu tám	Lê văn Thẩm
248	Người lính năm xưa	Trần hà Thanh
256	Thưa thầy bốn chục năm rồi	Quang Hà
257	Tim Tím Màu Thương	Áo Tím
259	Báo cáo chi thu	Phan Tô
263	Lời ru đồng vọng	Lữ băng Tâm
265	Tôi đi “chự ló”..	Bốp
271	Nhớ Sịa	Lê văn Thận
272	Sịa Thân Yêu	Lê văn Thận
273	Danh sách đồng hương Sịa	Lê Trực
292	Nhớ Mẹ Hiền	Áo Tím
294	Nhớ Thầy	Ngô thị Nhơn
302	Đồng vọng	Mây lang Thang
303	Hình ảnh tiền hội ngộ ĐHS Sịa kỳ 2	BBT
321	Thăm Sịa	Lữ băng Tâm
322	Đất lành chim đậu	Trần Quỳ
325	Mưa Huế và em	Trần văn Minh
326	Hình ảnh ngày hội ngộ ĐHS kỳ 2	BBT
359	Lời cuối	Lê Trực
361	Mục lục	BBT

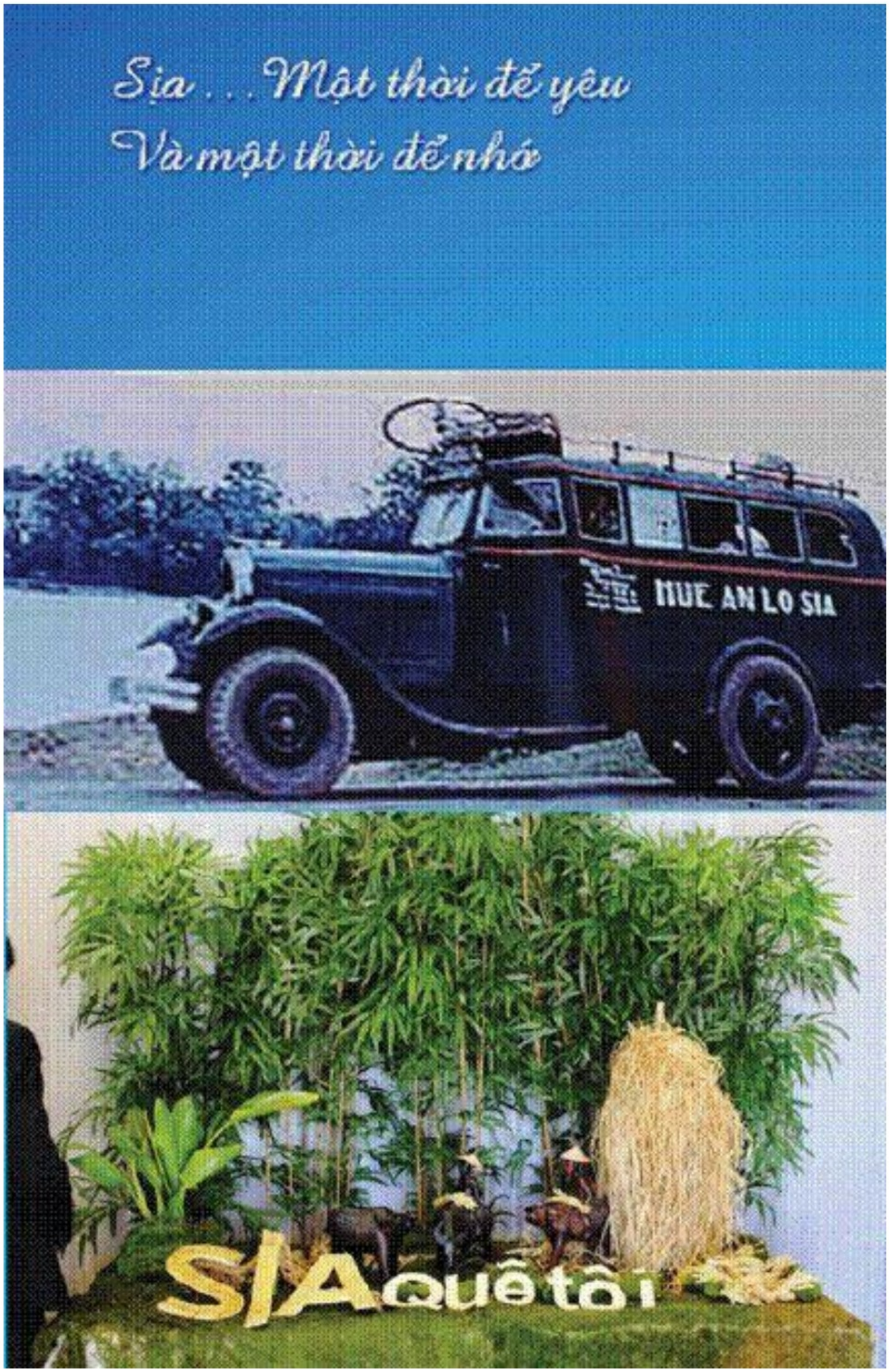
Băn Điều hành Đồng Hương Sịa

Cùng Ban biên tập

Đặc san Sịa quê tôi 2

Xin chân thành cảm tạ Quý Đồng Hương đã yểm trợ tài, vật lực trong những kỳ đại hội cũng như bài vở cho đặc san hoàn thành viên mãn

Chào tam biệt


Sịa . . . Một thời để yêu
Và một thời để nhớ
HUE AN LO SIA
SIA Quê tôi